CHÍ-SĨ

# NGUYỄN QUANG DIÊU

THI CA VÀ CUỘC ĐỜI

MỘT LÃNH TỤ TRỌNG YẾU TRONG
PHONG-TRÀO ĐÔNG DU MIỀN NAM

Tựa của NGUYỄN-HIẾN-LÊ

NGUYỄN-VĂN-HẦU

XÂY-DỰNG —

# BÁO CHÍ
## PHÊ-BÌNH TÁC-GIẢ
### qua cuốn
## "THUẬT VIẾT VĂN"

● «... Sách viết công phu, gọn-gàng và đầy đủ, giúp ích nhiều cho các học-sinh và các bạn hiếu học...»

**Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục**
**Văn-Hóa Nguyệt-San**
**Số 59, tháng 3-4, năm 1961**

● «... Không những là nhà văn, tác giả Nguyễn văn-Hầu còn là nhà giáo, có lẽ vì thế mà tác-phẩm của ông bố-cục theo phương pháp biên-soạn cổ-điển của học đường, nhằm đối tượng độc-giả là các học sinh của ông. Tuy nhiên, nói vậy tôi không có ý đóng khung giá-trị tác-phẩm. Vì theo ý tôi, không những chỉ có các em học-sinh, hoặc những Bạn mới tập viết văn nên đọc cuốn sách này; mà thật ra ngay cả những vị đã «nhiều phen múa bút» cũng nên đọc kỹ tác-phẩm này để trau-dồi tiếng Việt. Chỉ kể nội hai chương sách xét về những lỗi chính tả và cách chấm câu cũng đủ tạo cho cuốn sách này một giá trị đặc biệt rồi...»
Ý kiến của **Tin sách : Sách hay.**

*Chí - Sĩ*

**NGUYỄN - QUANG - DIÊU**

NGUYỄN - VĂN - HẦU

# CHÍ - SĨ
# NGUYỄN-QUANG-DIÊU

MỘT LÃNH-TỤ TRỌNG-YẾU TRONG PHONG-TRÀO
ĐÔNG-DU MIỀN NAM

TỰA CỬA
NGUYỄN - HIẾN - LÊ

XÂY DỰNG

**Cụ NGUYỄN-QUANG-DIÊU**

*(Họa-sĩ Hà-Khê vẽ theo tường-thuật của môn-sinh Nguyễn-Chính-Giáo)*

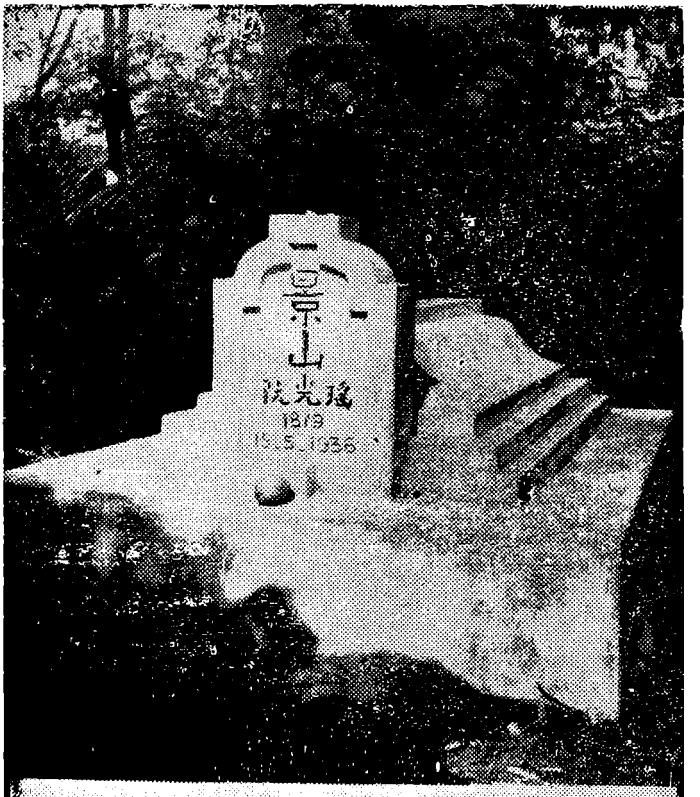


Mộ Cảnh-sơn Nguyễn-quang-Diêu
trùng tu năm 1957

## CÙNG MỘT TÁC GIẢ

**Đã xuất bản :**

— TIẾNG QUYÊN (*Thơ*) (Hết) 1953
— CHÍNH QUÂN YẾU LƯỢC (Hết) 1955
— THẤT SƠN MẦU NHIỆM
(*viết chung với Dật-Sĩ*) (Hết) 1956
— CUỘC KHỞI-NGHĨA BẢY-THƯA
Tân-Sanh xuất-bản 1956
— VIỆT SỬ KỊNH-NGHIỆM
(*viết chung với Lạc-Tử*) Hồn-Quê xuất-bản 1956
— VIỆT-NAM TAM-GIÁO SỬ ĐẠI-CƯƠNG
Phạm-Văn-Tươi xuất-lbản 1957
— NHỮNG LỖI THÔNG-THƯỜNG TRONG THUẬT VIẾT VĂN
Tự-do xuất-bản 1960
— CHÍ-SĨ NGUYỄN-QUANG-DIÊU
Xây-Dựng xuất-bản 1964

**Đã soạn xong :**

— NỬA THÁNG VÒNG QUANH THẤT-SƠN
(*loại du-ký và biên-khảo*)
— LỊCH-SỬ XÃ-HỘI VIỆT (4 cuốn) (*loại giáo-khoa*)
— ĐỂ NÊN NGƯỜI (*loại tự-học*)
— NHỮNG GƯƠNG SÁCH TRÊN LỊCH SỬ (*loại tùy bút*)

**Đang soạn :**

— VĂN-CHƯƠNG MIỀN NAM
— THOẠI-NGỌC-HẦU
— NHỮNG ĐIỀU BẤT NHẤT TRONG VĂN-HỌC VIỆT-NAM CẦN ĐƯỢC GIẢI-QUYẾT

# Tựa

*Lần đầu tiên đặt chân lên đất Sài-gòn, tôi ngán « Hòn ngọc Viễn-Đông » nầy quá. Đủ mọi giống người hỗn-tạp đa, số là con buôn ; nóng, bụi và ồn ; muốn kiếm một chỗ thanh-tĩnh, có chút cổ-tích để ôn lại dĩ-vãng thì không biết kiếm ở đâu ; và suốt ngày thâu đêm chỉ thấy người ta ăn uống, đánh tứ-sắc và ca vọng-cổ.*

*Cũng may, lần đó tôi chỉ phải ở Sài-gòn có nửa tháng rồi được phái ngay xuống Lục-tỉnh. Trong hai năm liền tôi đã đi khắp miền Tây tới đâu tôi cũng nhận xét dân tình và tôi mừng rằng sinh-lực của Nam-Việt nầy còn mạnh lắm. Nó không hiển-hiện ở các đô-thị như Sài-gòn — Chợ-lớn mà dào-dạt, cuồn-cuộn ở khắp thôn quê, trên bờ những con rạch mát rượi bóng dừa, trên những cánh đồng bát-ngát điểm bông sen và bông súng. Dù ở Cần-Thơ, Rạch-Giá hay Sa-Đéc, đâu đâu tôi cũng thấy dân quê chất-phác và đôn-hậu, giữ được cái truyền-thống của tổ-tiên hơn cả dân quê miền Bắc.*

*Lạ lùng thật ! Nam-Việt là đất mới, lại chịu ảnh hưởng của Pháp sớm hơn Bắc-Việt mà cổ-tục ở đây được bảo-tồn hơn ở ngoài kia. Cơ hồ như nông-dân nào cũng nhớ được nhiều tích cũ, thuộc được ít câu trong* **Minh tâm bảo giám** *; họ hiếu-để, biết kính trọng các nhà Nho ; mà nhà Nho ở đây cũng đáng cho họ trọng : có lễ-độ, có tâm-hồn, một số có khí-phách nữa.*

*Tôi đã vào những nhà sàn ba gian lợp ngói hay lá, thấp lè-tè, tối om om, và tôi thấy nhà nào căn đẹp nhất cũng dành cho việc thờ phụng tổ-tiên, mà những đồ trang hoàng đẹp nhất cũng là những đồ thờ ; bên cạnh bàn thờ tôi lại thường thấy treo hình các cụ Phan-Bội-Châu, Phan-Chu-Trinh. Chủ nhân luôn luôn nhã-nhặn tiếp đãi tôi và khi thấy tôi chăm chú nhìn các đôi câu đối, đoán rằng tôi biết chút ít chữ Hán thì không e-dè gì cả, đọc cho tôi nghe thơ văn các nhà cách-mạng hoặc hỏi tôi còn nhớ truyện Mã-Chí-Ni, Gia-Lý-Ba-Đích (1) trong bộ* **Ẩm-băng** *của Lương-Khải-Siêu hay không. Các nhà Nho đó rất nghiêm khắc : con đã đi Tri-huyện rồi, các cụ cũng nọc ra mà đánh ; đậu kỹ-sư rồi mà các cụ bắt đi chăn trâu trong khi đợi bổ ; và khi các cụ khuyên bảo điều gì thì dân làng răm-rắp tuân theo, hơn là tuân lệnh chủ-quận.*

*Cái sinh-lực của Nam-Việt là ở đó : hạng cựu trí-thức vẫn giữ được phong-độ, được dân-chúng kính mến và tin-tưởng ; nhờ vậy mà hạng tân trí-thức chưa đến nỗi vong bản, và giữa các giới có một tinh-thần đoàn-kết ngấm-ngầm chống lại với Pháp. Thành thử sau tám chục năm cai trị, ảnh-hưởng của Pháp ở đây chỉ như một lớp sơn, chưa ăn sâu được vào quần-chúng.*

★

*Khắp mấy tỉnh phía Tây tôi mến nhứt miền từ Hồng-Ngự tới Cao-Lãnh, một phần vì tôi biết rõ miền này hơn hết.*

*Từ Hồng - Ngự, xuôi dòng sông Tiền - Giang lần lượt hiện ra những bụi tre rậm-rạp, những vườn gòn lưa thưa, những cồn cát hiu-hiu, những ruộng dâu xanh mướt, những hàng sao nghiêm-trang sau những hàng dừa yểu-điệu, và bất giác ta ngâm lên những vần*

(1) Tức Mazzini và Garibaldi, hai nhà ái-quốc Ý.

*thơ của Thôi-Hạo trong bài* **Hoàng-hạc lâu** *và của Huy-Cận trong bài* **Tràng-giang**.

*Tới Tân-Thuận và Cao-Lãnh, ta được cảnh vật tưng bừng tiếp đón : dưới rạch ghe xuồng chen chúc mà trên bờ nhà cửa san-sát, mận xòa trên mặt nước, xoài rủ ở trên đầu, quít thì đỏ ối mà nước thì trong xanh ; con gái đã đẹp, nổi tiếng nữ công nữ hạnh mà con trai lại hay chữ và có chí-khí.*

*Cảnh chẳng những đẹp mà còn hùng. Con sông Tiền-Giang ở những chỗ đầu cồn và cuối cồn rộng có tới hai ba cây số, gặp mùa lụt lớn như vừa rồi, nước băng-băng chảy, ngập cả vườn tược, đồng ruộng, trên phi-cơ nhìn xuống người ta chỉ còn thấy một biển nước bao-la trải ra từ biên-giới Cao-Miên tới vịnh Thái-Lan, trên đó lô lên những ngọn cây và mái nhà. Mùa nắng, nếu ta ghé vào tả ngạn, từ Hồng-Ngự tới Phong-Mỹ, bất cứ nơi nào rồi đi sâu vô dăm ba cây số là gặp ngay một cảnh hoang-vu đáng làm đầu đề ngâm vịnh cho các thi nhân phái biên-tái đời Đường : một khu rộng mấy chục cây số toàn lau, sậy, bàng, lát, trên là ánh nắng gay gắt, dưới là bùn lầy, không có một bóng người nhưng vô số rùa, rắn, đỉa, muỗi... Xưa kia, đây là đất dụng võ của Thiện-hộ Dương mà gần đây nó vẫn còn là đất tụng-hoành của nhiều trang hảo-hán. Thực dân Pháp ít khi phái lính vô nhưng luôn luôn họ gờm cái miền này nên đặt nhiều trạm do thám bao vây ; riêng tôi biết được ba trạm ở Cao-Lãnh, Chợ-Thủ và Chợ-Mới.*

*Biết rõ địa-lý miền Hồng — Cao đó rồi, độc-giả sẽ hiểu tại sao nó là nơi phát-sinh ra nhiều nhà cách-mạng. Nhờ có những khu phì nhiêu mà sự học mới phát đạt và Cao-Lãnh từ xưa vẫn nổi tiếng là đất văn-vật. Hán học thịnh, gây được một truyền-thống đạo-nghĩa, ái-quốc ; truyền-thống đó dễ giữ được vì miền này hẻo*

*lánh, ảnh-hưởng của Pháp khó tới (hồi xưa chưa có ca-nô, xe-hơi, phải chèo xuồng từ Đốc-Vàng qua Long-Xuyên mất một ngày, lên Saigon mất một tuần); rồi lại nhờ cảnh thiên-nhiên hoang-vu, hùng-vĩ, người ta phải phấn-đấu, quen xông pha, biết đoàn-kết; sau cùng nhờ có cánh đồng Tháp ở ngay sau nền nhà (1), người ta muốn trốn lúc nào cũng được, nên tinh-thần chống Pháp lại càng mạnh.*

*Vì vậy, vào khoảng 1907-1908, khi Phong-trào Đông-du nổi lên ở Nam-Việt thì miền Cao-Lãnh hưởng-ứng liền. Ít năm sau, Pháp bắt cụ Dương-Bá-Trạc an-trí ở Long-Xuyên, cụ Võ-Hoành an-trí ở Sa-Đéc, rồi do một sự tình cờ, cụ Phương-Sơn cũng trong Đông-Kinh nghĩa-thục, lựa ngay miền Đốc-Vàng để ẩn náu; và các nhà Nho có tâm-huyết ở miền Hồng — Cao ngẫu-nhiên mà được gần một số đàn anh ở đất Bắc, tinh-thần càng thêm phấn khởi. Từ Cao-Lãnh tới Hồng-Ngự, không làng nào không có một vài nhà cách-mạng bị Pháp trốc-nã hoặc ghi tên vào sổ đen. Riêng làng Đốc-Vàng-Thượng tôi đã biết bốn năm nhà; ở Cao-Lãnh, con số chắc còn cao hơn. Những hoạt-động của các nhà đó, dân-chúng đều biết, các hương-chức càng biết rõ hơn nữa, nhưng tôi đã nói dân ở đây biết đoàn-kết, biết trọng truyền thống, nên kẻ nào dù không tán đồng, cũng không mặt mũi nào tố-cáo, và Pháp khi hay được mà ra tay thì thường là muộn.*

★

*Kiệt-hiệt nhất trong số đó là cụ Nguyễn-Quang-Diêu.*

*Lần đầu tiên được nghe một ông bác kể chuyện cụ, tôi thán phục nhà cách-mạng gan dạ ở Cao-Lãnh đó. Hôm nay, đọc tác-phẩm của ông Nguyễn-Văn-Hầu, tôi*

---

(1) Bốn chục năm trước, người ta mới khai phá được vài trăm thước vô sâu theo mặt tiền sông Cửu-Long, ven đồng Tháp.

*càng ngưỡng-mộ cụ. Năm 1913 cụ cầm đầu một phái đoàn, đi lén cách nào không biết, qua Hương-Cảng, chưa kịp hoạt-động thì bị Pháp bắt, đưa về giam ở khám lớn Hà-Nội, rồi đày qua Guyane (Nam-Mỹ). Vài năm sau cụ vượt ngục, trốn qua đảo Trinidad của Anh, cuối năm 1920, trở về Hương-Cảng, tìm cách tiếp xúc với cụ Nguyễn-Hải-Thần, năm 1926 tình nguyện trở về hoạt-động ngay ở trong nước.*

*Về tới Sa-Đéc, cụ vô thăm cụ Võ-Hoành. Cụ Võ sai người đón vợ con cụ Nguyễn ở Cao-Lãnh tới để gia đình gặp mặt nhau. Sau mười mấy năm xa cách, ai trong cảnh đó mà chẳng cảm-động, quyến luyến. Vậy mà cụ chỉ khảng-khái khuyên cụ bà một câu :*

**« Tôi tưởng bỏ thân nơi đất lạ, may mà được về đây ; mừng rỡ gặp nhau như vầy cũng là quý lắm. Thôi bà trở về lo-lắng nuôi con, còn phần tôi, bao giờ việc nước chưa xong thì chắc tôi chưa sum vầy với gia-đình được.»**

*Sao mà tinh-thần của cụ giống tinh-thần cụ Phan-Bội-Châu đến thế !*

*Rồi cụ hoạt-động ngay ở quê nhà mới là gan cho chứ. Suốt mười năm sau, luôn cho tới khi mất, lúc thì dạy học, lúc thì làm thuốc, khi nằm dưới ghe, khi trọ ở chùa, cụ liên-kết các đồng-chí, tuyên-truyền trong đám thanh-niên, nhất là đám nông-dân ở các tỉnh Cần-Thơ, Long-Xuyên, Tân-An, Trà-Vinh, Bến-Tre..., nhưng khu-vực chính vẫn là miền Hồng — Cao, vì miền nầy từ địa-thế đến dân-tình, đều thuận-tiện cho công việc cách-mạng, như tôi đã nói. Thành thử miền Hồng-Cao giữ một địa vị đặc-biệt trong đời cụ : cụ sinh ở phía Nam miền đó — làng Tân-Thuận — hoạt-động khắp miền đó, rồi quy tiên ở phía Bắc miền đó — làng Vĩnh-Hòa, tại biên-giới Việt-Miên. Ta ít thấy nhà cách-mạng nào mà đời sống mật-thiết với quê-hương như vậy.*

*Cụ mất năm năm rồi, tung-tích mới bại-lộ và viên chủ-tỉnh Châu-Đốc nổi giận, hạ lệnh ngưng chức luôn một lúc ba người trong ban hội-tề làng Vĩnh-Hòa. Tinh-thần của dân miền Hồng — Cao đáng quý thật. Mà cụ không phụ tấm lòng của họ, suốt đời khí-tiết không đổi.*

*Cũng như các đồng-chí của cụ thời đó, cụ đã thất bại. Nhiệt huyết và can-tràng thì có dư mà kỹ-thuật cách mạng thì còn thiếu. Mà thời-cơ cũng không thuận-tiện. Nhưng xét về phương-diện kế vãng khai lai thì cụ đã thành công. Tôi chắc rằng những bài thơ cách-mạng của cụ đã nung chí cho nhiều người, và tôi cũng chắc rằng trong đám môn-đồ của cụ, thế nào chẳng có một số đã hăng-hái vác tầm vông đuổi Pháp khi Pháp được Mỹ ngầm giúp, theo gót Anh, đổ bộ lên đây để toan tái chiếm xứ mình.*

★

*Đời cách-mạng của cụ gồm một phần tư thế-kỷ mạo hiểm và hy-sinh ; thơ văn của cụ, Nôm có, Hán có, giọng rất nồng-nàn ; mà danh của cụ thì ngoài miền Hồng-Cao ra, ít ai được biết. Trong những sách biên-khảo về các phong-trào cách-mạng ở miền Nam, tôi chưa thấy cuốn nào ghi tên cụ. Cụ chẳng cần người sau biết cụ, nhưng chúng ta là người sau, có bổn-phận ghi chép tiểu-sử của cụ để lưu lại một tấm gương cho người sau nữa. Chúng ta nên cảm ơn ông Nguyễn-Văn-Hầu đã làm công việc đó thay chúng ta.*

*Ông Hầu quê ở Cù-Lao Cieng, khoảng giữa miền Hồng—Cao, hồi nhỏ có lần nuôi cái mộng được làm học trò của cụ, lớn lên luôn luôn tưởng niệm cụ, gần đây bỏ ra mấy năm điều-tra, phỏng-vấn, rồi thu thập tài-liệu về đời cụ cùng thi văn của cụ mà soạn nên cuốn nầy.*

*Phần tiểu-sử đầy đủ và đáng tin : ông thận-trọng so-sánh, cân nhắc kiểm-soát tài-liệu, rồi trung-thực ghi lại,*

*không tiểu-thuyết-hóa câu chuyện, chỗ nào có nhiều thuyết khác nhau thì tồn nghi.*

*Phần thi văn cũng đáng quý: thi văn của cụ đồn rằng rất nhiều, nay còn lại khoản trăm bài, lời tuy không chuốt — nhà cách-mạng chí đâu ở làm thơ? — nhưng một số bài có giá-trị về sử-liệu (như bài* **Hà-Thành lâm-nạn**...) *hoặc khéo dùng những từ-ngữ đặc-biệt của miền Nam (như bài* **Văn tế Đức Giáo-Tông Cao-Đài**...) *gây được một âm-hưởng riêng, lại có thể giúp được nhiều cho những ai muốn khảo về Việt-ngữ.*

★

*Đọc xong tiểu-sử cụ Nguyễn-Quang-Diêu, tôi miên-man suy nghĩ. Ừ, tại sao các nhà làm văn-hóa không theo phương-pháp của các nhà làm cách-mạng nhỉ? Nhà cách-mạng nào cũng đi khắp nơi để tìm đồng-chí, cầu được nhiều người hưởng ứng mà góp sức. Nếu các nhà đó lặng-lẽ sống trong một thế-giới riêng biệt như các nhà văn-hóa thì chắc-chắn đã chẳng gây được chút ảnh hưởng nào mà nếu các nhà văn-hóa làm việc linh-động, tiếp-xúc với dân-chúng ở mọi nơi như các nhà cách-mạng thì chắc-chắn đã làm được nhiều việc lắm.*

*Tôi xin lấy thí dụ việc khảo-cổ. Mấy năm nay viện Khảo-cổ của mình đã chịu khó hoạt-động. Tôi đã được đọc vài cuốn sách dịch, vài cuốn khảo-cứu, vài tập-san của viện; kết-quả cũng là đáng khuyến-khích. Nhưng người ta làm việc âm-thầm quá — đó là cái đức chung mà cũng là cái tật chung của các học-giả — không chịu tìm «đồng-chí» ở khắp nơi.*

*Tôi tin rằng mỗi tỉnh ít gì cũng có một hai nhà tân học biết chút ít Hán-tự, lại lưu tâm tới sử-học. Phần nhiều những vị đó ở trong giáo-giới như ông Nguyễn-văn-Hầu. Nếu viện khảo-cổ biết tìm họ, mời họ về Sài-Gòn một vài*

*tháng để truyền cho những kiến-thức căn-bản về việc khảo-cổ — chẳng hạn nên chú ý tới những tài-liệu nào, tìm những tài-liệu đó ở đâu, ghi chép tài-liệu ra sao, vỗ bìa, chụp hình ra sao, đánh giá, so sánh, kiểm-soát, giữ gìn tài liệu ra sao... — rồi giao cho họ nhiệm-vụ thu thập hết các tài-liệu lịch-sử của mỗi tỉnh thì chỉ ba năm là Viện có vô số tài-liệu để dùng, vì những vị đó ở lâu trong tỉnh, lại có nhiều dịp tiếp xúc với bạn đồng-nghiệp ở mỗi làng, với phụ-huynh học-sinh, có thể biết rõ về tỉnh hơn là những học-giả ở Sài-Gòn hay Huế. Tốn kém không là bao : các nhà giáo đó đã có lương rồi, chỉ cần được rảnh trong vụ nghỉ hè và các lễ lớn (khỏi phải chấm thi chẳng hạn) để tìm tài-liệu cho Viện, và được cấp một số tiền mỗi năm để bù vào những chi phí về di-chuyển, bút giấy phim ảnh...*

*Như vậy Viện sẽ thêm được nhiều « đồng-chí », phong-trào nghiên-cứu sử-học sẽ phát-triển mạnh và chúng ta khỏi lo tài-liệu mỗi ngày một mất mát. Ghi chép tài-liệu cổ mà cũng ghi chép cả những việc gần đây nữa, vì những việc nầy bây giờ chưa phải là cổ, nhưng 50, 100 năm nữa sẽ thành cổ và khi nó đã thành cổ thì còn ai nhớ nữa để mà chép ?*

*Thu thập được tài-liệu rồi lại còn phổ biến nó nữa. Ta nên lập một cơ-quan như Service de documentation ở Pháp, để người dân nào muốn nghiên-cứu về vấn-đề nào cũng biết nên dùng những tài-liệu nào, kiếm những tài liệu đó ở đâu, như vậy tài-liệu mới thật là có ích cho quần-chúng.*

*Những công việc khảo-cứu Địa-lý Việt-Nam, soạn Tự-điển Việt-Nam... cũng phải tổ-chức theo lối đó cho mau có kết quả.*

*Tôi không phải là nhà chuyên-môn, tất có chỗ xét không tới, Nhưng tôi tin rằng khi người ta đừng ôm*

*lấy hết công việc, mà biết nhờ nhiều người giúp sức, biết nhận rằng công việc của bất cứ một cơ-quan nào cũng là công việc của toàn dân ; và khi toàn dân thấy có thể giúp chính-quyền trong mỗi phạm-vi, có trách nhiệm hợp-tác với chính-quyền trong mỗi hoạt-động, thì lúc đó mới có sự đoàn-kết thật sự, mà công việc xây dựng quốc-gia mới tiến-triển mau được. Sức mạnh của quần-chúng là ở số đông : sự hiểu biết của một người dân có thể là rất thấp, nhưng sự hiểu biết của trăm ngàn người dân thì chắc-chắn là đáng kể. Đó là bài học mà chúng ta rút được khi đọc tiểu sử các nhà cách-mạng. Tôi đã đi xa đề quá, dám mong độc-giả lượng thứ.*

*Long-Xuyên, ngày 30-11-1961*

**NGUYỄN-HIẾN-LÊ**

# Lời đầu sách

NGÀY trước, trong mỗi vụ nghỉ hè, tôi thường được thân-phụ tôi dạy cho chữ nho. Có một bận, nghe tin đồn cụ Nguyễn-Quang-Diêu sau nhiều năm bôn ba hải-ngoại, đã trở về và định mở trường dạy học tại quê nhà. Thân-phụ tôi cho biết là kỳ nghỉ hè năm ấy sẽ cho tôi sang học với cụ Quê cụ ở Cao-Lãnh, còn quê tôi ở Cù-Lao-Gieng, muốn sang học với cụ phải qua đò Tân-Yên. Thuở ấy không có đò máy, sông to thường có sóng lớn mà đò chèo lại nhỏ, mẹ tôi tỏ ý lo ngại vì tôi còn bé mà phải hàng ngày quá giang, nhưng thân-phụ tôi thì quyết-định.

Cái mộng làm học trò cụ Nguyễn-Quang-Diêu từ đó lớn dần trong đầu tôi. Tôi sung-sướng và cầm chắc mấy tháng nữa đây sẽ được học với cụ, một người đã lừng danh hay chữ và nổi tiếng ưu-thời.

Nhưng trước vụ hè độ vài tuần thì thân-phụ tôi bảo tôi : « Ông Diêu mới về qua và bị lính-kín lùng kiếm, hiện ông đã xa chạy cao bay rồi ! » Cái mộng của tôi tuy tan dần, nhưng cái bực tức qua sự đàn-áp các nhà cách-mạng của thực dân như vậy thường lởn-vởn trong óc không thôi. Tôi tò mò tìm hiểu về những cuộc vận-động chống Pháp và mỗi khi nghe ai kể chuyện về Nguyễn-Quang-Diêu thì thích lắm, và trong lòng thấy dào-dạt một niềm mến cụ.

Tuy nhiên tuổi thơ nào đã biết gì sâu sắc. Ngày ấy về

*sau tôi bận học rồi bận việc đời, nên chuyện cũ cũng xa dần trong quên lãng.*

*Mùa đông năm 1958, tình cờ đọc cuốn* Đông-Kinh nghĩa-thục *của học-giả Nguyễn Hiến-Lê, tôi bị xúc động rất mạnh khi xem đến đoạn nói về cụ Nguyễn :*

> *« Tại Cao-Lãnh, cụ Phương-Sơn liên lạc với cụ Nguyễn-Quang-Diêu, một người nghe nói có phong-trào Đông- du thì hăm hở xuất dương, tới Hương-Cảng bị Pháp bắt rồi đày đi Guyane ở Nam-Mỹ. Sau cụ Diêu trốn thoát, về Trung-Hoa, rồi cả gan dám về ngay Cao-Lãnh, tổ-chức một đảng cách-mạng, việc thất bại, phải trốn lên dạy học tại một miền giáp ranh Miên-Việt. Về sức vùng-vẫy và tính mạo-hiểm của cụ, ít ai bì kịp ».*

*Người ta nói những cảm xúc của tuổi thơ thường dễ gây ấn-tượng và ấn-tượng ấy rất bền, tôi cho câu đó đúng. Chuyện cụ Nguyễn của ông Lê, chỉ vắn gọn có vậy, đã làm sáng lại lòng tôi. Rồi tôi cố ý tìm lại thi ca và và những tài liệu thuộc về chứng-tích hoạt-động cách-mạng của cụ và trong năm 1959, nhờ có ông Bùi-Nhựt-Ưởng, một nho-sĩ ở Long-Sơn, giúp thêm cho nhiều tài-liệu khác về cụ. Tôi tự cảm thấy, hơn lúc nào hết, có bổn phận phải viết ra sự nghiệp của tiền-nhân.*

*
* *

*Những bài viết ra đó, tôi lần lượt công bố trên các báo* Bách-Khoa, Văn-Hoá, Tự-Do, Văn-Đàn *và qua làn sóng điện của Đài phát-thanh Sài-Gòn, trong giờ Tao-đàn do thi-sĩ Đinh-Hùng phụ trách, các bài ấy đã được ngâm đọc.*

*Kết-quả những lần công bố nói trên đã làm một số môn-sinh cụ Nguyễn kịp thời nghe thấy, hoan-hỉ. Các vị này tìm tôi, ngỏ lời cám ơn và cho xem nhiều tài-liệu khác về thi ca và cuộc đời cụ, đồng thời muốn tôi viết cho thực đầy đủ về cụ. Những tài-liệu này chân xác quá, và những thi ca cụ có giá-trị lịch-sử đáng kể quá, tôi xem qua mừng-*

*rỡ không cùng, đã thâm phục các vị có công gìn-giữ và xin nhận lời ngay.*

*Từ ấy tôi nỗ-lực phăng tìm thêm các tài-liệu hệ-thuộc khác, thuộc giai đoạn tranh-đấu của Phong-trào Đông-du tại miền Nam và thuộc những sinh-hoạt chính-trị của các chính-khách xuất-ngoại có liên-lạc với cụ Nguyễn. Tôi không hề dám ngại mất công : hoặc biên thư ra ngoại quốc dò hỏi, hoặc tìm đến tận nơi còn dấu tích cụ để tai nghe mắt thấy tận tường. Trong số những người tuy không phải đồng-chí với cụ Nguyễn, nhưng đương thời có tiện-nghi, đã giúp đỡ cụ, nay nghe còn sống, như cụ Nguyễn-Minh-Dương đã ủng-hộ cụ về việc ở ăn hồi cụ ngụ tại biên-thùy Việt-Miên, như cụ Nguyễn-Gia-Lạc đã giấu-giếm cụ lúc cụ trốn tránh ở Rạch-Giá, tôi đều có tìm tới tận mặt để hỏi-han, xin sao chép hoặc chụp hình tài-liệu.*

*Thế là đầu hè năm nay (1961), tôi bắt đầu biên-soạn sách Nguyễn-Quang-Diêu, dưới mắt tôi bấy giờ đã có được những tài-liệu chính :*

— Nguyễn-Quang sưu-la ký *(chữ quốc-ngữ, do Nguyễn-Quang miêu-duệ. Bản nầy chép theo trí nhớ, nhưng có vẻ chắc-chắn ; ngày tháng và những sự việc kể ra trong đó, tra kỹ thì đều đúng với các sử-liệu khác).*

— Tập biên năm ông Nguyễn-Quang-Diêu lợi (*lại*) làng Vĩnh-Hòa (*chữ quốc-ngữ, do chính tay cụ Nguyễn-Minh-Dương ký-chú. Cụ Nguyễn-Minh-Dương như đã nói, là người sống bên cạnh cụ Nguyễn lúc trọ tại Vĩnh-Hòa, nên sự ghi chép rất rõ ràng).*

— Cảnh-Sơn Nguyễn-Quang-Diêu thi-văn sưu-tập (*chữ quốc-ngữ, do ông Nguyễn-Công-Rao, môn-sinh cụ Nguyễn, con cụ Nguyễn-Công-Đồng — người từng tận tâm ủng-hộ cụ Nguyễn lúc đến ngụ Tân-An — Hiện ông Rao là Chủ-tịch Hợp-tác-xã tàm-tang Tân-Châu*).

— Tài-liệu gia-đình Nguyễn-Như (*chữ quốc-ngữ, do Bác-sĩ Nguyễn-Như-Giu Cần-Thơ, đích-tôn cụ Nguyễn-Thần-Hiến. Tài-liệu nầy chính tay sinh-viên Y-khoa Nguyễn-Như-Sơn — con trai Bác-sĩ và chắt nội cụ Nguyễn-Thần-Hiến — đã sao lại trong tập gia-phả họ Nguyễn-Như*).

— Tài-liệu về cuộc đời và thi ca Nguyễn-Quang-Diêu (*một phần quốc-ngữ và một phần chữ Hán, do Giáo-sư Bùi-Nhựt-Ưởng, Long-Sơn*).

— Cảnh-Sơn thi tập (*chữ Nôm và chữ Hán, do ông Nguyễn-Chính-Giáo, thương-gia, môn-sinh cụ Nguyễn người gốc ở Sandart, hạt Kandal — Cao-Miên, nay di-cư xuống tại biên-thùy*).

— Cảnh-Sơn thi tập quyển chi nhứt (*chữ Nôm và chữ Hán, do ông Phan-Trung-Chánh, nguyên Trung-úy lực-lượng bổ-túc, môn-sinh cụ Nguyễn, hiện đang làm việc tại trung-tâm Thí-điểm ươm tơ Tân-Châu*).

*Những cuốn :* Cuộc đời cách-mạng Cường-Để (*nhà in Tòn-Thất Lễ, in năm 1957*), Phong-trào Đại Đông-du (*Phương-Hữu — Nam-Việt xuất bản 1950*) và một số khá nhiều sách báo khác cũng có giúp thêm cho tôi trong sự so sánh, kiểm-soát các tài-liệu.

*
* *

*Sách chia ra hai phần : phần tiểu-sử và phần thi-ca.*

*Phần tiểu-sử gồm có cả thảy 18 chương, chép đại-lược cuộc đời cụ Nguyễn từ thuở măng non cho tới khi tàn cỗi, điểm được chú-trọng nhiều nhất là khoảng đời tranh-đấu chống Pháp của cụ. Tuy tiếng rằng chép tiểu-sử Nguyễn-Quang-Diêu, ở phần nầy tôi đã rán làm sống lại cuộc đời của nhiều nhân-vật cách-mạng miền Nam có liên-lạc với cụ, đã có công to trong một thời, người bị tù đày khổ-sở, kẻ bị chết mất biệt tin mà lâu nay trên lịch-sử nhà cơ hồ quên bẵng. Phong-trào Đông-du miền Nam, nói chung, trong phần đó cũng được đưa ra ánh sáng một vài.*

*Phần thi ca xếp thành bốn đoạn, theo lề lối phu-diễn riêng của nó :* Thất ngôn bát cú, Song thất lục bát, Văn tế câu đối *và* Một ít bài thơ Hán *có dịch Việt. Việc trình bày, không sắp theo thứ-tự thời-gian mà sắp theo những bài thơ gần gần đồng loại để độc-giả dễ có hứng-thú trong khi thưởng-thức. Làm như vậy, tôi tự thấy chưa được ổn-thỏa, nhưng cho vào thành loại (1) hay xếp hẳn theo thời-gian, lại e phải rơi vào gượng gạo, vụng-về hơn ; vì theo loại, có nhiều bài không thiên hẳn loại nào, còn theo thời gian thì sẽ làm đảo lộn sự phân rành lối văn và làm chia cách những bài đáng lý phải được đặt cạnh bên nhau cho dễ bề xem xét.*

*Trong lúc viết, gặp điểm còn ngờ mà chưa tìm được, tôi đều có nói rõ ra ; điểm nào biết được nhưng chưa đầy đủ thì không nói chắc ; còn điểm nào quyết-đoán thì nhất-định phải có chứng-cứ và đã so-sánh kỹ-càng, tuyệt-nhiên không hề dám để cho tiểu-thuyết xen lẫn lịch-sử.*

*Riêng phần thi ca, có bài biết được xuất-xứ mà có bài không. Bài nào biết được đều chép liền dưới tiêu đề sau khi đánh một dấu sao báo hiệu ; bài nào không biết, bỏ qua không đánh dấu và tất-nhiên, sẽ không nói gì tới xuất-xứ.*

*Về tiêu-đề mỗi bài, nguyên-tác nhiều khi không có. Bài nào xét chép đúng tiêu-đề của nguyên-tác — tức chính đầu-đề của tác-giả đặt ra — thì xin đóng dấu ngoặc kép cho được phân-biệt, bài nào tôi tự tiện theo ý thơ mà đặt, hay các môn-sinh cụ Nguyễn đặt ra trong khi sao lục thì không đóng ngoặc, cứ để như thường cho khỏi lẫn-lộn.*

*Hầu hết thi ca in trong sách nầy, tôi đã căn cứ vào bốn bản mà độc-giả vừa thấy (2) : bản của Bùi*

---

(1) Xin hiểu : *Loại* : miêu-tả, thuật-sự, nghị-luận ; *Thể* : văn xuôi, văn vần ; *Lối* : Đường luật thất ngôn, Song thất lục bát, Hát nói...

(2) Chỉ trừ vài bài, như bài *Viếng Hoàng-Hoa-Cương*, bài *Mất móc tai* rút trong *Nguyễn-Quang sưu-la ký* và bài *Quên già* rút trong tập ký-chú của Nguyễn-Minh-Dương.

*Nhựt-Ưởng, của Nguyễn-Chính-Giáo, của Phan-Trung-Chánh và của Nguyễn-Công-Rao. Trong bốn bản đó, phong phú nhất có bản quốc-ngữ của Nguyễn-Công-Rao và chắc chắn nhất là bản chữ nôm của Phan-Trung-Chánh. Tuy vậy trong các bản này thỉnh thoảng có vài chữ dùng không được giống nhau ; gặp trường hợp đó, tôi đã ghi rõ những chữ sai-biệt để độc-giả rộng bề suy-luận.*

*
* *

*Viết được sách nầy, đúng ra công-cán phần lớn do nơi các vị có lòng hiếu-cổ, đã giữ-gìn được những tài-liệu quý báu mà tôi liệt-kê ở trên. Vậy xin chân-thành có lời cảm ân các vị ấy Mong các vị vui nhận.*

*Ngoài ra, còn nhiều vị khác giúp sức cho tôi, như học giả Lê-Ngọc-Trụ, Giảng-sư trường Đại-học Văn-khoa và Đại-học Sư-phạm Sài-Gòn, đã phí lắm thì giờ, hết lòng tra cứu và sao chép giùm tài-liệu trong Thư-viện Quốc-Gia ; ông Nguyễn-Ngọc-Chơi, nguyên Thiếu-tá lực-lượng bổ-túc ở Cù Lao-Giêng, hằng đi đây đó, đốc-suất cho công việc mau tiến hành ; hai ông Đào-Quang-Chiêu và Thái-văn-Ý, Đông-y-sĩ ở Long-Khánh và Cái-Tàu-Thượng, từng sao chép giùm các bản chữ nôm hoặc tìm mượn giúp những pho sách cổ để tôi có phương-tiện so-sánh diễn-âm và chú-thích các điển-cố. Sự hỗ-trợ của các vị rất nhiều, tôi còn biết phải nói gì hơn là ghi vào đây lời tri-ân sâu-thắm của tôi.*

*Cầm bút viết lời đầu sách khi soạn-phẩm hoàn-thành, tôi vẫn tự thấy, như thuở nào, cái việc « sống đời nay mà nói chuyện đời xưa », quyết không làm sao tránh được những điều sơ-suất.*

*Dám mong Quý-vị Độc-giả cảm-thông mà vui lòng khoan-thứ.*

*Châu-Đốc, mùa lụt tọ năm Tân-sửu.*

**NGUYỄN-VĂN-HẦU**

# PHẦN THỨ NHẤT

tiểu - sử

# NGUYỄN - QUANG - DIÊU

# I

# NGÀY XANH

Năm Canh-thìn, dương-lịch 1880, sau lúc các cuộc khởi-nghĩa lớn vừa bị tan rã và sáu tỉnh Nam-Kỳ (1) hoàn-toàn lọt vào tay Pháp do tờ hòa-ước Giáp-tuất, tại một gia-đình khá-giả ở xã Tân-Thuận, tổng An-Tịnh, quận Cao-Lãnh (2) sanh được một trai, đặt tên là Diêu.

Gia-đình ấy họ Nguyễn-Quang, nổi tiếng nho-lưu và đức-vọng ngay từ đời cụ Nguyễn-Quang-Dụ. Nguyễn Quang-Dụ sanh Nguyễn-Quang-Huy, cụ Huy cưới bà Nguyễn-Thị-Huệ, sanh được hai trai ba gái, mà Nguyễn Quang-Diêu là con thứ tư.

Lệ thường, để kiêng-húy thứ bậc của một vị hoàng-tử được nhiều cảm-tình, nhân-dân miền Nam không gọi người con đầu lòng là con cả mà bắt đầu từ thứ hai, do đó Nguyễn-Quang-Diêu tuy thứ tư mà được kể thứ năm. Những danh-từ *cậu năm, anh năm, thầy năm*... lần-lượt được ai nấy xưng hô trong lúc giao-thiệp với Nguyễn-Quang-Diêu nhiều hơn gọi thẳng nguyên danh. Thứ nhất, khi cụ lớn khôn và học rộng, hai tiếng thầy năm được mọi người xưng gọi một cách phổ-thông, cả tới các đồng-chí cách-mạng người Bắc như cụ Cử Hoành Sa-Đéc, cụ Phương-Sơn Đốc-Vàng, cũng luôn luôn xưng gọi như thế.

---

(1) Bây giờ gọi Nam-Phần, nhưng xin chép theo tên cũ để giữ đúng tính-cách thời-gian.

(2) Cao-Lãnh ngày nay được đổi lại là Kiến-Phong. Quận lỵ Cao-Lãnh được đổi làm tỉnh lỵ Kiến-Phong.

Ngay từ nhỏ, Nguyễn-Quang-Diêu đã nổi tiếng người thẳng và gan. Lớn lên, có một thân hình trung-trung, mảnh-khảnh, nước da ngăm-ngăm, mắt sáng, miệng tươi. Năm 6 tuổi, được học vỡ lòng chữ nho với cha và đến 10 tuổi, đã bắt đầu học sang quốc-ngữ với Hương hào Dược. Thuở ấy chữ quốc-ngữ rất bị nhiều người khinh ghét ; các cụ cho rằng thứ chữ của Tây bày ra, nên thường khuyên con xa lánh. Riêng gia-đình họ Nguyễn-Quang, cụ Nguyễn-Quang-Huy (một Nghị-viên địa-hạt mà người ta quen gọi Hội-đồng Sách) đã sớm ý-thức được cái lợi của nó, nên đã cho con học tập.

Kế tiếp, khoảng năm 1895, Nguyễn-Quang-Diêu theo học chữ Nho với cụ Tú-Tịnh, một thầy đồ người Bắc, do một ông cậu ruột rước về để dạy con cháu trong thân. Cụ Tú rất nhớ sách, giỏi văn, dạy-dỗ học trò chu-đáo, nhưng vì có chân trong một nghĩa-đảng, cụ đành bỏ dở công-tác giáo-huấn nửa chừng để lại dấn thân lên đường cứu nguy tổ-quốc.

Cao-Lãnh bấy giờ không những là « một Hàng-Châu Việt-Nam trẻ đẹp» như lời một nhà văn, mà còn là nơi tập-trung nhiều ưu-tú quốc-gia, nơi hò-hẹn của các chính-khách thương nòi yêu nước. Nguyễn-Quang-Diêu sanh ở đó, lọt lòng mẹ đã có tư-chất thông-minh, rồi được học hành với những người chí-khí, lẽ nào nhắm mắt ngơ tai trước hồi nước dân điên-loạn, cho nên mới 18 tuổi đầu, lửa cách-mạng đã nhóm lên trong tâm-hồn ầm-ĩ.

Tuy nhiên, cụ vốn biết cái học là món then chốt để bước vào đời, nên hằng tự đọc sách, luyện văn và mong đợi một ông thầy xứng đáng để nối lại con đường đã đứt.

## II

# GẶP CỤ TÚ THƯỜNG

Phải thành-thật mà nhận rằng ở miền Nam có ít người nho học lỗi-lạc như ngoài Bắc ; học trò muốn học giỏi, thường phải tìm đến các ông thầy có danh, dù ở tỉnh xa, rồi trọ luôn nơi đó mà học.

Hồi ấy tại Phú-Thuận (Châu-Đốc) có cụ Tú-tài Trần Hữu-Thường nổi tiếng giỏi-giang, sĩ-tử trong nhà luôn luôn kể có hằng trăm, mà toàn học trò lớn, đã học qua nhiều sách sử bậc thường và được các thầy đồ ở xa gởi tới.

Cụ Tú tính người khoan-dung, điềm-đạm, có tâm hồn yêu nước kín đáo. Khắp các tỉnh miền tây Nam Kỳ đều rải-rác có học trò đến học với cụ và phần đông về sau đều được nên người : hoặc đứng lên cứu quốc, hoặc lui về duy-trì đạo-nghĩa thánh - hiền. Nguyễn-Quang-Diêu trước giờ hằng có nghe danh cụ Tú, nhưng còn ngần-ngừ chưa quyết cầu học vì chưa có dịp biết rõ sự thực ra sao.

Trong năm ấy, tức năm Nguyễn-Quang-Diêu 18 tuổi (1898), một dịp may hiếm có đã đưa đến một cuộc tao phùng. Câu chuyện gần như một giai-thoại, nên cụ nhớ mãi không quên và sau nầy thường đem kể lại cho người thân nghe biết.

Nguyên cụ Tú có một học trò tên Nguyễn Văn-Nghị, quán ở xã Tân-Thuận (Cao-Lãnh)— đồng hương với Nguyễn-Quang-Diêu — Sau khi học giỏi, Nghị xin phép thầy trở về dạy học tại quê nhà. Tư-cách của Nghị đứng đắn nên được mọi người tin cậy, gởi con em tới học khá đông. Cụ Tú nghe biết, có một lần nhân dịp rảnh rang, sai học trò chèo thuyền đưa đi từ Phú-Thuận tới Cao-Lãnh, để vừa viếng cảnh vừa thăm trường học của Nguyễn-Văn-Nghị. Lúc thuyền lênh-đênh trên dòng Tiền-Giang, cụ nhìn mây nước bao la mà bất-giác có cảm, nhân làm một bài thơ, kịp khi tới Cao-Lãnh, đọc lên cho Nghị và mọi người có mặt thưởng-thức. Thơ như sau :

*Tân-Thuận đường đi cách mấy làng,*
*Xa-xôi mỏi mắt, ngó mê-mang.*
*Mịt-mù khuất lấp vàm Trâu-Trắng (1),*
*Lúp-xúp cây giăng rạch Đốc-Vàng (2).*
*Mưa tạnh bên trời mây chớn-chở (3),*
*Buồm treo mặt nước sóng lanch-an.*
*Cù-Tây (4) nghĩ nhớ khuôn trời đất,*
*Giục-giã lòng trung ứa lá gan !*

Bài thơ tả cảnh vật theo các làng-mạc ven sông rất thực-tế, nào Trâu-Trắng, Đốc-Vàng, nào Cù-Tây, Tân-Thuận... ở câu cuối còn nhắc tới chữ trung rất khuôn-hợp đạo Nho ; nhưng ai hay bên trong còn tiềm ẩn một ý vị xót chua thời thế mà người không có nhiệt tâm ái-quốc, không sao thông-cảm được !

---

(1) Tức vàm Phong-Mỹ bây giờ, Tương truyền nơi này ngày xưa có một bầy trâu trắng ở dưới nước, thỉnh-thoảng hiện lên quanh đấy kiếm ăn.

(2) Nơi có đền thờ của Đốc-binh Vàng, thuộc quận Thanh-Bình ngày nay.

(3) Chớn-chở : cao vút và to lớn, lớp lớp chồng lên nhau.

(4) Cũng gọi Cù-lao-Tây, có ba làng : Tân-Long, Tân-Quới, Tân-Huê, thuộc quận Hồng-Ngự, tỉnh Kiến-Phong.

Nguyễn-Quang-Diêu tiếp nhận bài thơ, lòng bồi-hồi xúc-động, gật-gù ngâm tới ngâm lui mãi mà không biết nhàm. Nhất là hai câu luận :

*Mưa tạnh bầu trời mây chớn-chở,*
*Buồm treo mặt nước sóng lan-chan.*

Phải rồi ! qua cơn đàn-áp mãnh-liệt của thực-dân, họ đã nghiễm-nhiên ngự-trị, mà làn sóng cách-mạng của dân-tộc thì đã dần dần lui sụt vào chỗ lặng im ! Rồi "Cù Tây »... rồi « ứa lá gan »... sao mà gói ghém và thấm-thía đến như thế ? Nguyễn-Quang-Diêu liền xin phép cha để được đến học với cụ Tú, một học-giả và là một chí-sĩ đáng kính.

Từ ấy tại trường học của cụ Tú Thường được thêm Nguyễn-Quang-Diêu góp mặt. Cụ rất được cụ Tú tin yêu, ban cho tên hiệu Tử-Ngọc để ghi vào danh-sách học-đường. Tử-Ngọc giàu lý-luận, giỏi thi-ca, học-vấn cực kỳ tiến-bộ, nhưng hình như con người ưu-tú ấy không lấy thế làm chỗ hài lòng mà hằng nuôi cái mộng xẻ núi lấp sông, muốn sao cho quê-hương mau sớm trở về với vinh-quang, hạnh-phúc...

III

# CỤ NGUYỄN VỚI BƯỚC ĐẦU PHONG-TRÀO ĐÔNG-DU MIỀN NAM

Tuy đang học ở trường, Nguyễn-Quang-Diêu vẫn không quên theo dõi tình-hình chính-trị. Cuộc chiến-thắng vĩ-đại của Nhật đánh Nga trên mặt bể Thái-Bình-Dương năm 1904 và những hoạt-động cách-mạng của các cụ Phan-Bội-Châu, Cường-Để, Phan-Châu-Trinh... đều không qua được đôi mắt tò-mò của cụ.

Khoảng đầu năm 1907, Phong-trào Đông-du lan rộng vào Nam. Các chí-sĩ đầu tiên tham-gia phong-trào như Nguyễn-An-Khương, Trần-Chánh-Chiếu, Nguyễn-Thần-Hiến... đều nhờ có tài, có của, có gan nên phong-trào nầy nở rất mau.

Cụ Nguyễn-An-Khương (thân-phụ Nguyễn-An-Ninh) người Hóc-Môn là một nhà văn có tiếng, từng viết cho tờ **Nông-cổ mín-đàm** và dịch nhiều tiểu-thuyết Tàu như **Tam-quốc-chí**, **Thủy-hử**, **Phấn-trang-lầu**... Cụ nghe các cụ Tăng-Bạt-Hổ, Phan-Bội-Châu, Nguyễn-Thượng-Hiền thành-lập Phong-trào Đông-du thì hăm-hở hưởng-ứng, bỏ vốn ra lập khách-sạn **Chiêu-Nam-lầu** để đưa rước thanh-niên xuất-dương.

Cụ Trần-Chánh-Chiếu tức Gilbert Chiếu, Tri-phủ danh-dự, chủ-bút báo **Lục-tỉnh tân-văn**, có quốc-tịch Pháp, trước ở Rạch-Giá, đã can-đảm hoạt-động cho phong-trào. Cụ qua Hương-Cảng hội-đàm với cụ Sào-

Nam, cho con trai là Jules Tiết sang hầu cận cụ Cường-Để, lập **Minh-Tân khách-sạn**, mở **Minh-Tân công-nghệ-xã** để vận-động tài-chánh và liên-lạc đồng-chí (1).

Còn cụ Nguyễn-Thần-Hiến cũng gọi Hội-đồng Hiến, có biệt hiệu Hoàng-Xương, chánh-quán xã Mỹ-Đức, tỉnh Hà-Tiên (sau dời về Cần-Thơ), uyên-thâm Hán-học, đã bỏ nhiều sự-nghiệp ra lo cách-mạng. Cụ lập **Khuyến-du học-hội** để vận-động sinh-viên sang học tại Nhật, tổ-chức nhiều cơ-cấu cách-mạng tại miền Nam để tích-cực ủng-hộ phong-trào (2).

---

(1) Cụ Trần-Chánh-Chiếu còn lãnh nhiệm-vụ phân phát tuyên-truyền-phẩm ở ngoại-quốc gửi về, như *Kỷ-niệm-lục, Hải-ngoại huyết-thư, Lưu-cầu huyết-lệ thư*... viết sách, viết bài khuyến-khích đồng-bào tranh-đấu chống Pháp đăng trên các báo *Le Moniteur des Provinces, Lục-tỉnh tân-văn*... Bài *Khi những nhân-vật thượng-đẳng khởi-nghĩa* (12-12-1907) và bài *Sự hỗ-tương phù-trợ giữa đồng-bào và bổn về nghĩa hỗ-tương phù-trợ* (13-1-1908) của cụ đã làm nhà đương-cuộc Pháp lo sợ, tìm cách ngăn trở cụ. Cụ không chịu thua, xoay sang hoạt-động ngầm-ngầm. Đồng-bào mới đầu có người cầu-nệ, thấy cụ có Pháp-tịch ngờ cụ không thật tâm, sau biết rõ, rất mến cụ.

Năm 1909, cụ bị bắt, nhưng nhờ là « dân Tây » và thạo luật nên chỉ ít lâu thì cụ được tha (ngày 21-4-1909) Năm 1913, cụ mất. Ông Phương-Hữu sau này làm thơ tỏ lòng ngưỡng-mộ cụ, có câu :

*Quốc-tịch mang danh dân Phú-Lãng,*
*Thâm-tâm vẫn máu họ Hùng-Vương*

(2) Theo tập « *Tài-liệu của gia-đình Nguyễn-Như* » do Bác-sĩ Nguyễn-Như-Giu (đích-tôn của Nguyễn-Thần-Hiến) thì : « Cụ Nguyễn-Thần-Hiến tên tộc Nguyễn-Như-Khuê, bút-tự Phát-Đình, biệt-hiệu Chương-Chu.

Cụ sinh năm 1856 ở Hà-Tiên, là con cụ Nguyễn-Như-Ngươn, Tri-huyện ở Vĩnh-Long và Tuần-phủ ở Hà-Tiên dưới thời vua Tự-Đức năm thứ 17.

Lúc nhỏ cụ rất hiếu-học, lại sanh-trưởng trong một gia-đình phong-phú nên việc bút nghiên học tập được chu đáo. Cụ có trí nhớ dai lạ-lùng, bởi vậy mới ngoài 20 tuổi, sức Hán-học của cụ đã tới một trình-độ cao, có thể so-sánh với sức Hán-học của cụ Cả-Trận ở Mỹ-Tho được.

Gia-nhập Phong-trào Đại-Đông-Du, cụ Nguyễn-Thần-Hiến đem một phần lớn gia-tài giúp vào quỹ du-học-sinh. Tổng số món tiền giúp là 20.000. Trong khoảng năm 1908 — 1909, số tiền ấy có giá trị bằng nửa triệu bây giờ ».

Nguyễn-Quang-Diêu thỉnh-thoảng liên-lạc với Nguyễn-Thần-Hiến và các tay hào-khí quanh miền như Bùi-Chi-Nhuận (Tân-An), Lê-Văn-Đáng (Hòa-An), Đặng-Thúc-Liên (Sa-Đéc), Ngô-Trung-Tín (Trà-Vinh), Cả-Trận (Mỹ-Tho)... để tìm hiểu tình-hình chính-trị và để tiếp nối hệ-thống với các chính-khách Việt-Nam xuất ngoại.

Năm 1907 Bùi-Chi-Nhuận sau khi sang Nhật, được cụ Cường-Để phái về nước khuyến-khích thanh-niên du-học, Nguyễn-Quang-Diêu tiếp tay với cụ Nguyễn-Thần-Hiến trong **Khuyến-dụ học-hội** để cổ-võ Phong-trào Đông-du, kết-quả được nhiều người hưởng-ứng, trong số đó có mấy đồng-chí thân-tín với cụ là Lưu-Quang-Bật, Lê-Văn-Sao (1), Đỗ-Văn-Y, Hoàng-Hưng, Nguyễn-Truyện và Lý-Liễu (2).

Từ đầu năm cho đến giữa năm 1907, sinh-viên miền Nam rải-rác sang Nhật kể tới 75 người (3), do đó cách-mạng cần phải có đông cán-bộ để vận-động tiền bạc gởi đi tiếp tế. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu, hồi nầy đang nghe giảng **Dịch-lý** và **Xuân-thu** tại trường học cụ Tú Thường tự cảm thấy nhiệm-vụ cấp-bách của mình và cái học từ chương không cứu nổi nước, nên bỏ học, chính-thức đứng lên tích-cực tranh-đấu cứu-quốc.

---

(1) Lưu-Quang-Bật người xã Mỹ-Trà (Cao-Lãnh) năm 1907 sang học tại Nhật. Năm 1909 bị trục-xuất, lén trở về nước, sau yên yên, ra mặt làm ăn ở Mỹ-Trà, mất tại An-Bình. Còn Lê-Văn-Sao là con cụ Lê-Văn-Đáng — một nhà ái-quốc từng hy-sinh nhiều về tiền bạc cho cách-mạng — người Hòa-An, xuất ngoại lúc chưa đầy 20 tuổi, học tại trường **Đông-Á đồng-văn** bên Nhật rồi biệt tích luôn, không rõ chết ở đâu.

(2) Tiểu-sử các vị nầy xin sẽ lần lượt kể sau.

(3) Tổng số sinh-viên sang học tại Nhật trong năm 1907 tính được 115 người, mà ở miền Nam chiếm tới con số 75 (Bắc 30 người, Trung 10 người), như vậy sự hoạt-động của các nhà ái-quốc miền Nam chắc phải bồng-bột, mạnh-mẽ lắm.

## IV

# CỤ NGUYỄN VỚI CÁC TỔ-CHỨC CÁCH MẠNG

Đường lối của cụ vẫn hướng về Phong-trào Đông-du. Cụ rất thích chủ-trương bạo-động của cụ Phan-Bội-Châu và ưa xem những truyện-ký về danh-nhân anh-hùng thế-giới.

Những bài ca ái-quốc của nhóm Đông-Kinh Nghĩa-thục, những tờ **Phổ-cáo lục-tỉnh văn** và **Khuyên thanh niên du-học** của các cụ Cường-Để, Sào-Nam được cụ thuộc nằm lòng và truyền đi rất mạnh.

Thuở ấy, thực-dân đã dàn-áp được các cuộc khởi nghĩa to lớn, nhưng vẫn còn nhiều vụ bạo-động lẻ-tẻ liên-tục không ngớt, nên luôn luôn dòm ngó kiểm-soát gắt-gao hành-động của nhân-dân. Để che mắt họ phần nào, nhà cách-mạng thường mượn những chỗ làm ăn hoặc những nơi tu-niệm để làm cơ-sở hội-họp.

Tại Cao-Lãnh, cụ Nguyễn-Quang-Diêu mượn chùa Linh-Sơn để quy-tụ anh em (1). Mỗi lần nhóm họp, nếu ban đêm thì tuyên-bố rằng cầu đàn tiên để xướng họa thơ văn, nếu ban ngày thì nói họp bàn Phật-sự. Trụ-trì

---

(1) Các cụ Sáu Mỹ (Mỹ-Trà), Ba-Điển (Đốc-Vàng), Hai Ký (Mỹ-Xương), Nguyễn-Hữu-Kiến (Tân-Thuận-Tây), Võ-Chí (Tân-Thuận-Đông) Lê-Văn-Đáng (Hòa-An)... là những người từng hội-họp với cụ Nguyễn tại chùa Linh-Sơn.

chùa nầy là Hòa-thượng Hoàng-Đạo, rất có cảm-tình với cụ Nguyễn và cách-mạng, dám hy-sinh không chút ngại hiểm-nguy.

Nguyễn-Quang-Diêu còn liên-lạc với các tổ-chức khác, như ở Long-Xuyên có nhóm Biện Khách (2), Mười Mô, bên ngoài lấy tiệm thuốc bắc Nam-Hòa-Đường làm cơ-sở ; ở Trà-Vinh có nhóm Đinh-Chí-Thiên, Hương-lễ Tín ; ở Đốc-Vàng có nhóm Nguyễn-văn-Điền, Hồ-Nhựt Tân (3), ở Vĩnh-Long có nhóm Bộ Tòng, Xã Trinh v.v... Thỉnh-thoảng cụ Nguyễn tới Long-Xuyên viếng cụ Dương-Bá-Trạc, đến Sa-Đéc thăm cụ Võ-Hoành. Hai nhà cách-mạng nầy có chân trong Đông-Kinh Nghĩa-thục, bị bắt và bị đày Côn-Đảo, được ân-xá từ năm 1910 và bị an-trí ở miền Nam. Tuy bị dò xét kỹ, hai cụ không hoạt-động được gì, nhưng vẫn góp nhiều ý-kiến hay để giúp đỡ cụ Nguyễn-Quang-Diêu.

Tính cụ Nguyễn nóng-nảy, cương-quyết, làm việc gì cũng cầu toàn chứ không chịu lôi-thôi, nhưng người ta phần đông không hăng hái như cụ, bạn học cũng có người chê cụ nóng tính và sợ hãi trước những việc làm nguy hiểm của cụ ; cụ đã phải chép miệng than dài trong một bài tự-thuật (viết năm 1910) sau đây :

*Nghĩ mình mang lấy tiếng nam-nhi,*
*Cái nợ cung dâu gánh nặng trì.*
*Tuổi-tác đã vừa ba chục chẵn,*
*Công-danh chưa có ít nhiều chi !*
*Rừng cao yến đỗ nương-nhờ chỗ,*
*Gió thuận hồng mong gặp-gỡ khi.*

---

(2) Cụ Biện Khách có công giúp đỡ cụ Dương-Bá-Trạc về việc ở ăn trong hồi cụ Trạc bị đưa về an-trí Long-Xuyên.

(3) Cụ Nguyễn-Văn-Điền biệt-hiệu Hiện-Long, về sau có hiệp với cụ Hồ-Nhựt-Tân mở tiệm thuốc bắc tại Chợ-Thủ để làm nơi liên-lạc đồng-chí, lấy hiệu Tân-Hiệp-Long.

*Xem khắp thế-tình rồi nghĩ-nghị,*
*Muốn noi Thánh trước cỡi bè đi.*

Câu kết trong bài thơ : «*Muốn noi thánh trước cỡi bè đi*», mới nghe qua chừng như tiếng than suông, nhưng sự thật cụ đã mang trong lòng một hoài bảo xuất-dương hoạt-động. Có lần cụ ngỏ ý với thân-phụ, muốn ra đi ngay từ năm 1907, cụ đã được thân - phụ đồng - ý, khuyến-khích, nhưng vì các đồng-chí thấy cụ có tài hùng-biện, giỏi giao-du, nên cố giữ cụ ở trong nước để thúc đẩy mạnh phong-trào. Phen nầy thì cụ bực-dọc lắm, muốn ra ngoài một chuyến để xem tình-hình chính-trị quốc-tế cho tận-tường, hầu có đem hết sức mình ra mà phục-vụ đắc-lực cho quốc-gia.

Ý cụ đã quyết, chỉ chờ một cơ-hội thuận-tiện đưa tới thì cụ sẽ đi ngay. Mà quả vậy, cơ-hội ấy không còn xa-xắc lắm.

# V

# XUẤT - DƯƠNG

Tháng 5 năm 1913, Nguyễn-Quang-Diêu được các đồng-chí tín-nhiệm, vận-động một số tiền to, đưa cụ xuất-dương.

Hồi ấy tên tuổi cụ đã nổi nhiều, bọn lính kín Tây luôn luôn theo dõi, vì vậy lúc ra đi cụ không về tận quê nhà được để từ-giã người thân, cụ đành phải nhờ cụ Hai Ký — một đồng-chí ở Mỹ-Xương — mang tin về cho cụ cố hay biết. Cụ còn gởi riêng cho cụ bà một bài thơ giã biệt rất lâm-ly nhưng vô cùng cương-quyết, như sau :

*Sông cũng khi khô đá cũng mòn,*
*Cùng ai tạc một tấm lòng son.*
*Trăm năm ngồi đứng trong trời đất,*
*Một kiếp thề ghi với nước non.*
*Hương-hỏa trước mong duyên mãi mãi,*
*Tang bồng nay há nợ con con !*
*Ai ôi ! hãy nếm mùi ly-biệt,*
*Có nếm rồi ra mới biết ngon !*

Theo một tài - liệu chân - xác cho biết thì cụ ra đi chuyến nầy do một bức thư của cụ Nguyễn-Thần-Hiến từ Trung-Hoa gởi về kêu gọi đồng chí xuất-dương.

Tại miền Nam hồi đó, nói tới những người có uy-tín to trong Phong-trào Đông-du, ngoài cụ Gilbert Chiếu và một vài người khác, ai cũng nhớ ngay tới cụ Nguyễn-Thần-Hiến. Như đã biết, cụ theo dõi hoạt - động cho Phong-trào Đông-du ngay từ khi phong-trào mới nổi

từng sáng-lập *Khuyến-du học-hội* để vận-động học-sinh sang học tại Nhật. Năm 1908, bị Pháp truy-nã quá gắt, phải xuất-ngoại. Khi ra đi, cụ cỡi một chiếc thuyền con từ bờ bể Nam-Kỳ qua Cao-Miên rồi sang Xiêm. Đến Bangkok ở hơn một năm, lại sang Quảng-Đông, Hồng-Kông và đi Thượng-Hải, Hàng-Châu để đi liên-lạc với các đồng-chí.

Năm 1912, tháng năm, trong một cuộc đại-hội của các nhà lãnh-tụ cách-mạng Việt-Nam tại Quảng-Đông để thành lập chính-phủ lâm-thời giải-phóng dân-tộc, cụ được giữ nhiệm-vụ Bộ-trưởng Tài-chánh. Cụ còn được cụ Cường-Để tín-nhiệm, phó-thác cho nhiều công-vụ quan trọng khác nữa.

Cho nên tuy thân gởi nước ngoài, cụ Nguyễn-Thần Hiến vẫn luôn luôn giữ được hệ-thống liên-lạc trong nước. Các đảng-viên cách-mạng ở miền Nam, thứ nhất ở miệt Hậu-Giang, thường lui tới Hồng-Kông để tiếp-xúc với cụ, tiếp-tế tiền bạc và vận-động khí-giới. Trong những cuộc hội-thảo quan-trọng giữa các nhà lãnh-tụ tối cao, các đồng-chí Nam-Kỳ đều nhượng cho cụ nhiệm-vụ đại-diện (1).

Khoảng tháng giêng năm 1913, Nguyễn-Thần-Hiến hội-kiến với cụ Cường-Để và yêu cầu cụ Cường-Để về nước. Cụ ngỏ ý cho cụ Cường-Để biết đa số đồng-bào Nam-Kỳ hiện đang hăng-hái trên đường phục-vụ đất nước và sự có mặt của Kỳ-Ngoại-Hầu ở đây sẽ là cái

(1) Trong bài *Việt-Nam trên đường giải-phóng* của Bạo-La cư-sĩ, đăng trên *Văn-hóa nguyệt-san* số 53, tháng 8, 1960, đoạn thuật lại một cuộc nhóm họp tại Quảng-Đông năm 1912, có viết: « Phái quân-chủ toàn-thể là người Nam-Việt, có ông Nguyễn-Thần-Hiến lãnh-tụ (...) nhất định không thay đổi lập-trường. Không khí buổi thảo luận quá sôi nổi, ngôn-ngữ lắm khi kém lễ-độ; ông Hoàng-Trọng-Mậu trong lúc tranh-biện kịch-liệt với Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để, ông hươi cây gậy nơi tay làm dụng ngài, nên có người buộc ông phạm tội khi-quân ».

ngòi khiến cho cuộc các-mạng chóng bùng nổ lên. Một mặt cụ viết thư về Nam cho biết tin-tức đó và yêu-cầu các đồng-chí phái người sang Tàu để cùng cụ thảo-luận nhiều điều quan-trọng...

Thế nên khoảng gần cuối tháng năm, sau khi giáp mặt cụ Cường-Để tại một địa-điểm bí-mật thuộc tỉnh Long-Xuyên, một nhóm cán-bộ — trong đó có các cụ Nguyễn-Quang-Diêu, Đinh-Hữu-Thuật, (1) — chỉ-định ngay một phái đoàn sang Tàu với mục-đích lãnh « chỉ tệ tín phiếu » (2), mua vũ-khí, đưa thêm một ít học sinh du-học (3) và tìm gặp cụ Nguyễn-Thần-Hiến.

Phái-đoàn khởi-hành trong tháng ấy, gồm có cả thảy mười người lớn và hai thiếu-niên. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu là tay hùng-biện nhất, lại thân quen trước với Huỳnh-Hưng — người có nhiệm-vụ liên-lạc các đồng-chí trong Nam xuất ngoại-tại Hồng-Kông — nên được lãnh-đạo cho đoàn.

Huỳnh-Hưng có công lớn với cách-mạng miền Nam, tưởng cũng nên nói rõ. Cụ người gốc Tam-Bình (Vĩnh-Long), tên thật Huỳnh-Văn-Nghị, tức cũng gọi Bảy Nghị. Tướng cụ tốt, nước da trắng mịn, ít nói mà thông-minh, xuất-dương cả hai vợ chồng từ năm 1906, được các cụ Cường-Để, Sào-Nam tin cậy. Chính cái tên Huỳnh-Hưng là của cụ Cường-Để đặt cho để gọi riêng trong giới cách-mạng.

---

(1) Đinh-Hữu-Thuật, người xã Mỹ-Xương, con Hội-đồng Chính, nhà giàu, bỏ nhiều của cải ra giúp cách-mạng. Cụ vui tính, nói năng hoạt-bát, làm việc lẹ-làng. Xuất-ngoại 16 năm, bị tù đày khổ-sở, sau trốn về nước được. Mới đầu cụ ẩn trên núi Cấm (Thất-Sơn), sau lên lỏi hạ san hoạt động nữa. Cụ chết già tại Mương-Điều năm ngoài 60 tuổi. Phần mộ cụ hiện còn tại Mỹ-Xương.

(2) *Chỉ-tệ tín-phiếu* : một thứ giấy bạc của chính-phủ lâm-thời Việt-Nam. Có ba loại : 50, 10 và 5 đồng, phát-hành khoảng năm 1912-1913 trở đi để lấy tiền sung vào quỹ cách-mạng.

(3) Sinh-viên du-học tại Nhật tuy bị giải-tán từ năm 1908, nhưng sau đó ở miền Nam những người giàu có và có lòng yêu nước vẫn còn tìm cách gởi con em sang Tàu học.

Tháng sáu năm 1906, cụ được vào học trường Đại-học võ-bị Shimbu Gakko với các cụ Cường-Để, Đặng-Tử-Kính và Phan-Bá-Ngọc. Bà vợ cụ không rõ tên gì, nhưng cũng được Kỳ-Ngoại-Hầu ban cho biệt-hiệu Thiệu-Trưng. Hai vợ chồng rất đồng lòng, suốt đời tận-tụy với cách-mạng. Lúc Huỳnh-Hưng bị bắt rồi bị đày ra Côn-Đảo, bà len-lỏi về nước thủ-tiết chờ chồng. Sau Huỳnh-Hưng được ân-xá, hai vợ chồng vẫn ngấm-ngầm theo đuổi chí-hướng không thôi (1).

Bấy giờ, do theo thư từ mật-ước, Nguyễn-Thần-Hiến từ Thượng-Hải đến Hồng-Kông để họp mặt anh em tại nhà Huỳnh-Hưng.

Sau mấy hôm bàn định quốc-sự, Nguyễn-Thần-Hiến và Huỳnh-Hưng vận-động mua được một ít tạc-đạn (2), định sẽ chia đoàn người thành hai tốp : một tốp ở lại đi Hẳng-Châu với Nguyễn-Thần-Hiến để hội-kiến các lãnh-tụ, còn một tốp chờ chuyến tàu nhỏ neo từ Hồng-Kông chạy Sài-Gòn khoảng trung tuần tháng sáu, sẽ mang tạc-đạn và tín-phiếu trở về (3).

---

(1) Sau này, khi cụ Nguyễn-Quang-Diêu về nước, có tìm đến Huỳnh-Hưng. Lúc ấy cụ Huỳnh đang quản-lý chiếc tàu Vĩnh-Thuận của cụ Bộ-Tòng chạy đường Vĩnh-Long — Sài-Gòn ; tuy hơi già nhưng phong-thái cụ vẫn như trước. Trong cuốn *Tự-Phán* (viết năm 1929), đoạn nói về những sinh-viên Đông-du bị giải-tán mà không chịu trở về nước, cụ Phan-Bội-Châu có chép về Huỳnh-Hưng như vầy:

« Huỳnh-Hưng ở lại Nhật-Bản, cần-công khổ-học ước nửa năm, sau về Hương-Cảng, khổ-tâm tích-lực, định làm một nhà thực-hành ; vì chế-tạo đạn được, toan hành-động một việc phi-thường, bị chánh-phủ Anh dẫn-độ cho Pháp, được án đày Côn-Lôn, hiện bây giờ về Nam-Kỳ rồi. Nam-Kỳ thanh-niên lúc đó như ông Huỳnh-Hưng thiệt là hiếm ».

(2) Đó là theo lời của cụ Cường-Để thuật với ký-giả Tùng-Lâm (Nhật-Bản), còn theo tập « *Tài-liệu của gia-đình Nguyễn-Như* » và một tờ trình từ Hồng-Kông gởi về cho Pháp tại Hà-Nội thì tạc-đạn này do Nguyễn-Thần-Hiến và Huỳnh-Hưng chế-tạo ra.

(3) Cụ Cường-Để trong cuốn *Cuộc đời cách-mạng của Cường-Để* nói : « có thư trong Nam-Kỳ gởi ra cho Nguyễn-Thần-Hiến bảo mua tạc-đạn gởi về ».

Hai cụ Nguyễn Quang-Diêu, Đinh-Hữu-Thuật được chỉ-định trong tốp ở lại đi Hàng-Châu, nhưng chưa kịp lên đường thì toàn thể những người có mặt tại nhà Huỳnh-Hưng đều bị bắt.

VI

# BỊ BẮT TẠI HỒNG-KÔNG VÀ BỊ GIẢI VỀ HÀ-NỘI

Vốn là công việc sắp đặt đâu đấy vừa xong thì cảnh-sát biết chuyện, kéo đến khám nhà Huỳnh-Hưng. Họ xét gặp 13 quả tạc-đạn, một ít giấy tờ, liền tịch-thu và bắt luôn cả bọn ; trong đó có cả Nguyễn-Quang-Diêu, Nguyễn-Thần-Hiến, Đinh-Hữu-Thuật và Huỳnh-Hưng.

Theo cụ Nguyễn-Quang-Diêu trong bài **Hà-Thành lâm-nạn** viết tại ngục-thất Hà-Nội thì phái-đoàn tới Hồng-Kông chỉ được khoảng ba tuần lễ kể bị bắt, và theo tài liệu của Bao-La cư-sĩ trong bài **Việt-Nam trên đường giải-phóng** đăng trên **Văn-Hóa nguyệt-san** (1) thì vụ « chế tạo bom nổ » này bị bắt vào ngày 16 tháng 6 năm 1913.

Cảnh-sát nói trên tức cảnh sát của người Anh. Lúc nầy vì tình-hình trong nước ta rất hỗn-độn, nên nhà đương cuộc Pháp tại Việt-Nam vận-động ngoại-giao với chính-phủ Hoàng-gia Anh, yêu cầu bắt giùm các nhà cách-mạng Việt đang hoạt-động tại Hồng-Kông đưa về Hà-Nội cho họ.

Lúc ra tòa tại Hồng-Kông, Huỳnh-Hưng khai chính mình mua tạc đạn chứ những người khác đều vô tội, họ không hay biết chi chuyện đó. Tòa phạt Huỳnh-Hưng

(1) Số 50, trang 434.

200 bạc và chín tháng tù (1), còn tất cả đều tuyên-bố trắng án. Tuy gọi trắng án, nhưng không phải họ tha ngay đâu. Người ta đem giam cả bọn gọi là «được tha» đó vào ngục để chờ ngày « trục xuất cảnh-ngoại » (2)

Sau vụ nầy, báo chí Trung-Hoa đều có đăng tin. Cụ Cường-Để lúc ấy cũng vừa từ Nam-Kỳ trở sang Hồng-Kông, thấy trên mặt báo nói vậy, tưởng đâu các đồng-chí đều được tha thật, nên nóng lòng tìm kiếm, cụ cũng bị sa lưới luôn (3).

Trong lao, Nguyễn-Quang-Diêu gặp Kỳ-Ngoại-Hầu Cường-Để. Cụ Cường-Để có nói qua lý do cụ bị bắt cho các đồng-chí nghe, và sau đó, cụ được Nguyễn-Háo-Vĩnh và Lâm-Cần mướn luật-sư lãnh ra rồi trốn thoát. Riêng Nguyễn-Thần-Hiến, Nguyễn-Quang-Diêu, Đinh-Hữu-Thuật và nội bọn đều bị giải về cho Tây tại Hà-Nội.

Lúc ra đi, Nguyễn-Quang-Diêu mang theo một niềm vui khó tả, ước mong cánh bằng rồi đây sẽ tha hồ lộng gió tứ phương, có ngờ đâu gót giang-hồ vừa mới bén đất người thì thân chiến-sĩ phải sớm lọt vòng lồng chậu! (4)

---

(1) Theo cụ Cường-Để thì Huỳnh-Hưng bị kêu án tù 6 tháng. Nhưng chắc cụ đã nhớ lộn hoặc án công sắp số sai, chứ theo cụ Nguyễn Quang-Diêu trong bài **Hà-Thành lâm nạn** thì Huỳnh-Hưng bị kêu tù 9 tháng.

(2) Tiếng thì nói « trục-xuất » chứ thật ra là gián-tiếp làm tội. Bởi vì khi muốn trục-xuất một người, người ta muốn áp giải tới đâu tùy ý. Cho nên cả đoàn người nầy sau đều bị giải về cho Tây tại Việt-Nam

(3) Cụ Cường-Để bị bắt ngày 8 tháng 7 năm 1913; sau tám ngày bị giam, cụ được lãnh ra và trốn sang Âu-Châu với Đỗ-văn-Y, Trương-Duy-Toàn và Lâm-Tỷ.

(4) Theo tài liệu còn giữ được của Luật-sư Phan-Văn-Thiết thì trước khi xuất-ngoại, cụ Nguyễn có được cụ Thủ-Khoa-Huân cho một bài cơ-bút tiên-đoán vận-mạng như sau :

*Ngưỡng bất túc, phủ diệc bất túc,*
*Niên niên khách địa lão bồng phi*
*Bất quản Hà-thành thiên vạn lý,*

Sự ràng buộc khe-khắt của thực-dân Pháp lúc giải các « chính trị phạm » về nước và tòa án của họ xét xử ra sao, chúng tôi tưởng xin nhường lời cho cụ Nguyễn, người trong cuộc, cho được thiết-thực. Đây, mời bạn nghe cụ kể :

*Luật áp-giải dã-man đã quá,*
*Ỷ cường-quyền xiềng cả chân tay.*
*Hỏa-thuyền chạy suốt ba ngày,*
*Hải-Phòng đỗ bến, giải ngay Hà-Thành.*
*Đem vào đút xà lim tra hỏi,*
*Lẽ ưng oan đã gọi đủ điều.*
*Bảo rằng mình nói trớ-trêu,*
Mười năm án *gọi đích* đều khổ sai.
*Nỗi oan ấy cam hoài tấc dạ.*
*Luật văn-minh gẫm quá lạ dường.*
*Gớm cho cái mặt vô lương,*
*Đãi người quốc-sĩ như phường dã-man !*

Đó là cảnh áp-giải chung và cái án khổ-sai mười năm riêng của cụ Nguyễn ; còn đây mới là các án tiết của các đồng-chí cụ :

*Thôi chớ nói, nói càng thêm hổ,*
*Nỗi anh em kể rõ sau này :*
*Thương ông Thần-Hiến râu mày,*
*Cùng Đinh-Hữu-Thuật đều đày mười năm.*

---

*U-sầu tịch-mịch bảo quân tri.*

Dịch nghĩa :

*Cuối ngựa đôi bề chẳng đủ xây,*
*Hằng năm đắt khách chiếc bồng hay.*
*Hà-Thành chẳng quản xa ngàn dặm,*
*Chịu cảnh u-sầu bảo khách hay.*

Chữ nho cũng như cụ Nguyễn, lúc đó chỉ hiểu hai câu đầu nói về cảnh nghèo và sự phiêu-bạt của cụ Nguyễn chứ chưa ai biết gì về hai câu dưới. Cho mãi đến khi cụ bị bắt tại Hồng-Kông, bị giải về Hà-nội và bị phạt-vãng, người ta nghĩ ra.

*Càng thương gã thiếu-niên Nguyễn-Truyện,*
*Du học mà án biện chung-thân.*
*Oan anh Trần-Ngọ quá chừng,*
*Tám năm tân-khổ không phân lẽ nào.*
*Chàng Lý-Liễu cũng vào một đẳng,*
*Vì châu-liên phải án năm năm.*
*Kể ra thôi lại hổ thầm,*
*Chưa rồi trách-nhiệm mà lâm lao-tù!*

Trong những người kể trện, trừ hai cụ Nguyễn-Thần-Hiến, Đinh-Hữu-Thuật mà đoạn trước có chép qua tiểu-sử, và cụ Trần-Ngọ mà chúng tôi chưa tìm rõ được căn-tích, thì Nguyễn-Truyện và Lý-Liễu là hai du học-sinh, gốc ở Tam-Bình (Vĩnh-Long), xuất-dương 1907 và cùng học ở Trung-Anh học-đường. Hôm xử vụ tạc-đạn tại tòa án Hồng-Kông, Nguyễn-Truyện vì nóng lòng nên đến phòng xử dự-thính, bị cảnh-sát tình-nghi tra giấy rồi bắt luôn, sau bị kêu án, cụ giả đau mà nằm nhà thương rồi dùng dao mổ bụng mà tự-tử (1). Còn Lý-Liễu thì nghe các đồng-chí trong nước ra, liền đến nhà Huỳnh-Hưng thăm, đúng nhằm hôm cảnh-sát Anh bắt vụ tạc-đạn, nên bị liên-can.

Tuy đã bị kêu án, các nhà cách-mạng Việt-Nam vẫn còn lưu giam tại ngục-thất Hà-Nội chớ chưa bị đi đày. Trong thời-gian ở đó, các cụ còn phải chứng-kiến nhiều cảnh đau lòng tha-thiết.

(1) Nguyễn-Truyện con cụ Xã Trinh, một nhà ái-quốc ở Lạc-Ghi, quận Tam-Bình mà thực-dân Pháp đã ghi lầm hồ-sơ của họ là Xã Đinh. Cụ Xã Trinh giàu có, góp nhiều của-cải vào các cuộc nghĩa-quyên, đã được cụ Bùi-Chí-Nhuận xin cụ Cường-Để ban cho nhiệm-vụ Chánh-tỉnh. Cụ và các cụ Bộ Tòng, Lý-Chánh sát cánh nhau, lo-liệu công-tác cách-mạng trong tỉnh Vĩnh-Long.

VII

# TRONG NGỤC HÀ-NỘI

Trong năm 1913, vì có xảy ra nhiều cuộc bạo-động, Pháp nỗ-lực đàn-áp cách-mạng, bắt-bớ lung-tung ; nếu kể chung trong nước và hải-ngoại đưa về, những người bị tống-giam tại Hà-Nội lên tới con số 254.

Trong ngục người chật như nêm, lại bị tra tấn quá đỗi tàn-nhẫn, phần đông đều mang bịnh ; thêm bịnh ngặt mà không thuốc uống... tình cảnh hết sức thương-tâm...

Vậy mà hằng ngày cửa ngục còn mở rộng để đón tiếp thêm. Nào Cả Dinh, con nuôi cụ Đề-Thám ra hàng rồi bị nhốt (1) ; nào cụ Lương-Văn-Can bị bắt giam để chờ đưa đi an-trí Nam-Vang (2); nào bảy cụ : Nguyễn-Khắc-Cần (3), Phan-Văn-Tráng, Phan-Đệ-Quí, Vũ-Ngọc-Thụy,

---

(1) Cả Dinh ra hàng ngày 13 tháng 10, dẫn theo sáu tên lính. Theo lời ký-thuật của cụ Nguyễn thì Dinh chỉ có tài thiện xạ chứ trình-độ trí-thức thấp kém. Trong nhiều lần nói chuyện trong ngục với anh em chính-trị, Dinh tỏ ra u-ơ không hiểu.

(2) Cụ cử Can bị an-trí Nam-Vang năm 1914. Trong bài **Hà Thành lâm-nạn**, cụ Nguyễn kể :

*Cảm thương cụ Cử già tuổi-tác,*
*Vì non sông phải bước tân-toan...*

(3) Trong cuốn **Phong-trào Đại-Đông-du**, ông Phương-Hữu có thuật chuyện một viên Thẩm-phán người Việt xét vụ liệng bom ở Hà-Nội vì tra hỏi các chánh-trị-phạm có vẻ cặn-kẽ gắt-gao nên bị cụ Nguyễn-Khắc-Cần đứng ra trả lời một cách khinh-bỉ :

— « Ông cũng là người Việt-Nam như tôi, sao ông lại hỏi tôi những câu ấy ? Tôi cho ông biết hết ý tưởng của tôi : chết bây giờ, chết ngày mai hay ngày sau, ông thấy khác chỗ nào ?

Nếu ông cho rằng tôi đã phạm một tội tàn-bạo thì ông cứ chặt cổ tôi đi, tôi sẵn-sàng chịu hình phạt, ông còn tra hỏi tôi nhiều mà

Phạm-Hoằng-Quế, Phạm-Hoằng-Triết, Phạm-Văn-Tiết bị tống ngục vì khép cho tội mưu sát Tổng-Đốc Hà-Đông và Thiếu tá Chapuis... (1).

Trong số các nạn nhân lần lượt bị đưa vào đó có Bùi-Chi-Nhuận, một bạn thân của cụ Nguyễn-Quang-Diêu bị bắt tại Xiêm ngày 9 tháng 4 năm 1913 và bị giải về nước cuối năm ấy. (2)

Bùi-Chi-Nhuận hiệu Mộng-Vũ, một tay vận-động tiền bạc rất tài, mấy năm trước hoạt-động trong nước với anh em, sau xuất-dương cầu học tại Nhật, bị trục-xuất năm 1909 phải bôn-đào sang Xiêm.

---

làm chi ! Mục-đích việc hành-động của tôi há không rõ như nước trong dưới kho ? Năm ba người bị xử tử, thầy kệ, những kẻ khác sẽ noi theo dấu chúng tôi ; ông không giết chết hết chúng tôi đâu.»

Câu nói thấm thía biết chừng nào ; nhưng không rõ viên thẩm-phán kia nằm đêm có suy nghĩ lại mà hổ thẹn gì không ?

(1) Bảy người nầy sau bị tòa tuyên án tử-hình. Trong bài **Hà-Thành lâm-nạn**, cụ Nguyễn ghi :

*Còn ngoài Bắc hỏi ai chí-sĩ,*
*Hiệp kể ra hơn bảy mươi người.*
*Bảy ông xử tử đã rồi,*
*Bao nhiêu đều phải lưu-đồ phương xa...*

Con số *hơn bảy mươi người* chắc cụ Nguyễn phỏng định chứ không đếm. Theo tài-liệu của Bạo-La cư sĩ, số **« nạn-nhân phần nhiều vô tội bị tống giam lên tới 254 người, nhưng sau nhiều tuần lễ điều-tra thì 170 được trả tự do, còn lại 84 người chờ ngày ra tòa lãnh án »**.

(2) Theo Minh-Trân trong bài *Nguyễn-Thần-Hiến, một chí-sĩ miền Nam*, đăng trên *Văn-Hóa Nguyệt-san* số 86, thì cuộc gặp gỡ giữa các nhà cách-mạng nơi đây rất cảm động. Xin trích một đoạn nhỏ ;

« Một buổi sáng cuối năm, nhà lao Hỏa-Lò nhận thêm một can nhân mới bị bắt từ Thái-Lan đưa về. Ông Nguyễn-Thần-Hiến đang bịnh nằm trên sạp, bỗng nghe ông Nguyễn-Quang-Diêu reo lên :

— Kia anh Mộng-Vũ

— Kia anh Quang-Diêu

Tiếp theo là tiếng ngạc nhiên của người mới vào. Ông Thần-Hiến từ từ mở mắt, thì vừa lúc ấy ông Nguyễn-Quang-Diêu cũng đưa ông Bùi-chi-Nhận tự Mộng-Vũ đến bên ông :— « Đây, anh Phát-Đỉnh ở Cần-Thơ ». Nhìn thấy thân thể gầy gò của bạn đồng-chí, ông Bùi Chi-Nhuận bất giác nghẹn ngào rơi lệ... »

Lúc cụ Cường-Để ngụ tại ngôi chùa của Hòa-thượng Phan-Tất-Chánh ở Xiêm, Bùi-Chi-Nhuận được cử chức Tổng-thủ-ngân, cụ hiệp với Nguyễn-Thần-Hiến, bấy giờ giữ nhiệm-vụ Tổng-ủy-viên sự-vụ, để mở cuộc nghĩa-quyên lấy tiền nuôi cách-mạng.

Trong vụ bị bắt ở Xiêm và bị giải về như đã nói Bùi-Chi-Nhuận bị tòa Đại-hình đặc-biệt Hà-Nội kêu án khổ-sai chung-thân. Cụ cũng bị giam chung với các đồng-chí để chờ ngày đày đi Côn-Đảo (1).

Rồi còn một việc đau lòng hơn nữa : việc cụ Nguyễn-Thần-Hiến mất.

Cụ tuổi già, bấy lâu mãi phong-trần bôn-tẩu, kể bị bắt làm sao chịu nổi sự tra tấn ngặt-nghèo của bọn tay sai thực-dân ! Vì vậy phải lâm trọng bịnh. Trong lao không có thuốc-thang, khiến bịnh cụ mỗi ngày mỗi trầm-trọng. Anh em làm reo, bỏ ăn để đòi thuốc cho cụ uống, nhưng người ta mặc kệ, không thèm quan-tâm, đến khi cụ liệt-bại gần chết, người ta mới đem ra nhà thương thì cụ nhịn ăn để phản-đối và mất tại đó. Đồng-chí cụ không một người được tới thăm, quyến thuộc cũng không ai hay biết, tình cảnh rất đỗi bi-đát ! Hôm ấy đúng vào mùng một Tết Nguyên-đán năm Giáp-dần, nhằm ngày 26 tháng giêng năm 1914.

Đau lòng trước cái chết của một đồng-chí và là một bạn vong-niên thâm-giao, cụ Nguyễn-Quang-Diêu kêu khóc :

---

(1) Trong bài **Hà-Thành lâm-nạn,** chép :

*Còn một bác tên Bùi-Chi-Nhuận,*
*Xiêm giải về án luận chung-thân...*

Cụ Bùi sau được ân-xá, về Tân-An làm thuốc để sinh-nhai, đến già chí vẫn không đổi.

Theo cuốn *Những chí-sĩ cùng học-sinh du-học Nhật-bản dưới sự hướng dẫn của cụ Sào Nam Phan-Bội-Châu* của Anh-Minh Ngô Thành-Nhân, thì cụ Bùi người làng Nhật-Tảo, tỉnh Tân-An.

*Bấy lâu bay bổng cánh minh-hồng,*
*Lạc lối giờ ra phải máy cung !*
*Chín suối có thiêng hồn tổ-quốc,*
*Trăm năm còn tạc gánh tang-bồng.*
*Đồi dời nghĩ gớm câu dâu bể,*
*Thỏ-lộ cùng ai chuyên núi sông ?*
*Thôi để làm gương cho sắp bé,*
*Ngàn năm trong nước đấu anh-hùng.*

Hiện nay tại Sài-Gòn, Cần-Thơ, Hà-Tiên, mỗi nơi có một con đường lấy tên Nguyễn-Thần-Hiến, và cụ còn lại hai người cháu nội đều có địa-vị xã-hội khả-quan : Bác-sĩ Nguyễn-Như-Giu, Ty y-tế bệnh-viện Cần-Thơ và bà Trần-Văn-Tri nhũ-danh Nguyễn-Như-Hằng, Hiệu-trưởng trường Nữ Trung-học Định-Tường.

Hồn nếu có thiêng, chắc ở suối vàng cụ cũng được phần nào an-ủi.

## VIII

# BỊ ĐÀY SANG NAM-MỸ

Sau ngày cụ Nguyễn-Thần-Hiến mất, tức vào khoảng mùa Xuân năm 1914, trừ hai cụ Huỳnh-Hưng và Bùi-Chi-Nhuận bị đày đi Côn-Nôn (1), bao nhiêu người Nam-Kỳ bị bắt tại Hồng-Kông về vụ tạc-đạn đều bị đày sang Guyane (Nam-Mỹ).

Xứ Guyane là thuộc-địa của ba nước : Pháp, Anh Hòa-Lan. Thị-trấn vùng Pháp chiếm : Cayenne (2) ; vì vậy họ đem đày các nhà cách-mạng Việt-Nam sang đây, cũng như họ từng đày sang Madagascar hay Réunion vậy.

Tàu không đi thẳng sang Cayenne (Mỹ) mà lại về Marseille (Pháp). Các « chính-trị-phạm » bị đem lên tạm giam tại Marseille vài tuần lễ rồi mới đổi sang một chiếc tàu khác mà đi Guyane. Các cụ chưa quen đi tàu

---

(1) Trong cuốn *Phong-trào Đại-Đông-Du*, ông Phương-Hữu nói *« hồi cụ Nguyễn-Thần-Hiến bị bắt thì cụ Cường-Để sang Berlin với Đỗ-văn-Y và Huỳnh-Hưng »*. Điều đó lầm. Theo cụ Nguyễn-Quang-Diêu và cụ Cường-Để thì Huỳnh-Hưng bị bắt một lượt với Nguyễn-Thần-Hiến. Riêng về tài-liệu của Nguyễn-Quang-Diêu còn cho biết thêm ; *Huỳnh-Hưng sau bị Anh giải cho Pháp và bị Pháp đày Côn-Nôn.*

Cụ Cường-Để cũng có thuật rõ rằng cụ *đi Âu-Châu với Trương Duy-Toàn, Đỗ-văn-Y và Lâm-Tỷ* mà thôi, không có Huỳnh-Hưng.

(2) Diện-tích vùng Pháp chiếm gồm 88 cây số vuông, có 50 ngàn dân ; thổ sản có vàng, lâm-sản,..

biển đường xa, thêm khí-hậu thay đổi và bị ràng buộc khó-khăn lâu ngày khiến ai cũng bực mình, mong cho chóng đến (1).

Nhìn sông núi bao-la của một nòi dân đồng cảnh-ngộ, cụ Nguyễn-Quang-Diêu bùi-ngùi cảm-xúc, khẩu-chiếm một bài thơ kịp khi tàu cặp bến Cayenne :

*Bấy chầy mong mỏi xứ Cai-Danh,*
*Phong-cảnh xem qua bắt động tình.*
*Bể rộng mênh-mông dòng nước biếc,*
*Nội bằng mờ-mịt mạn rừng xanh.*
*Dã-man thảm hại cho người đó,*
*Tân-khổ nài bao cái lũ mình.*
*Tuyệt-chủng rõ-ràng gương dưới mắt,*
*Trông người, ta lại ngẫm mà kinh !*

Ở đây, người ta đem các cụ lên rừng bắt đốn cây, rẫy củi... làm những việc nặng nhọc của hạng tù đồ, tuy-nhiên các cụ không vì vậy mà thối chí, trái lại vẫn coi thường khổ-cực và vẫn quyết tâm hy-vọng một ngày quốc vận vinh-quang.

Tình-hình chính-trị thế-giới mỗi ngày một căng thẳng, làm các cụ càng nuôi nhiều hy-vọng, nên dù là tù-phạm, luôn luôn bị canh chừng để ý, các cụ vẫn tìm cách thăm dò tin-tức ở ngoài.

Có một buổi chiều, ai nấy vừa nghỉ việc, Lý-Liễu ở đâu xồng xộc chạy vào trại tù reo lên :

— Vạn-tuế cách-mạng Việt-Nam !

---

*Chẳng biết rằng mình nó tội chi*
*Tội chi dù có có nao gì !*
*Phép thần công-lý đành không hiệu,*
*Luật nước văn-minh gẫm cũng kỳ...*

(1) Lúc bị tạm giam tại Marseille, cụ Nguyễn thấy thành-phố nước Pháp rất đẹp, cách tổ-chức sinh-hoạt cũng văn-minh nhưng luật-pháp của họ xử-đối với người thuộc-địa rất tệ, nên có làm thơ trách cứ ;

Ai nấy nhao nhao xúm lại :

-- Cái gì mà vạn-tuế ?

Lý-Liễu tỏ vẻ quan-trọng, ngồi phệt xuống, hạ giọng thì-thầm :

— Một người Hoa-kiều trong chi-điếm thương-hội Anh-Hoa vừa cho tôi biết tình-hình cách-mạng Việt-Nam khả-quan.

— Sao ? sao ? ...

= Hắn nói Kỳ-Ngoại-Hầu đã sang Âu-Châu với Đỗ-Văn-Y để vận-động ngoại-giao, chính hắn đã gặp tận mặt Đỗ-Văn-Y năm ngoái tại Đức (1). Hiện nay Kỳ-Ngoại-Hầu

---

(1) Cuối năm 1913, Kỳ-Ngoại-Hầu có sang Đức với Đỗ-Văn-Y thật, nhưng chỉ là chuyến đi du-lịch chứ không phải ngoại-giao. Lúc đó cụ Nguyễn-Quang-Diêu, Lý-Liễu .. đang còn bị giam tại ngục Hà-Nội nên chưa nghe biết tin ấy.

Đỗ-Văn-Y, người Hòa-An (Cao-Lãnh), có tình bà con với cụ Nguyễn-Quang-Diêu. Năm 1907, đang làm giáo-viên, được chọn đưa xuất-dương du-học. Cụ học tại *Trung-Đức học-đường* Hồng-Kông, giỏi tiếng Tàu, tiếng Đức. Sau vụ bắt tạc-đạn tại Hồng-Kông, cụ theo làm thông-ngôn cho cụ Cường-Để sang Âu-Châu rồi ở lại tiếp-tục học tại Pháp.

Lúc ở Pháp mới về, có cụ Hùng (một đồng-chí giỏi nho ở Hòa-An) bày tiệc khoản-đãi cụ Y. Giữa tiệc có đông đủ nhiều nhà ái-quốc, cụ Hùng muốn thử lòng và thử lại tài thơ của cố-nhân, nên ra một đầu đề cho cụ Y làm. Đề : *Gà trống*, và hạn vận : *Mò, ó, ô, cô, phụ*, Đỗ-Văn-Y làm ngay :

*Đêm khuya thức dậy tối đen mò,*
*Cất tiếng kêu người gáy ó-o.*
*Rơi máu trường-trung lòng chẳng gớm,*
*Xàu mình chiến-hậu tiếng không ô.*
*Dòng nòi quyết giữ thân tròn vẹn,*
*Cựa sắc nào nài phận quả cô.*
*Một độ ăn thua trời đất biết,*
*Ân đền nghĩa trả cái công-phu,*

Tiệc tan, có người báo Pháp, nói cụ Y về nước hội-hiệp nhiều người muốn tính đại-sự, người ta còn cắt nghĩa những ẩn ý trong bài thơ. Cụ Hùng, cụ Y và cả bọn đều bị bắt.

Cụ Y bị giam sáu tháng, sau được thả về, có lúc làm Quản-lý Au-Lâu ấn-quán tại Cần-Thơ.

đã trở về Trung-Hoa rồi, đã được Viên-Thế-Khải và Đoàn-Kỳ-Thụy nhận viện-trợ Việt-Nam để đánh Pháp, chúng ta chắc được phóng-thích nay mai !

Cái tin của Lý-Liễu làm không khí trong trại tù nóng rực cả lên trong đêm ấy, và âm-ấm luôn năm bảy ngày sau đó, nhưng dần dần rồi im bặt, không thấy chuyện gì xảy ra ở nhà tù cũng như ở Việt-Nam (1).

Lý-Liễu như chúng tôi đã có dịp nói, là một sinh-viên du-học, bị liên-can trong vụ tạc-đạn nên bị đày. Cụ trẻ tuổi nhất trong số các đồng-chí, giỏi tiếng Anh, tiếng Tàu và biết chút ít tiếng Tây, nên từ khi bị đày sang Guyane, xếp Tây ở trại tù miễn cho cụ những việc nặng-nề của tù-phạm để sai cụ liên-lạc những chuyện vặt từ trại tù xuống Cayenne . Trại tù ở ven rừng, cách xa Cayenne hằng chục cây số, cho nên Lý-Liễu thông-thả tới lui, có khi được ở đêm tại Cayenne, tha hồ đi lại với kiều-dân Trung-Hoa, Nhật-Bản.

Ở xứ người xa lạ, tứ bề bị bưng-bít, mà biết được những cái tin như vậy các cụ cũng thấy vui vui.

Một lần khác mọi người đang nghỉ trưa, Lý-Liễu từ Cayenne về, lay Nguyễn-Quang-Diêu và Đinh-Hữu-Thuật dậy-bảo :

— Vua Duy-Tân đã hiệp với Trần-Cao-Vân chống Pháp, nhân-dân trong nước sôi-nổi hưởng-ứng khả-quan...

Đinh-Hữu-Thuật chận lại :

— Lại khả-quan nữa ! ?

---

(1) Tin này không phải hoàn-toàn thất thiệt. Tháng 4 năm 1914, cụ Cường-Để rời Anh để về Trung-Hoa, vì có thư của Hồ-Học-Lãm gởi qua nói Viên-Thế-Khải có ý muốn gặp cụ để bàn về việc ủng-hộ cách-mạng Việt-Nam. Thượng tuần tháng 6 năm ấy thì cụ tới Bắc-Kinh, Đoàn-Kỳ-Thụy tiếp đón trọng-hậu và hoạch-định chương-trình viện-trợ thành hai thời-kỳ : thời-kỳ chuẩn-bị và thời-kỳ tiến-hành. Nhưng về sau vì có chuyện lôi-thôi với Nhật, Viên-Thế-Khải bận chuyện ngoại-giao nên vấn-đề viện-trợ Việt-Nam hóa ra việc suông.

— Thì đây, một tờ báo Tàu có loan tin đó, các anh coi... (1)

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu cầm tờ báo xem. Một bài đăng trang đầu, xét về tình-hình các nước nhược-tiểu giữa thế-chiến, có nói phớt qua tình-hình Việt-Nam và tin-tức trên.

Thêm một phen nữa tưng bừng trong lòng các cụ, dù rằng sau đó cũng chẳng có gì (2).

Thời-khắc cứ lặng-lờ trôi, lòng yêu nước của các cụ vẫn không hề lay chuyển ; tuy nhiên đứng trước viễn-tượng mịt-mờ của con đường trở về cố-quốc, các cụ có lúc không khỏi bồi-hồi ngao-ngán. Một bức thư của cụ Nguyễn-Quang-Diêu từ Guyane gởi về gia-quyến đã bộc-lộ ý đó trong mấy vần thơ :

*Mười năm đèn sách con nhờ mẹ,*
*Nghìn dặm non sông thiếp ngắm chàng.*
*Cam tủi nỗi mình còn thể mất,*
*Buồn cười cuộc thế hiệp rồi tan !*

Và trong một bài thơ khác của cụ Lý-Liễu gởi cho chị lúc bấy giờ :

*Đã rằng chung đội ơn trời đất,*
*Thôi chớ phân bì phận gái trai.*
*Ngoài cuộc phong-trần em gánh cả,*
*Trong khi hương-cấp chị gồm hai !*

Mỏi lòng chờ đợi mà tình-thế Việt-Nam vẫn chưa có gì thay đổi lớn, mặc dù thế-giới chiến-tranh đã bùng nổ từ tháng 7 năm 1914, các cụ bàn nhau nhất quyết tìm cách vượt ngục.

---

(1) Nhiều chi-tiết như trường-hợp đối-thoại trên đây, lúc về già, cụ Nguyễn thường đem kể cho một số đồng-chí và môn-đệ nghe khi có dịp nhắc qua chuyện cũ. Chúng tôi chỉ xin dẫn lại một ít.

(2) Vua Duy-Tân khởi-nghĩa ngày 3 tháng 5 năm 1916, việc thất bại nên bị Pháp bắt đày sang đảo Réunion. Ngày 26 tháng 12 năm 1945, nhà vua bỏ mình vì một tai nạn máy bay tại xứ Benghi, thuộc Phi-Châu. Cái chết thê-thảm của nhà vua có điều bí-ẩn đáng chú ý.

# IX

# VƯỢT NGỤC SANG TRINIDAD

Trong thời-gian ở Guyane, Lý-Liễu có một vai trò khá quan-trọng đối với các đồng-chí cách-mạng: kêu với Tây đề đòi quần áo, thuốc men là tay cụ; bắt tin-tức bên ngoài để hiểu biết tình-hình chính-trị là nhờ cụ; gởi thư về thăm gia-quyến và nhận thư của gia-quyến gởi sang cũng một tay cụ; rồi nay tính chuyện vượt ngục, anh em cũng chỉ trông cậy vào cụ nốt.

Cụ sẵn có quen biết và có nhiều cảm-tình với một số kiều-dân Trung-Hoa. Một lần cụ đem ý định muốn vượt ngục đó nói cho vài bạn thân biết và ngõ ý xin nhờ liệu cách giúp đỡ, cụ được họ ừ liền.

Công việc sắp đặt bắt đầu từ giữa năm 1916, nhưng đến đầu năm 1917 mới có một chuyến khởi-hành.

Nguyễn-Quang-Diêu và Đinh-Hữu-Thuật đi trước. Hai cụ được đưa xuống một chiếc thuyền đánh cá của thổ-dân để từ bờ biển Guyane dong buồm sang đảo Trinidad (1). Mọi việc lo-liệu tốn kém đều do mấy bạn Hoa Kiều gánh chịu, họ còn tốt bụng viết thư giới-thiệu trước với một thương-hội ở Trinidad về tình-cảnh của các nhà cách-mạng Việt-Nam và yêu-cầu ủng-hộ.

Từ đó ở Guyane thỉnh-thoảng có người vượt ngục

(1) Chuyến đi này khi gần đến Trinidad thì thuyền bị đắm, vài thổ-dân bị mất tích.

và mấy tháng sau, Lý-Liễu cũng trốn được theo anh em sang Trinidad.

Trinidad là một hải-đảo thuốc Anh, Pháp gọi Trinité và Tàu gọi Trì-lí-ni-đích đảo, có nhiều kiều-dân Trung-Hoa như ở Guyane (1). Họ giúp các cụ có sở làm ăn : Nguyễn-Quang-Diêu coi về thư từ giao-dịch cho một chi-điếm thương-hội, Đinh-Hữu-Thuật kiểm-soát hàng-hóa xuất nhập cho thương-hội đó ; còn Lý-Liễu thì ở trong thương-hội một thời-gian rồi ra lấy vợ Anh ; nhờ của hồi-môn, hai vợ chồng mở riêng một hiệu buôn để tự-lập sinh-nhai.

Việc ở ăn được yên-ổn, cụ Nguyễn-Quang-Diêu ban ngày làm cho thương-hội, ban đêm học tiếng Anh. Riêng về tiếng Tàu thì cụ đã lảo-thông từ trước nên được người Tàu trọng dụng.

Không-khí tự-do ở Trinidad đã làm các cụ dễ chịu về phần thể-xác, nhưng tâm-hồn các cụ luôn luôn quẩn-quại vì trách-nhiệm dở-dang. Nhất là từ sau ngày thế-giới đại-chiến chấm dứt, tình-hình cách-mạng Việt-Nam vẫn im lặng, các cụ càng thêm căm bực. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu có lần nóng-nảy xin với thương-hội cho cụ nhiệm-vụ đi công-tác sang một chi-điếm bên Anh. Bề ngoài cụ làm việc cho thương-hội thật nhưng bề trong để cụ có dịp ngóng nghe tin-tức. Tuy vậy cụ cũng thất-vọng hoàn-toàn vì không gặp được đồng-chí và cũng không tìm hiểu được gì xác-thực về tăm hơi của các lãnh-tụ cách-mạng nước nhà.

Thời-gian lại vẫn trôi, mà sự bồng-bột trong lòng các cụ thì cứ mỗi lúc mỗi mãnh-liệt. Khoảng năm 1920, các cụ họp nhau bàn định trở về ; cụ Đinh-Hữu-Thuật nói :

(1) Trinidad có 4822 cây số vuông, 550.800 dân, tỉnh lỵ là Port of Spain. Sản-vật có dầu lửa, ca-cao, đường...

— Mục-đích vượt ngục của chúng ta là trốn cái khổ về tâm-hồn hơn trốn cái khổ về thể-chất, nay thể-chất được sung-túc mà tâm-hồn vẫn không hơn gì khi ở Guyane thì phỏng có sướng gì mà mãi ở đây, vậy tôi đề-nghị anh em tìm phương về nước.

Cụ Nguyễn khoa tay :

— Đồng ý. Nhưng theo tôi thì không thể về nước ngay được, vì hiện nay ta chưa rõ tình-trạng nước nhà ra sao ; tôi thấy ta hãy về ngay Trung-Hoa trước đã thì tiện hơn. Lý-Liễu reo lên :

— Anh Cảnh-Sơn (1) nói phải. Chúng ta bây giờ bề ngoài là người Tàu cả, chúng ta hãy về Tàu rồi sẽ liệu cách hiệp đoàn với Tàu mà về trong nước. Vã hiện nay các nhà lãnh-tụ chắc còn ở Tàu, chúng ta về đó để may ra có cách gì hoạt-động được chăng !

Các cụ tiếp-tục bàn thêm và sau rốt quyết định :

— Yêu-cầu thương-hội cấp giấy tờ và giới-thiệu với các hiệu buôn lớn bên Trung-Hoa để khỏi bị nghi-ngờ trong việc hành-trình.

— Đi lần lượt từng người cho êm chuyện.

— Về Trung-Hoa để lắng nghe tin tức chứ chưa về thẳng trong nước.

Trong mấy năm sống ở Trinidad, nhờ làm việc siêng năng và chi-tiêu tằn-tiện, bây giờ ai cũng có dư tiền, nên chuyến này ra đi các cụ khỏi phải nhờ các bạn Trung-Hoa quyên giúp.

Giữa năm 1920, Nguyễn-Quang-Diêu đáp tàu lên

(1) Cảnh-Sơn : một biệt-hiệu của cụ Nguyễn-Quang-Diêu kể từ lúc vượt ngục sang làm việc cho thương-hội.

Hoa-thịnh-đốn, cụ ở đó một lúc rồi đổi sang tàu khác mà về Trung-Hoa. Lần lượt các cụ khác đi theo.

Riêng Lý-Liễu phen nầy ra đi chắc là khổ tâm chẳng ít. Cụ có vợ Anh, như đã nói, và đã sanh với nhau được hai mặt con. Hôm ra đi, thừa lúc vợ con về quê ngoại, cụ lấy một ít tiền, khóa kín các tủ lại, để lại một phong thư... (1)

Tâm-hồn cao-thượng của bậc chí-sĩ nhắc ra làm ta siết bao kính mến; nhưng buồn thay, cụ sau nầy về nước, bị Pháp bắt được đày ra Côn-Đảo và bỏ thây luôn ngoài đó!... (2)

(1) Bỏ vợ trẻ con ngoan ra đi, không được nói lên một câu từ giã, mà là chuyến đi vĩnh-quyết, ai lại không thấy lòng mình xót-xa. Cụ Lý-Liễu lúc về nước, trong một buổi chiều nhàn rỗi ngồi chơi nói chuyện với một bạn thân, than :

— Hiện bây giờ, bên kia trời xa vợi, vợ con tôi có dè đâu tôi ở đây ! chắc chúng nó nhớ nhung tôi dữ lắm !

Từ ngày cưới vợ cho tới lúc bỏ vợ ra đi, khoảng sáu năm, cụ chưa hề nói thật cho vợ biết mình người Việt. Vợ con cụ vẫn tưởng đâu cụ người Tàu.

(2) Muốn biết thật đầy-đủ cuộc đời cách-mạng của Lý-Liễu, xin tìm đọc bài biên-khảo « *Lý-Liễu và Phong-trào Đại Đông-Du* » của tác-giả, đăng trên tạp-chí *Bách-Khoa* số 145, *đặc-biệt kỷ-niệm 6 năm*, *Xuân Quý-mão*.

# X

# SANG TÀU

Cuối năm 1920, Nguyễn-Quang-Diêu về tới Hồng-Kông. Cụ không tìm gặp đồng-chí nào cả, nên đi thẳng Quảng-Châu; vì nghe nói các cụ Cường-Để, Nguyễn-Hải-Thần, Phan-Bội-Châu và một số thanh-niên trong nước mới ra đang có mặt tại đó.

Nhưng khi tới Quảng-Châu, cụ cũng thất-vọng: cụ Cường-Để chờ đợi Đoàn-Kỳ-Thụy viện-trợ không được nên bỏ sang Nhật và cụ Phan-Bội-Châu đã đi Hàng-Châu để sinh-nhai bằng ngòi bút từ cuối năm trước. Cụ chỉ gặp cụ Nguyễn-Hải-Thần và một vài thanh-niên đồng-chí, nhưng Nguyễn-Hải-Thần bấy giờ cũng không làm gì được ngoài sự hướng-dẫn và giúp đỡ các thanh-niên trong công việc học.

Xét chung, tình-thế cách-mạng Việt-Nam ở ngoại-quốc khoảng nầy thật đáng buồn: số người ít-oi, sống rời-rạc, nghèo túng và còn phải lo tránh lũ chó săn của Pháp. Cụ Cường-Để có nói: « ...những người ở ngoài, hoàn-cảnh đã khốn khó, kinh-tế lại thiếu-thốn, đành phải bó tay không làm gì được. Trái lại, những kẻ về thú tội lại trở ra hoạt-động rất dữ, toan tiêu-diệt hẳn cái chủ-động-lực chống Pháp ở hải-ngoại ». Thế nên dù nhiệt-huyết có thừa, vận-hội vẫn chưa cho phép các cụ làm sao khác được.

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu trong hoàn-cảnh ấy, đành

phải tìm sang Tứ-Xuyên, ở nhờ với một người bạn Trung-Hoa ; cụ chịu thiếu thốn ít lâu rồi sau giúp làm tài-phú cho một hiệu thuốc bắc lớn tại đó. Thỉnh-thoảng cụ trở về Quảng-Châu để gặp-gỡ anh em và gặp cô Trần-Bội-Trân, một nữ đồng-chí có phận sự liên-lạc (?), để tìm hiểu tin-tức.

Tuy nhiên, đến mùa hè năm 1924, phong trào cách mạng bỗng lại dâng lên; duyên do là quả tạc-đạn của Phạm-Hồng-Thái ném ở Sa-Diện để mưu-sát Toàn-quyền Merlin ngày 19 tháng 6 năm ấy.

Các cụ xôn-xao nhóm họp, bàn mưu đẩy mạnh thế lực cách-mạng lên. Cụ Phan-Bội-Châu từ Hàng-Châu cũng được các đồng-chí mời về hội tại Quảng-Châu để thừa cơ hoạt-động.

Rồi nào in tuyên-truyền-phẩm, tuyên-bố dân-bản chủ-nghĩa, nào phái người về nước gọi thêm các đồng-chí ra, nào vận-động với Trung-Hoa Quốc-Dân-Đảng viện trợ cách-mạng Việt-Nam... tình-thế chung xem mòi dễ chịu. Một bài tuyên-truyền hồi đó tỏ vẻ lạc-quan :

*Sa-Diện gió âm hồn quỷ khóc,*
*Châu-Giang nước lạnh bóng hồng sa.*
*Non sông ba cõi kinh lòng giặc,*
*Trời đất năm châu mở mặt ta.*

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu bấy giờ cũng hội về Quảng-Châu, cụ được các đồng-chí giới-thiệu vào nói chuyện tại trường «Hoàng-Phố quân-quan học-hiệu». Đề-tài hôm ấy là « **Việt-Nam cách-mạng lưu-vong chư nhân-vật** » (các nhà cách-mạng Việt-Nam lưu-vong). Cụ nói bằng tiếng Tàu; trình bày bao nỗi khốn cùng của một nòi dân vong-quốc và cái tủi cực ê-chề của các nhà cách-mạng Việt-Nam trên bước lưu-vong, có mục-đích khuyến-khích

thanh-niên tha-thiết với tự-do độc-lập (1). Trong trường nầy, ngoài thanh-niên ngoại-quốc, có một số thanh-niên Việt-Nam đang được học miễn-phí.

Nhưng rồi từ ấy trở đi cũng chẳng có gì thay đổi ; Pháp vẫn đàn-áp bất kể các cuộc bạo-động trong nước và các nhà cách-mạng hải-ngoại vẫn chỉ héo-hắt sầu mong (2).

Vào đề một bài *Trung-thu ngoạn-nguyệt* giữa khi sống gởi đất người, người có tâm-hồn cứng-cỏi như cụ Nguyễn-Quang-Diêu, cũng đã phải tấm-tức mạch lòng mà tha hồ cho lệ tuôn đầu bút :

*Bao độ tròn trăng hội Á Âu,*
*Mà người cay đắng mấy mươi thâu !...*

Cho tới cuối năm 1925, tức sau ngày cụ Phan-Bội-Châu bị bắt, phong-trào xin ân-xá cho cụ nổi lên, cách-mạng mới lại có được một luồng gió mát.

Trong khi toàn-dân tranh-đấu cho cụ Phan được tự-do, thì báo chí Trung-Hoa luôn luôn theo dõi, loan báo tin-tức. Ngoài cái tin cụ được tha, còn có một tin khác nói cụ sẽ bị đưa đi an-trí ngoại-quốc. Nguyễn-Quang-Diêu đang ở Tứ-Xuyên, nghe tin vừa phẫn-uất vừa thương tiếc cụ Phan, có làm một bài khóc tiễn, trong có mấy câu :

*Mấng tin xiết nỗi bời-hồi,*
*Gớm cho mưu việc cừ-khôi rất thần !*
*Sực nhớ chữ « bách thân mạc thục »,*
*Ngọn lửa hồng càng dụt càng nồng.*

---

(1) Theo tài-liệu gia-đình Nguyễn-Quang.

(2) Khoảng nầy, để tránh sự theo dõi rất gắt của bọn mật-thám Pháp, cụ Nguyễn nhờ các bạn Trung-Hoa giúp gởi sang Nữu-ước. Khi đi qua mấy thương-phụ của Pháp, cụ phải giả làm bồi tàu cho khỏi bị tình-nghi.

*Vô-tình chi bấy hóa-công,*
*Tội chi mãi khiến anh-hùng tiêu ma ?*
*Thương vì cụ đường xa gánh nặng,*
*Trải bao phen cay đắng đủ mùi.*
*Đem thân cống-hiến giống nòi,*
*Quyết sao quốc-thể rạng ngời có khi.*
*Hiềm vì nỗi thời-kỳ vị-ngộ,*
*Đành tự cam mạt lộ anh-hùng !*
*Não-nề sóng dập gió rung...*

# XI

# VỀ NƯỚC

Cụ Phan-bội-Châu được « ân xá » chưa bao lâu thì cụ Phan-Châu-Trinh mất (1926). Đám táng cụ được đồng-bào cử-hành lễ truy-điệu rất long-trọng. Vì lẽ đó mà phong-trào học-sinh bãi khóa phát-sinh từ Nam tới Bắc, gây một tiếng vang lớn-lao (1).

Các lãnh-tụ của ta ở Tàu biết vậy ai cũng muốn tìm cách gây lại phong-trào, nhưng ngặt phương-tiện không có, thêm người ít mà tư-tưởng không đồng, tuy không khuynh-loát nhau nhưng chia ra nhiều phân-bộ làm việc với hệ-thống khác nhau, vậy nên phải thành-thật mà nhận rằng thế-lực cách-mạng Việt không có gì đáng kể như trước.

Trước sự-thể ấy, cụ Nguyễn-Quang-Diêu tình-nguyện trở về hoạt-động. Cụ Nguyễn-Hãi-Thần rất tán-thành ý đó, khuyên cụ khi về nước nên liên-lạc rộng-rãi để may ra có thể gây lại phong-trào mạnh-mẽ được không. Cuối năm ấy, cụ từ biệt cụ Nguyễn-Hải-Thần

---

(1) Trong năm này (1926), cụ Nguyễn-Quang-Diêu từ Tứ-Xuyên về Quảng-Châu để hội họp với các đồng-chí. Cụ có sang thăm mộ Phạm-Hồng-Thái và viếng mộ 72 liệt-sĩ Trung-Hoa tại Hoàng-Hoa-Cương. Cụ làm nhiều bài thơ bằng Hán-văn, để nơi phần mộ các liệt-sĩ và có hai bài thơ Nôm.

Một bài truy-niệm Phạm-Hồng-Thái và một bài cảm đề 72 liệt-sĩ Trung-Hoa. Các bài ấy nay đã lạc mất, chỉ còn sót một bài *Viếng Hoàng-Hoa-Cương* mà chúng tôi xin sẽ chép ra ở phần thi văn.

và một vài đồng-chí thân-tín rồi xuống tàu về ngay Sài-Gòn.

Cụ Nguyễn-Hải-Thần ít hay làm thơ, nhưng hôm tiễn chân Nguyễn-Quang-Diêu, cụ cảm-kích quá, có đọc một bài thơ lục bát ngắn mà nay còn thấy được hai câu :

*Gió mưa mặc gió mưa chan,*
*Trời sinh trời hộ nguy-nan quản gì !*

Nguyễn-Quang-Diêu lấy giấy thông-hành Trung-Hoa với biệt danh Nam-Xương, mặc đồ Tàu, nói tiếng Tàu, và lúc xuống tàu cụ chơi ròng với người Tàu nên khi tới Saigon không hề bị một ai để ý.

Hôm ấy đúng vào trung-tuần tháng hai năm Đinh-Mão (1927), cụ đi thẳng về Sa-Đéc, ghé nhà cụ Cử Võ-Hoành. Lần đầu tiên gặp nhau, sau nhiều năm xa cách. cụ Cử-Hoành qua làn kiến trắng, nhìn hồi lâu, rồi la lên :

— Chú Thầy Năm!...

Cụ Cử tính nóng nảy gan ruột, mà cụ Nguyễn cũng hăng-hái ruột gan, nên hai người đã có lòng mến nhau từ trước. Nội ngày ấy, cụ Cử nhờ cụ Hai Ký mang tin cho cụ bà Nguyễn-Quang-Diêu hay, đồng thời cụ kêu thợ may đến nhà đo cắt cho cụ Nguyễn mấy bộ quần áo để hợp bề đi lại. Đồ mặc của cụ Nguyễn không thiếu, nào Tây nào Tàu, nhưng « mốt » Trung-Hoa không giống « mốt » Việt-Nam sợ thấy lạ mà bọn lính-kín Tây để ý.

Cụ bà Nguyễn-Quang-Diêu đến Sa-Đéc cùng hai người con. Vợ chồng con cái gặp nhau, tình không xiết nói. Cụ Nguyễn bảo :

— Tôi tưởng bỏ thân đất lạ, nay may mà được về đây, mừng rỡ gặp nhau như vầy cũng là quý lắm. Thôi bà trở về lo-lắng nuôi con, còn phần tôi, bao giờ việc nước chưa xong thì chắc tôi chưa sum vầy với gia-đình được.

Hai hôm sau, cụ Cử sai anh Hai — người nhà của cụ — đưa cụ Nguyễn vào sở đất của cụ tại Ba-Thê để tạm trú (1). Mặt khác, người con trưởng của cụ Nguyễn lo việc giấy tờ hợp-pháp cho cụ : nộp cái giấy thông-hành cấp tại Trung-Hoa cho Bang-trưởng Long Xuyên để đổi lấy giấy khác, cũng tên Nam-Xương ; và xin đóng một « giấy thuế thân » tại xã Bình-Phước-Xuân lấy tên Trần-Văn-Vẹn để tránh một phần chướng-ngăn trong khi đi lại.

Tính từ năm xuất-ngoại (1913) cho tới khi trở về (1927), cụ đã mất 14 năm dài đăng-đẳng.

Ôn lại đoạn đường đã qua của cụ Nguyễn ở hải-ngoại, trừ mấy lúc bị giam cầm, đày ải, ta thấy trong cảnh bôn-ba giang-hồ, cụ, lúc đói no, khi sầu oán, lúc giả bộ làm bồi tàu nhem-nhuốc lênh đênh trên mặt sóng trùng-dương, khi chính-thức ngồi ghế tài-phú nghiêm-trang ở Trinidad hay giữa châu-thành Tứ-Xuyên trù-mật, nhưng chẳng hề lấy đó làm toại nguyện hay biến tiết nản lòng. Cụ khư khư ôm một hoài-bão to-tát là phải làm sao phục-hưng dân-tộc, đuổi sạch quân thù, dù cho phải chết đi vì nghĩa-vụ, vẫn hơn sống mà chịu cảnh nhục thẹn đớn-đau. Nhiều bài thơ cụ làm bằng Hán-văn, đối họa với chính-khách Tàu, nói lên cái hiên-ngang bất-khuất, cái tủi cực ê-chề trong tâm-hồn cụ mà khi về nước sau nầy cụ đọc lại cho nghe, nhiều nhà nho phải ngậm-ngùi đến rơi lệ. Tiếc những bài ấy đã thất lạc đi hầu hết. Nay ta thử tạm đọc mấy câu này để xem cái chí quật-cường mà chính cụ đã phô bày trên văn-chương chữ Hán của cụ ra sao :

*Thiên kinh phong-vũ vô vi yểm,*
*Địa thục kiên-trăng bất thiểu hoàng.*

(1) Cụ Cử hồi nầy có mướn một sở đất tại vàm Ba-Thê, phía trong núi Sập để làm ruộng.

*(Trời hay mưa gió hăng vùng-vẫy,*
*Đất choán gai chông mựa phập-phồng).*

Vũ bão càng to thì sức hoạt-động càng hăng, gai chông càng lắm thì con người gan mật nào đã có sợ gì ! Việc về nước của cụ phen nầy, tự cụ đã giẫm chân vào chỗ gai chông, mưa gió đó !

## XII

# ĐÃ QUA LỐI CŨ

Đặt chân lên mảnh đất chôn nhau, cụ Nguyễn-Quang Diêu được bạn bè kính mến và hết lòng tìm cách che đậy. Nhưng mục-đích cụ không phải về để sống yên mà phải đi thăm dò, xốc gợi lại những tổ-chức cũ và nếu có thể, phát-động một phong-trào dân-bản mới mà cụ đã rút được kinh-nghiệm ở xứ người trong những năm qua. Nên đầu tháng 3 năm ấy, cụ rời đồn điền của cụ Cử Hoành để lại bắt tay vào việc.

Cụ len-lỏi đến Trà-Vinh, Bến-Tre, Tân-An, Sài-gòn, Cần-Thơ, Cao-Lãnh... tìm các bạn-bè quen thuộc (1). Có khi trọ ở chùa, có lúc ngụ dưới ghe, có hồi ở nhà ngủ nhưng cũng có bận phải đi lang thang suốt sáng. Tình-thế không được khả-quan ; đi tới đâu ai cũng than « cách-mạng đã thoái-trào ». Các bạn cũ của cụ kẻ bị tù đày, người đi mất tích, kẻ thì than già rồi không làm gì được, có người đã hoải chí ra hàng làm việc cho Tây. Tuy nhiên Cụ vẫn chân không ngừng bước.

---

(1) Trong hồi cụ Nguyễn về chùa Linh-Sơn Cao-Lãnh, có nhiều bạn cũ của cụ lén lút đến thăm nhưng cũng có lắm người sợ hệ-lụy không dám. Trong số người sốt sắng nhất về việc đến lui giúp cụ trong việc nối lại liên-lạc với các đồng-chí phải kể đến ông Trần-Văn Nhựt (tức Năm Nhựt).

Ông Nhựt người Cao-Lãnh, ngày nhỏ có thụ-nghiệp với cụ Nguyễn sau có tham-gia phong-trào cách-mạng, rất hăng-hái và có chí bền, không ngại việc khó. Nghe đâu như bây giờ ông tuy già nhưng vẫn còn mạnh giỏi.

Bài **Nương mình cửa Phật**, cụ làm lúc ẩn náu tại chùa Linh-Sơn (Cao-Lãnh), có mấy câu :

*Răn lòng cửa Phật cơn sa-sút,*
*Nóng ruột đường đời nỗi được thua.*
*Tủi kiếp trầm-luân làn sóng dập,*
*Tỉnh hồn đọa-lạc tiếng chuông khua...*

chứng tỏ ở cảnh-ngộ nào, cho dẫu ăn nằm nơi cửa Phật, cụ cũng vẫn « nóng ruột đường đời » chứ không phôi-pha thối-nản như ai.

Cụ nghĩ : có lẽ tại mình tìm chưa được các bạn cách-mạng kỳ-cựu chăng ? Nhưng khi cụ đến Tân-An, Bùi-Chí-Nhuận bảo :

— Dân-khí coi mòi xuống quá, ta hãy tạm chờ cơ-hội đã nào !

Rồi cụ sang Mương-Điều, Đinh-Hữu-Thuật nói :

— Thực-dân theo dõi chúng ta từng ngày từng bữa, mà nhân-dân không còn nhiệt-hứng, biết làm sao ?

Một lần khác, Nguyễn-Quang-Diêu đến Trà-Vinh để tìm nhóm đồng-chí cũ là Đinh-Chí-Thiền, Hương-Lễ Tín và cụ Trần-Văn (1). Nhưng khi đến nhà Trần-Văn thì cụ nầy đã mất. Trần-Văn lúc trước làm việc trong tòa bố Trà-Vinh, giàu lòng yêu nước, ngầm giúp cách-mạng một cách đắc-lực. Cụ có một người em ruột ở chung nhà tên Trần-văn-Chim, hiệu Vân-Phi, có học thức, tuy không tham-gia tổ-chức của các cụ nhưng cũng giàu lòng yêu nước. Lúc cụ Nguyễn tới thì Vân-Phi ở Sài-Gòn,

---

(1) Khuyết tên. Vị nào còn nhớ rõ xin chỉ giùm, rất hạnh-tạ.
Theo cụ Phan-Bội-Châu trong chuyện **Tự-Phán** thì năm 1907, « các anh em trong Nam như Trần-Văn-Định, Bùi-Mộng-Vũ (tức Bùi-Chí-Nhuận) thảy đều lần-lượt đến Nhật-Bản ». Chúng tôi ngờ rằng Trần-Văn tức Trần-Văn-Định mà cụ Phan đã nói, nhưng chưa rõ sự thực có đúng vậy không !

bỉnh-bút cho tờ *Trung-lập báo*, nên nhà chỉ còn lại có vợ, con.

Nguyễn-Quang-Diêu viết một bức thư để lại nhà Vân-Phi, nội-dung cho biết cụ đã về nước, định tổ-chức lại các cơ-cấu cách-mạng v.v... Để được cẩn-thận hơn, cụ viết thư ấy bằng chữ nho, không để rõ địa-chỉ mình và tự giới-thiệu với người nhà Vân-Phi mình là một người Tàu, mấy năm trước vào Việt-Nam làm ăn, có quen biết với Vân-Phi, sau trở về Tàu rồi nay mới qua, nên đến tìm thăm. Giọng cụ đối lơ-lớ như người Tàu mới học tiếng Việt, nên người nhà Vân-Phi không chút hồ-nghi.

Một tháng sau, Vân-Phi lên tiếng trên mặt báo bằng một bài thơ. Thơ không đăng báo *Trung-lập* của Vân-Phi mà đăng trên tờ *Cao-Miên hướng truyền*, xuất-bản tại Nam-Vang (1). Toàn bài như sau :

*Cao-Lãnh nhớ còn bạn Nguyễn-Quang,*
*Bấy lâu hồ-hải luống băng ngàn.*
*Nghe rằng non nước thay hình dạng (2),*
*Mới biết đất trời chắc ruột gan (3).*
*Chén rượu xuất-dương hơi tưởng lạt,*
*Câu thơ hồi-cố giọng thêm cang.*
*Người về cảnh cũ người tìm bạn,*
*Buồn một mình ta nỗi hiệp tan !*

Cụ Nguyễn-Quang-Diêu đọc thấy, lòng sáng lên niềm hy-vọng, liền họa lại, cũng đăng trên báo *Cao-Miên hướng truyền* :

---

(1) *Báo Cao-Miên hướng truyền* ra đời tại Nam-Vang năm 1929, xuất-bản mỗi tuần vào ngày thứ ba. Theo quyển *Dépôt légal 1e semestre 1929, Les périodiques* thì : *Cao-Miên hướng truyền* (Edition annamite de l'Echo du Cambodge paraissant le mardi, 1ère année n- 1 à 11. P.P. imp SBI.).

(2) Bóng gió nói việc thay hình đổi dạng thành Huê-kiều của cụ Nguyễn-Quang-Diêu.

(3) Xem thơ mới rõ cụ Nguyễn vẫn bền gan theo đuổi cách-mạng.

*Bác đấy Vân-Phi tôi Nguyễn-Quang.*
*Đường Âu nẽo Á dặm muôn ngàn.*
*Ngóng tiêu-tức bạn trời thưa nhạn,*
*Nghĩ nghĩa-vụ mình lửa đốt gan.*
*Tin cá mập-mờ nghe chửa thấu,*
*Dây cầm vội-vã vặng thêm cang.*
*Sanh-ly há phải đôi ta thế,*
*Tất cả đồng-bào nắm cát tan !*

Sau đó hai người liên-lạc được nhau, nhưng rồi Vân Phi cũng than cách-mạng thoái-trào và cũng không có cách gì để tiếp tay cụ trong công-tác chung được.

Bực chí, cụ đã phải than dài trong bài *Viếng mộ cụ Phan-Châu-Trinh* sau đây :

*Ba cõi Hồng-Bàng thôi hết tưởng,*
*Một vùng Mã-Lạp thế là xong !*
*Đành người tạ-thế đi rồi mất,*
*Thảm khách ưu-thời có thể không !*

Thật vậy, khách ưu-thời còn có đó mà vốn vẫn như không, vì không thể làm sao xoay chuyển lại thời-cơ, vận-hội được (1).

Xét chung nguyên-nhân suy-bại bấy giờ, ta thấy lực-lượng cách-mạng ở hải-ngoại yếu-ớt bởi Pháp đã khôn ngoan giao-hảo với các nước Tàu, Nhật, Xiêm, khiến các nước này không ủng-hộ, trái lại có hồi còn muốn chận đứng cách-mạng. Lực-lượng trong nước thì cũng chẳng khác gì, bởi phong-trào cũ đã lần hồi chìm lỉm với các cụ già nua luống tuổi mà phong-trào dân-chủ mới của lớp

(1) Uất quá, có bận cụ phải thét lên :
Đợi trời rè-rụt bao thằng hủ,
Bán nước ngông-nghênh một lũ tôi !

thanh-niên thì đang còn ở bước dò-dẫm manh-nha. Cho nên một vài cụ còn sức, hăng-hái hoạt-động như cụ Nguyễn-Quang-Diêu, tuy đã xoay chiều, đổi tư-tưởng quân-quyền sang dân-chủ, cũng chưa làm sao thúc đẩy phong-trào vươn lên mãnh-liệt nổi.

* *
*

## XIII

# SÁNG-TÁC TUYÊN-TRUYỀN-PHẨM VÀ BỊ LÙNG BẮT NGẶT-NGHÈO

Qua một lúc quan-sát kỹ tình-hình, Nguyễn-Quang-Diêu nhận rõ cách-mạng đã sụt lùi thật, nhưng lý-do không phải tại nhân-dân hờ-hững trước việc nước non mà tại chánh-sách cai-trị khéo của thực-dân Pháp. Đối với nhân-dân, họ đàn-áp dữ tợn cho sợ uy, rồi trở lại vỗ-về, làm bộ khoan-thứ ; đối với cán-bộ thì giết chóc, đày ải gắt gao cho tuyệt đường lãnh-đạo ; do đó mà quần-chúng vừa bải-hoải vừa bơ-vơ, không còn muốn đi và không biết hướng đi, tinh-thần mất mà tin-tưởng cũng lần hồi mất cả. Muốn phát-động lại phong-trào, cụ nghĩ không cách gì khác hơn trước phải chấn-hưng tinh-thần dân-chúng. Bởi vậy cụ sáng-tác những bài ca, bài vè chỉ-trích tội-ác thực-dân, kêu gào hy-sinh đoàn-kết, lời ý giản-dị thích-hợp với trình-độ bình-dân, tung ra khắp nơi.

Miền Nam đại-đa-số quần-chúng sống nghề ruộng rẫy, cụ đã nhắm vào giới lao-nông rộng lớn đó mà tuyên truyền. Những bài *Chiêu hồn dân ruộng, Vợ nhà nông khuyên chồng, Chồng nhà nông khuyên vợ...* cụ đều viết ra trong khoảng nầy. Chúng ta hãy đọc mấy câu cụ vạch rõ cho hạng bần-nông thấy sự tham-nhũng của bọn điền-chủ ác độc, dựa hơi thực-dân chuyên lo vơ-vét của-cải của dân nghèo :

*Thôi chẳng nói đâu xa-xắc lắm,*
*Nói việc nhà chú gẫm mà ghê.*

*Suốt năm cấy mướn cày thuê,*
*Lúa đi đâu mất, tiền về tay ai ?*
*Còn bề chú cả nhà đói rách,*
*Chủ chú đành ngảnh mặt ngơ tai,*
*Lúa tiền vay một trả hai,*
*Công lưng làm mọi cả đời không cơm.*
*Đến đỗi chú đập rơm tấy mót,*
*Chủ chú quơ sạch bót chẳng chừa.*
*Đó là tang-tích sờ sờ,*
*Thế mà chú lại đổ thừa trời sao ?*

Và trong lúc cơ-cùng đó, bọn quan-lại thực-dân cũng chẳng thương xót gì :

*Chú nghèo đói thế nào mặc kệ,*
*Phép « quan trên » cứ lệ nõ đâu.*
*Thường năm nạp thuế đi xâu,*
*Chú bằng trễ-nải ở tù chai lưng.*
*Một thân chú muốn phần hân-hủi,*
*Chú tài gì chịu nổi được đời ?*

Có lúc tâm-hồn sôi nổi quá, cụ mượn lời thượng-đế để bày mưu, thúc-giục dân chúng nổi lên tranh-đấu với thực-dân. Đây, lời thượng-đế phán xuống :

*Bởi trên có tham-ô chánh-phủ,*
*Binh vực nhà điền-chủ hiếp bay.*
*Khoa-trương gươm bén súng hay,*
*Nào là tàu lặn máy bay thị cường.*
*Chúng bay muốn trừ phường áp-chế,*
*Ta bày cho một kế rất mầu.*
*Những là các hạng thuế xâu,*
*Nó đòi bay cứ yêu-cầu xin thương,*
*Nếu mà nó thị cường áp-bức,*
*Chúng bây đồng kéo rốc nhau ra.*
*Vợ chồng con cái, mẹ cha,*

*Đồng lòng kéo hết đến nha chịu tù.*
*Chúng bay vẫn đâu đâu cũng thế,*
*Thì việc nào cũng dễ như ăn.*
*Dại gì nằm bẹp chịu dần,*
*Mà không cục-cựa nói-năng điều gì !*

Các bài ca ái-quốc tung ra, dân-chúng xôn-xao sôi-nổi, nức lòng căm-oán thực-dân, tìm về ủng-hộ cách-mạng. Những cuộc biểu-tình xin giảm thuế lần-lượt được nổi lên, rồi các cuộc đình-công, bãi-thị đề đòi hỏi chủ-quyền kế tiếp theo đó, khiến thực-dân kinh-hoảng. Người ta kể chuyện rằng có một viên tri-phủ nọ ở Cao-Lãnh, sau khi tra tấn một đảng-viên cách-mạng, được đảng-viên ấy đọc cho nghe một bài tuyên-truyền của cụ Nguyễn, ông ta phải sợ quýnh lên, sai người đi truy-tầm khắp nơi để tịch-thu và thẳng tay trừng phạt những ai còn cất giấu những bài ca nguy-hiểm ấy. Viên phủ kia đã tận-tình với nhiệm-vụ vong-nô của mình, nhưng nào có ngăn cấm được ai ; người ta đã học thuộc nằm lòng rồi truyền khẩu cho nhau, nên những bài ca bị cấm lại càng không thể cấm.

Nhưng càng sôi-nổi thì càng bị đàn-áp và tác-giả những bài ấy càng bị lùng kiếm ngặt-nghèo. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu lại phải phong-trần bôn-tẩu.

Khi xuống Bến-Tre, khi về Cái-Sắn có lúc cụ phải sống nương nhờ trong sở ruộng của một nông-gia tại Vĩnh-Phú (1) và một lần cụ phải chạy thẳng lên Miên.

---

(1) Hồi ở Vĩnh-Phú (quận Phước-Long, tỉnh Rạch-Giá) sống buồn queo trong trại ruộng với một người coi trại và chăn giữ gà vịt, cụ đã ngâm :

*Thiên hạ bao nhiêu bợm chẳng nhà,*
*Hỏi coi ai có cảnh như ta ?*
*Phỏi-pha tình tứ thơ và rượu,*
*Chầu-chực hôm mai chó với gà...*

Sở ruộng nói trên là của cụ Nguyễn-Gia-Lạc — thân-phụ ông

Trong hồi ở Cao-Miên, cụ định sang Xiêm để tìm Thiện-Quảng thiền-sư — tức Thầy Rau, một đồng-chí quen thân, người gốc Bến-Tre, tu-hành ở Xiêm, gặp cơn quốc-biến dám bỏ chùa về nước quyên tiền giúp cách-mạng — Nhưng vì lộ phí kém khuyết và sự kiểm-soát của Pháp cũng quá gắt gao, vã lại cụ nghe tin Thầy Rau đã mất, nên phải quay về trong nước (1).

Trong những năm từ 1928 — 1930, tình cảnh thực là khốn-quẫn, cụ không mấy lúc được yên. Có những buổi trưa hè gắt nắng, cụ phải chui rúc trong hầm đất ngột hơi ; có những đêm đông giá buốt, cụ phơi mình trên một chiếc thuyền con trống-trải ; có những cái xuân ăn nhờ ở đậu, tuy hơi dễ chịu mà cũng vẫn buồn tênh.

Cụ đã than :

*Vận nước rủi may xem chán-nhác,*
*Nỗi mình lui tới nghĩ lôi-thôi !*

Trong thời khoảng ấy, những người có tên tuổi

---

Nguyễn-Gia-Lịnh, đương kim hiệu-trưởng trường Trung-học công-lập Đệ Nhị cấp Thủ-khoa Nghĩa Châu-Đốc — Theo lời cụ Nguyễn-Gia-Lạc (năm nay hưởng thọ gần 90) thì sở dĩ cụ Nguyễn-Quang-Diêu xuống miền nầy vì tại đây lúc đó có cụ Hội-đồng Nhẫm và có con gái cụ là Nguyễn-Trung-Nguyệt tham-gia cách-mạng. Cô Nguyễn-Trung-Nguyệt về sau bị Pháp bắt, nên cụ Nguyễn-Quang-Diêu đến thăm và ăn mặt trong trại ruộng của cụ Nguyễn-Gia-Lạc để tiện bề đi lại bàn bạc với cụ Hội-đồng Nhẫm. Nghĩa-cử của cụ Nguyễn-Gia-Lạc thực đáng kính và đáng ghi nhớ.

(1) Theo ông Phương-Hữu, lúc sinh-viên du-học tại Nhật bị trục xuất, một số đông chạy sang Xiêm sống trong cảnh túng bần, cụ Phan-Bội-Châu phải hiệp với cụ Nguyễn-Thần-Hiến yêu cầu Thầy Rau về nước vận-động tài-chánh giúp đỡ anh em. Thầy Rau về Nam-Kỳ hơn một tháng, đem sang 2000đ00 và hứa năm sau sẽ trở về nữa để tìm một số tiền to hơn.

Sang năm sau, Thầy Rau đúng hẹn ; nhưng khi xuyên rừng do ngã Cao-Miên xuống Tây-Ninh thì tung-tích bị lộ, Thầy Rau bị bắn chết, một đảng-viên cách-mạng theo chân thầy cũng bị giết luôn,

trong « sổ bìa đen » như cụ, hễ lọt vào tay Pháp thì cái chết dễ như trở tay, vậy mà cụ chẳng hề có chút gì lo-lắng, cứ thản-nhiên như không. Có một lần lính-kín lục kiếm cụ dữ quá, anh em đem cụ về ẩn ở núi Sam và khuyên cụ ngưng hoạt-động cho êm đi ít lâu ; nhưng khi tới núi Sam, những người ái-mộ cụ cũng theo tới, rồi cụ cũng ngâm họa, cũng tuyên - truyền cách-mạng, cũng thóa-mạ thực-dân, khiến nhà cầm quyền Pháp lại tức thời hay biết.

Có bận khác ngặt hơn, quân Pháp tình-nghi nên bao vây từ nhà để xét bắt cụ, cụ cực-chẳng-đã phải lên nằm trốn trên một bồ lúa, dưới gác trang thờ « Phật-Táo ». Đang khi bực-bội mà trông lên thấy tượng Phật-Táo mặt mũi đen sì, lộ nét thong dong, đường-bệ trong mũ cao áo rộng, cụ nổi giận, trách Táo :

*Quê người đất khách ai buồn mặc,*
*Rượu vía chè rằm cụ sướng thôi !*
*Sao việc lửa hương mong cậy tớ,*
*Mà con gió bụi chẳng tâu trời ?*

Nghĩ ở núi Sam càng lâu càng bể tiếng, cụ Nguyễn-Quang-Diêu lẻn về Tân-An — một làng hẻo lánh ở biên thùy Miên-Việt — sau khi gởi lại cho bọn mật-thám Pháp một bài thơ đầy giọng mỉa-mai dưới nhan-đề **Chó chết hết chuyện** :

*Muôn vật đều còn để dấu roi,*
*Buồn cười thân chó chết rồi thôi !*
*Ân-cần mãn kiếp ba ơn mọn,*
*Thóa-mạ ngàn năm một tiếng đời.*
*Nội trống gặp hùm xua hắn đuổi,*
*Hang sâu hết thỏ nấu chàng xơi !*
*Ai ơi phải biết người hơn vật,*
*Chớ để mày râu thẹn đất trời !*

Tới Tân-An, cụ còn đọc lại một lần bài thơ trên cho một bạn thân nghe và cười mà bảo :

— Tôi cảnh-cáo chúng nó đó ! « Giảo thố tử, tẩu cẩu phanh » mà ! Bao giờ bọn chó săn đó chết sạch đi thì bọn ta mới hết rối rắm !

## XIX

# LẦN TRÁNH TẠI BIÊN-THÙY

Tháng 5 năm 1929, Nguyễn-Quang-Diêu tới Tân-An (1), tìm nhà Cả Nhượng — chủ hiệu thuốc bắc Tuần-đức-đường, sau bị Pháp bắt và chết tại nhà giam Long-Xuyên — để liên-lạc với Hương-quản Vàng, một đồng-chí và cũng một bạn học cũ của cụ.

Quanh-quẩn vài hôm, cụ sực nhớ năm xưa, lúc còn học với Tú-tài Trần-Hữu-Thường, cụ có một người bạn rất tương-đắc là Phan-Thành-Tựu. Thành-Tựu thường nói với cụ rằng cụ ta nguyên-quán Tân-An. Nay nhân tiện, cụ nghĩ thử tìm đến bạn xem có cơ gì thuận-lợi chăng! Thế là tối hôm ấy, cụ Nguyễn cùng Hương-quản Vàng tới nhà Phan-Thành-Tựu.

Gần hai mươi năm xa cách, giờ gặp nhau còn cái vui nào hơn. Nhưng cụ Tựu vốn tính-tình dè-dặt, hơi lo ngại về việc gần-gũi một người mang danh «đại-nghịch» như cụ Nguyễn thì sẽ liên-lụy tới mình, nên dù mừng, vẫn giữ vẻ thản-nhiên, không niềm-nở và ít nói.

Cụ Nguyễn biết ý, nhưng vì chỗ cố-giao, nên sau khi đã hỏi thăm qua về ấm lạnh việc nhà, vờ như không hiểu gì, cứ làm thơ khêu gợi cụ Tựu. Bài thơ chân-thành và thấm thiết, xin chép nguyên văn :

---

(1) Trên đây viết theo tài-liệu của Bùi-Nhựt-Ưởng; còn theo Nguyễn-Minh-Đường thì Nguyễn-Quang Diệu tới Tân-An năm 1931.

*Bèo giạt bồng xiêu đã bấy chầy,*
*Tình cờ may-mắn gặp nhau đây.*
*Tiếng đàn Sơn-thủy nghe càng thích,*
*Chén rượu thuần-giao nhắp dễ say.*
*Ngàn dặm bao nài gai-gốc đấy,*
*Trăm năm mong gởi ruột gan nầy.*
*Tang-bồng ai cũng như ai vậy.*
*Nỡ để cho ai nặng gánh đầy ?*

Nằm êm trên chiếc võng, cụ Tựu lắng nghe bạn đọc bài thơ ; đôi mắt cụ rươm-rướm lệ. Cụ thương bạn và tủi cho mình, nhưng rồi cụ vẫn khước - từ, không họa lại, sợ có bút - tích mà họa vướng thân (1).

Nguyễn-Quang-Diêu thấy vậy không nở ép nài, cụ làm một bài nữa để vừa từ giã bạn, vừa thay bạn mà họa lại bài trên.

*Tức-tối đêm vui chẳng đặng chầy.*
*Còn nhiều tâm - sự chuyện đâu đây !*
*Trận thi tác-hợp vừa ngâm họa,*
*Chén rượu phân - kỳ dở tỉnh say,*
*Chìm nổi bèo mây cam phận tớ,*
*Mênh - mông trời đất hẹp thân này !*

---

(2) Theo Nguyễn-Chính-Giáo, một môn-sinh của cụ Nguyễn-Quang-Diêu, thì cụ Phan-Thành-Tựu hồi đó có họa lại như sau:

*Bám gót Dật-Tiên mấy kỷ chầy,*
*Tung-hoành bạn cũ, ủa về đây !*
*Dùi chuông mài liếc xem càng bóng.*
*Chén rượu bay tràn muốn dợm say.*
*Xe kéo Tô-Tần trời đất đó,*
*Cần câu Lữ-Vọng nước non nầy,*
*Thôi thôi nữa nữa coi thời-thế,*
*Mặc sức lưng vơi mặc sức đầy !...*

Mười hai năm là một kỷ, Nguyễn-Quang-Diêu xuất-ngoại hơn 14 năm, như vậy chỉ hơn một kỷ chứ không phải «mấy kỷ»; có lẽ cụ Phan-Thành-Tựu viết lầm hay ông Nguyễn-Chính-Giáo đã nhớ lộn ? Dù sao ta cũng phải nhận cụ Phan-Thành-Tựu là «một kẻ có lòng».

*Hiệp không mấy lúc tan nhiều lúc,*
*Trời khúc ly - câu lụy ứa đầy,*

Thật não-nuột cho trường-hợp làm thơ :

*Trận thi tác-hợp* **vừa ngâm họa.**

Và đau đớn quá, kiếp sống của con nhà ái-quốc:

*Chìm nổi bèo mây cam phận tớ ,*
*Mênh - mông trời đất hẹp thân này !*

E ngại thì e ngại vậy, nhưng tình bằng-hữu đã gắn-bó keo-kiết với nhau ngay tự thuở nào, nên Phan-Thành Tụu không đành để bạn ra đi đâu nữa. Cụ đem sự-tình bày tỏ cùng cụ Cả Đô — tức Đào-thành-Đô, đương làm Hương sư trong làng và sau này trở thành một nhà ái-quốc, bị Pháp bắt đi đày và bị bỏ mình ngoài Côn-Đảo — và yêu cầu cụ Cả tìm cách giúp đỡ .

Từ đó cụ Nguyễn được nương ngụ tại tiệm thuốc bắc của Phan-Thành-Khải (1) với nhãn hiệu một thầy Huế ở Trung mới vô làm thuốc mưu-sinh. Đồng thời, để lãnh-thụ phần nào chân tài của cụ, ai nấy yêu-cầu cụ đem chữ nho ra giảng dạy.

Khốn nỗi ! làm như vậy cũng tưởng tạm yên, đâu dè sĩ-tử tới học mỗi ngày một đông, làm cho các trường dạy quốc-ngữ chung quanh học trò lần hồi thưa bóng. Người ta đã vì nhiệm-vụ, đem lý-do học-sinh vắng mặt chạy tờ về cho «thượng cấp» rõ và chỉ mấy tháng sau, trường học của Nguyễn-Quang-Diêu bị Nha-học-chánh ra lịnh đóng cửa. Cụ rất đỗi căm hờn thế-sự, có viết một thiên tự-tình theo thể song thất lục bát mà chúng tôi xin dẫn ra đây mấy câu :

---

(1) Phan-Thành-Khải, con trai cụ Phan-Thành-Tụu, lúc đó có cửa hiệu thuốc bắc lấy tên Việt-lai-đường, tại Tân An

*Đường không nổi đùng đùng sóng gió,*
*Lũ sinh-đồ lớn nhỏ phân tan !*
*Trời Nam nghi-ngút tro than ,*
*Làm cho Khổng Mạnh Tăng Nhan u-sầu !*
*Gớm thay kẻ tầm sâu vạch lá,*
*Khua đầu môi rày Á mai Âu.*
*Rừng Nho ảm-đạm màu thâu,*
*Thư-sinh ủ mặt, sĩ-nhu nhăn mày !...*

Trước sự việc quái oăm như kia, mặc dù thực-dân chưa hề biết rõ chân-tướng, cụ cũng phải khăn gói lên đường lang-bạt...

## XV

# LÊN VỀ HOẠT-ĐỘNG

Tình-hình thế-giới ngày một biến đổi, nhất là Trung-Hoa từ năm 1928 trở đi, việc Bắc phạt thành-công, Quốc-dân-đảng lập chánh-phủ thống nhất, khiến cụ Nguyễn càng nuôi nhiều hy-vọng.

Xuân năm 1930, cụ được 50 tuổi, sức chưa yếu nhưng sắc diện đã già đi theo cát bụi giang-hồ, tuy-nhiên lòng cụ còn phấn-khởi lắm.

Rời biên-thùy, cụ lên về Cao-Lãnh hiệp với cụ Nguyễn-Hữu-Kiến (1) ngầm tổ-chức lại hệ-thống liên-lạc cũ và gởi nhắn đồng-bào bằng một bài **Xuân cảm**, trong có những câu tự-thuật :

*Bộc trước nhất thinh trừ cựu,*
*Đào phù vạn hộ cánh tân.*
*Thấy xuân mà dở khóc dở cười,*
*Co tay tính năm mươi tuổi chẵn.*
*Sực nhớ nỗi lòng dài năm vắn,*
*Gớm-ghê thay ngày tháng chẳng chờ ta!*
*Trông đài gương râu tóc thêm già,*
*Mà trách-nhiệm làm trai chưa ra gì cả!*

---

(1) Như đã nói cụ : Nguyễn-Hữu-Kiến (cũng gọi Thầy tư Kiến) người Hòa-An. Tính cụ trầm tĩnh, cương-quyết, mê sách hơn người ta mê gái đẹp, cụ cũng đồng ý với cụ Nguyễn, tán-thành Tam-dân chủ-nghĩa của Tôn-Văn.

Và những câu giục-thúc :

*Thôi đừng ngồi đấy khoanh tay,*
*Mau chỗi dậy nhảy bay kịp tiết.*
*Mình tự hồ giống nòi Nam-Việt*
*Đã mang danh đê-liệt toàn-cầu.*
*Khổ bùn-than trải bấy nhiêu lâu,*
*Giờ gặp hội lẽ đâu ngồi ngó.*
. . . .
*Bùa canh-tân yểm-trấn khắp Tam-kỳ,*
*Pháo trừ địch ầm-ỳ vang tứ hướng.*
*Người hăng-hái ta lẽ nào ngơ-ngẩn,*
*Tính sao đây kẻo trễ mất ngày giờ.*
*Rượu đồ-tô âu mượn chữa bịnh khờ,*
*May chóng khỏi sống say chết mớ !*

Cụ Nguyễn-Hữu-Kiến có công giúp tay đắc-lực với cụ Nguyễn-Quang-Diêu trong công-tác nầy. Nhưng những cuộc hoạt-động từ ấy về sau, vì thời-thế, dù các cụ có cố sức, vẫn lẻ-tẻ chứ không gây được nhiều tiếng vang sâu rộng như trước nữa.

Cũng trong một cái xuân, những năm sau, cụ Nguyễn Quang-Diêu còn cả gan lẫn-lút trở về thăm dò tin-tức ; lần nầy gặp nhiều trở-ngại, cụ phải chạy đi. Trên đường đến biên-thùy, cụ có ghé thăm cụ Phương-Sơn (1) — một nhà cách-mạng trong nhóm Đông-Kinh nghĩa-thục rất có khí-tiết, đã lánh mình vào Nam từ năm 1913, ngụ tại Đốc-Vàng-Thượng (Long-Xuyên) — Cụ Phương-Sơn mừng rỡ, bàn chuyện tâm-tình và hỏi thăm về cuộc sống của bạn trong mấy năm qua. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu thở dài, đọc cho cụ Phương-Sơn nghe bài thơ sau mà chính cụ đã làm trong một ngày xuân cô-độc với đôi kẻ môn-sinh

(1) Xem **Đông Kinh nghĩa-thục** của Nguyễn-Hiến-Lê để hiểu rõ hơn về cụ Phương-Sơn.

*Càng mòn tắc lưỡi mấy năm trời,*
*Tuy chẳng giàu mà cũng đủ xơi.*
*Chồng thẻ tháng ngày thoi giục tuổi.*
*Đầy sân đào lý gấm thêu chồi.*
*Cây nêu tiếng pháo đâu như đấy,*
*Chén rượu câu thi ai với tôi?*
*Người khách cho hay xuân cũng khách,*
*Thôi ta cung-hỉ lấy ta chơi!*

Cụ Phương-Sơn có hòa lại, chân-thành an-ủi cụ Nguyễn-Quang-Diêu :

*Đã từng vùng vẫy bốn phương trời,*
*Năm mới về : đây nhậu lại xơi,*
*Tuyết trắng hao mòn gần hết lạnh,*
*Mai vàng rực-rỡ muốn đâm chồi.*
*Gởi nhờ trời đất ai không khách,*
*Mài-miệt cầm thư thẹn cái tôi.*
*Gặp lúc thái-bình mây gió tốt,*
*Nên chơi ta rủ bạn ta chơi.*

Trong bài, hai câu thực ám-chỉ người da trắng sắp bại-vong và sự cường-thịnh sẽ tới của giống da vàng ; hai câu kết tiên-đoán sẽ có cuộc đại-chiến ở Thái Bình-Dương (1).

(1) Theo Nguyễn-Hiến-Lê : **Đông-kinh nghĩa-thục.**

## XVI

# DẠY HỌC TẠI VĨNH-HÒA

Sau khi dẹp được lần hồi các nhóm tranh-đấu ở miền Nam, thực-dân bớt theo dõi các nhà cách-mạng' Nguyễn-Quang-Diêu nhờ vậy mà đỡ khổ thân, nên cụ tìm về Vĩnh-Hòa trú-ngụ.

Làng Vĩnh-Hòa ở kế cận Tân-An, sát ranh « Thổ-mục », cực xa-xôi, việc lưu-thông cách trở, rất tiện dùng làm chỗ nương-náu ẩn danh.

Phen nầy, tại đây có một Mạnh-Thường-Quân muốn thi-ân với cụ. Người ấy là Nguyễn-Công-Đồng, đương làm chức Hương-cả, có quen thân với nhiều quan lại Pháp nên có thế lực to. Cụ Cả Đồng bàn với cụ Nguyễn nên mở trường dạy học ; về phép tắc và vấn-đề an-ninh của cụ, cụ Cả hứa sẽ bảo-đảm cho. Nguyễn-Quang-Diêu nghĩ cũng cần phải có chỗ nghỉ chân để nương náu qua ngày cho đỡ bề vất vả, nên nhận.

Ngoài cụ Cả Đồng, người có công giúp đỡ cụ Nguyễn đáng kể nữa là Hương-quản Nguyễn - Minh - Dương. Trong tháng hai năm 1932, sau khi lo liệu giấy tờ xong xả, Hương-quản Dương dựng lên một ngôi trường rộng-rãi để cụ Nguyễn dạy học ; Hương-quản còn giúp vốn để cụ sinh sống bằng nghề đông-y. Vậy là cụ được tạm yên.

Tuy yên, nhưng chỉ yên về vật-chất, chứ về tinh-thần thì thật ra khổ lắm. Bởi như ta đã biết, cụ vốn tính-

khí cương-trực, không chịu luồn-lụy ai, gặp việc ngang-chướng thì làm ngay và nói thẳng ; mà hoàn-cảnh cụ bấy giờ thì có cho phép cụ như thế được không ? Một chú bạch-đinh, một thằng con nít, muốn làm hại cụ giờ nào cũng được, miễn nhọc một chút xíu công đi báo quan là đủ, mà còn được thưởng nữa, lựa gì ai ! Cho nên cụ lắm lúc phải câm lặng, câm lặng trong bực-dọc khó chịu. Bài **Thằng câm ăn ớt** nói lên cái bứt-rứt khó nín mà cụ đã phải chịu đựng trong buổi nầy :

*Thảm bởi câm mà phải ớt cay,*
*Phận mình mình biết, việc mình hay...*

Nhưng giờ còn biết làm sao ? Hắn chỉ còn có nước « đành ». Cụ đành khuây-khỏa mua vui trong nghề vuốt ve đầu trẻ mà để cho tháng tận năm tàn, hầu :

*Đợi cơn mây kịt trời dông dữ,*
*Chờ hội trời nghiêng trái đất chinh,..*

Cụ đã khuây-khỏa cách nào trong nghề dạy trẻ ? Đây mời bạn nghe lời một trưởng-tử và một môn-sinh cụ, những người đã đích-thực chứng-kiến việc dạy của cụ lúc bấy giờ :

«...Thầy tôi giảng sách cho học trò, khi gặp những câu hợp tình, hợp lúc thì xếp sách lại, sắc mặt lộ vẻ say mê, thao thao bàn giải về nghĩa câu ấy. Lời thầy trầm-hùng, hấp-dẫn, lý thầy đanh thép, nhất quán, nghe không biết chán là gì. Chẳng hạn, khi giảng đến câu : *Dân vi quý, xã-tắc thứ chi, quân vi khinh* » (*1*), hoặc câu « *Quân-tử bất tử ư thê-tử chi thủ* » (2) của Mạnh-Tử, thì thầy ngừng sách lại mà nói rộng ra, tùy hứng trình bày không khác một buổi diễn-thuyết lý-thú.

Một lần giảng đến câu : « *Ai đại mạc ư tâm tử, nhi thân*

(1) Dân là quý, xã-tắc kế đó, còn vui thì sau nữa.
(2) Người quân-tử không chết trên tay của vợ con.

*tử thứ chi* »(1) của Trang-Tử, thầy ngừng hẳn lại, xếp sách, nói luôn gần một buổi trời về sự « đáng sợ nhất ở cái chết giữa một cõi lòng ». Thầy dẫn nhiều nhân-vật đông tây thời cổ, nhiều sự-kiện hiện-tại đó đây để chứng minh cái việc người còn mà tâm linh cơ hồ đã chết ! Thầy giảng hứng-thú mà chúng tôi nghe cũng mê-mang, nhiều khi tới những đoạn lâm-ly quá, má thầy ửng lên, mắt thầy hoe đỏ. còn chúng tôi thì đứa nào đứa nấy ôm mặt sụt-sịt, mũi lòng... ».

Nhưng cũng có khi cụ đổi thay phương-pháp, không giảng rộng nữa mà chỉ dịch hoặc phóng-tác ra văn vần, bắt học trò học thuộc để thấm nhuần những tư-tưởng nên theo. Thí dụ một lần dạy bài **Tự-do** trong sách **Tân quốc-văn** của Tàu cho lớp học trò vừa tập đọc, cụ thấy có chỗ vừa ý, buông sách, phỏng dịch ngay tại chỗ cho họ chép theo. Xin giới-thiệu một đoạn trong bài ấy :

*Thân thể của mẹ cha sắm đề,*
*Can-cớ chi bị kẻ buộc ràng?*
*Nghiệp nhà gầy dựng gian-nan,*
*Đương không phải bị giựt ngang cướp càn!*
*Hoặc viết sách, hoặc bàn chuyện vãn,*
*Tội tình chi cấm đoán nghiêm răn!*
*Kìa như nghề-nghiệp ở ăn,*
*Nào quyền tín-ngưỡng nào quyền tiếp-giao;*
*Mỗi việc cũng chen vào can-thiệp,*
*Thân phận sao bị hiếp cả đời.*
*Tự-do ta nếu bỏ rơi,*
*Than ôi! hạnh-phúc kiếp người còn chi?*

Đó, niềm vui-khuây tạm bợ của cụ, nếu chúng ta không lầm thì chắc một phần nhờ ở những giờ phút chuyền-thông tư-tưởng như vậy đó!

(1) Không có gì đau thương bằng sự chết của cõi lòng, tấm thân chết chỉ là điều phụ-thuộc.

XVII

# HỒN GỞI VÀO THƠ

Tuy gượng vui như vậy, Nguyễn-Quang-Diệu không sao quên được nhiệm-vụ của mình. Nhất là mỗi khi nhàn rỗi, nhớ tới câu khuyến-khích của cụ Hải-Thần, nhớ cảnh cam-go của các đồng-chí nương mình hải-ngoại, cụ càng xốn-xang vô kể.

Cái mộng :

*Nghênh-ngang trời bể thân nhàn-tán,*
*Khuây-khoả rồng mây chí viễn-đô...*

mà cụ gởi-gấm trong bài **Phạm-Lái du Ngũ-hồ** ngày nào, nay đã cơ hồ không phương thực-hiện. Thêm tấm thân hồ-hải từng quen lấy mây trắng làm quê-hương, coi người đời là thân-thích mà bây giờ cam chịu chôn chân trong cảnh Bến-Nước, Côn-Găng... thì còn cái hận gì hơn (1).

Thôi thì tâm-sự phôi-pha cậy có nàng thơ !

Vâng, nàng thơ đã giúp cụ gây được dân-tâm phấn-khởi, nàng thơ đã đưa đường cho cụ tìm bạn đồng-tâm và nàng thơ còn nhiều phen vỗ-về để cụ vơi niềm sầu khổ nữa, thì nay nàng thơ... đâu há chịu bất tài !

---

(1) Bến-Nước, Côn-Găng : hai địa-danh miệt biên-thùy, chỗ cụ Nguyễn ẩn-trú. Cụ còn để lại bài thơ Vịnh Côn-Găng mà chúng tôi sẽ chép trong phần thứ hai.

Ta hãy nghe Bửu-Hiệp và cụ tâm-sự nhau giữa một mùa thu. Đây, bài Bửu-Hiệp :

*Đầu cành gió dập ngọn xơ-vơ.*
*Rải-rác đầy đường rụng lá ngô.*
*Mưa tạnh buông tơ tằm dệt lụa,*
*Trời quang trải giấy nhạn đề thơ.*
*Cảm tình phong-nguyệt hồn lai-láng,*
*Nhớ cảnh phần-du dạ ngẩn-ngơ !*
*Thu đến thu đi rồi mấy độ,*
*Nước non còn đượm vẻ tiêu-sơ !*

Và đây, bài cụ :

*Trọ-vọ phương trời đoái vẫn-vơ,*
*Giếng vàng đã thấy nảy tin ngô.*
*Ai ưa phong-nguyệt đua vầy rượu,*
*Mình chạnh thuần-lô mãi ngóng thơ.*
*Lợp núi mây giăng tình xiết bận,*
*Trông tin nghe nhạn tứ khôn ngơ.*
*Người buồn hoa cỏ xem buồn nghiến,*
*Đổi khác trời xuân dạng sởn-sơ !*

Trong các bạn làm thơ tiêu-khiển, cụ Nguyễn-Quang-Diêu rất thích cụ Nguyễn-Chánh-Sắt. Cụ Chánh-Sắt là nhà văn, từng viết sách, làm báo và có hồi làm chủ-bút tờ **Nông-cổ mín-đàm** tại Sài-Gòn (1). Quê cụ ở Tân-Châu, cách Tân-An không xa mấy, vã cụ từ lâu hằng đem lòng mến phục cụ Nguyễn-Quang-Diêu nên thường ngày tìm đến bàn chuyện, ngâm thơ. Những thơ văn xướng họa ấy hiện còn không ít, nhưng chỉ xin trích đây vài bài trong số mười bài liên-hoàn của cụ Nguyễn-Chánh-Sắt khóc con là cô giáo Nguyễn-Minh-Nghĩa mất mà cụ Nguyễn-Quang-Diêu đã họa lại.

---

(1) *Nông-cổ mín-đàm* ra đời năm 1901, Dũ-Thúc Lương-Khắc-Ninh làm chủ bút, rồi lần-lượt đến Gilbert Trần-Chánh-Chiếu, Tân-Châu Nguyễn-Chánh-Sắt...

Bài cụ Nguyễn-Chánh-Sắt :

*Trời ơi ! Bao nỡ hại người lành,*
*Cái nghĩa cha con há dứt đành !*
*Hăm tám tuổi xanh ngao-ngán số,*
*Bảy mươi đầu bạc ngẫn-ngơ hình !*
*Gia-đình những tưởng già nương gậy,*
*Thi-xã hết mong kẻ giúp mình (1).*
*Sách vở mấy rương còn bỏ đó,*
*Tư bề khuê-các phải buồn tanh !*

*Buồn tanh thổn-thức suốt năm canh,*
*Văng-vẳng tai nghe tiếng trống thành.*
*Trước cửa dật-dờ hòn núi giả,*
*Bên tường thỏ-thẻ giọng chim oanh (?)*
*Ép mình ngâm vịnh làm khuây dạ,*
*Thấy cháu ngây thơ lại động tình.*
*Bé tuổi chít-chiu đau-đớn nhẻ,*
*Bao đành độc-địa hỡi ông xanh ?*

Bài họa của cụ Nguyễn-Quang-Diêu :

*Thương ôi ! những kẻ sắc tài lành,*
*Có tội-tình chi ghét bỏ đành ?*
*Lòng giá lưu-danh trên mặt báo,*
*Má hồng di-tích trước khuôn hình.*
*Phấn son vùi-lấp buồn cho đó,*
*Gió bụi chông-chênh bực nỗi mình.*
*Hai chữ nữ-quyền đâu chửa đấy (2),*
*Gót sen đành lánh cõi hôi tanh !*

---

(1) Sinh thời, cô Nguyễn-Minh-Nghĩa có giúp cụ Nguyễn-Chánh Sắt về việc ngâm hoạ trong thi-xã, nên ở đây cụ nhắc lại chuyện đó.

(2) Cụ Nguyễn-Quang-Diêu có bài *Ngỏ cùng nữ-giới* và nhiều bài khác khuyến-khích phụ-nữ đòi hỏi nữ-quyền, được cô Nguyễn-Minh-Nghĩa hoan-nghinh, tận tâm truyền-bá, nên ở đây cụ nhắc lại chuyện ấy.

*Lánh cõi hôi tanh phút biến-canh,*
*Trăm năm roi đề dấu khuynh-thành.*
*Câu văn trọng nét đôi hàng thảm;*
*Đùm ruột thương tài chín khúc quanh (1).*
*Dẫu gọi gió mây đành bất-trắc.*
*Há rằng cây đá dám vô-tình !*
*Thiếu chi phấn lạt hương phai đấy,*
*Sao mãi thù-hiềm khách tuổi xanh ?*

Người ta còn kể một câu chuyện ngâm hoạ sôi-nổi giữa Thầy Minh, nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng và cụ Nguyễn-Quang-Diêu. Chuyện khá vui nên xin phép được nhắc lại.

Nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng (2) tức cô Hai Hỏn — mà ở miền Nam nhiều người biết tiếng hay thơ — trước kia từng lưu-lạc nhiều nơi, có nhiều lớp chồng, nào Tây, nào Việt. Năm ấy nữ-sĩ đi tu và được sung vào phái-đoàn truyền đạo, từ Kim-Biên xuống Tân-Châu.

Thầy Minh, một nho-sĩ ở Cao-Lãnh, trước đã từng nghe danh Trần-Kim-Phụng nhưng chưa biết mặt, lại vốn không thích mối đạo mà nữ-sĩ Kim-Phụng đang theo, nay tình cờ gặp nữ-sĩ đứng ra truyền-bá, có ý không bằng lòng, nên chất-vấn rồi công-kích thẳng tay.

Sau một hồi biện-bác, cãi-cọ, Thầy Minh đưa ra một bài thơ tỏ ý châm-chọc và không muốn nữ-sĩ làm công việc ấy nữa. Mời bạn xem trước bài xướng của Thầy Minh :

*Tai vẫn từng nghe, mắt chửa từng,*
*Bỗng dưng gặp-gỡ phỉ tình mừng.*
*Lòng mong tỏ thấu lời vàng đá,*

(1) Miền Nam không phân biệt mấy giọng *oanh, quanh.*

(2) Trong *Sáng-tạo* số 23, tháng 3, 1958, ông Thái-Bạch có bài nói về nữ-sĩ họ Trần.

*Chuyện khéo gây nên tiếng sỏ-sừng (1).*
*Mở đạo phải toan dìu-dắt nẻo,*
*Bứt dây nỡ để động lay rừng !*
*Chừ thôi l-dở đường ngỡ lui tới,*
*Quày-quả lên yên bước ngập-ngừng.*

«**Chừ thôi lỡ-dở đường lui tới**»! Nữ-sĩ tỏ ý căm giận câu đó hơn hết. Cái gì đến phải không lui tới nữa được? Nữ-sĩ liền họa lại bài của Thầy Minh. Bài họa chỏi ngược khiến Thầy Minh phải đỏ mặt.

*Kẻ dại người khôn gặp mới từng,*
*Dở buồn, dở giận, dở vui mừng.*
*Say-sưa nễ-bợm (2) khoe mình ốc,*
*Sè-sụt thi-ông đồ vận sừng !*
*Chát-chúa không phân loài điệu-vị,*
*Mịt-mù nào tỏ đám mây rừng.*
*Cợt trò nghĩ nỗi cơn cười lạnh,*
*Lấp-lửng làng văn bước lại ngừng !*

Trời! Kim-Phụng mỉa mình «đồ vận sừng» và chê văn chẳng suôn câu? Phải «**Lấp-lửng làng văn bước lại ngừng**» kia mà! Thầy Minh lớn tiếng thống-trách Kim-Phụng.

Đang cơn cáu-tiết, hai đàng cãi nhau om-sòm thì cụ Nguyễn tới. Cụ hỏi ra rồi giảng hòa, và sau đó, hoạ trao nữ-sĩ một bài thơ khuyên theo con đường cách-mạng.

*Nghe nói mây-mưa giấc đã từng,*
*Vì ai tỉnh-ngộ khiến ta mừng.*
*Não-nề kiếp trước thân tô phấn,*

---

(1) *Sỏ-sừng* hay *sừng-sỏ* : gây-gổ, sừng-sộ với nhau. Có bản chép : *sẻ-sừng*.

(2) *Nễ* : mấy, người ; *Bợm* : tay giảo-quyệt. Chỉ người khôn tanh giảo-quyệt.

*Hồi-hộp duyên sau xác đội sừng.*
*Đài kiếng đòi phen vùi lấp bụi,*
*Đường gai bao nỡ mở thông rừng.*
*Con đường giải-phóng thênh-thênh đấy,*
*Gót ngọc khuyên ai bước chớ ngừng.*

Bài thơ ý tứ sâu-sắc, nhưng không tiện giải. Nữ-sĩ xem và chịu cụ là người cao học và cao hạnh, đáng tôn-xưng lên bậc đàng anh.

Còn nhiều bài thơ khác, cụ sáng-tác trong khoảng nầy, không phải chỉ đối hoạ giải buồn mà ký-thác biết bao ưu ái.

XVIII

# NGÀY TÀN

Trong chuỗi ngày tàn-niên, Nguyễn-Quang-Diêu vẫn nặng mang hoài-bão và chứa-chan hy-vọng, nên không phải chỉ dạy học, làm thơ như vậy thôi, cụ cố sức tiếp-tục phát-huy tinh-thần dân-chủ tự-do và cải-cách những điều hủ-bại trong xã-hội mà từ lâu cụ hằng chủ-trương, theo đuổi.

Đối với phái yếu, cụ khuyên nhủ họ đòi quyền bình-đẳng :

*Phong-trào phụ-nữ bên ngoài,*
*Ngày càng dồn-dập nổi sôi lạ thường,*
*Thời-thế được dễ-dàng như thế,*
*Chị em ơi nỡ để ngồi coi !*
*Cũng gan cũng ruột con người,*
*Cũng tai cũng mắt cũng nòi Rồng Tiên.*
*Thế mà chịu dưới quyền mãi mãi,*
*Mấy ngàn năm nữ-giới thê-lương.*
*Bình-quyền mau bước lên đường...*

Đối với những người mê-tín dị-đoan, thờ cúng ông Làng, ông Táo, cụ nói lớn :

*Độ thế nói quàng lời huyễn-hoặc,*
*Chầu trời truyền hão chuyện vu-vơ.*
*Xưa nay hiếm kẻ mê tín « cụ »,*

## *Hỏi có ai mà được phước chưa ? (1)*

Đối với việc học, cụ tuyên-bố bất-chấp thứ chữ nào, miễn nghiền-ngẫm sao cho suốt thông ý nghiã thì được.

---

(1) Mặc dù lời-lẽ bao giờ cũng nghiêm-trang, chính-đáng. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu vẫn có tinh-thần trào-phúng đáng kể. Tất cả những giả-trá, những thói hư tật xấu, những tục-lệ lỗi thời, những mê-tín dị-đoan cụ đều để ý khuyên răn, cải-sửa. Câu chuyện « Mất móc tai » sau đây chứng tỏ được một phần về tinh-thần đó của cụ.

Một lần cụ đến thăm cụ Nguyễn-Hữu-Kiến tại trại ruộng Chắc-Cà-Đao ; trại lót bằng vạc tre, thưa kẽ : cụ nằm trên võng móc rảy tai, thình lình cây móc tai rơi mất. Người nhà cụ Kiến kiếm mãi không được, nên nảy ra cái ý vái-van, họ tin rằng nếu chịu khấn với Thổ-địa thì tức khắc móc tai kiếm được. Cụ Nguyễn-Quang-Diêu nghe vậy, muốn cảnh-tỉnh họ, liền vái to :

— Nếu Thổ-địa xui cho tìm được móc tai, tôi xin cúng một heo !

Rồi cụ đích thân xuống ngay chỗ đã đánh rơi mà kiếm. Móc tai liền kiếm được. Cụ cả cười, đọc luôn một mạch bốn bài thơ, vừa cáo lỗi Thổ-địa, vừa nói lớn lời Cố-hỉ, Thổ-địa, Thổ-táo bàn nhau về cái ngang tàng của cụ. Hai bài giữa đã lạc mất, giờ chỉ còn sót được bài đầu và bài cuối.

Đây bài đầu :

*Dại mồm lỡ vái cụ bằng heo,*
*Thất hứa vì chưng cái chữ nghèo.*
*Van với thánh-thần xin rộng lượng,*
*Móc tai giá có đáng bao nhiêu !*

Hai bài kế, một bài của Thượng-động Cố-hỉ tức giận, bảo Thổ-địa thẳng tay trừng phạt cụ Nguyễn và một bài của Thổ-địa biểu đồng-tình với Cố-hỉ, định làm to chuyện, thì đây, bài cuối ; Thổ-táo kịp biết chuyện, chạy tới can ngăn bảo đừng, « đừng động tới nó mà nó càng khinh dể thêm » !

*Anh chị xin đừng trách, nó khi,*
*Tôi đây nó chẳng kể ra chi,*
*Chầu trời nhớ chuyện hồi năm ngoái,*
*Nó nói : đưa tôi có lịch gì !*

Thì ra Táo đã chạy mặt cụ Nguyễn rồi. Năm ngoái cụ đã có lần mắng Táo xối-xả như tát nước :

*Công đức chi ông bắt phải thờ !*
*Nào ai có rước lại hòng đưa...*
*Hương hôm chè sớm dâng không ngớt,*
*Nước mất nhà tan hỏi chẳng thưa !*

Thật mỗi câu là một điệu cười chua chát !

*Sớm học Tàu rồi tối học Tây,*
*Học cho thấu lý mới là hay.*

Và phải biết nhận xét không để bị nhồi sọ :

*Công-lý hãy in vào tận óc,*
*Cường-quyền tua gác ngoại vành tai.*

Rồi nào kêu-gọi cắt tóc ngắn, hô-hào đừng câu-chấp cách ăn mặc... Riêng phần cụ, cụ đã cắt tóc, mặc đồ âu ngay từ ngày bước chân vào đường cách-mạng. Người ta kể rằng cụ Cả Đông ưa thủ cựu, không thích việc cắt tóc, mà cụ Nguyễn thì tóc cắt từ lâu, nên mỗi khi tới chơi nhà cụ Cả, cụ Nguyễn biết ý, thường pha trò :

— Cả thương tôi, xin thương từ cần cổ sắp xuống, từ cổ trở lên đầu, yêu-cầu Cả miễn nhìn cho !

Thấy cụ vui tính và chân-thành như vậy, thét rồi cụ Cả cũng bỏ qua ý đó, bất cứ với một ai cắt tóc.

Từ khi xuất-ngoại về, như ta biết, Nguyễn-Quang-Diêu đã lấy dân-chủ làm định-hướng hoạt-động. Cụ rất tán-thành chính-sách của Tôn-Văn, nên trong khoảng này, nhờ có thì giờ rảnh, cụ dịch thuật **Tam-dân chủ-nghĩa, Ngũ-quyền hiến-pháp** của đại-gia đó và mong sẽ có lúc ấn-hành. Tiếc quá ! bản dịch ấy ngày nay lạc mất.

Xét sự-nghiệp cách-mạng của Nguyễn-Quang-Diêu, ta phải nhận cụ là một người có chí khí lớn, có tiết-tháo cao. Suốt nửa đời, cụ đã đem thân hứa-quốc. Khi bị hành-hạ trong cảnh lao-tù, lúc phải đói khổ trên đường bôn-tẩu, vậy mà ý cụ không lay chuyển, đời cụ chẳng bợn-nhơ, cụ thực đáng liệt vào hạng các chí-sĩ cách-mạng đi tiên-phong trong Phong-trào Đông-du và Duy-tân ở miền Nam thời đó.

Xét sự-nghiệp văn-chương của cụ, ta càng kính mến cụ hơn. Hầu hết thơ văn còn lại của cụ đều đề dù tả cóc

tả cua hay vịnh trăng vịnh rượu, cụ đều ký-thác tâm-hồn ưu-ái nước-non, kêu gào canh-tân phấn-đấu, cải sửa những lỗi-lầm chung, hoặc nói lên cái băn-khoăn thắc-mắc của người dân vong-quốc trước thời-cuộc.

Lời thơ cụ tuy không trau-luyện óng-chuốt cho lắm, nhưng được cái thành-thực tự-nhiên, nhiều khi dễ-dàng như lời thường nói chuyện. Nếu bảo câu « văn tức người » là đúng thì ở Nguyễn-Quang-Diêu, văn thơ đã biểu-lộ tính-khí lẫn con người cụ một cách trung-thực vậy.

Mùa xuân năm 1936, cụ còn phấn-khởi và có lúc vui-vẻ nói với mọi người :

*Hỏi tuổi tuổi đà toan chống gậy,*
*Hỏi lòng lòng lại muốn cầm roi...*

Cụ vẫn khoẻ và vẫn sống chỗ biên-thùy xa vợi trước giờ, vẫn đăm đăm nhìn về quê cũ và vẫn hy-vọng một ngày tưng-bừng vui nhộn trong cảnh Tổ-quốc vinh-quang ; nhưng ngày ấy không đến kịp với cụ ; giữa mùa hè năm đã nói (15-5 âm-lịch, 1936) đúng giờ ngọ, cụ qua đời vì mắc phải chứng bịnh thương hàn (1). Cụ đã để lại cho những người thân, các đồng-chí và các môn-sinh một cái tang chung thống-thiết (2).

---

(1) Trở về già, cụ thường đau bệnh thổ ngược, duyên do vì sự tra tấn tàn-nhẫn của thực-dân tại nhà pha Hỏa-lò Hà-Nội từ mười mấy năm trước.

(2) Sau lúc Nguyễn-Quang-Diêu mất khoảng 5 năm, đâu vào năm 1941, thì tung-tích của cụ bị bại lộ. Viên Tỉnh-trưởng Pháp tại Châu-Đốc, ông Sylvestre, tức thời nổi giận đùng đùng, hạ lệnh ngưng chức ba người trong ban Hội-tề làng Vĩnh-Hòa có liên-hệ trong vụ chấp-chứa Nguyễn-Quang-Diêu là Hương-quản Nguyễn-Minh-Dương (lúc đó làm Xã-trưởng), Hương-chủ Nguyễn-Công-Hoằng (con cụ Nguyễn-Công Đồng) và Hương-hào Nguyễn-Hữu-Duy. Nội vụ, Sylvestre đều giao về cho Chánh sở mật-thám Bazin tại Sa-Đéc điều-tra.

Thời đó nghe tới tên Bazin thì ai cũng sợ, y có quyền quản-suất các cơ-quan mật-thám khắp cả các tỉnh miền tây Nam-Kỳ, người nào có việc phải lọt vào tay y thì kể như xấu số. Ba vị này bị đưa xuống

Vì tình-thế, cụ mất trong im-lặng. Người ta đã làm câu đối, thơ văn khóc cụ thật nhiều, nay chỉ xin dẫn ra một bài, tuy không hay hơn những bài khác, nhưng đã nói được những gì về thời-cuộc và niên-tuế cụ lúc đó :

*Tìm đâu mà thấy cố-nhân ta ?*
*Tử-Ngọc (1) cõi trần đã lánh xa.*
*Nhớ trước Canh-thìn năm xuất-thế,*
*Tính nay Bính-tí tuổi quy hà. (2)*
*Quốc-dân không khóc ta thương khóc,*
*Thời-thế tiêu ma, bác hóa ma.*
*Tâm-sự đầu đuôi bao xiết kể,*
*Thương cho đất khách gởi xương già.*

Và một đôi câu đối của các đồng-chí điếu cụ :

---

đó, lo gần tan mật, phải chạy chọt hết sức, hao nhiều tài-sản trong việc « phải quấy » mới thoát nạn được.

Lúc vào hầu, Bazin làm bộ sừng-sộ, nhưng hỏi cho lấy lệ ;

— Tại sao các người dám dung-túng Nguyễn-Quang-Diêu trong làng ?

Hương-quản Dương đáp :

— Chúng tôi không biết Nguyễn-Quang-Diêu là ai, chỉ biết có một Trần-Văn-Vẹn, vừa làm thầy thuốc, vừa dạy học trò mà thôi !

— Đó ! Trần-Văn-Vẹn tức Nguyễn-Quang-Diêu đó ! Chính người ấy là tù vượt ngục, đã làm giặc, chống chánh-phủ Pháp !

— Chúng tôi không hề dám có ý yếm-ẩn, giả-dối với quan trên, nhưng nếu thật vậy thì tại chúng tôi lầm... và hiện giờ Trần-Văn-Vẹn cũng đã chết.,.

Bazin cười, lên mặt thạo đời :

— Nguyễn-Quang-Diêu là một địch-thủ lợi hại của « nhà nước » đã bị án 10 năm, bị đày sang Guyane mà còn vượt ngục về đây phá rối cuộc trị-an, tội nặng lắm. Các người lầm và lại chuyện cũ cũng trôi qua lâu rồi, thôi cho về. Từ nay hãy ráng trung-thành với chính-phủ và phải tránh hẳn những lối làm việc hời-hợt, nông-nổi như thế...

(1) Xin nhắc lại : Tử-Ngọc là tên-hiệu của cụ Nguyễn-Quang-Diêu.

(2) *Quy hà* : về cõi xa xăm, ý nói chết.

*Ngót hai chục năm dư, hỗ-hải từng quen Âu Á Mỹ,*
*Vừa năm mươi tuổi lẻ, dạ-dài còn tạc Hiếu Trung, Cang (1)*

Cụ được an-táng ngay tại Vĩnh-Hòa. phần-mộ do các môn-sinh góp tiền xây đắp như ta thấy ảnh chụp in ở trang đầu.

Hằng năm, đến ngày kỷ-niệm, nhân-dân địa-phương đều có họp nhau cúng lễ trang-nghiêm.

Thi-ca cụ đương-thời có hằng nghìn bài, nào Hán. nào Nôm, khi diễn theo lối lục bát hay song thất lục bát, khi viết bằng lối ca-trù hoặc đường luật thất ngôn, nhưng đến nay bị thất-lạc nhiều, chỉ còn lại một phần ít mà chúng tôi đã cố gắng sưu-tầm và xin mời bạn đọc sang ở phần thứ hai.

(1) *Cang* : *cang trực*, một đức-độ của con người ngay thẳng, không phải *trung can* : gan trung nghĩa.

Về sau, để cho vừa-vặn việc chạm khắc nơi cửa mộ cụ, người ta đã bớt đi mấy chữ đầu đôi câu đối mà chỉ còn để lại :

*Hỗ-hải từng quen Âu Á Mỹ*
*Dạ-dài còn tạc Hiếu Trung Cang.*

# PHẦN THỨ NHÌ

Thi ca

## NGUYỄN-QUANG-DIÊU

# I

# THẤT NGÔN BÁT CÚ

## 1.— NGÀY TẾT THẤY CỜ CẢM TÁC *

Trong thời Pháp-thuộc, mỗi khi có lễ, tết thì chỉ có cờ Pháp và cờ Tàu được treo, còn cờ Việt-Nam không có ; cụ Nguyễn cảm xúc, viết ra :

*Dọc ngang cờ Pháp với cờ Tàu,*
*Ủa lá cờ ta hẳn ở đâu ?*
*Trông thế - lực người sôi máu sắt,*
*Nghĩ danh - giá nước thẹn mày râu.*
*Non sông vì nợ xưng Hồng - Lạc (1)*
*Mặt mũi nào còn ngó Mỹ-Âu (2).*
*Vinh nhục chung nhau ai cũng thế,*
*Thương nhau ta phải liệu sao nhau ?*

## 2.— TẾT TÂY TRONG ĐỀ LAO *

Năm 1913 bị bắt tại Hồng-Kong, cụ cùng nhiều đồng-chí bị giải về Hà-Nội và phải giam tại nhà pha Hỏa-lò. Ngày tết, chính-trị-phạm vẫn nằm trong câu-thúc

---

(1) *Hồng-Lạc* : Hồng-Bàng và Lạc-Long-Quân, hai vị vua đầu trong lịch-sử nước ta.

(2) *Mỹ-Âu* : hai châu trong năm châu trên thế-giới, tức Mỹ Châu và Âu châu.

ngặt-nghèo và vẫn cơm rau thiếu-thốn như thường bữa, cụ nhân đó khẩu-chiếm một bài thơ :

*Vừa khỏi Du-dê (1) đến tết Tây,*
*Gớm - ghê máy tạo (2) lẹ - làng xây (3)*
*Nom ra thành - phố cây cờ phất,*
*Ngảnh lại non sông nước mắt đầy.*
*Vui sướng thiếu gì ai nấy đó,*
*Đắng cay chỉ có lũ mình đây !*
*Rau xanh vài đĩa cơm vài bát,*
*Cũng gọi là vui cái tiệc nầy.*

## 3.— XUÂN CẢM *

Viết vào dịp tết năm Canh-ngọ (1930), trong hồi cụ buồn-bã vì phong-trào cách-mạng sụt-lùi :

*Trông vời (4) hoa cỏ nhuộm màu xuân,*
*Ngảnh lại non sông bất dửng-dưng !*
*Bộc-trước (5) một cây đốt lấy có,*
*Đỗ-tô (6) đôi chén uống cầm chừng.*
*Trắng đen đổi khác trang râu tóc,*
*Điều đỏ y nguyên lũ áo quần.*
*Cũng một trời chung xuân vẫn một,*
*Kẻ sao buồn nghiến (7) kẻ reo mừng ?*

---

(1) *Du dê* : đọc trạnh ra tiếng Juillet. Nói lễ cách-mạng Pháp, ngày 14-7 dương lịch.

(2) *Máy tạo* : Dịch chữ *Thiên cơ* : thơn máy của trời.

(3) *Xây* : gốc là xoay, trong Nam thường phát âm ra *xây*.

(4) *Vời* : xa-xôi thăm-thẳm.

(5) *Bộc trước* : cái pháo tre.

(6) *Đỗ-tô* : tên một thứ rượu, tương truyền là một phương thuốc của Hoa-Đà, dùng uống trong ngày xuân để trừ tà-khí.

(7) *Buồn nghiến* : buồn quá đỗi buồn, có vẻ đau-đớn.

## 4.— TẾT TA

*Tết Tây tháng trước đã vừa qua,*
*Mới đó giờ ra tết nữa a ?*
*Mừng thấy non sông đều đổi mới,*
*Buồn xem râu tóc đã mau già.*
*Nghe ông bộc-trước ầm đưa cụ (1),*
*Gọi bác thiều-quang (2) nán đợi ta.*
*Thôi lỡ xuân nầy xuân khác liệu,*
*Hẳn rằng xuân khác chẳng bao xa !*

## 5.— TỰ THUẬT NGÀY XUÂN

*Lớp tết Việt-Nam lớp tết Tây,*
*Mùa-màng (3) thất-bát tính sao đây ?*
*Chẳng cần con vợ thôi thì chớ.*
*Bỏ cúng ông bà thật cũng gay !*
*Cơm áo một thân bề chửa tiện,*
*Cờ đèn (4) ba bữa chuyện thêm rầy.*
*Xuân nầy dầu lỡ còn xuân nữa,*
*Xuân nữa rồi ta mặc sức say !*

## 6.— « XUÂN TÁC »*

Có bản chép đầu đề là : *Dạy học đất khách mừng xuân.* Cái tết năm 1931, cụ Nguyễn từ biên-thùy lên về

(1) *Đưa cụ* : theo cổ-lệ, ngày 23 tháng chạp âm-lịch, người ta làm lễ đưa ông Táo về trời, tiếng pháo tre bắt đầu nổ ầm lên, mãi đến khi qua khỏi tết mới dứt.

(2) *Thiều-quang* : *Thiều* : xinh đẹp ; *Quang* : sáng sủa. Chỉ mùa xuân, vì mùa xuân sáng-sủa, xinh đẹp.

(3) *Mùa màng* : có nghĩa bóng là những công-tác cách-mạng.

(4) *Cờ đèn* : khoảng năm 1930 về sau, nhân-dân cơ-khổ vì kinh-tế khủng-hoảng, vậy mà hương-chức làng còn bắt buộc mỗi nhà ngày tết phải treo cờ tam-sắc mới, mua đèn lồng có lọng kiếng để đốt ngoài đường, nên ở đây cụ Nguyễn có ý trách-móc.

Cao-Lãnh ngầm xốc gợi các tổ chức cách-mạng ; khi trở về, cụ ghé Đốc-Vàng thăm cụ Phương-Sơn ; nhân cụ Phương-Sơn hỏi về sinh-hoạt, cụ liền đọc cho nghe bài thơ nầy mà chính cụ vừa làm xong mấy hôm trước tại Tân-An. Cụ Phương-Sơn có hoạ lại như chúng tôi đã chép ở phần tiểu-sử.

*Cày mòn tấc lưỡi (1) mấy năm trời,*
*Tuy chẳng giàu mà cũng đủ xơi.*
*Chồng thẻ (2) tháng ngày thoi giục tuổi,*
*Đầy sân đào lý (3) gẫm thêu chồi.*
*Cây nêu (4) tiếng pháo đâu như đấy,*
*Chén rượu câu thơ ai với tôi ?*
*Người khách cho hay xuân cũng khách,*
*Thôi ta cung-hỉ (5) lấy ta chơi !*

## 7— ĐƯA ÔNG TÁO *

Gần tết, thấy mọi nhà đều làm lễ đưa Táo-quân, cụ làm bài sau. Chủ ý cụ muốn đả-phá những mê-tín hoang đường.

---

(1) *Cày mòn tấc lưỡi* : chỉ sự gào thét trong giờ dạy trẻ. Do ý trong câu : *Khiêm giáo-quán viết thiệt canh.*

(2) *Thẻ* : ngày xưa dùng thẻ để đếm biết ngày giờ, cũng như lịch. Người ta lấy một cái bình bằng đồng, trong có để một cái thẻ, khắc từng khoản để chia thời-gian. Bình đựng nước, dưới có xoi lỗ. Nước rỉ ra ngoài nên cạn lần, người ta coi theo thẻ mà biết thời khắc.

(3) *Đào lý* : cây đào và cây lý ; ý nói học trò học đông-đảo và đều có khả-năng. Ở đây cụ Nguyễn tỏ lòng tin-tưởng vào lớp thanh-niên sĩ-tử mà cụ đang đào-luyện. Theo điển-cố thì Địch-Nhân-Kiệt đời Đường tiến cử được nhiều hiền-tài giúp nước nên người đời khen ngợi : *Thiên-hạ đào lý tận tại công-môn* đào (lý trong thiên-hạ hầu hết đều do tại cửa nhà ông). Lý-Bạch cũng từng hội các bạn thơ tại vườn đào ở Tràng-An để làm một bài Tự cực hay, danh nổi khắp nơi.

(4) *Nêu* : cây tre cao, ngày tết dựng trước nhà, dụng ý trừ mà quỷ.

(5) *Cung hỉ* : chúc mừng.

Xem trong các sách cổ của Tàu thì sự-tích Táo-quân nhiều lắm, nội một cái tên cũng chép khác nhau. *Hoài-Nam-Tử* nói Táo quân là Hoàng-Đế ; *Châu-Lễ* nói Táo-quân tức Chúc-Dung ; *Ngũ-kinh dị nghĩa* nói Táo-thần là Tô-Cát-Lợi v.v... Ở nước ta có sự-tích hai vợ chồng nghèo, vợ bỏ chồng đi lấy chồng khác, lúc gặp nhau, vì tình, vì nghĩa, ba người cùng nhảy vào lửa mà chết cháy sau thành than cả ba. Tục truyền thường năm cứ đến ngày 23 tháng chạp thì Táo về chầu trời; tâu bày mọi việc với Thượng-Đế, điều thiện điều ác của nhân-gian không sót một mảy, vì vậy ngày ấy mới có lệ đưa tiễn Táo đi.

*Công đức chi chi bắt phải thờ,*
*Nào ai có rước lại hòng đưa !*
*Hương hôm chè sớm luôn không ngớt,*
*Nước mắt nhà tan mãi chẳng thưa.*
*Độ thế nói quàng (1) lời huyễn-hoặc (2),*
*Chầu trời truyền hão (3) chuyển vu-vơ.*
*Xưa nay hiểm (4) kẻ mê tín cụ,*
*Hỏi có ai mà được phước chưa ?*

## 8.— NGỖ CÙNG PHẬT-TÁO *

Lúc ở núi Sam (Châu-Đốc), cụ Nguyễn bị lính-kín xét từ nhà để tìm bắt, cực-chẳng đã cụ lên nằm trên bồ lúa, dưới gác trang thờ Phật-Táo để trốn. Cụ thấy Táo an-nhiên tọa hưởng của dân mà không làm chi lợi ích, còn cụ thì hết lòng vì nước vì dân trái lại cứ điêu-đứng luôn luôn, nên ngỗ lời than trách.

(1) *Độ thế* : giúp đời ; *Quàng* : tầm bậy tầm bạ.
(2) *Huyễn-hoặc* : vu khoát, viển vông, không chắc có.
(3) *Hão* : không thiết thực, không đem lại kết quả gì.
(4) *Hiểm* : nhiều lắm, hiểm-hiệm ; không ít như nghĩa chữ *hiểm hoi*.

*Phật Táo ơi ! Phật Táo ơi !*
*Tiện đây xin ngỏ một đôi lời :*
*Quê người đất khách ai buồn mặc,*
*Rượu vía chè rằm (1) cụ sướng thôi*
*Sao việc lửa hương mong cậy tớ,*
*Mà cơn gió bụi chẳng tâu trời ?*
*Mắt xanh (2) nghe nói lòe như chớp,*
*Sáng với ai đâu tối với tôi ?*

## 9— BỊ GIAM Ở MẠC-XÂY CẢM TÁC *

Mùa xuân năm 1914, cụ bị đày đi Guyane. Tàu không chạy thẳng sang Cayenne mà lại về Marseille. Lúc bị tạm giam tại đất Pháp, cụ thấy nước họ văn-minh mà luật-pháp xử đối với người thuộc địa rất tệ nên hằn-học.

*Chẳng biết rằng mình có tội chi,*
*Tội chi dầu có có nao gì !*
*Phép thần công-lý (3) đành không hiệu.*
*Luật nước văn-minh (4) gẫm cũng kỳ !*
*Nếm mật nằm gai (5) đành tạm lúc,*
*Sổ lồng tháo cũi (6) hẳn chờ khi.*

---

(1) *Rượu vía chè rằm* : lệ thường, ngày vía cúng Táo bằng gà rượu, ngày rằm thì súng chè.

(2) *Mắt xanh* : mắt sáng suốt, hiểu thấu việc đời. Nguyễn-Tịch đời Tấn mỗi khi tiếp khách, hễ gặp người thích ý thì nhìn bằng mắt xanh (tức ngó thẳng, để lộ tròng đen hoặc tròng xanh) ; còn gặp người đáng ghét thì nhìn bằng mắt bạc (tức trợn ngược lên, nhìn bằng tròng trắng).

(3) *Công-lý* : lẽ phải, công-bằng, được mọi người thừa nhận.

(4) *Văn minh* : ánh sáng văn-hoá. Thường dùng chỉ một người hay một dân-tộc có một trình-độ văn-hóa khá cao. Đây chỉ nước Pháp.

(5) *Nếm mật nằm gai* : Việt Câu-Tiễn khi nước mất, ép mình nằm trên gai, nếm mật đắng để ngủ không yên, ăn không ngon, cho khỏi vì những sung sướng mà hoài chí báo-thù.

(6) *Sổ lồng tháo cũi* : thoát ra ngoài lồng, vượt tung khỏi cũi, không còn bị giam cầm bó buộc nữa.

*Làm sao cũng chẳng làm sao vậy (6),*
*Thương nước gan ông nó đã lỳ !*

## 10.— CẢM-TÁC KHI ĐI ĐÀY ĐẾN CAI-DANH *

(*) *Cai-Danh* : phiên âm tiếng Cayenne. Bài dưới, cụ khẩu-chiếu khi bị đi đày tới Cai-Danh (1914).

*Bấy chầy mong mỏi xứ Cai-Danh,*
*Phong-cảnh xem qua bắt động tình.*
*Bể rộng mênh-mông dòng nước biếc,*
*Nội bằng mờ-mịt mạn rừng xanh.*
*Dã-man (1) thảm hại cho người đó,*
*Tân-khổ (2) nài bao cái lũ mình !*
*Tuyệt chủng (3) rõ-ràng gương dưới mắt.*
*Trông người, ta lại ngẫm mà kinh.*

## 11.— TRUNG-THU TRÊN ĐẤT TÀU

Cụ Nguyễn viết tại Tứ-Xuyên, khoảng 1925 - 1926 giữa hồi cách-mạng Việt-Nam hải-ngoại suy-sụp. Trong một bản Nôm, có ghi đầu đề bài này là « *Trung-thu ngoạn-nguyệt* » và có chú một hàng xuất xứ : « *Tứ-xuyên sầu dạ* » (đêm buồn ở Tứ-Xuyên),

---

(1) *Làm sao cũng chẳng làm sao vậy* : Ca dao có câu :
*Làm sao cũng chẳng làm sao,*
*Dẫu có bề nào cũng chẳng làm chi.*
*Làm chi cũng chẳng làm chi,*
*Dẫu có bề nào cũng chẳng làm sao !*
Chỉ người đã lỳ gan, hành-động liều-lĩnh không biết sợ gì.

(1) *Dã-man* : giống người chưa được khai-hóa chưa văn-minh. Chỉ thổ-dân đang bị Pháp cai-trị tại Guyane.

(2) *Tân-khổ* : cay đắng ; gian-nguy. Tự chỉ cụ và các đồng-chí vừa bị đày tới Guyane.

(3) *Tuyệt chủng* : nòi giống bị tuyệt-diệt hẳn đi.

*Bao độ tròn trăng hội Á-Âu (1),*
*Mà người cay đắng mấy mươi thâu!*
*Vầng nga (2) tỏ rạng trông ra thú,*
*Chén rượu đầy vơi mượn phá sầu.*
*Chiếc nhạn bơ-vơ (3) thê-thảm giọng,*
*Cành ngô vật-vã (4) ủ-ê màu.*
*Thu này dầu lỡ chờ thu khác,*
*Trời đất vần xoay (5) gẫm chẳng lâu.*

## 12.— THU CẢM *

Cụ Nguyễn họa lại bài của Bửu-Hiệp. Chưa tìm rõ được Bửu-Hiệp là ai ở đâu.

*Trọ-vọ (6) phương trời đói vần-vơ,*
*Giếng vàng đã thấy nẻo tin ngô (7).*
*Ai ưa phong-nguyệt (8) đua vầy rượu,*

---

(1) *Á-Âu* : Á-châu và Âu-châu. Có bản chép : *Bao độ* : trăng tròn *hội Á Âu*,

(2) *Vầng Nga* : hay *gương nga* : nghĩa bóng mặt trăng. Sách *Hoài-Nam-Tử* chép xưa có người tên Hậu-Nghệ, xin được thuốc tiên của bà Tây-Vương-Mẫu, vợ Nghệ là Hằng-Nga ăn cắp, chạy trốn lên cung trăng, không xuống nữa.

(3) *Chiếc nhạn bơ vơ* : có bản chép : *Chiếc nhạn kêu sương...*

(4) *Cành ngô vật-vã* : có bản chép : *Cành ngô bị gió... Ngô* tức *Ngô đồng* : một thứ cây hễ mùa thu tới thì lá tơi-tả rụng.

(5) *Vần xoay* : có bản chép *xoay vần.*

(6) *Trọ-vọ* : rạo-rực ; trong người có cảm-giác khó chịu.

(7) *Giếng vàng đã thấy nẻo tin ngô* : bóng gió đến câu cổ-thi *Ngô đồng nhất diệp lạc, thiên-hạ cộng tri thu* (một lá ngô đồng rụng, thiên-hạ đều biết thu). *Truyện-Kiều* cũng có : *Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô.*

(8) *Phong-nguyệt* : gió trăng ; lấy trăng trong gió mát làm thú tiêu-khiển.

*Mình chạnh thuần-lô* (*1*) *mất ngóng thơ.*
*Lợp núi mây giăng* (*2*) *tình xiết bận.*
*Trông tin nghe nhạn* (3) *tứ khôn ngơ.*
*Người buồn hoa cỏ xem buồn nghiến.*
*Đồi khác trời xuân dạng sớn-sơ.*

## 13.— GIẢ VỢ ĐI LÀM CÁCH-MẠNG *

Viết lúc sắp lên đường xuất ngoại năm 1913. Do cụ Hai Ký từ Mỹ-Xương mang về cho cụ bà Cao-Lãnh.

*Sông cũng khi khô đá cũng mòn,*
*Cùng ai tạc một tấm lòng son.*
*Trăm năm ngồi đứng trong trời đất,*
*Một kiếp thề ghi với nước non.*
*Hương-hoả* (4) *trước mong duyên mãi mãi,*

---

(1) *Thuần-lô* : *Thuần* ; tên rau ; *Lô* : cá mè. Trương-Lý-Công đời Tống đi xa, nhớ tới mùi-vị quê-hương là canh rau thuần và chả cá mè, rằng : « Ở đời lấy thích chí làm quý, cần gì tước lộc mà phải xa quê-hương đến mấy ngàn dặm ». Nghiã bóng nói nỗi lòng nhớ quê.

(2) *Lợp núi mây giăng* : Địch-Nhân-Kiệt trông thấy mây giăng ở núi Thái-Hàng, nói : « Nhà cha mẹ tôi ở dưới đám mây ấy ». Tỏ ý nhớ cha mẹ, quê-hương.

(3) *Trông tin nghe nhạn* : ông Tô-Võ đời Hán bị Hung-Nô bắt đày đi chỗ hoang-tịch, sai chăn dê. Sau ông nghĩ cách buộc thư vào chân chim nhạn để báo tin về cho Hán-Võ-Đế biết, vua Hán nhờ vậy biết ông còn sống, xin với Hung-Nô cho ông được tha. Đây nói đang mong tin mà nghe hơi nhạn (tức có được tin) thì không thể làm ngơ được.

(4) *Hương-hoả* : do câu : *Tam sinh hương-hỏa* ; dùng chỉ việc đổi lứa nhân-duyên. Sách *Quỳnh-ngọc-chú* chép ; có người Tỉnh-Lang chiêm-bao thấy đi chơi non Bồng, gặp một nhà-sư tụng-niệm, trước mặt có hương thắp khói bay, hỏi, nhà-sư đáp : Khi trước cầm hương khấn nguyện, hương còn cháy mà đã sanh ba kiếp người rồi.

*Tang-bồng (1) nay há nợ con con (2).*
*Ai ơi ! hãy nếm mùi ly-biệt.*
*Có nếm rồi ra mới biết ngon !*

## 14.— TỪ CAI-DANH GỞI CHO VỢ *

Năm 1915, cụ Nguyễn từ Guyane có gởi thư về thăm nhà, trong thư cụ kèm theo ba bài thơ thất ngôn bát cú mà bài nầy là một. Hai bài kia, một lạc mất còn một thì chỉ sót lại bốn câu, đã lục đăng ở phần tiểu-sử.

*Trời đất sanh ta có ý chi ?*
*Khiến nên nhiều nỗi bước lưu-ly (3).*
*Lửa hương (4) đang bén duyên kỳ-ngộ (5),*
*Sóng gió làm ra sự bất-kỳ (6).*

---

(1) *Tang bồng* : nói đủ là *Tang-bồng hồ-thỉ* : cái cung bằng cây dâu, cái tên bằng cỏ bồng. Tục lệ Tàu xưa khi sanh con trai thì dùng cây cung dâu, tên cỏ bồng mà bắn ra bốn phương và trên trời dưới đất để cầu cho đứa bé lớn lên được bốn bể dọc ngang, chí-khí bất-khuất.

(2) Hai câu luận nầy có bản chép :

*Hương hoả đã mong duyên mãi mãi,*
*Tang bồng há phải nợ con con.*

(3) *Lưu-ly* : trôi nổi lìa tan. Gặp cảnh khốn-cùng phải phiêu-bạt trên đất lạ.

(4) *Lửa hương* : cũng như *Hương-hoả*, đã có giải trong bài số 13

(5) *Kỳ ngộ* : sự gặp-gỡ lạ-lùng. Tài-liệu trong « *Nguyễn-Quang sưu lạ ký* » cho biết việc hôn-nhân của cụ Nguyễn quả là một duyên kỳ-ngộ.

Năm 1906, cụ từ trường học về thăm nhà tại Cao-Lãnh thì vừa lúc có đám tang một phú ông ở Tòng-Sơn. Cao-Lãnh và Tòng-Sơn cách xa nhau, cụ Nguyễn được Hương-lễ Trắc — người có phận-sự coi về nghi-lễ đám táng ấy — yêu cầu đến tiếp tay về việc đặt để điếu-văn văn-lụy. Tòng-Sơn ngày trước là xứ nhân-vật, nhưng gặp cụ Nguyễn là tay cự Nho, thành ra vai tuồng cụ nổi bậc lên. Do đó cụ Võ-Hữu-Như, một Hương-chủ đương niên trong làng, vừa ý kén cụ Nguyễn về làm rể mình. Hai sui gia, tức cụ Võ-Hữu-Như và cụ Nguyễn-quang-Huy, từ đó rất tương đắc và về sau hết lòng ủng-hộ rể, con trên đường cách-mạng.

(6) *Bất-kỳ* : thình-lình không hẹn trước,

*Mái tóc dầu pha sương lợp-lợp,*
*Tấm lòng vẫn tạc đá tri-tri (1).*
*Nỗi riêng nghĩ thẹn cùng non nước,*
*Trời đất sanh ta có ý chi ?*

## 15.— EM GỞI CHỊ *

Cụ làm giùm bài thơ dưới cho Lý-Liễu tại Guyane năm 1915, để Lý-Liễu gởi chung trong một bức thư về Việt-Nam thăm gia-quyến. Lý-Liễu hồi xuất-dương mới mười mấy tuổi, chưa vợ, chỉ có một người chị gái chưa chồng ở vậy săn-sóc cho cha. Thời tiền-chiến, lúc bà chị ấy còn sống mà Lý-Liễu thì đã bỏ thây ngoài Côn-Đảo, người ta thấy bà thỉnh-thoảng nhẩm đọc bài thơ, nhắc nhở em và sụt sùi giọt tủi...

*Có quản chi em bước lạc-loài,*
*Đạo nhà nhờ chị đỡ hôm mai.*
*Đã rằng chung đội ơn trời đất,*
*Thôi chớ phân bì phận gái trai.*
*Ngoài cuộc phong-trần (2) em gánh cả,*
*Trong khi hườn-cấp (3) chị gồm hai.*
*Gió mưa âu hẳn cơ dâu bể (4)*
*Máu-mủ tình sâu nhủ một bài.*

---

(1) *Tri-tri* : trơ-trơ, khư-khư một mực không thay đổi.

(2) *Phong-trần* : gió bụi. Ví tình-cảnh gian-khổ, nay đây mai đó. Đây cũng có ý nói cảnh loạn-ly xáo trộn của nước non.

(3) *Hườn-cấp* : chậm-chạp và gấp-rút. Thuần-Vu-Ý không con trai, chỉ có năm người con gái. Ý mắc tội, phán-nàn : « Sanh gái không sanh trai, *việc hườn và việc gấp* không ai giúp đỡ ». Con gái của Ý, nàng Đề-Oanh, dâng sớ lên vua Hán-Văn-Đế xin được vào làm tôi mọi trong cung để chuộc tội cha. Vua xem sớ thương tình người con hiếu, tha cho Thuần-Vu-Ý.

(4) *Dâu bể* : dịch chữ *Tang-thương*. Do câu *Thương hải biến vi tang điền* : bể xanh hoá thành ruộng dâu. Nói sự thay đổi trong đời.

## 16.— GẶP BẠN *

Năm 1929, Nguyễn-Quang-Diêu lẫn tránh tại biên-thùy Việt-Miên, cụ tìm tới nhà Phan-Thành-Tựu — một bạn học cũ. Cụ Tựu hơi e-ngại sự khó-khăn khi phải gần-gủi một người đang bị Pháp tầm-nã như cụ Nguyễn. Cụ Nguyễn biết ý nhưng vì chỗ thâm-tình, nên làm thơ khêu gợi bạn.

*Bèo giạt bồng xiêu đã bấy chầy,*
*Tình cờ may-mắn gặp nhau đây.*
*Tiếng đàn sơn-thuỷ (1) nghe càng thích,*
*Chén rượu thuần-giao (2) nhắp dễ say,*
*Ngàn dặm bao nài gai gốc đấy,*
*Trăm năm mong gởi ruột gan nầy.*
*Tang-bồng (3) ai cũng như ai vậy,*
*Nỡ để cho ai nặng gánh đầy ?*

## 17.— THAY BẠN HỌA THƠ *

Phan-Thành-Tựu nghe cụ Nguyễn đọc bài *Gặp bạn*, cụ rất đau lòng, nhưng ngần-ngừ không muốn hoạ lại, vì sợ có bút-tích mà hoạ vướng thân chăng. Cụ Nguyễn thấy vậy liền thay bạn mà hoạ thơ.

*Tức-tối đêm vui chẳng đặng chầy,*
*Còn nhiều tâm-sự chuyện đâu đây.*

---

(1) *Sơn-thuỷ* do chữ *Sơn-thuỷ tri-âm*. Xưa Bá-Nha khảy đờn có khúc như vòi-vọi trên núi cao, có khúc như cuồn-cuộn trong nước chảy. Chung-Kỳ nghe tiếng đờn ấy mà biết chí Bá-Nha, nên gọi *biết tiếng đờn sơn-thuỷ*.

(2) *Thuần-giao* : thứ rượu ngon.

(3) *Tang-bồng* : Xem chú-thích bài số 13 : *Giã vợ đi làm cách-mạng*.

*Trận thi tác-hiệp* (1) *vừa ngậm hoạ,*
*Tiệc rượu phân-kỳ* (2) *dở tỉnh say.*
*Chìm nổi bèo mây cam phận tớ,*
*Mênh-mông trời đất hẹp thân nầy.*
*Hiệp không mấy lúc tan nhiều lúc,*
*Trỗi khúc Ly-câu* (3) *lụy ứa đầy !*

## 18— TẶNG BIỆT

*Ý thích tình ưa chửa mấy hồi,*
*Ly-câu vội xướng khúc phanh phôi* (4).
*Bùn mây* (5) *từ đấy chia cao thấp,*
*Gan ruột cùng ai tỏ khúc nôi* (6).
*Nền hạnh* (7) *vừa may vầy lại một,*
*Rường trăng* (8) *bao xiết xẻ làm đôi* (9).
*Đã hay tan hiệp buồn vui thế,*
*Nhưng cũng ly-quần* (10) *tạm lúc thôi.*

---

(1) *Tác-hiệp* : làm cho hợp lại với nhau.

(2) *Phân-kỳ* : chia đường, rẽ ra mỗi người mỗi ngả.

(3) *Ly-câu* : khúc hát tự-tình khi ly-biệt ngày xưa. Có câu : *Ly-câu tại lộ, bộc phu chỉnh giá* (ngựa ly-câu ở ngoài đường, đầy tớ đương sửa-soạn xe).

(4) *Phanh-phôi* : nói rõ ra cho người khác biết.

(5) *Bùn mây* : bùn ở đáy sông, mây ở lưng trời, không thể hợp nhau được.

(6) *Khúc nôi* : nỗi-niềm tâm-sự.

(7) : *Nền hạnh* : chỗ nền cũ của Khổng-Tử dạy học tại nước Lỗ xưa. Mượn chỉ trường học.

(8) *Rường trăng* : rút gọn nghĩa của câu : *Lạc nguyệt ốc lương, tương tư nhan sắc* (trăng rụng rường nhà, nhớ sắc mặt nhau). Thơ *Đỗ-Phủ mộng Lý-Bạch*, có câu : *Lạc nguyệt mãn ốc lương, do nghi kiến nhan sắc* (trăng rơi đầy rường nhà, ngờ như thấy mặt nhau).

(9) *Xẻ làm đôi* : Truyện-Kiều :

*Vầng trăng ai xẻ làm đôi,*
*Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường !*

(10) *Ly-quần* : lìa bầy, ra ở rời một mình.

## 19.— TỪ GIẢ BẠN

*Hơi tiếng vừa quen nghiã bạn thầy,*
*Ngược xuôi tạm rẽ đó hòa (1) đây.*
*Đã từng xe nón (2) lời giao chắc.*
*Dầu mấy bùn mây dạ dám khuây.*
*Rường đổ xiết bao trăng xẻ nửa (3).*
*Tháp trần (4) xót nỗi bụi giăng đầy.*
*Tuy rằng hội-ngộ khôn năng chuyến (5),*
*Tình nặng thần-giao (6) há dễ chầy.*

## 20.— GẶP BẠN ĐỒNG-TÔNG ĐỒNG-SƯ *

Hình như cụ Nguyễn viết ra để mừng cụ Nguyễn-Hữu-Kiến. Trong các bản chép đều không ghi xuất-xứ, riêng trong bản Bùi-Nhựt-Ưởng có hai bài đáp-họa : một của An-hoài-đường và một của Nguyễn-Hữu-Kiến, mà bài cụ Kiến mở đầu bằng câu : *Học một cửa, họ một*

---

(1) *Hòa* : lẫn, cùng, với ; gần như chữ và.

(2) *Xe nón* : chiếc xe và cái nón. Người nước Việt xưa kết giao, đắp đàn, giết gà điều, chó cò uống huyết mà thề rằng : Anh cỡi xe, tôi đội nón, khi gặp nhau xuống xe tiếp chuyện ; tôi đi bộ anh cỡi ngựa, khi gặp nhau xuống ngựa chào. Ý không phân biệt sang hèn giữa tình bè-bạn.

(3) *Rường đổ xiết bao trăng xẻ nửa :* xem chú thích bài số 18, *Tặng biệt,* câu *Rường trăng bao xiết xẻ làm đôi,*

(4) *Tháp trần* : *Tháp* : cái chõng : *Trần* : Trần-Phồn. Do điển Trần-Phồn có một người bạn tên Tử-Trĩ, khi nào có Trĩ đến chơi nhà, Phồn mới đặt cái chõng để cùng nhau ngồi trò chuyện, chừng Trĩ về, Phồn treo chõng lên chứ không tiếp ai trên cái chõng ấy.

(5) *Năng chuyến* : *Năng* : thường, hay ; *Chuyến* : lần phen. Nói không gặp-gỡ nhau nhiều lần.

(6) *Thần-giao* : giao-tiếp nhau bằng tinh-thần. Do bốn chữ *Thần giao cách-cảm* nói gọn lại ; có nghiã hai người tuy xa nhau mà tinh-thần cũng giao-tiếp, cảm-thông với nhau được.

*tông; Gặp nhau đất khách tuổi đều ông.* Cụ Nggyễn-Hữu-Kiến nguyên cũng là học trò của cụ Tú Tịnh và cụ Tú Thường.

*Họ hàng ung-đúc cửa nho-tông (1).*
*Chẳng cách bao chầy tác đã ông.*
*Còn mất lạ tài tình tộc-loại (2),*
*Lạnh-lùng bã miệng nỗi bình-bồng.*
*Nếp gà (3) mượn nối câu thề cũ,*
*Nòi giống khuyên đền món nợ chung.*
*Tâm-sự (4) chi chi tuôn rốc thể,*
*Mấy khi bình-thuỷ được tương-phùng (5).*

## 21.— TIẾP ĐƯỢC TIN BẠN

*Vừa nhớ ai đâu nước mắt rưng,*
*May thay tiếp được nhánh mai xuân (6)*

---

(1) *Nho-tông* : cũng đọc *Nho-tôn* : bực lãnh-tụ trong nho học.

(2) *Tộc-loại* : họ-hàng, nòi giống.

(3) *Nếp gà* : thời Hán có Trương-Nguơn-Bá và Phạm-Cự-Khanh là hai bạn thân, khi rời nhau có hẹn ngày hội-ngộ. Tới hạn kỳ, mẹ Nguơn-Bá sắm sẵn thịt gà, cơm nếp để đãi, nhưng còn ngờ Cự-Khánh không tới. Nguơn-Bá thưa : Cự-Khanh là tín-sĩ, không thể sai lời. Hôm ấy quả thực Cự-Khánh tới, cùng nhau say vùi một tiệc rồi đi. Do đó có câu : *Bằng hữu viết kê thử chi tình.*

(4) *Tâm-sự* chuyện lo nghĩ thầm-kín ở trong lòng.

(5) *Bình-thuỷ* : bèo nước; *Tương-phùng* : gặp nhau. Nghĩa bóng nói hai người gặp nhau hay hợp nhau nơi đất khách.

(6) *Mai xuân* : Lục-Khải ở Giang-Nam gặp sứ trạm, bẻ cành mai gởi về Tràng-An cho Phạm-Diệp, có khẩu chiếm bài thơ :

*Chiết mai phùng dịch sứ,*
*Ký dữ lũng đầu nhân.*
*Giang-Nam vô sở hữu,*
*Liêu-ký nhất chi xuân.*

*(Bẻ mai gặp sứ trạm,*
*Xin gởi lũng đầu nhân.*
*Giang-Nam không món lạ,*
*Mới tặng một cành xuân).*

*Phong thư thiết-thiết (1) tay vừa mở,*
*Ngọn lửa tư-tư (2) dạ bớt hừng.*
*Thấy nói hàn-huyên (3) càng khắng-khít,*
*Nỗi-niềm tâm-sự xiết buâng khuâng.*
*Thương nhau chẳng biết dùng chi tặng,*
*Chỉ tặng cho nhau chữ "ái-quần" (4).*

## 22.— GỞI «LÊ ĐỨC» *

Chưa tìm được Lê-Đức là ai, ở đâu ; chỉ thấy trong bản Nôm chép nguyên-văn như vậy.

*Nghe ra ông cũng bạn đồng-tâm (5),*
*Tin khó dò-la dấu khó tầm.*
*Mày mặt mong tường chừng một nửa (6),*
*Ruột gan nguyện gởi chuyện trăm năm.*
*Nóng lòng bèo nước (7) chờ khi gặp,*
*Mỏi mắt non sông mượn bút thăm.*
*Chủng-tộc (8) nhà ta ta liệu lấy,*
*Biết bao trách trọng (9) lại thù-thâm.*

## 23.— GỞI THĂM BẠN

*Trải ngót năm dư cách bạn hiền,*
*Dịp may gởi tỏ chút hàn-huyên (10)*

---

(1) *Thiết-thiết* : gấp gấp lắm.
(2) *Tư-tư* : lo ngại đau-đớn.
(3) *Hàn-huyên* : lạnh ấm, câu chuyện hỏi thăm nhau khi gặp-gỡ.
(4) *Ái-quần* : yêu-bầy, yêu đồng-loại với nhau.
(5) *Đồng-Tâm* : cùng một lòng một ý với nhau.
(6) *Một nửa* : có bản chép *một bữa*.
(7) *Bèo nước* : do chữ *Bình-thủy*. Bèo ở nước, xa nước tất không chịu được.
(8) *Chủng-tộc* : nòi giống: giống người.
(9) *Trách trọng* : trách-nhiệm nặng-nề.
(10) *Hàn-huyên* : xem bài 21 *Tiếp được tin bạn*.

*Cây, mây dặm thẳng từng trông bóng,*
*Bèo, nước canh chầy mãi nhớ duyên.*
*Gà nếp (1) tiệc xưa hòng lúc hội,*
*Non sông gánh nặng xúm nhau khiêng.*
*Lìa lâu lẽ ôũng nay mai hợp,*
*Sẽ rót thuần-giao (2) mặc ngửa-nghiêng.*

## 24.— GỞI VÂN-PHI *

Vân-Phi tên thật Trần-Văn-Chim, chủ-bút *Trung-lập báo* (xuất bản tại Sài-Gòn). Bài nầy cụ Nguyễn hoạ lại bài của Vân-Phi, sau khi thấy Vân-Phi lên tiếng tìm cụ trên báo *Cao Miên hướng truyền*. Xin xem rõ xuất-xứ đã nói ở phần tiểu-sử, chương X, *Dò qua lối cũ*.

*Bác đấy Vân-Phi tôi Nguyễn-Quang,*
*Đường Âu nẻo Á dặm muôn ngàn.*
*Ngóng tiêu-tức (3) bạn trời thưa nhận (4).*
*Nghĩ nghiã-vụ (5) mình lửa đốt gan.*
*Tin cá (6) mập-mờ nghe chửa thấu,*
*Dây cầm (7) vội-vã vặn thêm cang (8).*
*Sanh-ly (9) há phải đôi ta thế,*
*Tất cả đồng-bào nắm cát tan (10).*

---

(1) *Gà nếp* : như *nếp gà*. Đã giải ở bài số 20 : *Gặp bạn đồng tông đồng sư*.

(2) *Thuần-giao* : xem bài 16 *Gặp bạn*.

(3) *Tiêu-tức* : tin-tức.

(4) *thưa nhận* : Nhạn : nghĩa bóng là tin-tức ; thưa nhận ý nói vắng tin-tức.

(5) *Nghiã-vụ* : cái bổn-phận của mình phải làm cho trọn vẹn.

(6) *Tin cá* : chỉ tăm hơi tin-tức. Mượn theo điển Trần-Thắng bỏ thư vào bụng cá để thông-tin.

(7) *Dây cầm* : dây đờn. *Cầm* một thứ đờn xưa có nhiều dây.

(8) *Cang* : làm cho căng thẳng ra.

(9) *Sanh-ly* : sống mà phải xa lìa nhau.

(10) *Nắm cát tan* : có bản chép : *mặm cát tan*.

## 25— KHÓC CỤ NGUYỄN-THẦN-HIẾN *

Viết tại ngục Hà-Nội năm 1914. Xem xuất-xứ đầy đủ ở phần tiểu-sử, chương VII, *Trong ngục Hà-Nội*.

*Bấy lâu bay bổng cánh chim hồng* (1),
*Lạc lối giờ ra phải máy cung* (2)
*Chín suối* (3) *có thiêng hồn Tổ-quốc,*
*Trăm năm còn tạc gánh tang-bồng* (4).
*Đổi dời nghĩ gớm câu dâu bể* (5),
*Thố lộ cùng ai chuyện núi sông ?*
*Thôi để làm gương cho sắp bé.*
*Ngàn năm trong nước dấu anh-hùng* (6).

## 26— VIẾNG HOÀNG-HOA-CƯƠNG *

Năm 1926, cụ Nguyễn về Quảng-Châu, có đến thăm mộ Phạm-Hồng-Thái và mộ các liệt-sĩ Trung-Hoa tại Hoàng-Hoa-Cương; cụ có làm nhiều thơ Hán, thơ Nôm, nay chỉ còn sót được một bài.

*Mồ bảy mươi hai liệt-sĩ* (7) *đây,*

---

(1) *Chim hồng* : có bản chép : *minh hồng*. *Hồng* : con ngỗng trời ; theo Tàu thì chim hồng có năng-lực bay được thật cao.

(2) *Máy cung* : tức bẫy rập.

(3) *Chín suối* : dịch nghĩa chữ *cửu-tuyền*, chỉ âm-phủ. Theo Phật-giáo thì dưới âm-phủ có chín cái suối vàng.

(4) *Tang-bồng* : xem chú-thích bài số 13. *Gia vợ đi làm cách-mạng*.

(5) *Dâu bể* : ruộng dâu và biển cả Do bốn chữ *Thương hải tang điền* hay câu *Thương hải biến vi tang điền*, nghĩa là bể xanh hóa thành ruộng dâu. Nói cuộc thay đổi lớn.

(6) *Anh-hùng* : kẻ xuất-chúng, có tài đức hơn người.

(7) *Bảy mươi hai liệt-sĩ* : ngày 29 tháng 3 năm 1911, trong một cuộc khởi-nghĩa tại Quảng-Châu, 72 chiến-sĩ cách-mạng Tàu đã hy-sinh đền nợ nước, được dân-chúng Tàu kính trọng, gọi là *Thất thập nhị liệt-sĩ*.

*Hoàng-Hoa-Cương (1) hẹn đã bao ngày.*
*Liễn nêu dũng-cảm (2) đời rơi dấu,*
*Bia tạc anh-hùng địch khiếp oai.*
*Ngắm cảnh riêng mừng non nước đấy,*
*Trông gương như đốt ruột gan nầy.*
*Kèn khi khởi-nghĩa dường nghe giục,*
*Gánh nợ quê-hương nặng lại đầy.*

## 27.— VIẾNG MỘ PHAN TÂY-HỒ *

Khoảng cuối năm 1927, Nguyễn-Quang-Diêu sau khi thăm dò nhiều nơi, thấy cách-mạng có mòi thoái-bộ, cụ rất buồn. Lúc lẫn-lút hoạt-động ở Sai-Gòn, cụ thường đến viếng mộ cụ Tây-Hồ Phan-Châu-Trinh và có lần làm thơ :

*Vì đâu tớ (3) mất viếng mồ ông,*
*Càng viếng càng buồn nỗi núi sông.*
*Ba cõi Hồng-Bàng (4) thôi hết tưởng,*
*Một vùng Mã-lạp (5) thế là xong !*

---

(1) *Hoàng-Hoa-Cương* : một khu đất dành chôn 72 liệt-sĩ Trung Hoa nói trên. Năm 1925, tháng 3, nhằm Trung-Hoa dân-quốc thứ 14, Hồ-Hán-Dân đã cải táng liệt-sĩ Phạm-Hồng-Thái từ chân đồi Bạch-Vân về Hoàng-Hoa-Cương để tỏ lòng hoài-niệm một nhà cách-mạng Việt đã nêu gương anh-dũng.

(2) *Dũng-cảm* : mạnh-mẽ và can-đảm.

(3) *Tớ* : ngoài nghĩa tự xưng với những người ngang hàng và có vẻ thân-mật, ở miền Nam còn dùng nó để xưng với người lớn hơn, có nghĩa như chữ *tôi*, hoặc khiêm-tốn hơn chữ *tôi*, ý tự hạ mình như người tôi-tớ.

(4) *Hồng-Bàng* : Họ làm vua trước nhất của nước ta, từ năm 2877 tới 258 trước kỷ-nguyên.

(5) *Mã-lạp* : tức *Mã-lạp-phong* : đắp đất cao nhọn như hình lông gáy ngựa. Sách *Lễ-Ký* chép : Khổng-Tử chôn mẹ mộ như lưỡi rìu, nên gọi *Mã-lạp-phong*. Chỉ mộ-phần.

*Đành người tạ-thế* (1) *đi rồi mất,*
*Thảm khách* (2) *ưu-thời* (3) *có thể không.*
*Nhắc đến đương niên cơ-hội* (4) *trước.*
*Đừm gan truy-điệu* (5) *lửa nhen hồng.*

## 28.— TẶNG NỮ-SĨ TRẦN-KIM-PHỤNG *

Nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng hoạ thơ với Thầy Minh, hai người sanh chuyện bất-hòa. Cụ Nguyễn viết bài nầy, hoạ vần theo bài của Thầy Minh, tặng Trần-Kim-Phụng; Kim-Phụng chịu cụ là bậc đàn anh. Xem lại phần I.

*Nghe nói mây mưa giấc đã từng,*
*Vì ai tỉnh-ngộ* (6) *khiến ta mừng.*
*Não-nề kiếp trước thân tô phấn,*
*Hổi-hộp duyên sau xác đội sừng* (7).
*Đài kiếng* (8) *đời phen vùi lắm* (9) *bụi,*
*Đường gai bao thuở mở thông rừng ?*
*Con đường giải-phóng* (10) *thênh-thênh đấy,*
*Gót ngọc khuyên ai chớ vội ngừng* (11).

---

(1) *Tạ-thế* : từ-tạ với đời mà đi ; chết.

(2) *Khách ưu-thời* : có bản chép : *Thảm cụ...*

(3) *Ưu-thời* : lo lắng cho đời.

(4) *Đương-niên cơ-hội* : *Đương-niên* : năm xưa ; *Cơ-hội* : dịp thích-đáng để làm việc. Có bản chép : *đương niên cơn gió bụi.*

(5) *Truy điệu* : nhớ lại người chết mà đau-đớn. Có bản chép truy đạo.

(6) *Tỉnh ngộ* : biết rõ ra, hết mê.

(7) Xin xem lại xuất-xứ bài nầy ở phần tiểu-sử để rõ ý hai câu thơ.

(8) *Đài kiếng* : đài gương. Đạo Phật có câu : *Tâm như minh cảnh đài* (lòng như đài gương sáng).

(9) *Vùi lắm bụi* : có bản chép : *vùi lấp bụi.*

(10) *Giải-phóng* : cởi mở ra cho được tự-do. Có bản chép *giải-thoát.*

(11) *Chớ vội ngừng* : có bản chép : *bước chớ ngừng.*

## 29.— ĐIẾU NỮ-SĨ NGUYỄN-MINH-NGHĨA *

Con gái cụ Tân-Châu Nguyễn-Chánh-Sắt mất, cụ Chánh-Sắt khóc mười bài liên-hoàn, gởi cho cụ Nguyễn-Quang-Diêu xem và báo tin buồn, cụ Nguyễn-Quang-Diêu vì cảnh-ngộ không đi thăm được, hoạ lại gởi chia buồn với bạn. Bài của cụ Tân-Châu nay còn đủ, nhưng sợ rườm, không chép vào đây.

I

*Hổ mình bặp-bẹ giọng văn gà (1),*
*Nghe phó (2) ngậm-ngùi bút gượng sa.*
*Gớm mạng hồng-nhan (3) sao mãi bạc,*
*Tiếc tài liễu-nhự (4) chửa bao già.*
*Sen vàng (5) chín suối (6) xa tìm bạn,*
*Quế đỏ (7) đôi chồi cậy gởi cha (8).*
*Sống thác xưa nay tuy vẫn thế,*
*Nhưng tình hồ-thố (9) gọi sao mà...*

---

(5) *Văn gà* : văn xoàng, không hay.

(6) *Phó* : báo tin có tang.

(7) *Hồng-nhan* : má hồng, con gái đẹp.

(8) *Liễu nhự* : cái lông nhỏ, mềm như tơ trên trái liễu. Đời Tấn Tạ-Đạo-Uẩn học rộng, có tài biện-bác. Một lần trời xuống tuyết, Tạ-An hỏi : « Tuyết xuống lợp lợp, giống cái gì thế ? » Lãng, cháu của Tạ-An, đáp : « Giống muối trắng ném giữa trời ». Tạ-Đạo-Uẩn nói : « Chưa bằng tơ liễu nhân gió mà tung bay ra ». Đạo-Uẩn được khen là tài cao. Người sau hay dùng chữ *liễu-nhự* để khen đàn bà có tài (Lan-huệ chất, liễu-nhự tài, giai phụ-nhân chi mỹ-dự).

(9) *Sen vàng* : đời Lục-Triều, vua Nam-Tề yêu Phan-Phi, sai đúc hoa sen bằng vàng lót trên mặt đất cho nàng đi, rồi bảo : bước chân của nàng sinh ra được bông sen vàng. Các văn-nhàn nhân đó mượn chỉ gót chân của người con gái đẹp (cũng như gót sen).

(10) *Chín suối* : xem bài số 25, *Khóc cụ Nguyễn-Thần-Hiến*.

(11) *Quế đỏ* : thứ cây thơm, quý. Do chữ *Quế tử lan tôn* : con như cây quế, cháu như cây lan.

(12) *Đôi chồi cậy gởi cha* : cô Nguyễn-Minh-Nghĩa chết còn để lại hai đứa con. Sống gởi nhờ nơi ông ngoại là cụ Nguyễn-Chánh-Sắt.

(13) *Hồ-thố* : cáo và thỏ. Do chữ *Thố tử hồ bi* : thỏ chết mà cáo cũng thương.

## II

*Gọi sao mà chẳng ngậm-ngùi ôi !*
*Chiếc bá (1) lênh đènh sóng khoả rồi.*
*Đội phấn (2) trầm-trồ lời nết vắng,*
*Làng văn tức tối bạn-bè côi.*
*Ba tùng tiết-nghiã (4) may tròn-trịa,*
*Bốn đức (5) công phu luống sửa giồi.*
*Dâu bể lạ cho dời đổi chóng,*
*Lòng nào mà chẳng xót thương ôi !*

## III

*Thương ôi ! những kẻ sắc tài lành,*
*Có tội tình chi ghét bỏ đành ?*
*Lòng giá (6) lưu-danh trên mặt báo,*
*Má hồng di-tích trước khuông hình.*
*Phấn son vùi lấp buồn cho đó,*
*Gió bụi chung-chinh bực nỗi mình.*
*Hai chữ nữ-quyền (7) đâu chửa đấy,*
*Gót sen đành lánh cõi hôi tanh !*

---

(1) *Chiếc bá* ; chiếc thuyền bằng gỗ bá. *Kinh-thi*, chương *Bá châu*, có chép chuyện bà Cung-Khương sớm góa chồng, cha mẹ khuyên bà cải giá, bà từ chối, làm bài thơ *Bá-châu* để tự ví mình. Sau dùng chữ ấy để chỉ những người quả-phụ.

(2) *Đội phấn* : *Đội* : đàn, bọn ; *Phấn* : *Phấn-đại* : phấn dùng để thoa mặt, mực dùng kẻ lông mày. Nói chung bọn đàn bà con gái.

(3) *Ba tùng* : *Tam tùng* : ba điều phải theo của con gái xưa : ở nhà theo cha ; lấy chồng theo chồng ; chồng chết theo con.

(4) *Tiết nghiã* : lòng ngay thẳng, trong sạch.

(5) *Bốn đức* : *Tứ đức* : bốn cái đức của con gái. *Công* (khéo léo việc bếp núc và may), *Dung* (nết mặt trang nghiêm), *Ngôn* (lời dịu-ngọt nhún-nhường), *Hạnh*, (nết na đứng-đắn).

(6) *Lòng giá* : do *Băng-tâm* : lòng trong sạch.

(7) *Nữ-quyền* : quyền hạn của đàn bà con gái. Cụ Nguyễn có ý nhắc lại việc cổ-võ nữ-quyền mà cô Nguyễn-Minh-Nghiã bình-sinh đã tiếp tay với cụ.

## IV

*Lánh cõi hôi tanh một khắc canh* (1),
*Trăm năm roi để dấu khuynh-thành* (2)
*Câu văn trọng nét đôi hàng thảm,*
*Đùm ruột thương tài chín khúc quanh.*
*Dẫu gọi gió mây đành bất-trắc* (3),
*Há rằng cây đá dám vô-tình !*
*Thiếu chi phấn lạt hương phai đấy.*
*Sao mãi thù hiềm khách tuổi xanh ?*

## V

*Tuổi xanh đang nặng nghĩa và tình,*
*Sao quỷ vô-thường* (4) *cắc-cớ ganh.*
*Giá tuyết dẫu tròn thân vĩnh-quyết* (5),
*Non sông còn vướng nợ tam-sanh* (6).
*Nợ lời hườn-cấp* (7) *than càng thảm.*
*Nẫy gót tiêu-dao* (8) *bước chẳng đành.*

---

(1) *Một khắc canh* : có bản chép : *phút biến canh.*

(2) *Khuynh-thành* : nghiêng đổ thành trì. Nghĩa bóng người rất đẹp. Lý-Diên-Niên có bài thơ ca-ngợi người đẹp ở phương Bắc, có câu : *Nhất cố khuynh nhân thành, tái cố khuynh nhân quốc* (nhìn qua khiến nghiêng thành của người, ngó lại khiến nghiêng nước của người).

(3) *Bất-trắc* : không lường trước được. Lấy trong những chữ : *Phong vân mạc trắc*

(4) *Vô-thường* : tiếng nhà Phật ; nói nhất-thiết sự vật ở thế-gian đều không bền-bỉ. Như sự thành bại của vạn-vật ; sự sinh tử của chúng-sinh ; sự diệt, khởi của ý-niệm đều ở trong lý vô thường. Tục thường thêm-thắt, cho rằng có loại quỷ *vô-thường*, có thể bắt chết người được (*Từ Nguyên*).

(5) *Vĩnh-quyết* : sự ly-biệt mãi mãi ; chết.

(6) *Tam sanh* : xem chữ *Hương-hoả* trong bài số 13, *Giã vợ đi làm cách-mạng.*

(7) : *Hườn-cấp* : xem bài số 15, *Em gởi chị.*

(8) *Tiêu dao* : đi đây đi đó một cách thong-thả, không bị ràng buộc.

*Xác thịt thế mà danh chẳng thế,*
*Báo nêu tiết-tháo (1) ảnh nêu hình.*

VI

*Nêu hình ỏi tiếng khắp quê nhà,*
*Nông-nỗi này ai chẳng lệ sa ?*
*Mối nợ quần-thoa (2) chưa trả chác,*
*Mảnh hồn vân-võ (3) vội xông pha.*
*Câu văn nữ-giới đương còn bận,*
*Chữ số thiên-đình nỡ chẳng tha.*
*Trà rượu đã không chi lấy điếu,*
*Thôi đem nghiên bút biếu (4) tình ta.*

VII

*Tình ta yêu khách sắc tài tròn,*
*Điếu-phúng (5) hềm không lễ cỏn-con.*
*Gặp biến thương ai gan ruột nát,*
*Chia buồn bao kẻ rượu chè ngon !*
*Cưa sương cắt đứt nhành ngô yếu,*
*Búa tuyết đẽo mòn vóc liễu non.*
*Điếu thác rồi ra thương kẻ sống,*
*Chồi xuân (6) đứng sựng dạng chon-von.*

---

(1) *Tiết tháo* : giữ vững khí-tiết.

(2) *Quần thoa* : quần mặc và trâm cài. Giới đàn bà.

(3) *Vân-võ* : cũng giống chữ *Vu-sơn vân-võ* : nói sự hội ngộ với tình-nhân. Như đã thấy ở bài 11, cô Nguyễn-Minh-Nghĩa là quả-phụ, vì vậy cô mất đi, có thể nói trở về sum-họp với người yêu cũ. Trong bài tự *Cao-đường phú* của Tống-Ngọc, có chép : « Ngày trước Tương-Vương (nước Sở) ra chơi Cao-Đường, mệt ngủ, mộng thấy một người đàn bà nói : thiếp là gái ở Vu-Sơn, nguyện đến hầu chăn gối. Khi ra đi, nàng bảo mình là thần ở non Vu, sớm làm mây, tối làm mưa chốn Dương-Đài ». *Chinh phụ ngâm khúc* cũng có dùng điển này :

*Tìm chàng ở Dương-Đài lối cũ,*
*Gặp chàng nơi Tương-Phố bến xưa.*

(4) *Biếu* : Nêu lên, bày tỏ ra.

(5) *Điếu-phúng* : đem lễ vật đề đến thăm nơi nhà có tang.

(6) *Chồi xuân* : như *Cội xuân* ; *Xuân* cũng đọc là *Thung* : một thứ cây to, sống lâu. Thường đem ví người cha. Chỉ cụ Nguyễn-Chánh-Sắt.

## XIII

*Chon-von Bồng-Đảo* (1) *tách phương nào ?*
*Ngảnh lại lầu hồng* (2) *tủi xiết bao !*
*Bận-bịu Bá-Nghiêm* (3) *lòng quyến-luyến,*
*Rảnh-rang Lộng-Ngọc* (4) *gót du-ngao* (5).
*Tân-Văn* (6) *báo vẫn chia buồn mãi,*
*Gia-chánh* (7) *ai hầu nối luận sau.*
*Má phấn lấn chen trường bút chiến* (8),
*Sao không bia đá tạc nghìn thu !*

## IX

*Nghìn thu đành đã rảnh-rang mình,*
*Xiết nỗi nồng gan vắng bặt hình!*

---

(1) *Bồng-Đảo* : tên một hòn đảo trên Bột-Hải, tương truyền có tiên ở. Xung quanh đảo có biển nước rất yếu gọi là nước Nhược, không đỡ nổi một hột cải Bồng-Đảo tức nơi tiên-cảnh.

(2) *Lâu-hồng* : dịch chữ *Hồng-lâu*: chỗ phái yếu ở. Ngày xưa các nhà phú-quý thường sơn đỏ nhà cửa để cho con gái đàn bà ở.

(3) *Bá-Nghiêm* : một biệt-hiệu của cụ Nguyễn-Chánh-Sắt.

(4) *Lộng-Ngọc* : tên người con gái của vua Tần-Mục-Công, có tài thổi ống sanh bằng ngọc. Khi nàng kén chồng, có chàng Tiêu-Sử tài thổi ống tiêu đến phỏ tài. Lộng-Ngọc kết duyên với Tiêu-Sử. Từ đó hai người thường thổi tiêu với nhau và mỗi lần hòn tấu như vậy thì chim phụng đến chầu. Một lần, hai vợ chồng đang trỗi giọng thì phụng và rồng xuống, hai người cỡi lên, bay thẳng về tiên. Điều nầy nói cô Nguyễn-Minh-Nghiã đã thong-thả dong chơi cõi tiên.

(5) *Du-ngao* : như *Ngao-du* : đi thong-thả.

(6) *Tân-văn* : tên một tờ báo, đọc đủ là *Phụ-nữ tân-văn*, của Nguyễn-Đức-Nhuận và nhóm Phan-Khôi (Số 1 phát hành ngày 3 tháng 5, 1929 Tòa báo ở 42 Catinat Saigon).

(7) *Gia-chánh* : cách trông nom xếp-đặt việc trong nhà. Đây chỉ một mục trên báo *Tân-văn*, chuyên bàn về chuyện khéo-léo của nữ-giới mà cô Nguyễn-Minh-Nghiã có phụ-trách.

(8) *Bút chiến* : tranh-luận bằng ngòi bút.

*Tơ nhện bở duyên người bạc mạng,*
*Cánh chuồn mỏng phận khách đa tình.*
*Đất đành vùi-lấp tài vưu-vật (1).*
*Trời nỡ hẹp-hòi đức hiếu-sinh (2).*
*Quý tiện chi chi gò một nấm (3),*
*Ai người tiết-giá, gái lòng đinh !*

X

*Lòng đinh mặt ngọc mấy ai mà,*
*Ma nỡ đem đường chín suối xa.*
*Tuổi mới đôi mươi tài sánh chú,*
*Tác dư vài chục số hơn bà.*
*Hay ngôi chủ-quĩ (4) đâu còn thiếu ?*
*Nên bác văn-lang (5) mới chẳng tha !*
*Quê-kịch đôi lời bày khoản-khúc (6);*
*Hồ mình bập bẹ giọng văn gà.*

## 30.— TẶNG BÁO SÀI-THÀNH *

Ngày 21 tháng 11, 1930, tờ *Sài-Thành nhật báo* phát-hành số ra mắt (chủ-nhiệm : Hồ-Văn-Hiến, báo-quán 23, Filippini), cụ Nguyễn nhân có dịp gặp qua vài người (?) đi cổ-động cho báo nầy, họ tuy không biết rõ lai-lịch cụ,

---

(1) *Vưu-vật* : vật quý ít có. Ví sắc đẹp hay của lạ đắt tiền. *Tả truyện* : *Vưu-vật túc dĩ di nhân* : vật lạ đủ làm dời đổi được lòng người.

(2) *Hiếu-sinh* : ham muốn sự sống.

(3) *Gò một nấm* : có bản chép : *Gò một đống*.

(4) *Chủ-quĩ* : người đàn bà lo sóc việc bếp núc.

(5) *Văn-Lang* tức *Tu-Văn-Lang* : tiếng dùng gọi văn-nhân tạ-thế. Đời Tấn, sau khi Tô-Thiều chết, một người em chú bác của Thiều là Tiết, ban ngày trông thấy Thiều hiện về. Nhân hỏi chuyện về cõi u-minh. Thiều đáp : Nhan-Uyên, Tử-Hạ đều làm chức Tu-Văn-Lang dưới địa-phủ.

(6) *Khoản-khúc* : cái nguồn cơn nông-nổi ở trong lòng.

nhưng rất mến phục tài-năng, nên cụ đưa tặng một bài thơ làm duyên.

*Dâu bể (1) ngày mong cuộc chóng tròn,*
*Mòn ba tấc lưỡi tỉm lòng son.*
*Miệng rao suốt tháng lời gan ruột,*
*Bút điểm năm màu vẻ nước non.*
*Làng báo mây ùng vùng Bến-Nghé (2),*
*Nhà văn sấm dậy tiếng Sài-Gòn.*
*Giữa trường ngôn-luận (3) chen ra mắt,*
*Đời kiếp cầu mong mãi sống còn.*

## 31.— TẶNG BÁO RẠNG ĐÔNG *

Năm 1930, cụ Nguyễn đọc một số báo *Rạng Đông* (báo *Rạng Đông* xuất bản hằng tháng tại Sài-Gòn, báo-quán 206 đường Mac Mahon, số đầu ra vào đệ nhất lục-cá-nguyệt 1927) nhân thấy nội dung có mấy bài vừa ý, nên cụ đề tặng một bài thơ. Trong xuất-xứ các bản Nôm, đều không thấy nói có đăng lên báo hay không.

*Nặng lòng vì nước nhẹ vì mình,*
*Vần đất xây trời mượn bút linh.*
*Tấc lưỡi gọi về hồn mộng-tử (4),*
*Câu thơ đầm-thấm óc văn-minh.*
*Kêu vang xã-hội lời công-lý,*
*Đánh vỡ giang-sơn chuyện bất-bình.*
. . . . . .
. . . . . . (5)

---

(1) *Dâu bể* : xem bài số 25, *Khóc cụ Nguyễn-Thần-Hiến*.

(2) *Bến-Nghé* : Sài-Gòn xưa có tên *Bến-Nghé*, mà *Đại-Nam Nhất-Thống Chí* chép là : *Ngưu-Chử*.

(3) *Ngôn-luận* : lời nói ra hay viết ra để bày tỏ ý-kiến.

(4) *Mộng-tử* : do chữ *Túy sinh mộng tử* : Sống giữa cơn say, chết trong chiêm-bao. Người hoàn toàn không-tưởng, xác thịt sống mà tinh-thần đã chết.

(5) Khuyết mất hai câu chưa tìm được.

## 32— « TỰ-THUẬT NAM-NHI » *

Năm 1910, cụ Nguyễn vừa đúng 30 tuổi, từng đã hoạt-động cách-mạng đắc-lực, nhưng phần nhiều người ta rụt-rè, không hăng-hái như cụ, còn tỏ vẻ sợ-hải nữa, nên cụ đã chép miệng than dài trong bài thơ sau :

*Nghĩ mình mang lấy tiếng nam-nhi (1),*
*Cái nợ cung dâu (2) gánh nặng trì.*
*Tuổi-tác đã vừa ba chục chẵn,*
*Công-danh chưa có ít nhiều chi !*
*Rường cao yến đỗ nương nhiều chỗ,*
*Gió thuận hồng (3) mong gặp-gỡ khi.*
*Xem khắp thế-tình (4) rồi nghĩ-nghị,*
*Muốn noi Thánh trước cỡi bè đi (5) !*

## 33— « PHẠM-LÃI DU NGŨ-HỒ » *

Lúc ở Tàu về, cụ thấy nhiều đồng-chí đã ra hàng làm việc cho Tây, trong số đó có một đồng-chí rất thân-mật với cụ, đã làm việc mà còn tranh-chấp quyền hành với những người khác, gây lắm cái ti-tiện xấu-xa, cụ chán quá, mượn việc Phạm-Lãi du Ngũ-Hồ mà tự-thuật ý mình.

*Đen lòng danh-lợi mặc ngu-phu,*
*Tâm-sự toan đem gởi Ngũ-Hồ (6).*

---

(1) *Nam-nhi* : con trai, đàn ông.

(2) *Cung dâu* : xem chữ *Tang-bồng* trong bài số 13, *Giã vợ đi làm cách-mạng*.

(3) *Hồng* : tên một loài chim. Xem chú thích bài số 25, *Khóc cụ Nguyễn-Thần-Hiến*.

(4) *Thế tình* : tình ở đời của người ta.

(5) *Thánh trước cỡi bè đi* : do câu trong sách *Luận-ngữ* : « *Tử viết* : *đạo bất hành thừa phu phù vu hải* » Phu-tử nói : đạo không hành được, cỡi bè nổi mà qua biển.

(6) *Ngũ-Hồ* : năm cái hồ có tiếng ở Trung-Quốc : Tây-Hồ, Thái-Hồ, Động-Đình-Hồ, Phan-Dương-Hồ và Sào-Hồ.

*Hết sức giữ còn nòi giống Việt,*
*Ra tay đánh đổ nước nhà Ngô (1).*
*Nghênh-ngang trời bể thân nhàn-tán (2),*
*Khuây-khoả rồng mây chí viễn-đồ (3).*
*Gởi nhắn bao nhiêu phường mặt nạ,*
*Thôi đừng mượn mỏ phấn son tô !*

## LÀM RẦY THẤT MÙA *

Sau khi trở về nước hoạt-động, cụ Nguyễn thấy công việc luôn luôn thất-bại nên làm thơ bóng gió gởi gắm ý mình. Thật ra cụ không hề có làm rầy.

*Chẳng biết mình sao mãi chẳng may,*
*Hỏng luốn cày lưới cả cày tay ?*
*Giống gieo mấy khoảnh mây tuôn rốc,*
*Vốn mượn năm đồng nước chảy ngay.*
*Chẳng lẽ đất không ưa vật thế,*
*Chắc rằng trời muốn thử người vay (4) ?*
*Thôi liều nhắm mắt đưa chơn vậy,*
*Con tạo (5) dù mi mặc sức xoay.*

## 35— THẦY DỞ ĐỜ LẢNG-DIỀNG *

Hàm ý nói khiêm về việc làm cách-mạng của cụ, cụ

---

(1) *Việt-Ngô* : Phạm-Lãi là một trung-thần của Việt-vương Câu-Tiễn, hết lòng giúp vua trong cơn hoạn-nạn và sau đi tìm Tây-Thi để dâng cho Ngô-Phù-Sai, làm Phù Sai đắm mê, bỏ trễ việc nước, Câu-Tiễn diệt được Phù-Sai mà lấy nước Ngô. Sau khi xong việc, Phạm-Lãi không thích công-danh và sợ lụy thân nên bỏ quan, đi ở ẩn tại Ngũ-Hồ.

(2) *Nhàn-tán* : rảnh rang, thông-thả.

(3) *Viễn-đồ* : kế-hoạch xa rộng.

(4) *Vay* : gốc bởi chữ *tai* trong Hán-văn, dùng đặt ở cuối câu cho mạnh nghĩa.

(5) *Con tạo* : do chữ *Tạo hoá tiểu-nhi* (Tạo hoá là con nít) mà ra. *Tạo* : dựng ; *Hoá* ; biến-hoá. Chỉ trời.

viết lúc ngồi dạy học và làm thuốc tại Tân-An. Đầu đề mượn nguyên một câu tục-ngữ.

*Mặc ai rằng thánh, mặc ai tiên,*
*Ta dở thôi ta đở láng-diềng.*
*Chi bất (1) gọi về hồn cạnh vách,*
*Cầm-liên (2) cứu khỏi bệnh kề hiên*
*Hồ tài sơ-lậu (3) non xây thẹn,*
*Nóng mũi thân-lân (4) lửa đốt phiền.*
*Dẫu chẳng đại-thành (5) nhưng tiểu-bổ (6),*
*Hoạ là may khỏi tiếng du-yên (7).*

## 36.— « THẮNG CÂM ĂN ỚT » *

Viết trong năm 1932, giữa hồi tạm sống bằng nghề dạy học. Cụ mượn đề tài « *câm* » để tự-thuật nỗi bực-dọc khó tả đang bị dồn ép trong lòng.

*Thảm bởi câm mà phải ớt cay,*
*Phận mình mình biết, việc mình hay !*
*Cam bề nóng mũi khôn lay lưỡi,*
*Xiết nỗi nồng gan luống nhíu mày !*
*Miệng thể kim may đành phận vậy,*
*Lòng như muối xát (8) ngỏ ai vay ?*
*Bất bình đành đã kêu không tiếng,*
*Hoạ có thiên-công (9) thấu dạ nầy !*

---

(1) *Chi bất* : chữ *chi* và chữ *bất*. Nói sự học hỏi bên Hán-văn cũng như nói : *chi hồ giả dã*.

(2) *Cầm liên* : huỳnh-cầm và huỳnh-liên, hai vị thuốc có tính chất khổ-hàn.

(3) *Sơ-lậu* : thưa lọt, không kín ; tài năng kém cỏi.

(4) *Thân-lân* : xóm-diềng gần-gũi thân-mật nhau.

(5) *Đại-thành* : thành công to.

(6) *Tiểu-bổ* : bổ ích nhỏ.

(7) *Du-yên* : tức cũng đọc *Du-an* : người chỉ thèm cái yên-ổn nhất thời, không nghĩ gì đến chuyện lâu dài.

(8) *Muối xát* : có bản chép : *lửa đốt*.

(9) *Thiên-công* : thợ trời ; trời làm nên vạn-vật nên gọi thợ.

## 37.— LUI VỀ DẠY HỌC TỰ-THUẬT *

Năm 1932, cụ Nguyễn tạm dạy học tại Vĩnh-Hòa, một vài đồng-chí đã ngờ cụ non gan trước sự đàn-áp quá bạo của thực-dân. Cụ lặng thinh không đáp nhưng lòng luôn luôn xốn-xang, nóng-nảy đợi thời-cơ; cụ đã ký-thác lòng mình vào mấy vần thơ tự-nhiên mà thấm-thiết.

*Nhắm mắt quăng gươm giựng rủ màn (1),*
*Nghĩ càng thêm thẹn phận du-an (2).*
*Ngọn nguồn Thù Tứ (3) khai chưa thấu,*
*Giọt lệ giang-sơn chặm chẳng càn (4).*
*Tính mượn văn-chương (5) nhồi óc trẻ,*
*Rắp đem thù-sỉ (6) hú hồn đoàn.*
*Đường kia nỗi nọ đâu không đấy,*
*Rộn-rực bên lòng mãi liệu-toan !*

## 38.— NGHÈO MÀ VUI ĐẠO

*Lạ chi gầm vóc vẻ thêu-thùa,*
*Duy báu an-bần (7) rõ khó mua.*
*Răng vẫn quen rau thơm vả ngọt,*
*Lưỡi chưa từng thịt đắng hay chua !*
*Khuây lòng đói lạnh vui lòng đạo,*

---

(1) *Rủ màn* : do câu *Xưng giáo-quán viết thiết-trướng* : gọi chỗ dạy học là rủ màn. Mã-Dung đời Hán dạy học trò ngăn nhà trước và nhà sau bằng một bức màn đỏ. Nhà trước dạy học, nhà sau cho nữ-nhạc xướng-ca để thử học trò coi ai đăng trí.

(2) *Du-an* : cũng như *Du-yên*. Xem bài số 35, *Thầy dở dở láng-diềng*.

(3) *Thù Tứ* tên hai con sông ở tỉnh Sơn-Đông, xưa là nước Lỗ, sinh-quán của Khổng-Tử, nơi phát-khởi đạo Nho.

(4) *Càn* : cũng đọc *can* : khô-khan. Nói nước mắt khóc giang-sơn lau chẳng ráo.

(5) *Văn-chương* : tác-phẩm văn-học hay, đáng dùng làm kiểu-mẫu,

(6) *Thù-sỉ* : điều thù-hận nhục-nhã.

(7) *Duy báu an-bần* : duy có cái nghèo mà an-phận là quý-báu.

*Hết lúc cày câu đến lúc vua (1).*
*Nghĩ cũng buồn cười phường bất-nghĩa,*
*Túi cơm giá áo (2) khéo se-sua !*

## 39 — SÀU NON NƯỚC *

Theo ông Bùi-Nhựt-Ưởng, nguyên giáo-sư Hán-tự trường Trung-học Nguyễn-Hữu-Cảnh Cái-Dầu, thì mười bài nầy cụ Nguyễn-Quang-Diêu làm tại Quảng-Châu và cụ Nguyễn-Hải-Thần có hoạ lại ; nhưng bài hoạ hiện chưa tìm thấy.

### I

*Hỏi tôi buồn những sự gì đây.*
*Mượn rượu làm khuây cũng chẳng khuây ?*
*Mắt mãi chứa chan cơ-hội trước,*
*Lòng hằng chua-xót nước-non nầy !*
*Hồn khôn vẫn-vít thân còn dở,*
*Phách dại mơ-màng kiếp sống say (3).*
*Bĩ-thái (4) then trời (5) đâu dễ chắc,*
*Lẽ nào có rủi lại không may !*

### II

*Không may sá quản chút thân này,*
*Thượng-đế (6) ngồi cao lẽ cũng hay !*

---

(1) *Hết lúc cày câu đến lúc vua*: ông Thuấn lúc chưa được vua Nghiêu nhường ngôi, ra cày ruộng ở Lịch-Sơn; Từ-Nha khi chưa gặp Văn-Vương, ngồi câu nơi Vị-Thủy.

(2) *Túi cơm giá áo* : do chữ *y giá phạn nang* : cái giá mắc áo, cái túi đựng cơm ; chê những kẻ tầm thường không làm nên trò trống gì.

(3) *Sống say* : do chữ *Túy sinh mộng-tử* : Sống giữa cơn say, chết trong chiêm bao. Xem bài số 31 *Tặng báo Rạng Đông*.

(4) *Bĩ-thái* : suy-xấu và thịnh-vượng.

(5) *Then trời* như *cơ trời* hay *máy trời*.

(6) *Thượng-đế* : trời, chúa trời ; tức vị thần cao nhất trong các thần.

*Đường lắm chông gai chơn ngại bước,*
*Trời chưa mưa gió cánh không bay.*
*Tấm lòng hồ-thỉ (2) còn mong mãi,*
*Món nợ san-hà (3) muốn trả ngay.*
*Vẫn tính vẫy-vùng cho phỉ chí,*
*Ngặt vì còn thiếu cả chân tay.*

III

*Chân tay thiếu cả liệu sao mà,*
*Biết ngỏ cùng ai tâm sự ta ?*
*Tủi-phận vẩn-vơ hùm lạc núi,*
*Xót thân dật-bạ (4) chó không nhà.*
*Bệnh nghèo vắng thấy tay trừ quỉ,*
*Cơn ngặt ầm nghe tiếng nhát ma !*
*Mùi có nếm rồi, rồi mới biết,*
*Càng cay đắng lắm chí càng già.*

IV

*Chí càng già-giặn lúc truân-chuyên,*
*Có đầy xô gì chẳng đổ nghiêng.*
*Dầu tớ chạy nam dầu chạy bắc,*
*Mặc ai rằng nghịch mặc rằng điên !*
*Rừng nhiều beo hạm tay không súng,*
*Đường lắm tàu xe túi chẳng tiền,*

---

(1) *Hồ-thỉ* : xem chữ *Tang-bồng* trong chú thích bài số 13, *Giữ vợ đi làm cách-mạng*.

(2) *San-hà* : núi lớn và sông to. Có bản chép : *Mối nợ tang-bồng*.

(3) Dật-bạ: trôi nổi bông-lông, tạm-bợ, không chắc vào đâu. Từ-ngữ này rất thông dụng ở miền Nam, nhưng các tự-điển đều không chép Trong *Đại-Nam quốc-âm tự-vị* của Huỳnh-Tịnh Paulus Của có chữ *Dật-lạc : trôi nổi tụ bạ vào chỗ nào*. Trong *Chánh-tả tự-vị* của Lê-Ngọc-Trụ, nơi chữ *Dật* (*h*) có nghĩa : *thất lạc*. Theo thư của ông Lê-Ngọc-Trụ (5-7-61) thì *Dật* là « *chữ Hán* » được Việt-hoá, *nghĩ là tiếng Nôm gốc Hán-Việt, ghép theo với tiếng Bạ*». Vậy nên viết Dật với âm *d*.

*Mưa nắng chi chi đâu đám nại,*
*Ấy là trách-nhiệm (1) giống Rồng-Tiên. (2)*

V

*Giống Rồng Tiên trước kém gì ai,*
*Mày-mặt giờ ra thẹn với đời !*
*Toan cắp Thái-Sơn (3) sang bể cả.*
*Rắp đem tinh-vệ (4) lấp miền khơi.*
*Vai hằng gánh nặng thù non-nước.*
*Lòng mãi vương mang nghĩa đất trời*
*Thành-bại lẽ thường bao sá quản,*
*Gọi là trả chút nợ làm trai.*

VI

*Làm trai nay gặp hội tân-trào (5),*
*Ngồi đấy khoanh tay nỡ bụng nào !*
*Ách thảm nặng quần vai nghĩa-liệt (6),*
*Lửa thù đốt cháy ruột anh-hào (7).*
*Trông về non nước lòng thêm bận (8).*
*Đoái lại mày râu tuổi đã cao.*

---

(1) *Trách-nhiệm* : tự nhận là việc của mình mà gánh lấy.

(2) *Rồng Tiên* : theo tục truyền, dân-tộc Việt con cháu của Tiên Rồng. Lạc-Long-Quân thuộc giống Rồng. Âu-Cơ thuộc giống Tiên.

(3) *Thái-Sơn* : một hòn núi trong Ngũ-nhạc, thuộc tỉnh Sơn-Đông bên Tàu.

(4) *Tinh-vệ* : tên một thứ chim nhỏ ở bể. Tương truyền con gái Viêm-Đế vì chết chìm nên căm tức hóa thành chim, ngậm đá để lấp biển. Nghĩa bóng nói người đang có mối thù thâm, mong trả cho được.

(5) *Tân-trào* : trào lưu mới.

(6) *Nghĩa-liệt* : nghĩa khí của hàng liệt-sĩ.

(7) *Anh-hào* : người có tài-trí, cử-chỉ tốt đẹp và mạnh-mẽ hơn đám người thường.

(8) *Trông về non nước lòng thêm bận* : vin vào câu này, học trò cụ Nguyễn có người nhớ chừng hình như đã nghe cụ nói cụ viết ra tại Trinidad để gởi về trong nước ; sau về Trung-Hoa, lúc buồn cụ đọc cho cụ Nguyễn-Hải-Thần nghe, cụ Hải-Thần nhân cũng buồn mới hoạ lại.

*Thời-đại (1) thế mà dân-tộc thế.*
*Không cùng khóc ngất lại cười nhào (2) !*

VII

*Cười nhào những đứa giả văn-minh,*
*Mượn lốt thương dân tính lợi mình.*
*Gạt chúng khua rầm mồm nhiệt-huyết,*
*Dối đời lơ-láo mắt vô-tình.*
*Bộ tuồng công-đức trông ra dáng,*
*Cái lốt nô-nhan (3) lộ cả hình.*
*Huyết-tánh (4) con người ai lại chẳng,*
*Dại gì không tưởng đến sanh-linh (5).*

VIII

*Sanh linh rủi gặp lúc phong-trần,*
*Nước chẳng ra gì lựa đến thân !*
*Ngoài cuộc điên-ba (6) trông vắng bặt,*
*Trong vòng nô-lệ (7) đứng chần-ngần.*
*Sóng tràn chán mắt làng phi-cựu (8),*
*Sấm nổ ầm tai tiếng cách-tân (9).*
*Ai cũng anh em Hồng-Lạc cả,*
*Ai ơi phải biết phận làm dân !*

IX

*Phận làm dân-tộc nước Nam ta,*
*Hơn bốn nghìn năm nối nghiệp nhà.*

---

(1) *Thời-đại* : một thời-khoảng gồm có nhiều năm tháng.

(2) *Cười nhào* : cười dữ lắm, đến lộn nhào người ra ; cũng nầy như *cười hất lăn*.

(3) *Nô-nhan* ; mặt đày tớ. Do chữ *Nô nhan tỳ tất* (mặt đày tớ, gối con hầu), ý chửi khinh.

(4) *Huyết-tánh* : tánh nóng-nảy, ham làm việc nghiã.

(5) *Sanh-linh* : nhân-dân.

(6) *Điên-ba* : sóng dữ. Có bản chép *Phong ba*.

(7) *Nô-lệ* : kẻ đày tớ của người ta.

(8) *Phi-cựu* : trái với cựu, không phải thủ cựu.

(9) *Cách-tân* : đổi cái cũ, làm ra cho mới.

*Mở rộng giang-san cho cháu-chắt,*
*Hao bao huyết-hãn (1) của Ông-Bà.*
*Máu thù nô-lệ sôi lòng trẻ,*
*Cuộc biến tang-thương (2) chán mắt già.*
*Tình-cảnh thế nầy không thể chịu,*
*Bút linh đành mượn đánh đàn ma.*

X

*Đàn ma hút cả máu dân gầy,*
*Bảy tám mươi năm trải đến rày.*
*Mưa gió Mỹ-Âu mòi đã trổ,*
*Anh em Hồng-Lạc giấc còn say!*
*Biển trần (3) chưa định thân chìm nổi,*
*Cuộc biến còn nhiều lúc rủi may.*
*Nồi nước nồi nhà còn lắm nỗi,*
*Hỏi tôi buồn những sự gì đây?*

## 40.— KHÔNG NHÀ KHÔNG NƯỚC

Khoảng 1929, bị Pháp theo dõi quá, cụ phải chạy đi mãi mà vẫn không chỗ nào trú được lâu ; một lần tới Chắc-Cà-Đao chưa tròn một buổi thì có người cho hay rằng Pháp đã biết tin, toan đến vây bắt. Cụ bực mình, không thèm trốn nữa, nằm liều tại đó ngâm thơ chơi như chẳng có việc gì.

*Chẳng phải tiên cũng chẳng phải thần,*
*Không nhà không nước không ra thân!*
*Trời cao lồng-lộng ê da óc,*
*Đất rộng mênh-mông sợ sẩy chân.*
*Tím ruột bầm gan nhìn (4) vũ-trụ (5),*

---

(1) *Huyết-hãn* : máu và mồ hôi.
(2) *Tang thương* : xem chú-thích bài số 25. *Khóc cụ Nguyễn-Thần-Hiến.*
(3) *Biển trần* : cõi đời mênh-mông không bờ bến, ví như biển rộng.
(4) *Nhìn vũ trụ* : có bản chép : *cùng vũ-trụ.*
(5) *Vũ-trụ* : *Vũ* : bốn phương và trên dưới ; *Trụ* ; xưa qua nay lại.

*Châu mày sốt mắt ngó (1) đai-cân (2).*
*Thôi liều nhắm mắt đưa chơn vậy,*
*Một kiếp phù-sinh (3) dễ mấy lần !*

## 41.— PHẬN BÈO *

Cụ Nguyễn họa lại bài của Vân-Phi, đã đăng trên báo *Cao-Miên hướng-truyền*, xuất-bản tại Nam-Vang. Bài của Vân-Phi lạc mất, nay chưa tìm được.

*Liều-lĩnh (4) gì hơn cái phận bèo,*
*Mặc dầu sóng gió nổi phêu-phêu.*
*Ngảnh tai phiêu-bạc (5) chầm theo nước,*
*Gởi dấu đông tây cứ chực dèo (6).*
*Tầm khách tha-hương đoàn-tụ mãi (7),*
*Báo phương ngư-phủ (8) thảm-sầu đeo.*
*Trông vời bề cả bườn men tới,*
*Liều-lĩnh gì hơn cái phận bèo !*

## 42.— THƯƠNG ... TRÁCH *

Thủ-khoán theo những chữ : *Thương tưởng nhớ trông, đợi chờ than trách.* Hình như viết tại Ba-Thê và họa vận theo một bài khác, nhưng bài xướng chưa thấy.

*Thương ai ai nỡ chẳng thương mình,*

---

(1) *Ngó đai-cân* có bản chép : *với đai-cân.*

(2) *Đai cân* : khăn và nịt của các quan đời xưa. Đây chỉ các quan-viên thực-dân.

(3) *Phù-sinh* : đời sống tạm gởi không bền.

(4) *Liều-lĩnh* : làm đại, không đắn-đo không rụt rè.

(5) *Phiêu-bạc* : trôi giạt.

(6) *Chực dèo* : chờ mòi : chờ đợi và coi mòi. Từ-ngữ nầy miền Nam thường dùng.

(7) *Đoàn-tụ* : quay quần, sum họp lại.

(8) *Ngư-phủ* : ông lão đánh cá.

*Tưởng lúc gian-truân* (1) *chán thế-tình.*
*Nhớ đến thề lòng non với nước.*
*Trông sao bền dạ sắt cùng đinh,*
*Đợi cơn mây kịt trời đông dữ,*
*Chờ hội trời nghiêng trái đất chinh.*
*Than phận thuyền con mà bể cả,*
*Trách vì chưa phỉ chí bình-sinh* (2).

## 43.— KHÔNG NHÀ *

Cụ Nguyễn lúc bị Tây lùng kiếm ngặt, nhờ một nhà hào-hiệp ở Bình-Phước-Xuân là Nguyễn-Gia-Lạc — thân phụ ông Nguyễn-Gia-Lịnh, đương kim Hiệu-trưởng trường Trung-học Thủ-khoa Nghiã Châu-Đốc — đưa xuống sở ruộng của mình tại Vĩnh-Phú để cụ ẩn-trú.

Trong lúc ở đó, cụ sống buồn queo với một người phu coi trại và chăn giữ gà vịt, nên tủi thân, viết ra.

*Thiên-hạ bao nhiêu bợm chẳng nhà,*
*Hỏi coi ai có cảnh như ta ?*
*Phôi-pha tình-tứ* (3) *thơ và rượu,*
*Chầu-chực hôm mai chó với gà.*
*Thấy khách toan mời e khách lạ,*
*Trông trời muốn hỏi ngại trời xa !*
*Thôi ôm cầm đợi tri-âm* (4) *đã,*
*Sẽ ngỏ cho nhau chuyện ruột-rà* (5)

---

(1) *Gian-truân* : khó-khăn vất-vả.

(2) *Bình-sinh* : lúc sống ở đời.

(3) *Tình tứ* : tình và ý.

(4) *Ôm cầm đợi tri âm* : ôm đàn mà đợi người biết nghe tiếng đàn của mình. Tích Bá-Nha người đời Tống, làm quan Thượng đại-phu, đàn rất giỏi. Chung-Tử-Kỳ nghe lấy làm thích, biết được ý của Bá-Nha trong khi đàn. Sau Tử-Kỳ chết, Bá-Nha đập đàn, thề không bao giờ đàn nữa, vì cho là không còn ai tri-âm.

(5) *Chuyện ruột-rà* : chuyện bí mật, dấu sâu trong lòng chưa nói ra.

## 44.— NƯƠNG MÌNH CỬA PHẬT *

Năm 1927, cụ về nước, có lúc trọ tại chùa Linh-Sơn của Hòa-thượng Hoằng-Đạo. Tuy ở chùa, cụ vẫn sốt ruột đường đời, nên thốt ra những lời than-thở.

*Trải nếm mùi trần chán đắng chua,*
*Tương rau đạm-bạc (1) bữa cơm chùa.*
*Răng lòng cửa Phật cơn sa-sút,*
*Nóng ruột đường đời nỗi được thua.*
*Tủi kiếp trầm-luân (2) làn sóng dập,*
*Tỉnh hồn đọa-lạc tiếng chuông khua !*
*Co tay tính lại mười năm lẻ (4),*
*Trải nếm mùi trần chán đắng chua ?*

## 45.— CẢM KÍCH VỀ CUỘC HOA-NHẬT CHIẾN-TRANH *

Năm 1931, quân-đội Nhật khởi binh chiếm Thẩm-Dương, Cát-Lâm, Long-Giang, tuyên-bố để bảo-vệ kiều-dân Nhật đang bị người Trung-Hoa uy-hiếp. Phong-trào kháng Nhật nổi lên khắp nơi, Nhật liền chiếm luôn Đông-Tam-Tỉnh. Năm 1932, lục quân Nhật ở Thượng-Hải kéo đến Ngô-Tùng, quân Trung-Hoa chống cự kịch-liệt, Nhật phải kêu thêm viện-binh tại chánh-quốc... Anh, Pháp, Mỹ sợ gây đại-chiến, đứng ra điều-đình.

Tin tức đó được loan truyền khắp nơi. Trên các báo Trung-Hoa xuất-bản tại Việt-Nam cũng như giới Hoa-Kiều, đều lạc quan, tuyên-bố Trung-Hoa thắng Nhật. Cụ Nguyễn thấy nói mà nôn-nao lòng, viết luôn một mạch năm bài thơ.

---

(1) *Đạm-bạc* : mỏng manh, lạt lẽo.

(2) *Trầm-luân* : chìm đắm trong bể khổ.

(3) *Đọa-lạc* : sa rụng vào chỗ khổ-sở đê hèn.

(4) *Mười năm lẻ* : tính từ năm cụ Nguyễn xuất-ngoại cho tới khi về nước trọ ở chùa Linh-Sơn, mất hơn 14 năm.

I

*Nghe nói Trung-Hoa thắng Nhật rồi,*
*Máu lòng cảm-kịch(1) sục dầu sôi.*
*Ngọn trào hoàn-hải cao trăm trượng,*
*Khúc ruột giang-sơn uốn chín hồi.*
*Vận nước rủi may xem chán-nhác,*
*Nỗi mình lui tới nghĩ lôi-thôi,*
*Anh em đâu đó rời như cát,*
*Nông-nỗi can-trường (3) biết gởi ai ?*

II

*Nghe nói Trung-Hoa thắng Nhật rồi,*
*Nỗi buồn giờ lại hóa ra vui,*
*Dã-tâm (4) đế-quốc (5) chừ beo mặt,*
*Chủ-nghĩa (6) dân-sanh (7) đã thấy mòi.*
*Sao cuộc phong-vân (8) may gặp dịp.*
*Mà ông tâm-huyết (9) nỡ ngồi coi ?*
*Trông người lại ngẫm vào tôi vậy,*
*Ngẫm lại vào tôi thẹn lũ tôi !*

III

*Nghe nói Trung-Hoa thắng Nhật rồi,*
*Người vui ta cũng gượng cùng vui.*

---

(1) *Cảm kích* : động lòng và hăng hái.

(2) *Hoàn-hải* : biển ở vòng quanh ; có nghĩa : đất đai trên địa-cầu.

(3) *Can-trường* : gan và ruột.

(4) *Dã-tâm* : tham vọng quá lớn lao.

(5) *Đế-quốc* : nước mạnh đi thôn tính nước yếu.

(6) *Chủ-nghĩa* : lý-thuyết của một môn phái đã được người ta đem ra thi hành.

(7) *Dân-sanh* : một phần trong chủ-nghĩa *Tam-dân* (Dân-tộc, Dân-quyền, Dân-sanh), chủ-trương bình-quân địa-quyền và tiết-chế tư-bản để giải-phóng kinh-tế cho dân-chúng.

(8) *Phong vân* : gió và mây ; gặp thời, như rồng gặp mây, cọp gặp gió

(9) *Tâm-huyết* : máu trong tim ; lòng ân cần sốt sắng.

*Tiếng chuông hạ-thiệp (1) vang bưng óc,*
*Chén rượu lôi-đồng (2) gượng thấm môi.*
*Ngẫm bể trầm-luân (3) ngọt-ngọt lợt,*
*Trông gương giải-phóng (4) ngỡ-ngàng soi.*
*Trong vui chợt tỉnh hồn nô-lệ (5),*
*Giọt lụy san-hà máu nhỏ đôi !*

IV

*Nghe nói Trung-Hoa thắng Nhật rồi,*
*Người vui ta thật chẳng gì vui.*
*Trông ra hoàn-cảnh (6) càng hăng-hái.*
*Ngảnh lại giang-sơn quá ngậm-ngùi.*
*Non nước tan-tành dường khối vật (7),*
*Anh em rời-rạc quá bèo trôi !*
*Sao người đã thế mà ta thế ?*
*Ta thế thì ta chết bỏ đời !*

V

*Nghe nói Trung-Hoa thắng Nhật rồi,*
*Nghĩ càng thêm bực giống nòi tôi.*
*Đợi trời rè-rụt bao thằng hủ (8),*
*Bán nước ngông-nghênh một lũ tồi.*
*Cơ-hội đòi phen đòi thất-lật,*
*Sài-lang (9) mỗi lúc mỗi tanh-hôi,*
*Còn người ai lại không tâm-huyết,*
*Sao nỡ khoanh tay để vậy ngồi ?*

---

(1) *Hạ-thiệp* : cũng đọc *Hạ tiệp* : mừng thắng trận.

(2) *Lôi-đồng* : tiếng sấm vang lên làm vạn-vật đồng ứng Nghĩa bóng : lời nói phù hợp nhau (Lôi-đồng vị ngôn-ngữ tương-phù)

(3) *Trầm-luân* : chìm đắm vào bể khổ.

(4) *Giải-phóng* : cởi mở ra được tự do.

(5) *Nô-lệ* : xem bài số 39, *Sầu non nước VIII*,

(6) *Hoàn-cảnh* : cảnh giới ở chung quanh.

(7) *Khối-vật* : một khối bị làm rơi tung-toé ra.

(8) *Thằng hủ* : chỉ những nhà nho lỗi thời, bo bo giữ cái không đáng giữ.

(9) *Sài-lang* : loài chó sói. Nói hạn người tham bạo.

## 46.— KIÊN-TÂM CHỜ ĐỢI *

Một đồng-chí của cụ Nguyễn thấy việc nước mãi làm mà mãi thất-bại, nên buồn nản, làm thơ than-thở với cụ. Cụ họa lại chân-thành an-ủi.

*Đời thương, mình dễ chẳng thương đời,*
*Gánh nặng nài bao các bác ơi !*
*Ngồi đợi, đợi hoài đêm tối dầm, (1)*
*Chạy kêu, kêu mãi giấc say vời.*
*Tấc mây bạch-nhựt (2) đành chưa vẹt,*
*Dóm lửa đan-tâm (3) nỡ vội vùi.*
*Ai cũng râu mày gan ruột thế,*
*Áo cơm ai nỡ phủi ơn thôi !*

## 4 .— QUÊN GIÀ *

Gần tết Nguyên-đán năm Quí-dậu (1933), cụ Nguyễn đi ăn cưới tại nhà Thầy Tân — một bạn học của cụ — trong đám có nhiều người đứng tuổi gọi cụ bằng bác, bằng ông, cụ giật mình nghĩ lại tác mình đã lớn mà nhiệm vụ chưa rồi, nên làm ngay một bài thơ.

*Nghe người gọi bác kẻ kêu ông,*
*Sực nhớ, ờ ta vốn tuổi Rồng (4).*
*Vẫn biết tấm lòng hừng tợ lửa,*
*Nào ngờ mái tóc bạc dường bông.*
*Nợ đời trả được chưa nhiều ít,*
*Thẻ thọ (5) xem ra đã chập-chồng.*
*Còn một tấc hơi nguyền cũng thế (6),*
*Cần gì ngày tháng đợi ta không !*

---

(1) *Tối dầm* : tối đậm, tối đen ; tức cũng như tối mò.

(2) *Bạch-nhựt* : ban ngày.

(3) *Đan-tâm* : lòng son ; người trung-thành.

(4) *Tuổi Rồng* ; tức tuổi Thìn, Cụ Nguyễn sanh năm Canh-thìn (1880)

(5) *Thẻ thọ* : ý nói sống nhiều năm, tuổi cao. Ngày xưa có ba cụ già, gặp nhau, hỏi thăm tuổi tác nhau, một cụ nói : bãi biển hóa thành ruộng thì tôi bỏ một cái thẻ, nay được trăm thẻ rồi.

(6) *Cũng thế* : cũng giữ chí hướng cách-mạng mãi như thế.

## 48.– NẮNG TRONG MƯA *

Năm 1932, sau hồi có tin Trung-Hoa thắng Nhật, tình hình Việt-Nam mãi cứ lặng im, cụ Nguyễn nóng lòng chờ đợi, viết ;

*Tức muốn bay lên thấu tận trời,*
*Hỏi coi sao nắng mãi đi thôi ?*
*Trông mây mừng húm (1) reo khan tiếng,*
*Thấy mống (2) e thầm vái hụt hơi !*
*Tranh cỏ mở rồi mong rải giống,*
*Cày bừa lắp sẵn mãi chờ thời.*
*Chớ chi Hạ-Võ (3) ra đời nữa,*
*Xối trận mưa vàng (4) hộ khắp nơi.*

## 49.— CUA GẢY CÀNG *

Một lần cụ tới viếng cụ Nguyễn-Hữu-Kiến tại sở ruộng Chắc-Cà-Đao, khoảng năm 1935, cụ Kiến nói :

— Thằng X. đã làm ra việc cho Tây, nó nói nhẫn với người ta, tỏ ý muốn bọn mình ra mặt , nó sẽ giúp cho khỏi bị tù đày. Nghĩ mà căm giận lũ tôi loàn con giặc đó hết sức.

Cụ Nguyễn không nói không rằng, cầm bút viết một bài thơ trao cho cụ Kiến.

*Dưới trời có mấy mặt đi ngang* (5).
*Sa-sút giờ ra gẫy cả càng.*

---

(1) *Mừng húm* : chỉ cái vui đưa đến bất ngờ khiến người ta mừng lắm lắm.

(2) *Mống* : cầu vòng. Tục-ngữ : *mống vàng thì nắng, mống trắng thì mưa.*

(3) *Hạ-Võ* : người sáng-lập nhà Hạ ; có tài trị-thủy. Trong nước có lụt lớn, nước không rút, vua Võ dùng cách đào sông ngòi cho chảy ra bể, gian lao suốt một thời gian dài, nước mới rút xuống hết.

(4) *Mưa vàng* : *Sử-ký* chép : lúc vua Võ trị-thủy, có mưa vàng ba ngày, mưa lúa ba ngày đêm (thị thời thiên võ kim tam nhật, võ đạo tam nhật tam dạ).

(5) *Đi ngang* : cua không đi tới, chỉ bò ngang.

*To mắt bia truyền nêu cửa miệng,*
*Thiếu ngoe thế phải nép vào hang.*
*Cá tôm nhơ-nhởn khinh oai hẳn,*
*Trời bể mênh-mông vắng mặt chàng.*
*Cô-thế đã đành thao-hối (1) đỡ,*
*Dại gì bè-bạn lũ bung-chang (2).*

## 50.— MÈO TRÈO CÂY VÔNG *

Đầu đề lấy theo câu hát : *con mèo trèo lên cây vông; con chó đứng dưới nó trông con mèo,* và vần cũng hạn rất khó : *Trèo theo leo heo cheo.* Viết trong một buổi trưa buồn, nhân nghe có tiếng hát ru em từ hàng xóm đưa sang.

*Túng thế rồi vông cũng bướng trèo,*
*Ngẫn-ngơ đứng dưới chó trông theo.*
*Mặt hùm dớn-dác (3) càn gai thót,*
*Mỏ sói ngừ-ngào quẫn gốc leo.*
*Chuột ngỡ tìm mình chui khấp-khởi (4),*
*Thỏ ngờ săn hẳn núp teo-heo (5).*
*Chó bao xiết giận tru và chửi,*
*Rằng mắt trong ngần nhát quá cheo.*

## 51.— CON MUỖI

*Lắm kẻ dương cung chực phát tên,*
*Thế mà bầy muỗi vẫn bay khênh.*

---

(1) *Thao hối* : dấu kín. Theo Tù-Nguyên, Lý-Tiết năm bảy tuổi làm bài trường ca, ai cũng khen. Trương-Cửu-Linh nghe thấy khuyên rằng : sớm được danh tốt, ắt có chỗ gây đổ, nên tự *thao-hối*.

(2) *Bung chang* : con bung-bung và con chang-chang, loại động-vật ở nước như sò, vẹm,

(3) *Dớn-dác* : hoảng-hốt, sợ-hãi.

(4) *Khấp-khởi* : hí-hửng mừng thầm. đây có lẽ dùng nghĩa ngược lại : rạo-rực thầm-lo.

(5) *Teo-heo* : như tiu-hiu : vắng-vẻ, buồn.

*Mê thấy trâu lớn đeo lăn miết·*
*Thích máu người tanh bấu núc lền.*
*Thấy khói tơi bời chui xuống cỏ,*
*Nghe dơi (1) lấm-lét lần vào phên.*
*Tài chi dọ-dẫm đêm khuya mãi,*
*Nỡ khiến dân nghèo giấc chẳng yên.*

## 52.— CHÓ CHẾT HẾT CHUYỆN *

Lúc ở núi Sam (1929), bị lính kín Tây tìm bắt từng ngày một, cụ phải bỏ chạy về Tân-An. Trước khi đi, cụ viết bài sau gởi lại bọn « chó săn » ấy.

*Muôn vật đều còn để dấu roi.*
*Buồn cười thân chó chết rồi thôi !*
*Ân-cần mắn kiếp ba ân (2) mọn,*
*Thóa-mạ (3) nghìn năm một tiếng đời.*
*Nội trống gặp hùm xua hắn đuổi,*
*Hang sâu hết thỏ nấu chàng xơi·*
*Ai ôi ! phải biết người hơn vật,*
*Chớ để mày râu thẹn đất trời !*

## 53.— CÁ NÓC CẮN *

Tại Vĩnh-Hòa, đang đau, đi tắm bị cá nóc khoét, cụ Nguyễn làm thơ xa gần châm-biếm bọn ô-trọc tham-quan bòn hút máu thịt đồng-bào giữa cơn tai-nạn.

*Độc địa thay cho lũ nóc bầu (4)*
*Cắn ai thì chớ, cắn thằng đau !*

---

(1) *Nghe dơi* : dơi có thứ nhỏ, ăn muỗi, nên muỗi phải sợ, cũng như đã sợ khói. Bởi vậy nghe hơi dơi thì muỗi lần tránh vào phên vách.

(2) *Ba ân* : chó có ba ân : Một, không quên chủ ; hai, không lộn đường về ; ba, chẳng sai việc giữ nhà ban đêm.

(3) *Thoá-mạ* : nhổ vào mặt mà chửi mắng.

(4) *Nóc bầu* : loại cá miệng nhỏ, bụng to, da nhám, thịt rất ngon ; thích đớp vào da thịt người tạ.

*Bụng to nỡ chẳng dung già trẻ.*
*Răng bén đành không kể trước sau.*
*Ngứa miệng phá tan chài lưới chúng,*
*Đói lòng khoét lún giống nòi nhau.*
*Nhờ hơi máu thịt no-nê vậy,*
*Có thuở chày săng giã nát đầu !*

## 52.— BẮT CHUỘT *

Lúc ở nhờ tại một trại làm rẫy dưa hấu (núi Sam), thấy chũ trại bị chuột phá hại dưa, cụ Nguyễn tiếp tay chủ trại đào hang bắt chuột và làm thơ ngụ ý bóng gió nói chuyện nước non.

*Tài gì không mật (1) dám to gan ?*
*Cố sức tìm cho thấy mặt chàng.*
*Nhẹ gót truy-tầm theo tận ổ,*
*Nhanh tay tàn-sát dọ tìm hang.*
*Quét thanh lũ giặc loài vô-dụng,*
*Cứu khỏi dân nghèo nỗi khủng-oan (2).*
*Hốt lũ độc-trùng (3) đừng lấp-lửng,*
*Tài gì không mật dám to gan ?*

## 55.— TỪ RƯỢU *

Cụ Nguyễn bình-sinh không ghiền rượu, chỉ thỉnh-thoảng uống chơi đôi chén cho tráng-thần. Nhưng đối với con người « không nhà không nước » như cụ đã từng nói, lắm khi « đôi chén » vẫn cũng túng tiền mua, vậy nên cụ đã làm thơ từ-giã nó

*Cúi đầu van lạy bác xê ra,*
*Đeo đuổi làm chi (4) đứa chẳng nhà !*

---

(1) *Không mật* : giống chuột không có mật, chỉ có gan.
(2) *Khủng-oan* : nỗi oan-ức và lo-sợ.
(3) *Độc-trùng* : thứ trùng-độc hại người.
(4) *Làm chi* : có bản chép : *mà chi*.

*Chỉ luống làm cho điên-dại chúng,*
*Nào hề phá được thảm-sầu ta.*
*Ngươi Nghi (1) còn đó an thân vậy,*
*Ông Vũ ra (2) đây biết sức mà !*
*Thôi chẳng thiếu chi phường phú-quí,*
*Cúi đầu van lạy bác xê ra !*

## 56.— RƯỢU TRẢ LỜI *

Rượu đã bỏ, nhưng lâu lâu cũng có ý thèm, cụ Nguyễn mượn rượu để làm thơ trả lời mình :

*Say say tỉnh tỉnh biết bao là,*
*Hội-ngộ (3) giờ ra nỡ bỏ ta ?*
*Độc chúng (4) mưu ai bày đó chớ,*
*Sầu ông sức tớ gở sao ra !*
*Đã khuyên Vũ-Lượng (5) khuây lòng khách,*
*Lại giúp Trường-Canh (6) nổi tiếng xa.*

---

(1) *Ngươi nghi* : tức Vương-Nghi, rất thích rượu. Có bài thơ tiễn bạn, trong có câu : « *Khuyen quân cánh tận nhất bôi tửu* : khuyên anh uống cạn thêm một chén rượu nữa. Lại cũng có thể là Quách-Tử-Nghi. Sách *Kim-cổ kỳ-quan* chép ; Lý-Bạch mắc trọng tội bị trói giải tới trước quân mon, Quách-Tử-Nghi nhớ ơn cứu tử của Lý-Thái-Bạch ngày xưa, nên đích thân mở trói, mời ngồi lên rồi sụp lạy và đem rượu ngon ra đãi. Nội đêm ấy, Tử-Nghi làm sớ tâu vua xin tha cho Lý-Bạch, nhờ vậy mà Bạch được khỏi tội, an thân uống rượu.

(2) *Ông Vũ* : Mạnh-Tử : *Vũ ố chi tửu nhi hiếu thiện ngôn* : ông Vũ ghét uống rượu ngon mà ưa lời lành.

(3) *Hội-ngộ* : gặp-gỡ nhau,

(4) *Độc chúng* : làm hại người ta.

(5) *Vũ-lượng* : trong bài *Bạch văn phú* có câu : *Dạ đăng Vũ-Lượng chi lâu, nguyệt minh thiên lý ; mộ nhập Lương-Vương chi uyển, tuyết mãn quần sơn* : Đêm lên lầu Vũ-Lượng, trăng sáng nghìn dặm ; chiều vào vườn Lương-Vương, tuyết xuống đầy non, Ý nói khi buồn nhớ xa-xôi, lên cao thưởng nguyệt, nhờ có rượu mà khuây-khoả lòng.

*Trường-Canh* : tức Lý-Bạch, một thi hào Trung-Quốc nổi tiếng mê rượu và giỏi thơ. Đang cơn say, có lệnh vua triệu. vẫn xuềnh xoàng ngâm :

*Nào lúc cầm thi (1) thù-tạc (2) đấy,*
*Say say tỉnh tỉnh biết bao là !*

## 57.— TRÁCH RƯỢU *

Tuy trả lời như vậy, cụ vẫn cương-quyết xa lánh rượu và làm thơ trách nó.

*Mồm-mép như mi thế mới già,*
*Lừa ai thì chớ dễ lừa ta.*
*Trương-Phi (3) sao đến tan thân-thể,*
*Thương-Trụ (4) chi nên lụng nước nhà.*
*Chẳng tỏn phá tan nền đạo-đức,*
*Còn khoe giúp hứng khách thi-ca,*
*Xưa nay xô đổ bao nhiêu kẻ,*
*Mồm-mép như mi thế mới già*

## 58.— DÙNG VĂN NHÓM BẠN

*Gà nếp (5) dầu ai thích đãi-đằng,*
*Riêng đem nghiên viết hiệp đoàn văn.*
*Sách đèn vui thú chiêu người đạo,*

---

*Tam bôi thông đại-đạo* (*Ba chén thông đạo lớn,*
*Nhất đầu hợp tự-nhiên* *Một đấu hợp tự-nhiên.*
*Đản đắc tửu trung thú,* *Chỉ thích thú say rượu.*
*Vật vị tinh giả truyền.* *Ai tỉnh đừng nên truyền).*

(1) *Cầm thi* ; đánh đàn và ngâm thơ ; hai cái thú tao nhã trong bốn thú : cầm, kỳ, thi, họa (đánh đàn, đánh cờ, ngâm thơ và vẽ).

(2) *Thù tạc* : khuyên qua và mời lại ; chuốt nhau uống rượu.

(3) *Trương-Phi* : người đời Tam-quốc, tự Dục-Đức, kết-nghĩa anh em tại Đào-viên với Lưu-Bị và Quan-Công. Trương-Phi có vũ-tài nhưng kém mưu-trí, tánh nóng lại thích rượu, về sau bị bộ-hạ ám-sát.

(4) *Thương-Trụ* : vua Trụ đời Thương, cũng gọi Trụ-vương. Ông là người quá tàn-ác, mê tửu-sắc, giết hại công-thần và dân-chúng vô-kể, làm mất nước do vua Thành-Thang sáng lập 1782-1135 trước Tây lịch).

(5) *Gà nếp* : xem chú thích bài số 26. *Gặp bạn đồng tông đồng-sự,*

*Gan ruột soi nhau khác bọn hằng.*
*Tâm-chí những mong un-đúc vững,*
*Hàn-huyên (1) biếng dở chuyện-trò nhăng.*
*Giữ nhân (2) noi dõi xưa lời thánh,*
*Thanh-khí (3) nhà nho thế mới rằng...*

## 59.— KHUYÊN THANH-NIÊN *

Các bạn già có người lần hồi tìm cách cầu-an, không chịu hoạt-động nữa, cụ Nguyễn trở lại gọi hồn các bạn trẻ. Viết năm 1934 tại Cần-Giăng.

*Nghĩ thôi chán ngán bọn mày râu.*
*Áo mặc cơm ăn nợ lút đầu.*
*Cha mẹ sanh nuôi ơn rất nặng,*
*Bạn thầy rèn đúc nghĩa càng sâu.*
*Sao không quý-trọng thân vàng ngọc,*
*Đành để giày-bừa kiếp ngựa trâu ?*
*Nầy bạn thanh-niên ta phải liệu,*
*Rán mà gánh lấy nợ cunh dâu (4).*

## 60.— ĐÁM CƯỚI GẶP ĐÁM MA *

Cụ Nguyễn ngồi chơi trong tiệm thuốc bắc An-hoài-đường tại Tân-An, thình-lình gặp một đám cưới và một đám ma đi qua cửa. Chủ hiệu An-hoài-đường muốn cụ viết cho một bài phu-diễn cảnh éo-le ấy. Cụ nâng bút đề thơ :

---

(1) *Hàn-huyên* : xem chú-thích bài số 21, *Tiếp được tin bạn.*

(2) *Giữ nhân* : học thuyết Khổng-Tử mênh-mông, nhưng về đạo đức, ngài dạy cốt phải giữ *nhân*. Mạnh-Tử cũng nói ; Chữ nhân (đức nhân) đồng với chữ nhân (người), hễ làm người thì phải làm nhân, hiệp mà nói : nhân tức đạo người vậy. (Nhân dã giả, nhân dã. Hiệp nhi ngôn chi, đạo dã).

(3) *Thanh khí* : do câu *Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu* : cùng một thứ tiếng trả lời lại với nhau, như gà cùng gáy, chó cùng sủa ; cùng một khí loại tìm đến với nhau, như từ-thạch hút sắc hồ-phách hút hột cải. Nghĩa bóng : tìm mà đến với nhau.

(4) *Cung dâu* ; xem chữ *Tang-bồng* trong bài số 13, *Giã vợ đi làm cách-mạng.*

*Đám kiết thình lình gặp đám hung,*
*Tiếng cười giọng khóc rộ lung-tung,*
*Kẻ vui Tần-Tấn (1) duyên đằm-thắm,*
*Người thảm Sâm-Thương (2) nỗi lạnh-lùng,*
*Kèn trống nỉ-non tai biếng lắng,*
*Áo xiêm rực-rỡ mắt nhàm trông.*
*Trớ trêu nghĩ gớm trò con tạo (3).*
*Khéo diễn làm chi kịch bất công !*

## 61.— GIÀ SỢ MA *

* Viết để ám-chỉ những ông già non gan, khi nghe tới cách-mạng thì lảng tránh.

*Nghe nói hơi ma sợ bỏ bà,*
*Hỏi sao, thì lại đổ răng già.*
*Chợ đông lụm-cụm men chơn tới,*
*Rừng vắng dần-dừ (4) mó gậy qua.*
*Mật chuột gan chồn (5) cơn khỏi cửa,*
*Mùi gừng tánh quế (6) lúc quanh nhà.*
*Thế mà ai hỏi ai hơn tuổi,*
*Múa mặt khua mồm, vỗ ngực : Ta !*

## 62.— KHUYÊN CON *

Hai bài: *Khuyên con, Con vâng lời,* thuộc loại những

(1) *Tần Tấn* : hai nước đời Xuân-Thu bên Tàu. Nhà vua của hai nước ấy kết hôn cùng nhau đời đời. Chỉ duyên chồng vợ kết chặt nhau,

(2) *Sâm-Thương* : tên hai vì sao, cũng gọi sao hôm và sao mai. Cứ hễ sao này mọc thì sao kia lặn, sao kia mọc thì sao này lặn. không bao giờ cùng mọc chung với nhau một lần. Nói sự chia biệt không gặp nhau.

(3) *Con tạo* : xem bài số 34, *Làm rầy thất mùa.*

(4) *Dần-dừ* : do-dự, lưỡng-lự không quyết.

(5) *Mật chuột gan chồn* : chuột không có mật, chồn rất nhát gan, thấy người thì chạy trối chết.

(6) *Mùi gừng tánh quế* : gừng và quế là hai loại thực-vật có tính cay nóng. Đây nói tánh nóng này khi ở nhà mà run sợ khi đi ra ngoài với thiên-hạ.

bài thơ khuyến-học. Loại nầy cụ viết cũng nhiều, nay chỉ còn sót mấy bài.

*Đạo Thánh* (1) *lu-lờ trải bấy lâu,*
*Con mà học đặng, phước nhà sâu.*
*Bút nghiên quí-báu nên ham lấy,*
*Cờ bạc hư-hèn có ích đâu !*
*Nhà cửa nghiệp hằng đình lại đã,*
*Sách đèn đạo cả liệu cho âu.*
*Lập thân sao sáng danh cha mẹ,*
*Mới thỏa lâu nay dạ sở-cầu* (2).

## 63.— CON VÂNG LỜI

*Thưa cha, cha đã đoái khuyên con,*
*Con nguyện ba dư* (2) *học vẹn tròn.*
*Biển thẳm nung gan mò lấy ngọc,*
*Đất bằng đốc chí đắp nên non.*
*Ngọt bùi hôm sớm đành thưa trống,*
*Đèn sách ngày đêm dám mỏi-mòn.*
*Ví đặng nhà nhà như thế cả,*
*Có đâu đạo Thánh mãi thon-von.*

## 64.— THẦY GIÁO NẤU BẾP *

Lúc mới về nước, đi dò xem dân-khí, cụ Nguyễn có ghé thăm ông Nguyễn-Văn-Phán (tức giáo Phán) đang ở dạy học tại làng Tấn-Đức (Long-Xuyên). Ông Phán là em ruột cả Nhượng, người Tân-Thạnh (Đốc-Vàng), còn trẻ, trước kia từng được đưa ra học ở *Dục-*

(4) *Đạo Thánh* : đạo của Thánh-nhân, tức đạo Nho.

(5) *Sở-cầu* : cái mà mình tìm kiếm.

(6) *Ba dư* : tức *Tam-dư* : ba lúc nên cố-gắng của kẻ hiếu học. Đổng-Ngộ rất ham học, thường bảo mọi người : mùa đông là dư của một năm ; ban đêm là dư của một ngày ; mưa là dư của lúc trời quang-tạnh.

*Thanh trường* tại Bình-Thuận. Trường nầy do cụ Hồ-Tá-Bang và nhiều người khác mở ra để dạy theo tinh-thần *Đông-kinh nghĩa-thục*.

Hôm cụ Nguyễn tới, ông Phán vừa đi dạy về, mà nhà thì không ai, nên thân đi làm cơm thết cụ Nguyễn. Do đó cụ viết tặng ông Phán.

*Tay vừa buôn viết lại nhen lò,*
*Vất-vả ban mai đến tối mò.*
*Tục hủ dân khờ quần gánh nặng,*
*Mai chua muối mặn bận lòng lo.*
*Khai-mông (1) mình tự ra tay lấy,*
*Chủ-quĩ (2) ai cùng giúp sức cho.*
*Mặc kẻ gọi bồi người gọi giáo,*
*Tha hồ miệng thế, miễn ra trò !*

## 65.— HỌC TÀU VÀ HỌC TÂY *

Trong các môn-sinh cụ, có người đi học Tây, cụ chẳng can-ngăn mà còn viết thơ khuyến-khích.

*Sớm chữ Tàu rồi tốt chữ Tây,*
*Học cho thấu lý mới là hay.*
*San bằng Âu-Á lo khôn bữa,*
*Quần-quại giang-sơn gánh có ngày.*
*Công-lý hãy in vào tận óc,*
*Cường-quyền tua gác ngoại vành tai,*
*Trò ơi trò hỡi ! chăm nom lấy,*
*Kẻo trái lòng cha phụ chí thầy.*

## 66.— NGÀY RẰM CÚNG THÁNH *

Xưa, cứ lệ đến ngày rằm và ngày 30 mỗi tháng, các sinh-đồ nho học đều đem gạo nếp hoặc gà rượu đến

---

(1) *Khai-mông* : vỡ lòng, mở mang cho trẻ con.

(2) *Chủ-quĩ* : xem bài số 29, *Điếu nữ-sĩ Nguyễn-Minh-Nghiã*. Ông Phán bấy giờ đã có vợ, nhưng vợ ông bận về quê ở Bạc-Liêu, vì thế thiếu người « giúp sức ».

trường để làm lễ cúng Thánh. Sinh-đồ thì vậy mà các thầy-đồ thì không quần-tụ lại một nơi nào để tưởng-niệm Thánh-nhân. Cho nên cụ Nguyễn đã than.

*Bữa rằm xúm-xít trẻ loi-hoi (1),*
*Đạo Thánh ta sao quá thiệt-thòi !*
*Con Phật xa gần lo chạy cúng,*
*Thầy Nho đâu đó nỡ ngồi coi !*
*Cố-cùng (2) bao quản gì thân khách,*
*Hắc-ám (3) thương ôi nỗi đạo đời !*
*« Ngay » (4) các Tiên-hiền (5) xin chớ chấp,*
*Vui lòng hưởng chút cháo-lao chơi.*

## 67.— TẠ TRƯỜNG *

Cuối năm, làm lễ tạ trường để nghỉ-ngơi ăn tết, cụ Nguyễn làm thơ tự-thuật và khuyến-khích học trò chăm học.

*Hỏi mình mình tuổi ngoại năm mươi,*
*Gởi dấu bèo mây một góc trời (6).*
*Nền hạnh (7) sách đèn nung chí trẻ,*
*Tiệc văn thơ rượu thoả lòng người.*
*Êm đềm bể Thánh (8) may cho tớ,*

---

(1) *Loi-hoi* : nhỏ nhít và bộ điệu lăng-xăng-xộn.

(2) *Cố-cùng* : trong lúc khốn cùng vẫn giữ vững lòng đoan chính.

(3) *Hắc-ám* : đen tối, có chiều ám đạm.

(4) *Ngay* : tức nói gọn lại tiếng *Ăn ngay, Ưng ngay* hay *Vái ngay* : tiếng dùng đặt ở đầu câu nói lúc vái van hoặc trù rủa. Trong *Đại-Nam quốc-âm tự vị* của Huỳnh-Tịnh-Của chỉ có tiếng « *Ưng ai* : tiếng chúc, tiếng trù, chớ chi ; *Ưng ai cho nó phải đòn, Ưng ai cho nó trốn đi* » Tiếng *Ăn ngay* không có.

(5) *Tiên-hiền* : bậc hiền ở đời trước.

(6) *Góc trời* : cụ Nguyễn mai danh tại Cồn-Găng (Vĩnh-Hòa) một nơi biên thùy xa-lạ rất cô-lậu cùng-tịch,

(7) *Nền hạnh* : xem bài số 18 *Tặng biệt*.

(8) *Bể thánh* : đạo học của Thánh-nhân như bể rộng,

*Dôi dấu rừng Y (1) thẹn với tôi.*
*Trường bãi, học hành công há bãi,*
*Đoàn em đâu có rán đua bơi !*

## 68.— TẾT THẦY *

Lúc còn đi học cho tới khi rời khỏi cửa trường, cụ Nguyễn luôn luôn kính trọng thầy. Hồi xuất-ngoại về, nghe cụ Tú Thường đã mất từ năm 1921, cụ rất thương xót, lên đến nhà thăm và khóc một bài thơ chữ Hán rất lâm-ly. Bài trên đây cụ viết khi nghe câu cổ-ngạn : *Mùng một tết cha, mùng ba tết thầy.*

*Công cha xét kỹ dễ hơn thầy,*
*Mùng một mùng ba tục khéo bày.*
*Nuôi dạy công cao tày biển rộng,*
*Trọng khinh nghiã cả khác tình dày.*
*No lòng vẫn nhớ ơn dùng đói,*
*Tỉnh giấc (2) đừng quên sức dở hay.*
*Đã biết thân-sơ hơi có khác,*
*Ba thờ (3) nhan-nhản sách còn đây.*

## 69.— NUÔI THẦY *

Như đã nói, cụ Nguyễn rất kính thầy, nhưng lòng kính mến vô-cùng mà sức cung-cấp cho thầy thì có hạn, nên cụ chưa vừa ý. Cụ mượn câu ca-dao sau để làm thơ bộc-lộ ý đó : « *Tôm càng lột vỏ bỏ đuôi ; Giã gạo cho trắng mà nuôi ông thầy* ».

*Gạo trắng tôm càng lột tuốt đuôi,*
*Thầy là nghiã trọng để dành nuôi.*

---

(1) *Rừng Y* : do chữ *Y-lâm* : nói phương-thuận trong nghề làm thuốc mênh-mông như rừng rậm: Cụ Nguyễn tự thẹn mình vì chưa gặp thời cơ, phải làm thuốc mưu-sinh.

(2) *Tỉnh giấc* : người đốt ví như đang ngủ mê, nhờ thầy khai hóa cho khôn biết ví như đánh thức dậy, nên gọi « tỉnh giấc ».

(3) *Ba thờ* : *thờ vua, thờ thầy* và *thờ cha*. Theo luân-lý cổ, người ta phải tôn kính bằng nhau ba bực ấy, gọi là *quân, sư, phụ*.

*Món đồ kỉnh-trưởng (1) sao cho sạch.*
*Tấc dạ tôn-hiền (2) thế mới vui.*
*Mục-túc (3) so hơn hiềm những kẻ,*
*Trân-tu (4) coi kém hổ cho tôi.*
*Dạy nuôi bao xiết ơn sông biển,*
*Tơ-tóc đền bồi chút-đỉnh thôi.*

## 70.— CỒN GĂNG *

Viết tại Cồn Găng — một cái cồn có nhiều giồng cát, cỏ lau rậm-rạp, không bằng phẳng — Bài nầy chép theo bản quốc-ngữ của ông Nguyễn-Công-Rao. Các bản Nôm của Phan-Trung-Chánh, Nguyễn-Chính-Giáo và Bùi-Nhựt-Ưởng đều không có, nên không so-sánh được. Có nhiều chữ có thể ngờ không đúng nguyên văn. Ông N.Q.T. nghi chữ *tam-bộ* là *tam-hộ*, chữ *phong-ngợi* là *phỏng-nghĩ* và giải : « Tác-giả thấy thư-phòng mà độ phỏng, hy-vọng sẽ đào-luyện được nhiều kẻ tài-năng ». Lại dẫn : « Sách *Sử-ký* chép : *Sở tuy tam-hộ, vong Tần tất Sở* : nước Sở dầu bị diệt chỉ còn có ba nhà, cũng đủ làm cho nước Tần mất ».

Ông Nguyễn-Chính-Giáo thì ngờ những chữ « *Nhân trần sự-tích* » và « *chẳng chỗ bằng* » trong hai câu đầu sai. Chúng tôi xin thận-trọng ghi rõ sự hoài nghi ấy để có dịp sẽ tìm xét lại.

*Nhân trần sự-tích xứ Cồn-Găng (5),*
*Vườn hạnh do đâu (6) chẳng chỗ bằng !*

---

(1) *Kỉnh-trưởng* : tôn kính người trưởng-thượng.

(2) *Tôn-hiền* : coi trọng người hiền-đức.

(3) *Mục-túc* : tên một thứ rau mọc ngoài nội, có thể dùng làm món ăn thanh đạm.

(4) *Trân-tu* : đồ ăn quý lạ.

(5) *Cồn-Găng* : một cái cồn nhỏ do phù-sa bồi đắp, ở Vĩnh-Hòa. Nơi dạy học của cụ Nguyễn.

(6) *Do đâu* : có người đọc : *nhân sao*.

*Tia sáng ánh lòa châu nồng cát (1),*
*Mùi thơm lây nực quế vừng trăng (2).*
*Thư-phòng (3) phong-ngợi (4) tài tam-bộ (5),*
*Xa-mã (6) đề chừng lối Ngũ-lăng (7).*
*Quân-tử (8) ví không ung-đúc vững,*
*Hỏi xem chư-tử (9) được vầy chăng ?*

## 71.— MỪNG BẠN SANH TRAI

*Nhờ trời nhỏ phước đẻ con sai,*
*Mười gái không bằng có một trai.*
*Điềm ứng hùng-bi (10) đành thỏa bạn,*
*Tài nên khóa-táo (11) dễ nhường ai.*

---

(1) *Châu nồng cát* : châu ngọc trong nồng cát.

(2) *Quế vừng trăng* : quế trong cung trăng. Trần Hậu-Chúa xưa làm cho cung-phi mỗi người một cung, cửa hình tròn như mặt trăng và giữa sân trồng cây quế.

(3) *Thư-phòng* : phòng đọc sách.

(4) *Phong-ngợi* : khen ngợi, trầm trồ.

(5) *Tam-bộ* : ba bước. Liễu-Công-Quyền năm mười hai tuổi, ba bước đã làm xong bài thơ. Văn-Tông nói : « Tử-Kiến bảy bước mới làm xong bài thơ, người chỉ ba bước, vậy ngươi hơn Tử-Kiến nhiều lắm ! »

(6) *Xa-mã* : xe và ngựa.

(7) *Ngũ-lăng* : Trường-Lăng, An-Lăng, Dương-Lăng, Mậu-Lăng và Bình-Lăng. *Hán thư* chép : Ngũ-Lăng là nơi những người biết trọng khí-tiết đều ngưỡng-mộ. *Từ-Lăng văn* : *Ngũ-Lăng hào-tộc, sung tuyển dịch-đình* (hạng hào-tộc ở Ngũ-Lăng, được sung tuyển vào dịch-đình)

(8) *Quân-tử* : người có khả-năng và phẩm hạnh.

(9) *Chư-tử* : các con, các người học trò. Không phải nghĩa như chữ *Bách-gia chư-tử*.

(10) *Hùng-bi* : hai con vật thuộc loài gấu. Nghĩa bóng : điềm ứng đẻ con trai. *Kinh thi* : Chiêm bao tốt ra sao ? Con hùng và con bi. Đại nhân đem bói thử ; Điềm lành sanh con trai.

(11) *Khóa táo* : ngựa non đương sức, sải vượt dấu chân ngựa già. Nghĩa bóng : sanh con có tài hơn cha.

*Ví toan tiểu - đạo (1) lưu-truyền mãi.*
*Hẳn luyện đơn linh (2) độ sống dai.*
*Nghèo túng lấy chi làm lễ tặng,*
*Tám câu bảy chữ gọi mừng Ngài.*

(1) *Tiểu-đạo* : nghề-nghiệp nhỏ ; như thầy bói, thầy tướng...
(2) *Đơn-linh* : thuốc tiên.

II

# SONG THẤT LỤC BÁT

## 72.— HÀ - THÀNH LÂM NẠN *

Làm tại ngục-thất Hà-Nội cuối năm 1913. Cụ Nguyễn sau khi bị giải từ Hồng-Kông về, nghiệm thấy mình khó thoát được cảnh nguy-vong, nên đặt ra cho một thiếu-niên trong bọn học thuộc, cụ hy-vọng gã nầy còn ít tuổi, sẽ được tha, hầu đem về ngỏ lại với đồng-bào trong Nam.

*Ngồi suy nghĩ người sanh trong thế-giới,*
*Có gian truân mới phải mặt anh-hùng (1).*
*Non sông một trận vẫy-vùng,*
*Làm cho dị-chủng (2) hãi-hùng (3) thử nao ?*
*Mừng gặp hội đồng-bào phấn-khỉ (4),*
*Giục tấm lòng hồ-thỉ tứ-phương.*
*Nghĩ mình tài trí tầm thường,*
*Toan ra ngoại-quốc tìm đường văn-minh.*
*Mới cùng bạn biết mình vài gã,*
*Vì non sông quày-quả ra đi.*
*Hãy còn lạ xứ biết chi,*
*Huỳnh-Hưng (5) xảy gặp dẫn đi về nhà.*

---

(1) Trừ hai câu đầu mỗi câu tám chữ, toàn bài đều viết theo thể song thất lục bát, nên chúng tôi xin đặt vào nhóm của lối văn nầy.

(2) *Dị chủng* : nòi giống khác. Chỉ Tây.

(3) *Hải-hùng* : khiếp sợ.

(4) *Phấn-khỉ* : tức *Phấn khởi* : nổi dậy lên mạnh-mẽ.

(5) *Hoàng-Hưng* : tên thật Huỳnh-văn-Nghị, có phận-sự liên-lạc các đồng-chí, trọ tại Cửu-Long (Hồng-Kông). Xem tiểu-sử ở phần thứ nhứt.

*Đến Hồng-Kông ước ba tuần lễ,*
*Cuộc đâu xui (1) dâu bể thình-lình.*
*Gồm cho Anh-quốc vô tình,*
*Đồng-minh (2) với Pháp tầm mình bắt ra.*
*Xét lấy được mười ba quả tạc,*
*Bắt vào giam ước trạc vài tuần.*
*Việt-Nam cách-mạng (3) lẫy-lừng,*
*Trung-Hoa nhựt báo tưng-bừng kêu rao.*
*Toà-án mới gọi vào phán-nghị (4),*
*Huỳnh-Hưng thì phải bị chín trăng (5).*
*Còn ra tất cả nhu-văn (6),*
*Toà y theo luật bảo rằng tha ngay.*
*Hay đâu nổi tai bay hoạ gởi,*
*Hội-đồng (7) bèn nghị giải cho Tây.*
*Cơ trời vận nước chẳng may,*
*Nắng mưa bao quản đắng cay đâu màng !*
*Luật áp-giải (8) dã-man đã quá,*
*Ỷ cường quyền xiềng cả chân tay.*
*Hỏa-thuyền (9) chạy suốt ba ngày,*
*Hải-Phòng đổ bến giải ngay Hà-Thành.*
*Đem vào đút xà-lim (10) tra hỏi,*

---

(1) *Cuộc đâu xui* : Có bản chép : Cuộc đầu đuôi...

(2) *Đồng-minh* : những nước ký minh-ước với nhau.

(3) *Cách-mạng* : lật đổ những chế-độ cũ mà thay lại bằng những chế-độ mới.

(4) *Phán-nghị* : luận xét và quyết định. Có bản chép *luận tội.*

(5) *Chín trăng* : chín tháng.

(6) *Nhu-văn* : những nhà nho học thông văn-chương. Chỉ các nhà cách-mạng đang bị bắt trong vụ tạc đạn. Có bản chép *mấy thằng.*

(7) *Hội-đồng* : hội họp nhau lại. Đây chỉ hội-đồng tòa-án Hồng-Kông.

(8) *Áp-giải* : giữ gìn ràng buộc tội-nhân để đem đến một nơi khác.

(9) *Hỏa-thuyền* : tàu chạy bằng máy đốt lửa, máy hơi nước.

(10) *Xà-lim* : ngục nhỏ dùng giam tội nhân. Do tiếng Pháp *Cellule* đọc trạnh ra.

*Lẽ ưng oan đã gọt đủ điều.*
*Bảo rằng mình nói trớ-trêu (1),*
*Mười năm án gọi định điều khổ-sai.*
*Nỗi oan ấy cam hoài tấc dạ,*
*Luật văn-minh gẫm quá lạ dường,*
*Gớm cho cái mặt vô-lương (2),*
*Đãi người quốc-sĩ (3) như phường dá-man.*
*Thôi chớ nói nói càng thêm hổ,*
*Mỗi anh em kể rõ sau này :*
*Thương ông Thần-Hiến râu mày (4),*
*Cùng Đinh-Hữu-Thuật (5) đều đày mười năm.*
*Càng thương kẻ thiếu-niên Nguyễn-Truyện (6),*
*Du-học mà án-biện chung-thân.*
*Oan anh Trần-Ngọ (?) quá chừng,*
*Tám năm tân-khổ không phân lẽ nào.*
*Chàng Lý-Liễu (7) cũng vào một đẳng,*
*Vì châu-liên (8) phải án năm năm.*
*Kể ra thôi lại hổ thầm,*
*Chưa rồi trách-nhiệm mà lâm lao-tù.*
*Còn một bác tên Bùi-Chi-Nhuận (9),*

---

(1) *Mình nói trớ-trêu* : lúc ra tòa, cụ Nguyễn biện-bạch nhiều điều bị coi là « cứng đầu » và không cho cãi nữa.

(2) *Vô lương* : không có lương-tâm, làm điều bất-thiện.

(3) *Quốc-sĩ* : kẻ sĩ của một nước ; người tài giỏi trong nước.

(4) *Thần-Hiến râu mày* : cụ Nguyễn-Thần-Hiến (tiểu-sử đã chép ở phần thứ nhất) đến năm bị giam tại Hà-Nội tuổi đã được 58, lớn hơn cả các đồng chí cụ bấy giờ, nên nói *râu mày*.

(5) *Đinh-Hữu-Thuật* : người Mỹ-Xương, có nói qua ở phần thứ nhất.

(6) *Nguyễn-Truyện* : chánh quán Tam-Bình (Vĩnh-Long), xuất dương từ 1907, học tại Trung-Anh học-đường. Vì đến coi xử vụ tạc đạn nên bị tình nghi và bị bắt, sau cụ dùng dao mổ bụng tự-tử. xin xem phần thứ nhất.

(7) *Lý-Liễu* : người cùng xứ và cùng xuất-dương du-học một lượt với Nguyễn-Truyện, vì tới nhà Huỳnh-Hưng thăm các đồng-chí mà cụ bị liên can. Xem phần nhất.

(8) *Châu-liên* : tội người này mà liên-lụy đến người khác.

(9) *Bùi-chi-Nhuận* : người tỉnh Tân-An, bị bắt ở Xiêm ngày 9 tháng tư năm 1913 và bị giải về cuối năm ấy. Xem phần nhất.

*Xiêm giải về án luận chung-thân.*
*Thảm cho Ba Phú (?) muôn phần,*
*Đi bồi mà cũng phong-trần năm năm.*
*Danh chí-sĩ (1) khua rầm sáu tỉnh (2).*
*Thế cũng là thức tỉnh hồn dân.*
*Anh em xin vững tinh-thần,*
*Hết cơn bĩ cực tới lần thới lai (3).*
*Còn ngoài Bắc hỏi ai chí-sĩ,*
*Hiệp kể ra hơn bảy mươi người (4).*
*Bảy ông xử tử đã rồi (5),*
*Bao nhiêu đều phải lưu-đồ phương xa.*
*Nghĩ thương cụ Cử già (6) tuổi-tác,*
*Vì non sông phải bước tân-toan (7).*
*Trong lao lại có cô Hoàng (?),*
*Vẫn phường nhi-nữ mà gan anh-hùng.*
*Lòng ái-quốc bì cùng nam tử,*
*Đem phấn son đổi chữ phong-trần.*
*Anh-hùng bao quản gian-truân.*
*Nó càng ép nặng tà càng dày cao.*
*Nầy ngỏ lại đồng-bào trong nước,*
*Hiệp cùng nhau kẻ trước người sau,*
*Vỗ tay đứng dậy cho mau,*
*Ngàn năm cơ-hội hẳn âu một ngày.*
*Cũng đồng tai mắt mặt mày...*

---

(1) *Chí-sĩ* : người có chí-khí cao.

(2) *Sáu-tỉnh* tức Lục-tỉnh trong Nam-Kỳ. Sau vụ tạc đạn xảy ra tại Hồng-Kông, giới cách-mạng ở miền Nam nhôn nhao theo dõi tin-tức. Cụ Nguyễn ở trong ngục đoán biết không sai.

(3) *Bĩ cực thới lai* : hết lúc suy đến lúc thịnh.

(4) *Hơn bảy mươi người* : con số nầy cụ Nguyễn phỏng định chứ không đếm kỹ. Thật ra cả thảy có 84 người bị kêu án khổ sai và còn giam chung trong ngục với cụ.

(5) *Bảy ông xử tử* : xem phần tiểu sử, có kể rõ.

(6) *Cử già* : tức cụ Cử Lương-Văn-Can.

(7) *Tân-toan* : chua cay ; nói khổ-sở.

## 73. — DỰ-TIỆN CỤ PHAN-BỘI-CHÂU *

Năm 1925. cụ Phan-Bội-Châu bị bắt. Cụ Nguyễn lúc đó đang ở Tứ-Xuyên, đọc báo thấy nói cụ Phan tuy được tha nhưng sẽ bị đem đi an-trí ngoại-quốc. Cụ vừa phẫn-uất vừa thương tiếc cụ Phan, nên viết ra.

*Nhiệm trọng đạo viễn bất di,*
*Nhân phi mộc thạch khỉ nhi vô tình (1).*
*Lòng đương phẫn-uất bất-bình (2),*
*Thoạt nghe báo nói sự tình gớm-ghê.*
*Rằng có vị Nô-ghê (3) thống tướng,*
*Toan tuyệt đường ảnh-hưởng (4) Đông-Dương.*
*Đứng lên mưu cuộc trị-an,*
*Bàn đem an-trí (5) cụ Phan nước ngoài.*
*Cho rằng cụ là hồn Nam-Việt,*
*Để chi mà lắm việc lôi-thôi.*
*Mắng tin (6) xiết nỗi bồi-hồi.*
*Gớm cho mưu việc cừ-khôi rất thần.*
*Sực nhớ chữ « bách thân mạc thục » (7),*
*Ngọn lửa hồng càng dụt càng nồng.*
*Vô tình chi bấy hóa-công,*

---

(1) *Nhiệm trọng đạo diễn bất di ; Nhân phi mộc thạch khỉ nhi vô tình* : đường xa gánh nặng vẫn không đổi chí ; nhưng người không phải cây đá thì đâu lẽ lại vô-tình.

(2) *Phẫn-uất bất-bình* : tức ức, không bằng lòng.

(3) *Nô-ghê* : chưa tìm được « vị Nô-ghê » là ai, ông Lê-Ngọc-Trụ đã tra giùm trong *Annuaire Administratif de l'Indochine* khoảng các năm 1925-1926 thì không thấy có quan-lại văn-võ Pháp nào mang tên như thế. Chúng tôi có viết thư sang Pháp nhờ học-giả Bùi-Quang-Tung tra giùm ; chưa có kết-quả.

(4) *Ảnh-hưởng* : hình bóng và tiếng vang. Đây nói người Pháp muốn đem cụ Phan đi để dứt cái ảnh-hưởng cách-mạng đáng lo ngại mà cụ đã và sẽ gây ra ở Việt-Nam cũng như ở hai nước thuộc-địa lân cận.

(5) *An-trí* ; để yên, đày đi để yên một nơi khác, không cho hoạt-động gì.

(6) *Mắng* : chuyển gốc từ tiếng *văn* của Hán-tự : nghe ; nghe tin.

(7) *Bách thân mạc thục* ; trăm thân người khác không thể đổi được.

*Tội chi mãi khiến anh-hùng tiêu-ma (1).*
*Thương vì cụ đường xa gánh nặng.*
*Trải bao thu cay đắng đủ mùi.*
*Đem thân cống-hiến giống nòi,*
*Quyết sao quốc-thể rạng ngời có khi.*
*Hiềm vì nỗi thời-kỳ vị ngộ (2),*
*Đành tự cam mạt lộ (3) anh-hùng.*
*Não-nề sóng dập gió rung.*
*Vẫn trơ như đá như đồng thấm chi.*
*Hùm linh đã sầy kỵ sa cạm (4),*
*Việc chi mà tán đảm hàn tâm (5).*
*Nghĩ cho « Bảo-hộ » (6) oái-oăm,*
*Đã tha rồi lại giam cầm nữa sao ?*
*Chỉ e ngại phong trào thế-giới,*
*Cứ ngày càng bành-bái (7) mãi lên.*
*Hóa ra thời cuộc trở nên,*
*Cá ao chi khỏi phải phen lửa thành (8).*

---

Sách *Tả-truyện* chép : Đời Văn-Công thứ 6, vua Tần-Mục-Công chết, ba anh em họ Tử-xa đều bị chôn sống theo hầu vua. Nhân-dân trong nước bất-bình, nên có làm bài thơ *Hhỳnh-điểu* để thở than :

| | |
|---|---|
| *Tùy tòng tuẫn hề,* | *(Ai chết theo vua hề,* |
| *Tử-xa tam nhân* | *Họ Tử-xa ba ông.* |
| *Như khả thục hề,* | *Như chết thế được hề,* |
| *Nhân bách kỳ thân.* | *Trăm người cũng vui lòng).* |

(1) *Tiêu-ma* : mòn mỏi lần hồi đi.

(2) *Vị ngộ* ; chưa gặp dịp.

(3) *Mạt lộ* : cùng đường

(4) *Sầy kỵ sa cạm* : hụt chân, thất cơ mà nhảy sa vào cạm bẫy.

(5) *Tán đảm hàn tâm* : tan cả mật, lạnh cả lòng, nói sự sợ hãi.

(6) *Bảo-hộ* : giữ gìn. Chỉ Chính-phủ Pháp tại Việt-Nam.

(7) *Bành-bái* : thế nước chảy mạnh và tiếng sóng vỗ. Ví sự lan rộng ra.

(8) *Cá ao lửa thành* : do câu : *Thành môn thất hỏa, ương cập trì ngư* trong *Bắc-sử*. Nghĩa: cửa thành bị cháy, cá dưới ao cũng bị hoạ lây. Vô cớ mà bị liên-lụy.

*Quả muôn một sự tình đến đỗi,*
*Thân bọt bèo kêu gọi cùng ai ?*
*Phận đành đành vậy dám nài,*
*Oan nầy còn một kêu trời, trời xa !*
*Càng thương cụ tác giả trí trẻ,*
*Dù trăm phen dùi bẻ (1) nào nao.*
*Hiềm vì nông-nổi đồng-bào (2)*
*Trí non khí mỏng trông vào ai đây ?*
*Mơ hão thế há xoay đâu được,*
*Thôi thì thôi đội phước chờ trời.*
*Đắn-đo dở khóc dở cười,*
*Vì ai thêu dệt khiến người chua cay.*
*Tiền-đồ (3) cụ sau nầy thế hẳn,*
*Nỡ lòng nào phẳng-lặng ngồi an.*
*Trộm xin trải ruột phơi gan,*
*Gọi là dự-tiễn (4) vài hàng quốc âm.*
*Gớm cho sóng dậy đất bằng !*

## 74.— « CHIÊU HỒN DÂN RUỘNG » *

Viết khoảng 1928 - 1929 để tuyên - truyền trong giới nông-dân. Khi tung ra, dân-chúng xôn-xao sôi-nổi, nức lòng oán giận thực-dân, tìm về ủng-hộ cách-mạng, làm thực-dân phải một hồi kinh-hoảng, bắt-bớ lung-tung.

*Người Nam ta lạ là rất lạ,*
*Nông-nổi nầy nghĩ đã biết không ?*
*Hỡi còn mê-mẩn mơ hồn,*
*Hỡi còn hớn-hở như phỗn trẻ con !*
*Hỏi đến nước mất còn chẳng biết,*

---

(1) *Đùi bẻ* : trở ngại, trặc-trẹo. Chữ nho có câu ; *Bách chiết bất hồi* : Dẫu khổ-sở gian-nan thề nào cũng không lui lại.

(2) *Đồng-bào* : đồng chung một bào thai sanh ra ; người một nước.

(3) *Tiền-đồ* : con đường sắp đi tới.

(4) *Dự-tiễn* : sắp sửa sẵn để tiễn.

*Kêu đến dân Nam-Việt chẳng thưa.*
*Miễn no bữa sớm bữa trưa,*
*Ngoài ra ai hiếp ai lừa mặc ai.*
*Thây nghèo đói than dài thở vắn,*
*Có hỏi thời đổ hẳn cho trời,*
*Biết đâu muôn sự trên đời,*
*Kiết hung hoạ phước tự người làm ra !*
*Thôi chẳng nói đâu xa-xắc lắm,*
*Nói việc nhà chú gẫm mà ghê.*
*Suốt năm cấy mướn cày thuê,*
*Lúa đi đâu mất tiền về tay ai !*
*Còn bề chú cả nhà đói rách,*
*Chủ chú đành ngảnh mặt ngơ tai.*
*Lúa tiền vay một trả hai,*
*Cong lưng làm mọi cả đời không cơm.*
*Đến đỗi chú đập rơm táy mót,*
*Chủ chú quơ sạch bót chẳng chừa.*
*Đó là tang-tích sờ sờ,*
*Thế mà chú lại đổ thừa trời sao ?*
*Chú nghèo đói thế nào mặc kệ,*
*Phép « quan trên » cứ lệ nõ đầu.*
*Thường năm nạp thuế đi xâu,*
*Chú bằng trễ-nải ở từ chai lưng.*
*Một thân chú muôn phần hân-hủi,*
*Chú tài gì chịu nổi được đời ?*
*Thế mà chú lại kêu trời.*
*Trời nghe trời cũng buồn cười thế thôi !*
*Cười vì chú không suy xét kỹ,*
*Cứ đeo theo năn-nỉ trời hoài.*
*Xem tình trời cũng đeo-đai,*
*Trời liền chua xót phán ngay mấy lời.*
*Phán-rằng : « Hỡi dân cày Nam-Việt !*
*Khéo bơ-thờ chẳng biết lo xa.*
*Vì ai nên nỗi sút-sa,*

*Cứ theo trách lẫn trời già chẳng công !*
*Có tạo-hóa hay không thấu rõ.*
*Ngỡ rằng ta xui khổ khiến cùng.*
*Để ta bày hết thủy chung,*
*Ngỏ bay thấu rõ tấm lòng cao xanh.*
*Lúc ta mới giáng-sanh (1) nhơn loại,*
*Định làm cho khỏi hại đói nghèo.*
*Vun bồi ruộng đất phì-nhiêu (2),*
*Hóa sanh năm thóc (3) mỹ-miều xiết bao.*
*Cả thế-giới xứ nào xứ nấy,*
*Ruộng đất trời cày cấy làm ăn.*
*Cầm cân rất mực công-bằng,*
*Lo cho bay được đồng phần ấm no.*
*Khốn vì phải những đồ gian-ác,*
*Từ Tây-dương (4) chiếm đoạt bao-la.*
*Của chung thu gọi của nhà,*
*Nỡ lòng khắc-bạc hành-hà chúng bay,*
*Ta thấy thế châu mày xót ruột,*
*Định ra tay thay cuộc đổi dời.*
*Làm cho khắp cả nơi nơi,*
*Đất chung của sẵn như đời cổ-sơ (5).*
*Hiềm vì nỗi bay khờ-khạo quá,*
*Cứ cam tâm chịu ngã một bề.*
*Tha hồ kẻ ép người đè,*
*Đành thân trâu ngựa cam bề đắng cay.*
*Ví bay chẳng đứa vầy đứa khác,*
*Hiệp một đoàn liên-lạc với nhau,*
*Ra tay đánh đuổi quân thù,*

(1) *Giáng-sanh* : cho sanh xuống trần-gian.
(2) *Phì-nhiêu* : đất-đai nhiều mầu-mỡ, nhiều hoa-lợi.
(3) *Năm thóc* : tức ngũ-cốc · gạo, miến, đậu, mì, kê.
(4) *Tây-dương* : các nước bên Âu, Mỹ. Có bản chép *Ỷ cường-quyền*
(5) *Cổ-sơ* ; đời xưa, khi nhân-loại mới có.

*Còn chi lũ nó thị hào (1) hiếp cô !*
*Bởi trên có tham ô chánh-phủ,*
*Bênh vực nhà điền chủ hiếp bay.*
*Khoa-trương gươm bén súng hay,*
*Nào là tàu lặn máy bay thị cường (2).*
*Chúng bay muốn trừ phương áp-chế (3),*
*Ta bày cho một kế rất mầu.*
*Những là các hạng thuế xâu,*
*Nó đòi bay cứ yêu cầu xin thương.*
*Nếu mà nó thị cường ép bức,*
*Chúng bay đồng kéo rốc nhau ra.*
*Vợ chồng, con cái, mẹ cha,*
*Đồng lòng kéo hết đến nha chịu tù.*
*Chúng bay vẫn đâu đâu cũng thế,*
*Dẫu việc gì cũng dễ như ăn.*
*Dại gì nằm bẹp chịu dần,*
*Mà không cục-cựa nói-năng điều gì.*
*Kìa chẳng thấy dân cày Ấn-Độ,*
*Cũng cường quyền khắc-khổ thể bay.*
*Găng-Đi (4) nóng ruột ra tay,*
*Mở đường giải-phóng tẩy chay (5) bọn nầy.*
*Kêu dân chúng hiệp bày kết đảng,*
*Đồng một lòng phản-kháng (6) Hồng-Mao (7).*
*Xiết bao sôi-nổi phong-trào (8),*
*Cường-quyền hâm dọa chẳng nao-núng gì.*

---

(1) *Thị-hào* : ỷ lại vào chỗ mình mạnh-mẽ.

(2) *Thị cường* : xem *Thị-hào*.

(3) *Áp-chế* : dùng sức mà ép người phải khuất phục.

(4) *Găng-Đi* ; tức Gandhi, lãnh-tụ cách-mạng Ấn-Độ, chống đế quốc Anh, chủ-trương bất-hợp-tác và bất-bạo-động.

(5) *Tẩy-chay* : trừ bỏ ra, không giao thiệp tới.

(6) *Phản-kháng* : chống cự lại, không chịu lùi.

(7) *Hồng-Mao* : tức nước Anh.

(8) *Phong-trào* : gió và nước triều ; nghĩa bóng : sự nổi lên mạnh-mẽ một thời.

*Các hạng thuế thuế chi cũng mặc,*
*Định làm cho bỏ bặt mới thôi.*
*Tẩy chay vừa mấy năm trời,*
*Hồng-Mao giờ phải nín hơi chịu mềm.*

*Sao bay cứ êm-đềm thế mãi,*
*Muôn việc đều đổ vãi cho ta.*
*Nhưng ta đã đạo làm cha,*
*Nỡ nào thấy thế ngồi mà làm thinh !*

*Đã lắm lúc hiện hình biến tướng (1),*
*Đã dẫn đường chỉ hướng cho bay.*
*Hô-hào suốt mấy năm nay,*
*Vẫn trơ như loại cỏ cây vô-tình !*

*Bao nhiêu nỗi bất-bình bay đó,*
*Muốn phá mà nào có khó chi.*
*Mưu ta cứ thế làm đi,*
*Đồng lòng hiệp sức tức thì được ngay,*

*Tội gì chịu đắng cay mãi mãi,*
*Chẳng cất đầu ngó lại người ta.*
*Kìa như dân ruộng Trung-Hoa,*
*Trước khi nó cũng sút-sa khốn cùng.*

*Cũng điền chủ lường công cướp việc,*
*Cũng triều-đình thuế nghiệt sưu cao.*
*Tôn-Văn đứng trước hô-hào,*
*Bao nhiêu dân ruộng ồn-ào nổi lên.*

*Bèn vùng-vẫy bao phen kịch-liệt,*
*Đuổi Mãn-Thanh trừ tuyệt cường quyền.*
*Tóm thu ruộng đất chủ điền,*
*Chia cho công-chúng ở yên cày trồng.*

*Bởi vì nó đồng lòng hiệp sức,*

---

(1) *Hiện hình biến tướng* : bày rõ hình dạng và biến đổi chân tướng.

*Mới thành ra khỏi cực đói nghèo.*
*Bay đây kẻ réo người kêu.*
*Thế sao vẫn cứ nằm queo vậy hoài !*
*Mau đứng dậy làm liều một chuyến,*
*Trên có ta điều-khiển sợ gì.*
*Tôn-Văn kịa với Găng-Đi,*
*Cũng ta biến-hóa hộ-trì (1) chớ ai !*
*Bay vẫn cũng chơn tay, cũng mắt,*
*Cũng ruột gan, cũng mặt con người.*
*Thế mà chẳng biết hổ người,*
*Khum lưng cúi óc cho người trèo lên.*
*Làm đến đỗi nhơ tên dân Việt,*
*Để nước ngoài kẻ nhiếc người khinh.*
*Chúng bay muốn cứu lấy mình,*
*Biết câu « trọng nghĩa khinh sinh » (2) mới là.*
*Việc đời lẽ gần xa chỉ rõ,*
*Chữ đồng-tâm chớ có phôi-pha.*
*Thi-hành cho đúng mưu ta,*
*So cùng dân ruộng Ấn-Hoa (3) kém gì.*
*Đừng dùn thẳng hẳn đi tính lại,*
*Mà nghi nan rằng bại rằng thành.*
*Ra tay liệt-liệt oanh-oanh (4),*
*Phá tan giai-cấp (5) bất-bình (6) phứt đi !*
*Huống nay đã gặp thì được thể,*
*Dại gì ngồi phải để thất-kỳ (7).*

---

(1) *Biến-hóa hộ-trì* : thay đổi và giúp đỡ.

(2) *Trọng nghĩa khinh sinh* : trọng điều nghĩa mà coi thường mạng sống.

(3) *Ấn-Hoa* : có bản chép ; *Ấn-Nga*...

(4) *Liệt-liệt oanh-oanh* : lừng lẫy bạo tợn lắm.

(5) *Giai-cấp* : từng, bực ; từng hạng người trong xã-hội.

(6) *Bất-bình* : không bằng hàng với nhau.

(7) *Thất-kỳ* : trôi qua, mất đi cái kỳ hạn có thể làm được việc

*Mấy lời phán trước đơn-trì (1)*
*Chúng bay âu hãy chép ghi vào lòng ».*
*Lời Thượng-đế vô cùng thâm-thiết,*
*Diễn ra đây cống-hiến chư tôn.*
*Nhờ tay truyền-bá hương thôn,*
*Gọi là ba bảy chiêu-hồn (2) nông dân.*
*Cứu sống lại tinh-thần tương-ái,*
*Tổ-chức thành một dải đồng-tâm.*
*Ra tay rửa trắng thù thâm,*
*Sao cho khỏi phụ thiên tâm mới là.*
*Có trời mà cũng có ta..,*

## 75.— « VỢ NHÀ NÔNG KHUYÊN CHỒNG . »

Sau bài *Chiêu hồn dân ruộng*, để cho được kín đáo hơn và để cho người ta có thể ca hát to lên cho nhau nghe được, cụ Nguyễn-Quang-Diêu viết thêm ra hai bài nữa cũng giục-hối nông-dân tranh-đòi độc-lập, nhưng với lời lẽ gói-ghém, bóng gió, ấy là bài : *Vợ nhà nông khuyên chồng* và *Chồng nhà nông khuyên vợ*. Hai bài nầy, tuy vậy, về sau cũng bị cấm-chỉ, không ai dám truyền đọc công-khai, nên đến nay ít người còn nhớ.

*Ngồi suy nghĩ kim-lai cổ-vãng (3),*
*Nghề nông là căn bản nước ta.*
*Kìa như Mỹ-lợi Âu-la (4),*
*Công-thương (5) phát-đạt quốc-gia phú-cường.*
*Đường kinh-tế (6) ngày càng mở rộng,*

---

(1) *Đơn-trì* : cái thềm sơn đỏ. Cung điện vua.

(2) *Chiêu-Hồn* : kêu gọi hồn đã chết trở về.

(3) *Kim-lai cổ-vãng* : xưa qua nay lại.

(4) *Mỹ-lợi Âu-la* : *Mỹ-lợi* tức *Á-mỹ-lợi gia*, tức châu Mỹ (Amérique) ; *Âu-la* tức *Ân-la-ba*, tức châu Âu (Europe).

(5) *Công thương* : làm thợ và buôn bán. Hai trong bốn hạng dân : Sĩ, nông, công, thương.

(6) *Kinh-tế* : việc sản-xuất, phân-phối và tiêu dùng mọi sản-vật.

*Xưa cũng phường lao-động nông-gia.*
*Khuyên anh liệu trước lo xa,*
*Tư-cơ (1) sắp sẵn phòng ra cấy cày.*
*Cũng chớ quản ngàn cay muôn đắng*
*Cũng chớ nài dãi nắng dầm mưa.*
*Ráng mà thức sớm ăn trưa,*
*Vải bô ấm cật muối dưa đỡ lòng.*
*Muốn năm giống gieo trồng tươi-tốt,*
*Dùng công dày sức tột mới xong,*
*Lẽ nào làm có ăn không,*
*Cuối xuân cày sạ sang đông thâu thành.*
*Đừng có tính loanh-quanh gì nữa,*
*Rồi thành ra lầm-lỡ thời-kỳ.*
*Vận nhà rủi gặp lúc nguy,*
*Ra tay lao-động duy-trì (2) cho nhanh,*
*Phần gạo nước đã dành có thiếp,*
*Lúc rảnh rồi sẽ tiếp tay cho.*
*Giờ tuy bữa đói bữa đói bữa no,*
*May ra bạc đóng lúa kho khó gì.*
*Đừng rè rụt thế suy lực nhược (3),*
*Mà hổng ngay phủ-ngưỡng (4) đạo nhà.*
*Than ôi ! con dại cha già,*
*Đói cơm lạnh áo ai mà biết cho ?*
*Hoàn-cảnh lắm cay-co đến thế,*
*Cơ-hội nầy nỡ để ngồi xem,*
*Đồng lòng hiệp sức cùng em,*
*Đừng lo gánh nặng chớ hiềm đường xa,*
*Vóc bồ-liễu (5) tuy là yếu đuối,*

---

(1) *Tư-cơ* : khí-cụ cơ-bản dùng để làm ăn.

(2) *Duy-trì* : gìn giữ.

(3) *Thế suy lực nhược* : thế lực đều suy yếu cả.

(4) *Phủ-ngưỡng* : cúi xuống và ngẩng lên.

(5) *Bồ-liễu* : cây bồ và cây liễu, hai thứ cây thể-chất yếu-ớt, mượn vì đàn bà con gái.

*Nguyện một lòng giong-ruổi cùng anh.*
*Sạch trừ sâu bọ cỏ tranh,*
*Sao cho giống tốt kết thành quả ngon.*
*Hễ có chí dời non cũng dễ,*
*Khuyên anh đừng bỏ trễ thời gian.*
*Ví dầu trời hạn nước tràn.*
*Đắp bờ khai cống ta toan dự-phòng (1)*
*Đôi ta quả một lòng như thế,*
*Tất sau này kinh-tế mở-mang.*
*Thân già con dại an-nhàn,*
*Bấy giờ mặc sức thênh-thang (2) với đời.*
*Trải gan mật mấy lời gắn-bó, (3)*
*Ớ anh ơi ! nghĩ đó mà coi.*
*Đã chen đứng giữa đất trời,*
*Làm trai âu phải đền bồi nợ trai.*
*Phần trách-nhiệm ai ai cũng thế,*
*Phận gái này gửi ghé một vai.*
*Ôi thôi ! chớ nghĩ đông-dài,*
*Con người phải chóng ở đời mới ru.*
*Cày trồng tất cũng có thu...*

## 76.— « CHỒNG NHÀ NÔNG KHUYÊN VỢ »

*Buồn tha-thiết nghe nàng khuyên nhủ,*
*Bực nỗi nhà ủ-rũ mặt mày.*
*Nghĩ mình sinh gặp chẳng may.*
*Nào-nề nếm đủ đắng cay mùi đời !*
*Căm giận muốn vạch trời thử hỏi,*
*Tội tình chi nghèo đói thế hoài ?*
*Ngày càng quẫn-quách sinh-nhai (4)*

(1) *Dự-phòng* : đề-phòng, ngừa sẵn trước.
(2) *Thênh-thang* : rộng-rãi.
(3) *Gắn-bó* : thắt chặt lại, khắng khít nhau một lòng một sức.
(4) *Quẫn-bách sinh-nhai* : việc làm ăn cùng túng.

*Bát cơm manh áo biết ai trông vào.*
*Nỗi cày ruộng không sao xiết kể,*
*Mãi phải phường cậy thế cướp công.*
*Suốt năm tay lấm chơn bùn.*
*Rồi ra chẳng có một đồng dính tay.*
*Kìa chẳng thấy dân cày đâu đó,*
*Pháp-luật bày đặt họ rất khoan.*
*Chia cho khắp cả dân-gian,*
*Mỗi người mỗi có ruộng nương cày trồng.*
*Dân lao-động vẫy-vùng cả nước,*
*Làm cho phường bán tước co tay.*
*Người sao vận-hội (1) quá may,*
*Ta sao cảnh-ngộ (2) chua cay thế này !*
*Ý anh muốn sống ngay nghề khác,*
*Ngõ tránh phường khắc-bạc thành gia.*
*Nhưng xem công-nghệ mỗi nhà.*
*Rõ ra càng lại sút-sa lạ dường.*
*Oán cho kẻ ngồi không ăn sướng,*
*Biết có mình chẳng tưởng có ai.*
*Phận đành đành vậy dám nài,*
*Oan nầy có một kêu trời nhưng xa !*
*Nay em đã quyết ra tài gái,*
*Tiếp tay anh kéo lại nghiệp nhà.*
*Cùng nhau chia gánh đường xa,*
*Tuyết sương chẳng quản phong-ba cũng liều.*
*Vì ta muốn cứu nghèo đỡ ngặt,*
*Phải đánh liều dìu-dắt nhau đi.*
*Đồng lòng bí-hiểm nhi-vi (4),*
*Tìm nơi vùng-vẫy may khi gặp chiều.*

---

(1) *Vận-hội* : cái vận-số của mình.
(2) *Cảnh-ngộ* , cái cảnh mà mình gặp phải,
(3) *Công-nghệ* : nghề chế-tạo và kiến-trúc do tay thợ làm ra.
(4) *Bí-hiểm nhi-vi* : làm việc một cách kín đáo sâu-sắc.
(5) *Thảo-lại* : cỏ mọc hoang.

*Thôi thì hãy chèo đèo lặn suối,*
*Phá rừng hoang khai lối sanh nhai,*
*Ra tay bới gốc ruồng gai,*
*Trừ cho tuyệt giống thảo-lai (1) sạch sành.*
*Quyền sanh-hoạt tự mình chủ lấy,*
*Ruộng đất ta ta cấy ta cày.*
*Ví dầu muôn đắng ngàn cay,*
*Khỏi điều ruộng mướn lúa vay thiệt-thòi.*
*Thế mới gọi vãn-hồi (2) sinh-hoạt,*
*Thế mới rằng giải-thoát lao-nông.*
*Trong khi nước túng đường cùng,*
*Nếu rè rụt mãi còn mong nỗi gì.*
*Kìa chẳng nhớ đương khi Âu-chiến (3),*
*Gái trai đồng gánh việc quân-doanh,*
*Sau khi chiến-cuộc (4) kết thành,*
*Nữ quyền phát-đạt nổi danh toàn-cầu (5).*
*Nước đã thế nhà âu cũng thế,*
*Nhà chẳng tề (6) nước dễ gì an.*
*Cho hay những khách hồng-nhan (7),*
*Truân-chuyên là quán, giang-san là nhà.*
*Thôi chớ nghĩ gần xa gì mất,*
*Mau đứng lên chuyền bại làm thành,*
*Muốn cho giải-thoát nhân-dân,*
*Liều đem son phấn hy-sinh mới là.*
*Kém gì phụ-nữ người ta...*

## 77.— « KHỔNG-TỬ SỬ LƯỢC »

Viết trong khoảng dạy học tại Vĩnh-Hòa. Sau lúc cụ

(1) *Thảo-lai* : cỏ mọc hoang.
(2) *Vãn-hồi* : kéo trở lại.
(3) *Âu-chiến* : chiến-tranh bên Âu-châu.
(4) *Chiến-cuộc* : cuộc chiến-tranh.
(5) *Toàn-cầu* : khắp trên trái đất.
(6) *Tề* : sửa sang, xếp đặt
(7) *Hồng-nhan* : má đỏ hồng ; con gái đẹp

viết xong, tất cả môn-sinh có mặt người nào cũng chép để học thuộc lòng.

*Đức Khổng-Thánh (1) ngài sanh nước Lỗ,*
*Thuở thiếu-niên trình độ (2) khác hẳng.*
*Chẳng cùng bầy trẻ chơi nhăng,*
*Sắp đem trở-đậu (3) lễ-văn (4) đặt bày.*
*Đến khôn lớn ra tay kinh-tế.*
*Rủi gặp chiều thời-thế dở-dang.*
*Việc đời hết sức đảm-đang,*
*Thuyết nhân (5) đề-xướng (6) chủ-trương đại-đồng(7).*
*Ngặt vì nỗi trên không minh chúa,*
*Dưới muôn dân trình-độ thấp hèn.*
*Nạn Trần họa Tống (8) lắm phen,*
*Lấy câu nghĩa mạng (9) đúc rèn tâm-can.*

---

(1) *Khổng-Thánh* : tức Khổng-Tử, tên Khâu, tự Trọng-Ni, sanh tại nước Lỗ (bây giờ tỉnh Sơn-Đông) vào tháng 10 năm Canh-tuất (551 trước Tây-lịch), đời Linh-Vương nhà Chu.

(2) *Trình-độ* : mức cao thấp, hay dở về một cái gì.

(3) *Trở-đậu* : vật-cụ dùng về việc tế-lễ.

(4) *Lễ-văn* : chế-độ về lễ và nghi thức về văn.

(5) *Thuyết-nhân* : về đạo-đức luân-lý, Khổng-Tử dạy người cốt phải giữ *nhân*. Đức ấy tóm góp trong bốn mối : *Hiếu-đễ* với cha mẹ anh em ; *Trung-thứ* với mọi người trong xã-hội. Nhan-Hồi, Phàn Trì, Trọng-Cung, Tử-Trương hỏi về *Nhân*, ngài đều trả lời khác nhau nhưng tựu trung giữ vẹn được *Nhân*, tức theo được cái thiên-lý chí-công, đã dẹp được tà-tâm tư-ý mà trở nên người chí-thiện chí-mỹ.

(6) *Đề-xướng* : xướng lên và gọi người theo.

(7) *Chủ-trương đại-đồng* : *chủ-trương* : nêu lên chủ ý của mình. *Đại-đồng* ; mọi người, mọi xứ đều đồng chung lại làm một.

(8) *Nạn Trần họa Tống* : trong lúc chu-du thiên-hạ, Khổng-Tử nhiều phen hoạn-nạn. Một lần tới nước Tống, giảng dạy về việc lễ cho học trò dưới bóng cây, quan Tư-Mã của Tống là Hoàn-Đôi sai người đốn cây và tìm giết ngài. Sau ngài sang nước Trần và nước Sái, nhưng đi nửa đường thì vua Sở cho người đón mời, Trần, Sái nổi giận kéo quân vây Khổng-Tử, ba ngày bị tuyệt lương, Khổng-Tử nhờ sứ giả nước Sở giải-cứu mới thoát.

(9) *Nghĩa-mạng* : chuyên làm việc *Nghĩa* và tin vào *Thiên-mạng*. Khổng-Tử dạy : *Chuyên làm lấy việc nghĩa của người, còn quỷ thần thì kính mà nên xa ra.* Lúc Hoàn-Đôi toan giết ngài, ngài nói với học trò : *Trời sanh đức cho ta, gã Hoàn-Đôi làm gì được ta.*

*Tính phương-pháp trừ đoàn giặc loạn,*
*Làm Xuân-thu (1) phân án tội công.*
*Vẫy-vùng ngọn bút chí-công,*
*Loạn-thần tặc-tử (2) động lòng thảo ngay.*
*Già chán-ngán vua say tôi nịnh,*
*Bèn trở về nền hạnh (3) ẩn thân.*
*Đêm ngày dạy trẻ chuyên cần,*
*Năm Kinh dọn sửa (4) mở dần người sau.*
*Nghĩ nông-nỗi càng đau-đớn nhỉ,*
*Biết cùng ai thổ-khí (5) bất-bình.*
*Thôi ta cùng các môn-sinh,*
*Hỡi toan nối chí Thánh mình sau đây,*
*Lẽ nào ngồi đấy khoanh tay !*

## 78.— « MẠNH-TỬ SỬ-LƯỢC » *

Cũng như bài *Khổng-Tử sử-lược*, cụ Nguyễn viết để truyền dạy môn-sinh. Hiện còn có nhiều người thuộc lòng.

*Nước Trâu có đại-hiền Mạnh-Tử (6),*
*Tánh thông-minh thiên-tứ (7) khác thường.*

---

(1) *Xuân-thu* : Một bộ sử nước Lỗ do Khổng-Tử biên-soạn lúc về già, chép từ Lỗ-Ẩn-Công cho đến Lỗ-Ai-Công, gồm 240 năm (từ 721 tới 481 trước Tây-lịch) để định công-luận, đoán án cho đời sau.

(2) *Loạn-thần và tặc-tử* : người tôi hại nước, người con hại nhà.

(3) *Nền hạnh* : xem bài số 18, *Tặng biệt*.

(4) *Năm Kinh dọn sửa* : tức san-định *Ngũ-kinh*. Lúc già, Khổng-Tử vừa dạy học trò, vừa san-định các kinh : *Thi*, *Thư*, *Dịch*, *Lễ* và soạn *Xuân-thu*.

(5) *Thổ khí* : mửa ra cái khí uất hận trong người ; bày tỏ nỗi ấm-ức trong lòng mình. Có bản chép *Thổ túy*...

(6) *Mạnh-tử* : tên Kha (372-289 trước Tây-lịch), học trò Khổng-Cấp (cháu nội Khổng-Tử), sinh thời chiến-quốc, có làm sách *Mạnh-tử* 7 thiên, được người sau tôn xưng Á-Thánh.

(7) *Thiên-tứ* : ý tứ tự-nhiên sinh ra đã có.

*Mồm sông bút sấm (1) ai đương,*
*Lấy câu tánh thiện (2) định phương cứu đời.*
*Lời du-thuyết (3) rúng trời động đất,*
*Bọn Nghi, Tần (4) vía mất hồn bay.*
*Dương-Châu, Mặc-Địch (5) co tay,*
*Di-Chi, Hứa-Tử (6) coi rày như không.*
*Thấy Tề (7) nguy non sông gấm vẽ,*
*Mà dân-gian lắm kẻ khốn nghèo.*
*Kêu ca đức Thuấn nhân Nghêu (8),*
*Định dẫn quân-chủ để nêu dân-quyền (9),*

---

(1) *Mồm sông bút sấm* : miệng nói hay-ho trôi như nước chảy, văn bút tài hoa danh như sấm vang.

(2) *Tánh thiện* : Mạnh-Tử chủ-trương thuyết *Tánh thiện*, cho rằng ai ai tánh cũng thiện cả, ví như tánh nước vốn chảy xuống chỗ thấp, sở-dĩ trở nên ác là vì cái tánh đó bị vật-dục làm che lấp, trái thiện tánh đi, ví như nước bị ngăn tất nó phải vượt lên chỗ cao chứ tánh nước không bao giờ chảy lên trên cao được.

(3) *Du-thuyết* : đem tài cửa miệng đi đây đi đó mà biện thuyết.

(4) *Nghi, Tần* : Trương-Nghi và Tô-Tần, hai nhân-vật thời chiến-quốc, đời du-thuyết ; Tần xướng thuyết « *hợp tung* », Nghi xướng thuyết « *liên-hoành* ».

(5) *Dương-Châu, Mặc-Địch* : hai nhà triết-học đời chiến-quốc. Dương-Châu chủ-trương thuyết *vị-ngã* ; Mặc-Địch chủ-trương thuyết *kiêm-ái*.

(6) *Di-Chi, Hứa-Tử* : Di-Chi (tức Di-Tử) theo phái Mặc-Địch ; Hứa-Tử (tức Hứa-Hành) theo thuyết Thần-Nông. Sách *Mạnh-Tử*, chương *Đằng-Văn-Công*, có chép chuyện Mạnh-Tử dùng lý-luận đánh đổ học-thuyết Hứa-Hành và đề cao đức trị dân của vua Nghiêu vua Thuấn, lại chê Trần-Tương (học trò của Trần-Lương, sau theo Hứa-Hành) là bỏ chính học mà theo tà-thuyết. Lời biện-bác rất đanh thép. Cũng trong sách vừa nói, Mạnh-Tử biện-luận với Di-Chi, qua người trung-gian là Từ-Tử, khiến Di-Chi phải ngậm ngùi thán-phục.

(7) *Tề* : đời chiến-quốc có thất hùng : Tề, Hàn, Ngụy, Triệu, Tần Sở, Yên. Sau các nước kia đều bị nước Tần thôn-tính.

(8) *Đức Thuấn nhân Nghiêu* : đức của vua Thuấn, nhân, của vua Nghiêu được đời sau ca tụng nhất về đức hạnh. Mạnh-Tử cho rằng ai cũng có thể trở thành Nghiêu-Thuấn được, nếu chịu sửa mình và làm việc nhân nghĩa.

(9) *Quân-chủ, Dân-quyền* ; quyền chính-trị do vua ; quyền chính trị do dân. thời quân-chủ chuyên-chế đó mà MạnhTử dám bảo : Dân là quý nhất, rồi tới xã-tắc, còn vua là khinh hơn ; cho nên tác giả nói *Định dẫn quân chủ*..

*Lũ cường-thần lắm phen gàn trở,*
*Ngài tự cam lỡ-dở thời-kỳ.*
*Thấy đời ngày một loạn-ly.*
*Quyết đem Khổng-giáo (1) duy-trì hậu-lai,*
*Dụng nhơn-nghĩa để khai dân trí,*
*Nào tồn-tâm dưỡng-khí (2) đủ điều,*
*Thương đời lòng sắt chẳng xiêu.*
*Cùng thông đắc táng (3) phó liều tự-nhiên.*
*Sấm vang tiếng dân-quyền thỉ-tổ (4),*
*Dẫu Nhan, Tăng (5) cũng khó hơn ngài,*
*Đạo trung (6) truyền để lâu dài.*
*Công to cửa Khổng mấy ai đấy giờ.*
*Ngàn năm bia tạc tượng thờ...*

## 79.— BUỘC DÂY LIÊN-ÁI *

Tin-tưởng hiện tại nhưng bao giờ cũng cố-gắng gieo rắm tương-lai, nên cụ Nguyễn không quên hướng-dẫn tinh-thần cao đẹp cho lớp thiếu-niên mà cụ đang đào-luyện. Đọc bài nầy rồi nhớ lại bài *Cồn-Găng*, bài *Xuân-tác* (mà cụ Phương-Sơn có họa lại), ta thấy cụ đã lo xa cho con đường phục-hưng đất nước.

*Bằng-hữu* (3) *nât ngũ-luân chi nhứt* (4),

---

(1) *Khổng-giáo* : giáo lý của Khổng-Tử, tức nho-giáo.

(2) *Tồn-tâm dưỡng-khí* : giữ lấy tương-tâm, nuôi lấy chính-khí

(3) *Cùng thông đắc táng* : rủi, may, được, mất.

(4) *Thỉ-tổ* : ông tổ đầu tiên.

(5) *Nhan, Tăng* : Nhan-Hồi và Tăng-Sâm, hai người học trò giỏi của Khổng-Tử.

(6) *Đạo Trung* : đạo *Trung-dung* ; chủ-trương không thiên về thái quá và không thiên về bất-cập, giữ sự thích-trung.

(7) *Bằng-hữu* : bạn-bè.

(8) *Ngũ-luân chi nhứt* : một phần trong ngũ-luân. *Ngũ-luân* : năm bậc quan-hệ của người đời : vua tôi, cha con, chồng vợ, anh em, bạn bè.

*Cổ kim lai (1) độc-lực nan thành (2)*
*Ví bằng côi quạnh một mình.*
*Ai hầu răn dữ khuyên lành cho chăng ?*
*Cây một cội nên rừng khó hẳn,*
*Đá trăm hòn há chẳng thành non.*
*Kìa như thân-thể đặng tròn,*
*Đỡ che đầu mặt nhờ còn chơn tay.*
*Nhà lớn chống một cây sao xiết,*
*Các trò ơi ! tỉnh biết hay chưa ?*
*Đương cơn gió giục sóng đưa,*
*Chẳng cùng chèo chống ngồi chờ chết sao ?*
*Huống là nghĩa đồng-bào thân-thích,*
*Nỡ lòng nào cá thịt cùng nhau.*
*Giữ cho tròn nghĩa trước sau,*
*Khuyên nhau đèn sách cọi nhau ruột-rà.*
*Một thầy thể một nhà huynh-đệ,*
*Mỗi việc đừng so kè hơn thua.*
*Chia nhau món ngọt mùi chua,*
*Răn chừa biếng-nhác chen đua học-hành.*
*Thánh xưa gọi hậu sanh khả úy (3),*
*Các trò ơi ! nghĩ kỹ mà coi.*
*Nếu trò xử trí lôi-thôi,*
*Sau nầy non nước trông ai đấy mà ?*
*Khá tua nghi tạc lời ta...*

## 80.— NGÔ CÙNG CHƯ SANH *

Năm 1929, cụ Nguyễn dạy học tại Tân-An, học trò học rất đông làm sĩ số ở các trường dạy quốc-ngữ chung

(1) *Cổ kim lai* : xưa đến nay.

(2) *Độc lực nan-thành* : riêng một sức mình khó mong thành tựu được.

(3) *Hậu sanh khả úy* : kẻ sinh sau đáng sợ. Khổng-Tử nói : «Những kẻ sanh sau mình là hạng đáng sợ ; biết đâu sau nầy họ sẽ hơn mình bây giờ ? (Hậu sanh khả úy ; yên tri lai giả chi bất như kim giả — *Luận-ngữ*)

quanh thưa bớt. Vì nhiệm-vụ, thầy T. báo cho nhà đương-cuộc Pháp biết lý-do. Vì vậy trường học cụ Nguyễn bị đóng cửa. Cụ rất đỗi căm hờn thế-sự, viết bài nầy để chia tay với các môn-sinh.

*Đương không nổi đùng đùng sóng gió,*
*Lũ sanh đồ lớn nhỏ phân-tan.*
*Trời Nam nghi-ngút tro than,*
*Làm cho Khổng Mạnh Tăng Nhan (1) u-sầu !*
*Gớm thay kẻ tầm sâu vạch lá,*
*Khua đầu môi rày Á mai Âu.*
*Rừng nho ảm-đạm màu thâu,*
*Thư-sanh (2) ủ mặt sĩ-phu (3) nhăn mày.*
*Nghĩ nông-nỗi càng cay đắng nhỉ,*
*Các trò ơi ! thử nghĩ mà coi.*
*Chúng ta có tội tình chi,*
*Vì đâu Thánh-đạo lăng-di (4) thế hoài ?*
*Quyết ra sức cầm tay dạy mặt,*
*Dẫn đoàn em nẻo tắt văn-minh.*
*Đúc rèn bền tiết trung-trinh (5),*
*Ngỏ cho mở mặt môn-sinh với đời.*
*Ta muốn thế sao trời chẳng thế,*
*Cơ hội nầy nỡ để ngồi xem.*
*Đã rằng nghĩa-vụ con em,*
*Chớ nài mưa nắng đừng hiềm tuyết sương.*
*Thế mới gọi « lực cường niên phú » (6).*

---

(1) *Khổng Mạnh Tăng Nhan* : xem bài số 77 *Khổng Tử sử lược* và 78 *Mạnh-Tử sử lược*.

(2) *Thư-sanh* : cũng như *sanh-đồ* hay *môn-sanh* : học trò.

(3) *Sĩ-phu* : những người có học thức.

(4) *Lăng-di* : cái gò bị sụp lở. Nói công việc mỗi ngày một suy bại đi.

(5) *Trung-trinh* : chân-thành và trinh-bạch.

(6) *Lực cường niên phú* : sức đang mạnh-mẽ, tuổi sống còn nhiều.

*Thế mới rằng « dục tú chung linh »* (1).
*Tiếng rằng Nam-Việt nho-sinh,*
*Có tròn đạo trẻ mới đành dạ ta.*
*Rủi sanh gặp vận nhà đa nạn,*
*Đành chia đôi nghĩa bạn tình thầy.*
*Trông vời muôn dặm bùn mây,*
*Tơ vò khúc ruột, máu đầy chéo khăn.*
*Thôi thì đợi phong-vân (2) hội khác,*
*Bây chừ ta đờn hát mặc dầu.*
*Quản gì rẽ quạt chia bâu,*
*Năm chầy tình chẳng đi đâu mà chầy.*
*Nay mai trò cũng gặp thầy,..*

## 81.— ĐƯỜNG-LANG DIỄN-CA *

Lúc giảng cho lớp học trò mới tập đọc, cụ Nguyễn thấy trong sách *Tân quốc văn* của Tàu có bài Đường-lang nói được tình đoàn-kết, nên dịch ngay cho họ học thuộc lòng.

*Đoàn kiến giận đường-lang* (3) *áp-chế,*
*Hiệp bầy nhau toan kế trả thù.*
*Đồng lòng liều thác áp bu,*
*Đường-lang vùng-vẫy lăn cù ngả nghiêng,*
*Vừa té xuống tức liền đứng dậy,*
*Lôi đường-lang tốc trẩy vào hang.*
*Đã hay kiến sánh đường-lang,*
*Một trời một vực rõ-ràng khác xa.*
*Nhưng đoàn kiến muôn ngàn hiệp lực,*
*Thì đường-lang tài sức nào đương !*

---

(1) *Dục tú chung linh* : *Dục tú* : nuôi-nấng cái khí tốt mà sanh ra người tài ; *Chung linh* : un đúc khí thiêng-liêng.

(2) *Phong-vân* : xem bài số 45, *Cảm-kích về cuộc Hoa-Nhật chiến-tranh II.*

(3) *Đường-lang* : con bọ ngựa.

*Cho hay toàn-thể tối-cường (1)*
*Một tài một lực chi nhường cho ai.*
*Trối thầy sức lớn cao tài ...!*

## 82.— TỰ-DO DIỄN-CA *

Bài nầy khơi lên tinh-thần tự-do dân-chủ, nguyên-tác trong sách *Tân quốc văn*. Cụ Nguyễn dịch-thuật trong lớp cho học trò chép học.

*Thân-thể của mẹ cha sẩm đẻ,*
*Can cớ chi bị kẻ buộc ràng ?*
*Nghiệp nhà gầy dựng gian-nan,*
*Đương không lại phải giựt ngang cướp càn !*
*Hoặc viết sách hoặc bàn chuyện vẫn,*
*Tội tình chi cấm đoán nghiêm răn !*
*Kìa như nghề-nghiệp ở ăn,*
*Nào quyền tín-ngưỡng (2), nào quyền tiếp-giao (3).*
*Mỗi việc cũng chen vào can-thiệp (4),*
*Thân phận sao bị hiếp cả đời.*
*Tự-do ta nếu bỏ rơi,*
*Than ôi ! hạnh-phúc kiếp người còn chi ?*
*Nước « Cộng-hòa » thử suy chính-thể (5),*
*Pháp-luật này điều-lệ rất công.*
*Sang giàu dĩ chí nghèo cùng.*
*Bao nhiêu đẳng-cấp (6) thảy đồng không hai.*
*Phần tự-do của ai nấy giữ,*

---

(1) *Toàn-thể tối-cường* : *Toàn-thể* : Toàn cả bộ phận : *Tối-cường* rất mạnh-mẽ. Hễ hợp lực lại hết thảy thì rất mạnh-mẽ.

(2) *Tín-ngưỡng* : lòng tin-tưởng đối với một tôn-giáo hoặc một chủ-nghĩa.

(3) *Tiếp-giao* : tiếp-xúc, giao-thiệp với nhau.

(4) *Can-thiệp* : dính-líu, xen vào việc của người.

(5) *Cộng-hòa chính-thể* : một chính-thể trong ấy chủ-quyền của quốc-gia thuộc về toàn-thể dân-chúng.

(6) *Đẳng-cấp* : thứ bậc các hạng người trong xã-hội.

*Dầu chính-quyền (1) chẳng dự lấn vào.*
*Người sao hạnh-phúc dồi-dào,*
*Ta sao lòn cúi đã bao nhiêu đời ?*
*Các trò có biết chăng ơi !*

## 83.— NGỎ CÙNG NỮ-GIỚI

Cụ Nguyễn viết để khuyến-khích nữ-giới đứng lên đòi hỏi nữ-quyền, được cô Nguyễn-Minh-Nghiã, ái-nữ cụ Nguyễn-Chánh-Sắt, nhiệt-liệt hoan-nghinh. Cô Nghiã đã truyền-bá bài này khá sâu rộng và về sau còn theo sự khuyến-khích ấy mà hăng-hái viết bài bàn về nữ-quyền đăng báo. Khi cô Nghiã mất, vì đó, cụ Nguyễn có khóc mười bài thơ mà trong có câu : « *Hai chữ nữ-quyền đâu chửa đấy ; Gót son đành lánh cõi hôi tanh* »

*Thử quan-sát (2) tối-sơ sử-lược (3),*
*Mẫu-quyền (4) ra đời trước phụ-quyền (5).*
*Nhưng đời lấy đức lành hiền,*
*Cho rằng tài gái kém hèn tài trai.*
*Vì thế mới thay giai đổi cấp,*
*Đời càng lâu khí-tập (6) càng sâu.*
*Tương truyền (7) mãi đến đời sau,*
*Tiên-nho (8) nhân thế bia câu xướng-tùy (9).*

---

(1) *Chính-quyền* : quyền-hành về chính-trị ; chính-phủ.

(2) *Quan-sát* : xem xét.

(3) *Tối-sơ sử-lược* : sơ-lược về lịch-sử buổi ban đầu.

(4) *Mẫu-Quyền* : quyền về người mẹ. Thời xưa, trước khi có chế-độ phụ-hệ thì quyền-hành về cả trong tay người mẹ trong gia-đình mà sử gọi là *mẫu-hệ thị-tộc*.

(5) *Phụ-quyền* ; quyền về người cha. Cũng gọi *phụ-hệ* hay *phụ-đạo*. *Quốc-sử diễn-ca* có chép về phụ-quyền ở xứ ta :

*Một dòng phụ-đạo xưa nay,*
*Trước ngang Đường-đế, sau tày Noãn-Vương;*

(6) *Khí-tập* : quen theo hơi-hướng đã ăn sâu.

(7) *Tương truyền* : đời nọ truyền sang đời kia.

(8) *Tiên-nho* : bậc học-giả đời trước.

(9) *Xướng tùy* ; tức *Phu xướng phụ tùy* : chồng xướng lên việc gì, vợ tùy theo việc ấy, không cãi.

*Vì người trước không suy xét kỹ,*
*Làm nữ-quyền địa-vị (1) ngày suy.*
*Xướng ra lắm thuyết lạ kỳ,*
*Rằng sanh mười gái không bằng một trai (2).*
*Sách vở để lưu-lại đời kiếp,*
*Đem nữ-lưu (3) đè nẹp dưới quyền,*
*Càng lâu càng nhịn càng quen,*
*Cho rằng mình thiệt kém hèn đi thôi.*
*Giờ xảy gặp hai mươi thế-kỷ,*
*Sấm nữ-quyền Âu-Mỹ dội sang.*
*Giấc mê năm ngoại bốn ngàn (4).*
*Thình lình một tiếng sét vang ngang đầu.*
*Hỏi sau có tiếng đâu dữ-dội,*
*Rằng nữ-quyền sôi-nổi chớ gì.*
*Lạ tai nghe chẳng biết chi,*
*Có người cười : gái so gì được trai ! ».*
*Rồi tự nghĩ : « Kim lai cổ vãng (5),*
*Cao thấp chia quyền-hạn (6) đã lề.*
*Diễn chi lắm kịch nhiêu-khê (7),*
*Sắn bìm (9) đâu dám sánh tề tòng-quân » (19).*
*Tự nói thế chắc chừng rằng phải,*
*Chẳng còn ai chống cãi lời gì.*

---

(1) *Địa-vị* : chỗ ngôi, cấp bậc.

(2) *Mười gái không bằng một trai* : cổ ngữ có câu : *Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô* : một trai rằng có, mười gái cũng như không.

(3) *Nữ-lưu* : gọi chung giới đàn bà.

(4) *Năm ngoại bốn ngàn* : kể từ Kinh-Dương-Vương lập quốc (2879) cho tới thế-kỷ nầy, nước Việt ta có được một lịch-sử *hơn bốn nghìn năm.*

(5) *Kim lai cổ vãng* : xưa đi qua, nay bước tới.

(6) *Quyền-hạn* : giới-hạn của quyền-lực.

(7) *Nhiêu-khê* : cũng đọc *nghiêu-khê* : ngắt-nghéo quanh co.

(8) *Sắn bìm* : do chữ *Cát-đằng*. Nghĩa bóng : nàng hầu, vợ bé. Đây nói chung phận đàn bà

(9) *Tòng-quân* : cây tùng và cây trúc. Cây tùng ruột chắc, cây trúc lóng ngay, nên dùng vì những người có khí-tiết. Chỉ đàn ông.

*Hay dâu sóng bất-kỳ,*
*Tân-văn phụ-nữ (1) đồng thì xướng lên.*
*Ngòi bút sắt bao phen vùng-vẫy,*
*Đem văn-chương lừng-lẫy nữ-quyền.*
*Truyện Âu tích Mỹ tuyên-truyền.*
*Dẫn đoàn son phấn bước lên vũ-đài (2)*
*Nét mực vẽ nên tài nữ-giới,*
*Bọn tu-mi (3) trông tối mặt dày*
*Trước còn trăm giắt lược cày.*
*Giờ ra nối gót chen tài trượng-phu (4).*
*Hãy sực tỉnh quày đầu ngó lại,*
*Thuyết xướng-tùy di-hại (5) rất sâu.*
*Thử đem lịch-sử trưng-cầu (6),*
*Xem coi nhân-vật (7) năm châu thế nào.*
*Gái Âu Mỹ không sau kẻ xiết,*
*Ta bàn qua nữ-kiệt (8) nước mình :*
*Bà Hương (9) bà Điểm (10) rất nhanh,*
*Văn-chương thi phú giá đành gấm thêu.*
*Bực tài-nữ còn nhiều chẳng hết,*
*Trải ngàn xưa danh-tiết còn thơm.*
*Vẻ-vang nòi giống Việt-Nam,*

(1) *Tân-văn phụ-nữ* : tức báo *Phụ-nữ tân-văn*, xuất-bản từ năm 1929.

(2) *Vũ-đài* : sân-khấu ; trường hoạt-động chính-trị

(3) *Tu-mi* : râu mày ; đàn ông con trai.

(4) *Trượng-phu* : đàn ông.

(5) *Di-hại* : mối hại để lại về sau.

(6) *Trưng-cầu* : cầu tìm chứng cớ.

(7) *Nhân-vật* : người trội hơn trong các người khác.

(8) *Nữ-kiệt* : người đàn bà có nhiều tài trí.

(9) *Bà Hương* : tức Hồ-Xuân-Hương, một nữ-sĩ quê ở Quỳnh-Đôi (Nghệ-An) sinh vào thời Lê mạt, có điệu thơ phóng-túng, lời và ý thoát hẳn thi-ca chữ Hán đương thời.

(10) *Bà Điểm* : tức Đoàn-Thị-Điểm, người huyện Văn-Giang (Bắc-Ninh), sinh vào đầu thế kỷ 18, đời Lê. Bà là một dịch-giả khúc ngâm *Chinh-phụ* của Đặng-Trần-Côn, rất nổi tiếng mà ai cũng biết.

*Hai bà Trưng (1) đứng siêu-phàm anh-thư (2).*
*Đương xã-hội còn chưa tiến-hóa,*
*Ngọn phong-trào vả chẳng có chi.*
*Trong khi gia biến quốc nguy,*
*Mà bà tự-lực duy-trì được ngay.*
*Nếu quan-sát xưa nay nữ-kiệt,*
*Sử Việt-Nam chỉ tuyệt một bà.*
*Rõ ra nhân-vật đâu ta,*
*Sức trai tài gái ai mà kém ai !*
*Giờ dân-tộc lần khai trí-não,*
*Có báo-chương dẫn đạo phô tài.*
*Phong-trào phụ-nữ bên ngoài,*
*Ngày càng dồn-dập nổi sôi lạ dường.*
*Thời-thế được dễ-dàng như thế,*
*Chị em ơi ! nỡ để ngồi coi ?*
*Cũng gan cũng ruột con người,*
*Cũng tai cũng mắt giống nòi Rồng Tiên.*
*Thế mà chịu dưới quyền mãi mãi,*
*Mấy ngàn năm nữ-giới thê-lương (3).*
*Bình-quyền (4) toan bước con đường,*
*Hớt xem phụ-nữ báo-chương mới là,*
*Để chi thẹn mặt quần-thoa ! (5)*

## 84.— « NGỎ CÙNG BÁO SÀI-THÀNH » *

Không rõ cụ Nguyễn viết vào thời-gian nào, cũng không hiểu duyên-do tại sao mà cụ viết ; chỉ được biết

(1) *Hai Bà Trưng* : tức *Trưng-Trắc* và *Trưng-Nhị*. Hai vị nữ anh-hùng đã nổi lên đánh Tô-Định, xưng vương năm 40.
(2) *Siêu-phàm anh thư* : *Siêu-phàm* : vượt lên trên hạng người thường ; *Anh-thư* : người đàn bà giỏi có tiếng.
(3) *Thê-lương* : buồn rầu lạnh-lẽo.
(4) *Bình-quyền* : quyền-hạn ngang nhau.
(5) *Báo-chương* : tờ báo.
(6) *Quần-thoa* : xem bài số 20, *Điếu nữ-sĩ Nguyễn-Minh-Nghiã VI*

chắc rằng sau ngày được cụ tặng bài thơ thất ngôn bát cú (bài *Tặng báo Sài Thành*, đã chép ở trước), trong tòa soạn báo *Sài Thành* có nhiều người lui tới với cụ.

*Xã hội mở con đường tiến-bộ,*
*Hỏi ai là tiền-lộ đạo-sư (1).*
*Bao nhiêu tục hồng thói hư,*
*Nhờ tay các báo khu-trừ (2) chớ ai!*
*Bút như sấm thông khai dân trí,*
*Miệng đường sông hoán-khỉ quốc-hồn (3).*
*Rao truyền thành-thị hương-thôn,*
*Sao cho biết nhục biết khôn mới mầu.*
*Kìa chẳng thấy Tây-Âu Bắc-Mỹ (4),*
*Từ sĩ nông dĩ chí công thương (5).*
*Mượn đường ngôn-luận (6) báo-chương,*
*Dưỡng-thành nội lực(7)khuếch-trương ngoại-quyền(8).*
*Diễn lắm kịch kỉnh thiên thủ-đoạn (9),*
*Làm cho người phách tán hồn bay.*
*Trông người ngẫm lại ta đây,*
*Một trời một vực xiết rày hổ ngươi.*
*Nông-nỗi thế há trời sẻn phước (10)*
*Làm cho người bần-nhược (11) đấy chăng?*
*Suy cho thấu đáo nguyên-nhân,*
*Vì rằng trí-não chưa từng mở-mang.*

---

(1) *Tiền-lộ đạo-sư* : ông thầy dẫn đường đi trước.

(2) *Khu-trừ* : trừ bỏ, đuổi đi.

(3) *Hoán-khỉ quốc-hồn* : gọi cho nỗi dậy cái hồn của nước.

(4) *Tây-Âu Bắc-Mỹ* : phía tây châu Âu và phía bắc châu Mỹ.

(5) *Sĩ nông công thương* : bốn hạng người trong xã hội : học thức, làm ruộng, thợ-thuyền, buôn-bán.

(6) *Ngôn-luận* : xem bài 30, *Tặng báo Sài-Thành*.

(7) *Dưỡng thành nội lực* : nuôi-nấng cái sức ở trong.

(8) *Khuếch-trương ngoại quyền* : mở cho to cái quyền ra ngoài.

(9) *Kinh thiên thủ-đoạn* : cái ngón làm việc long trời, khiến ai cũng khiếp.

(10) *Sẻn phước* : hà tiện sự ban phước.

(11) *Bần-nhược* : nghèo nàn yếu đuối.

*Đường thượng-tiến* (1) *nhiều phen nhặt thúc,*
*Bước phong trần lắm lúc khó-khăn.*
*Tiếng rằng Nam-Việt quốc-dân,*
*Hình hài vẫn thấy tinh-thần đi đâu !*
*Nghĩ nông-nỗi mà đau đớn nhỉ,*
*Biết cùng ai thổ-khí* (2) *bất-bình.*
*Đành rằng mộng tử tuý sinh* (3)
*Chỉ còn mong ngọn bút linh cứu cùng.*
*Cũng may có Sài-Thành báo-quán* (4)
*Âm non sông nghe chán danh truyền.*
*Rằng : « thương nòi giống Rồng Tiên,*
*Phải cơn thống-khổ điêu-liên* (5) *thế nầy.*
*Bèn hăng-hái ra tay hướng-đạo* (6),
*Vì đồng-bào nhồi não văn-minh.*
*Vẫy-vùng ngọn bút trung thanh* (7)
*Bên Nam bên Pháp điều-đình cả hai.*
*Mục xã-thuyết* (8) *rõ tài cổ-xúy* (9),
*Chuyện nhàn-đàm* (10) *thấu lý thị-phi* (11),
*Thử so các báo ba kỳ,*
*Văn-chương lý-luận chẳng gì kém ai ».*
*Được thế hẳn có trời trông đấy,*
*Quả đồng-bào hết bĩ đến hanh* (12)

---

(1) *Thượng-tiến* : tiến lên trên.

(2) *Thổ-khí* : xem bài 77, *Khổng-Tử sử-lược*. Có bản chép *Thổ-tuý*.

(3) *Mộng tử tuý sinh* : xem bài số 31, *Tặng báo Rạng Đông*.

(4) *Báo-quán* : chỗ làm báo.

(5) *Thống khổ điêu-liên* : sự đau khổ suy tàn đáng thương.

(6) *Hướng-đạo* : dẫn đường.

(7) *Trung-thanh* : Trung thực và thanh-nhã.

(8) *Xã-thuyết* ; bài báo bàn luận về việc xã-hội.

(9) *Cổ-xúy* : hô-hào cổ-động để khuyến-khích người theo.

(10) *Nhàn-đàm* : câu chuyện phiếm ; đây nói một mục trên tờ báo.

(11) *Thị-phi* : điều phải, điều trái.

(12) *Bĩ, Hanh* : *Bĩ* : vận xấu ; *Hanh* : vận tốt.

*Mong ơn cốt-nhục tử-sanh (1).*
*Dùm lay tấc lưỡi nhiệt-thành (2) là may.*
*Kêu quách giấc sống say chết mớ (3),*
*Gọi hồn về sớm Sở tối Tần (4).*
*Sao cho toàn quốc nhân-dân,*
*Bỏ phăng thói hủ mở dần óc khôn.*
*Giành kéo lấy sanh-tồn (5) đem lại,*
*Để chi mang liệt-bại (6) tiếng đời.*
*Non sông mở mặt giống nòi,*
*Ắt danh báo-quán đời đời lưu-phương (7).*
*Thế mới gọi văn-chương kiệt-tác (8),*
*Thế mới rằng bóng Hát hùng-tài (9).*
*Lời quê nhặt lượm dông-dài,*
*Cầu xin miễn chấp văn tài dở hay.*
*Được thế là may...*

## 85.— GỞI BÁO THẦN-CHUNG*

Như chúng ta đã biết qua ở các bài thơ viết tặng các báo, cụ Nguyễn đối với Pháp tuy là « tù vượt ngục » không thể ra mặt công-khai lo-liệu việc canh-tân đất nước được, nhưng luôn luôn trong bóng tối cụ tìm cách khuyến-khích, thúc đẩy các báo chiêu-hồn quốc-dân. Bài

---

(1) *Cốt-nhục tử-sanh* : cái tình xương thịt chết sống có nhau. Tình đồng-chủng.

(2) *Nhiệt-thành* : lòng sốt-sắng nóng-nảy với công việc.

(3) *Sống say chết mớ* ; xem chữ *Tuý sanh mộng tử* trong bài 1, *Tặng báo Rạng Đông.*

(4) *Sớm Sở tối Tần* : do chữ *Triêu Tần mộ Sở* : sớm làm tôi nhà Tần, chiều làm tôi nước Sở. Ví những kẻ phản-phúc, không kiên-trinh một mực.

(5) *Sanh-tồn* : sự sống còn.

(6) *Liệt-bại* : thua kém.

(7) *Lưu-phương* : để lại tiếng thơm cho đời.

(8) *Kiệt-tác* : tác-phẩm đặc-biệt hơn cả.

(9) *Bóng Hát hùng tài* : tài anh-hùng ở sông Hát, nơi tự-tận của hai Bà Trưng.

dưới cũng theo chủ-trương đó, cụ viết năm 1929, khi thấy báo *Thần-Chung* phát-hành số một. Bài còn dài, nhưng bị khuyết mất nhiều, đây chỉ mới là đoạn đầu.

*Đêm hắc-ám canh chầy thăm thẳm,*
*Góc trời Nam dường sấm bưng tai.*
*Chợt trông trời đã rựng mai,*
*Thình-lình chẳng biết chuông ai gọi mình !*
*Ngồi thẫm-gẫm nín thinh nghe kỹ,*
*Tiếng vang còn ầm-ĩ non sông.*
*Hỏi sao có sự lạ-lùng,*
*Nghe ra mới biết Thần-Chung ra đời.*
*Ớ ai đó giống nòi Hồng-Lạc,*
*Cơ sự này tỉnh-giác (1) hay chưa ?*
*Nếu còn mải-miết say-sưa,*
*Lưỡi gươm vô-loại có chừa ai đâu !*
*Nầy xin ngỏ một bầu tâm-sự,*
*Mượn quốc-văn vài chữ nôm-na.*
*Than ôi ! trình-độ dân ta,*
*Cứ sao ngày một sút-sa một ngày.*
*Kìa chẳng thấy Đông, Tây, Âu, Á,*
*Chuông tự-do tiếng đã vang lừng.*
*Người sao vùng-vẫy tưng-bừng,*
*Ta sao ngơ-ngẩn lưng chừng thế nầy ?*
*Mau liên-lạc một dây đoàn-thể,*
*Ra tay mà lấp bể trầm-luân (2).*
*Đã rằng trách-nhiệm quốc-dân,*
*Phải toan nghĩa-vụ một phần mới xong.*

. . . . . .

## 86.— NGÀY XUÂN CẢM-TÁC *

Tình-hình thế-giới mỗi ngày biến-đổi, nhất là Trung-Hoa từ 1028 trở đi, việc Bắc-phạt thành-công, Quốc-dân-

(1) *Tỉnh giác* : tỉnh ra và hiểu biết.
(2) *Trầm luân* ; xem bài 44. *Nương mình cửa Phật.*

đảng thống-nhất chánh-phủ, khiến cụ Nguyễn-Quang-Diêu càng nuôi nhiều hy-vọng.

Cái tết năm Canh-Ngọ (1930), cụ từ biên-thùy về Cao-Lãnh hiệp với cụ Nguyễn-Hữu-Kiến hoạt-động lại, cụ đã viết ra trong dịp đó. Bài tuy thuộc ca-trù biến-thể, không phải song thất lục bát, nhưng bởi nó riêng lẽ có một, nên cũng xin xếp chung vào đây và cẩn-thận đặt ở cuối cho được phân-biệt.

Bản nầy mới tìm được sau, có một ít dụng-ngữ xét hợp lý hơn bản trước (của giáo-sư Bùi-Nhựt-Ưởng cho) mà chúng tôi đã diễn âm và đăng trên các báo *Bách-Khoa* *Tự-Do*.

*Bộc trước nhứt thinh trừ cựu,*
*Đào phù vạn hộ cánh tân (1).*
*Thấy xuân mà dở khóc dở cười,*
*Co tay tính đã năm mươi tuổi chẵn.*
*Sực nhớ lại lòng dài năm vắn,*
*Gớm-ghê thay ngày tháng chẳng chờ ta.*
*Trông đài gương râu tóc thêm già,*
*Mà trách nhiệm làm trai chưa ra gì cả !*
*Còn nghĩ nỗi xuân nầy đã quá,*
*Rồi xuân kia giục giã đến ngay.*
*Ôi thôi đừng ngồi đấy khoanh tay,*
*Mau chỗi dậy nhảy bay cho kịp tiết.*
*Mình tự hồ giống nòi Nam-Việt,*
*Đã mang danh đê-liệt (2) với hoàn-cầu.*
*Khổ bùn than trải bấy nhiêu lâu,*
*Giờ gặp hội lẽ đâu ngồi đấy ngó !*
*Kìa chẳng thấy khách Trung-Hoa đâu đó,*
*Lắm xuê-xang áo đỏ quần điều,*

(1) *Bộc trước nhất thinh trừ cựu, Đào phù vạn hộ cánh tân* : pháo tre một tiếng trừ năm cũ ; bùa đào muon cửa rước xuan mới

(2) *Đê-liệt* : thấp-thỏi, yếu đuối.

*Non sông dường tranh vẽ gấm thêu,*
*Bao xiết thú trời Nghiêu đất Thuấn (1).*
*Nào đốt pháo kéo cờ chơi đủ mửng (2),*
*Ngó lại mình mà dửng-dừng-dưng !*
*Ủa ta đây cũng nước cũng dân,*
*Sao người lắm thưởng xuân mà ta thế ?*
*Trách con tạo (3) ở ăn sao quá tệ,*
*Kẻ trót năm trà chén mãi ngông-nghênh.*
*Người ba bữa áo không lành, cơm chẳng đủ.*
*Dầu chi cũng rửa trừ cho sạch cũ,*
*Đề phòng khi rước Cụ mới kịp thì (4)!*
*Bùa canh-tân (5) yểm-trấn khắp Tam-Kỳ(7),*
*Pháo trừ-cựu (8) ầm-ì vang tứ hướng.*
*Người hăng-hái ta nỡ nào ngơ-ngẩn,*
*Tính sao đây kẻo trễ mất ngày giờ.*
*Rượu đỗ-tô (9) âu mướn chữa bịnh khờ,*
*May chống khỏi sống say chết mớ.*
*Mấy xuân trước thôi đành lầm-lỡ.*
*Đến xuân nầy bỏ dở nữa sao ?*
*Mấy lời cung-hỷ đồng-bào,*
*Mừng cho gặp hội phong-trào duy-tân (10).*
*Người đời dễ có mấy xuân !*

(1) *Trời Nghiêu đất Thuấn* : xem chữ *Đức Thuấn nhân Nghiêu* trong bài số 78, *Mạnh-Tử sử-lược*. Đây muốn nói thiên-hạ thái-bình.

(2) *Mửng* : cách, lối.

(3) *Con tạo* : xem bài số 34, *Làm rẫy thất mùa*.

(4) *Rước Cụ mới kịp thì* : có hai ý : một ý *rước cụ mới* tức rước chúa xuân trong *năm mới* ; một ý *rước Cụ* tức rước cụ *Cường Để* (hy-vọng sự mưu cầu ngoại-viện thành-công của Kỳ-Ngoại-Hầu).

(5) *Canh-tân* : cải đổi lại cho mới-mẻ.

(6) *Yểm-trấn* che đậy, gìn-giữ.

(7) *Tam-Kỳ* : tức ba kỳ : Nam, Trung, Bắc.

(8) *Trừ-cựu* : trừ cái cũ. Có bản chép ; *Trừ địch*.

(9) *Đỗ-tô* : xem bài số 3, *Xuân cảm*.

(10) *Duy-tân* ; cải cách cho mới. Gặp cơ-hội có phong-trào cải mới.

III

# VĂN TẾ VÀ CÂU ĐỐI

## 87 – CON TẾ CHA *

Thân-phụ của cụ Phan-Thành-Tựu mất, khi làm tuần mãn-phục, cụ cậy cụ Nguyễn-Quang-Diêu viết một bài văn để đọc trong giờ chánh lễ.

*Than ôi !*
*Non Hộ (1) tuyết giăng ;*
*Cành Thung (2) gió lạt,*
*Lửa cây theo tiết đổi (3), vận trời đếm đã hai lần (4) ;*
*Trái đất cứ chừng xây, lòng trẻ xem dường một lát.*
*Nhớ linh xưa :*
*Chí vẫn lớn xa mong ;*

---

*Non Hộ* : núi có nhiều cây cỏ. *Kinh-Thi* :*Trắc bỉ Hộ hề, chiêm vọng phụ hề* : Trèo lên núi kia, mong ngóng cha vậy. Do đó người ta dùng chữ *Trắc Hộ* để chỉ người con có hiếu nhớ cha.

(2) *Cành Thung* : cũng như *Cành Xuân*, *Cội Xuân*. Xem chữ *Chồi Xuân* trong bài số 29, *Điếu nữsĩ Nguyễn-Minh-Nghĩa VII*.

(3) *Lửa cây theo tiết đổi* : do chữ *Toàn toại cải hỏa* trong câu nói của một môn-đệ Khổng-Tử. Sách *Luận ngữ*, chương *Dương-Hóa* chép : Tể-Ngã hỏi Khổng-Tử : « Cải tang ba năm tường nên thu còn một năm cũng là lâu đấy. Người quân-tử trong ba năm (có tang) mà không tập lễ, nhạc thì lễ nhạc phải kém sút. Và, nội một năm thì lúa cũ đã ăn hết, lúa mới gặt rồi, thử cây kéo lửa cũng theo thời tiết đổi mà đổi hết. Vậy để tang một năm nghĩ cũng đủ ? » Khổng-Tử không bằng lòng câu nói đó, chê Tể-Ngã bất-nhân. Ở đây tác-giả mượn ý để chỉ một năm đã đi qua.

(4) *Vận trời đếm đã hai lần* : sự xây dần của bốn mùa cứ giáp qua một lần là một năm, nay đếm được hai lần tức đã giáp qua hai năm.

*Lòng không sau trước khác.*
*Đối thân-hữu (1) giữ lòng thành tín (2), danh thơm nực cả hương-lân (3);*
*Dạy gái trai nên bực trung-trinh (4), tiếng nghĩa ỏi vang lư-hạng (5).*
*Người mong múa mãi sân Lai (6);*
*Trời nỡ tiếc chi tuổi hạc (7).*
*Ối thôi thôi!*
*Sân Lý (8) bao phen qua lại, ngậm-ngùi thay lời tiếng vắng tăm;*

---

(1) *Thân hữu* : bà con nội ngoại và bạn-bè.

(2) *Thành-tín* : thành-thật, tin-cẩn.

(3) *Hương-lân* : xóm diềng.

(4) *Trung-trinh* : hết lòng ngay thật, chính-đính.

(5) *Lư-hạng* : làng-mạc.

(6) *Lai* : Lão-Lai, người nước Sở, thờ cha mẹ chí hiếu. Năm 70 tuổi, ông còn mặc áo màu sặc-sỡ, bưng nước chạy ngoài sân, giả-vờ trượt chân té quỵ, cất tiếng khóc oa-oa như con trẻ để làm cha mẹ vui cười.

(7) *Tuổi hạc* : tuổi của chim hạc. Hạc là một loài chim chân cao, cổ dài, tiếng kêu to, tương truyền sống được ngàn tuổi, nên người ta dùng chữ *tuổi hạc* để nói tuổi thọ.

(8) *Lý* : tức Bá-Ngư con của Khổng-Tử. Sách *Luận-ngữ*, chương *Quí-thị* chép ; Trần-Cang (học trò Khổng-Tử) hỏi Bá Ngư : « Anh có được nghe thầy dạy điều gì lạ không ? ». Bá-Ngư đáp : « Chưa. Chỉ có một hôm cha Lý đứng một mình, Lý bước nhanh qua sân, người hỏi : Con học *Kinh Thi* chưa ? Lý đáp : Chưa. Cha Lý dạy : Nếu không học *Kinh Thi* thì không biết biện-luận. Lý lui xuống học *Kinh Thi*. Một ngày khác, cha Lý lại đứng một mình, Lý cũng bước nhanh qua sân, người hỏi : Con học *Kinh Lễ* chưa ? Lý đáp : Chưa. Cha Lý dạy : Nếu không học *Kinh-Lễ* thì không biết cách giữ vững đức mình Lý liền lui xuống mà học *Kinh-Lễ*. » Trần-Cang mừng rằng : « Chỉ hỏi có một điều mà biết được tới ba : biết cần nên học *Thi*, học *Lễ*, lại biết rằng bậc quân-tử không hay gần con ». Tác-giả dẫn điển này để nói khi cha còn được nghe cha dạy, nay cha mất, còn đâu nữa để nghe !

*Cơm Tăng (1) đòi bữa quải đơm, chua xót nhỉ uống ăn bặt dạng,*
*Cho hay lòng nhân-tử (2) không cùng ;*
*Nhưng vì lễ Văn-Công (3) có hạn.*
*Đồ phục (4) đổi tấm thành đâu có đổi ;*
*Lễ kiết hung lòng chẳng kiết hung (5).*
*Số năm cùng, đạo hiếu biết sao cùng ;*
*Vật đơn-bạc, tình không đơn-bạc (6).*
*Hỡi ôi thương thay !*
*Có linh xin hưởng.*

## 88.— SUI TRAI TẾ THÂN-MẪU SUI GÁI *

Một ông sui đàng trai đi tế thân-mẫu của ông sui đàng gái trong dịp lễ làm tuần giáp năm. Thân-mẫu ông sui gái nguyên đã mất trước khi hai đàng hứa kết thông-gia với nhau, cái khó nhất trong bài là phải nói sao cho rõ ra việc đó.

Ông sui nhà trai vốn một đồng-chí của cụ Nguyễn, giỏi Nho nhưng dở Nôm, nên đã cậy cụ viết giúp.

---

(1) *Cơm Tăng* : cơm của Tăng-Tử. Sách *Mạnh-Tử*, chương *Ly-Lâu* chép : Tăng-Tử nuôi cha là Tăng-Tích, mỗi bữa cơm đều có rượu thịt. Khi ăn xong dọn mâm xuống, ông còn hỏi cha : « Đồ ăn thừa nên cho ai ? ». Làm như thế, Tăng-Tử muốn cho cha được vui lòng, vì còn của dư, có thể đem cho người khác. Mạnh-Tử khen Tăng-Tử biết nuôi cha phải đạo, ông không những nuôi dưỡng thể-xác cha mà còn nuôi dưỡng tâm-chí cha nữa.

(2) *Nhân-tử* : đạo làm con.

(3) *Văn-Công* : cũng như Châu-Công. Lúc nhiếp-chánh, Châu-Công — con vua Văn-Vương — sửa sang việc nước, định chế-độ, lễ nhạc và đặt ra nghi-thức về quan, hôn, tang, tế ; đến nay có nơi còn dùng theo nghi-lễ *Văn-Công*.

(4) *Đồ phục* : đồ mặc ; đây nói đồ tang-phục.

(5) *Kiết hung* : tốt xấu.

(6) *Đơn-bạc* : mỏng mẻo, lợt-lạt.

*Hỡi ơi !*
*Sao vụ (1) rụng đã ngót năm trường ;*
*Tin phó (2) nghe mới đầu tháng trước.*
*Lòng trắc-ẩn mỗi người đều có, há Việt gầy Hồ nỡ cười reo (4)*
*Nghĩa thân-sơ muôn vật vẫn không, nhưng thỏ thác chồn còn khóc mướt (5),*
*Nhớ linh xưa :*
*Nói thốt mối giềng ;*
*Ở ăn mực thước.*
*Vóc bồ-liễu tuyệt so trang tòng-bá (6), gìn vàng giữ ngọc đạo tam-tùng (7);*
*Lối khuê-môn (8) danh mộ bậc Thuấn Nghiêu (9), chép dạ ghi xương câu tứ đức (10).*
*Những ngỡ rằng qui mãi thêm linh (11);*
*Hay đâu nỗi trời đành sển phước (12),*
*Ôi thôi thôi !*

---

(1) *Sao vụ* : tức sao Vụ-nữ, một vì sao mà các nhà văn xưa dùng để ví người đàn bà.

(2) *Phó* : xem bài số 29, *Điếu nữ-sĩ Nguyễn-Minh-Nghiã I.*

(3) *Trắc ẩn* : thương xót, bất-nhẫn.

(4) *Việt Hồ* : *Việt* : tên một xứ ở phương Nam ; *Hồ* : tên một xứ ở phương Bắc. Hai xứ tuy xa nhau, nhưng xe duyên với nhau và cùng sum hợp thành một nhà. Có bản chép : *há Việt gầy Tần nỡ cười reo.*

(5) *Thỏ chồn* : do chữ *Thố tử hồ bi* : Thỏ chết mà chồn cũng thương xót.

(6) *Tòng bá* : cây tòng và cây bá, hai thứ cây lá xanh mãi không đổi, ví như người quân-tử không bao giờ biến tiết.

(7) *Tam tùng* : xem chữ *Ba tùng* trong bài số 29, *Điếu nữ-sĩ Nguyễn-Minh-Nghiã II.*

(8) *Khuê môn* : cửa nhà trong, nơi đàn bà con gái ở.

(9) *Thuấn Nghiêu* : xem bài số 78, *Mạnh-Tử sử lược.*

(10) *Tứ đức*: xem chữ *Bốn đức* trong bài số 29, *Điếu nữ-sĩ Nguyễn-Minh-Nghiã II.*

(11) *Qui mãi thêm linh* : rùa mãi thêm tuổi. Tuổi rùa tức tuổi sống lâu lắm.

(12) *Sển phước* : xem bài số 84, *Ngỏ cùng báo Sài-Thành.*

*Đã sống thì có thác, đành rằng tại lý tất nhiên(1).*
*Vì nghĩa mới sanh tình, dám chẳng suy lòng tức nhược(2).*
*Ngậm-ngùi trước Tần còn xa Tấn (3) tình tri tri chẳng động mảy-may gì ;*
*May-mắn nay Châu rắp gần Trần (4) lòng lão lão (5) không sao đè nén được.*
*Đơn bạc cỏ non một bó (6), gọi là tình qua-cát (7) mai kia ;*
*Kỉnh thành rượu lạt vài tuần, ngõ rằng lễ phúng nghi (8) sơ-lược,*
*Hồn hỡi chứng cho ;*
*Nỗi niềm hôn ước (9),*

## 89.— VĂN TẾ TIÊN-SƯ *

Tiên-sư là bậc thầy lớp trước, nhà nho cũng xưng Đức Khổng là Tiên-sư. Tục lệ ở các làng xã, cứ mỗi

---

(1) *Tại lý tất nhiên* : bởi lẽ phải như thế,

(2) *Tức nhược* : do câu *Ngô ông tức nhược ông* : cha ta tức cha mày.

(3) *Tần Tấn* : tên hai nước đời Chiến-quốc, thường gả con cho nhau.

(4) *Châu Trần* : họ Châu và họ Trần. Hai họ nầy xưa đời đời kết hôn với nhau.

(5) *Lão lão* : do câu *Lão ngô lão nhĩ cập nhân chi lão* : già của ta; già của mày, cũng đều già như nhau.

(6) *Cỏ non một bó* : dịch chữ *Sanh sô nhất thúc*. Điển : Quách Lâm-Tông có tang mẹ, Từ-Nhũ-Tử đến điếu, đặt một bó cỏ trước nhà rồi đi. Mọi người lấy làm lạ, không rõ ý gì. Lâm nói : « Đó là Từ-Nhũ-Tử, bậc cao-sĩ ở Nam-Châu. *Kinh thi* há không chép : Cỏ non một bó, người ấy như ngọc... » (Sanh sô nhất thúc, kỳ nhân như ngọc).

(7) *Qua cát* : cây dưa và cây sắn, hai thứ cây mọc thành dây, bò leo quấn quít, nên dùng ví tình thân-thích, liên-lạc mật thiết nhau.

(8) *Phúng nghi* : Nghi lễ điếu tang.

(9) *Hôn-ước* : sự ước hẹn về hôn-nhân,

đình thờ Thành-hoàng đều có bàn thờ Tiên-sư và trước lễ chánh-tế Thành-hoàng, có thiết lễ cúng tế Tiên-sư.

Bài văn tế dưới cụ Nguyễn viết giúp hương-chức làng Vĩnh-Hòa trong một kỳ « cầu an đảo lệ ».

*Ngôi sánh Thành-hoàng (1) ;*
*Ơn nhuần hương-đảng (2).*
*Lời Ngoạt-đán (3) ngàn thu rọi để, đúng mực phép thầy :*
*Thói Hồ-hương (4) một mảy chẳng hề, nêu danh thẻ bảng (5).*
*Uống nước ơn người đào giếng, có mất tai bao nỡ lấp ngơ ;*
*Ăn trái nhớ kẻ trồng cây, cũng nòi giống nỡ nào lơ lảng.*
*Vẫn biết các ngài chẳng cần ai cúng-kiếng mà xuống phước dồi-dào ;*

---

(1) *Thành-hoàng* : vị thần coi quản trong một khu-vực.

(2) *Hương-đảng* : người cùng một làng ; làng xóm.

(3) *Ngoạt-đán* : ngày mồng một âm-lịch trong tháng. Đời Hán, Hứa Thiệu là một nhà cao học, mỗi tháng, ngày mồng một, bày cuộc bình luận nhân-phẩm. Vì vậy xứ Nhữ-Nam, nơi hương-đảng có tục bình-luận trong ngày ngoạt-đán, gọi là *Ngoạt-đán-bình*.

(4) *Hồ-hương* : tên một làng. Sách *Luận-ngữ*, chương *Thuật-nhi* chép : Người làng Hồ-hương có tiếng ác-nghịch, khó nói lẽ phải với họ. Có một chàng trẻ tuổi đến ra mắt Khổng-Tử để xin vào học-các môn-nhân lấy làm nghi-hoặc về chàng. Đức Khổng-Tử nói : « Người ta đến với mình bằng lòng tinh-khiết, thì mình vì lòng tinh, khiết ấy mà thu nhận người, chứ mình không bảo-đảm những việc đã qua của người. Vả, nay người tới mình, mình nhận, chứ mình đâu bảo-đảm khi người thôi ra. Chuyện chỉ có vậy, cần gì nghiêm-khắc lắm ! » Điển này dùng chỉ người Hồ-hương xấu-xa mà bậc Thánh-nhân thì chẳng chấp khi họ quay về việc phải.

(5) *Thẻ bảng* : thẻ tre xanh và bảng sơn vàng son, hai vật dùng ghi chép công-lao những bậc có công với dân với nước Cũng có thể là thẻ tre xanh và lụa bản, do theo chữ « *Công thùy trúc bạch* ».

*Nhưng vì chúng tôi lấy lễ báo-thù (1) ngõ tạ ơn xứng-đáng.*
*Bia-tượng nêu cửa xóm, tuy không mất thấy rành-rành ;*
*Pháp-luật để nhà công (2), vẫn cũng tai nghe thoảng-thoảng.*
*Ơn-nhơn kìa kẻ đã khôn cùng ;*
*Tình-nghĩa ấy biết sao có hạn !*
*Quê-kịch mấy lời quốc-ngữ (3) gọi bày lẽ trước sau ;*
*Đơn-sơ đôi món dã-hào (4), ngõ tỏ tình thầy bạn,*

## 90.— TẾ ĐỨC GIÁO-TÔNG CAO-ĐÀI-GIÁO *

Sau khi Đức Quyền Giáo-Tông Lê-Văn-Trung nhà lãnh-đạo giáo-phái Cao-Đài tại tòa-thánh Tây-Ninh — viên-tịch được một năm, một vị đại-diện Cao-Đài-Giáo thuộc khu-phận Tân-Châu tìm đến Nguyễn-Quang-Diêu, nhờ cụ viết bài nầy để đọc trong dịp lễ kỷ-niệm chu-niên ngày vì Giáo-Tông tịch-diệt, cử-hành tại Tây-Ninh.

*Hỡi ôi !*
*Sống Nhược (5) sóng xao ;*

---

(1) *Báo-thù* : đền đáp lại để tỏ lòng biết ơn, xin đừng lầm với chữ *Báo-thù* là trả cừu-thù

(2) *Nhà công* : tức công-sở, chỗ làm việc của làng.

(3) *Quốc-ngữ* : lời tiếng của nước mình.

(4) *Dã-hào* : những món ăn ở đồng quê.

(5) *Sông Nhược* : dịch chữ *Nhược thủy*. Tên một miền biển ở về cực Tây nước Tàu. Theo *Sơn hải kinh* thì nước ở miền nầy rất yếu, không đỡ nổi được một hột cải. *Nước Nhược non Bồng* là nơi của thần tiên, nơi phong cảnh đẹp.

*Vườn Kỳ* (1) *tuyết phủ !*
*Xuân qua rồi đông lại, máy trời chóng lẹ dường thoi ;*
*Bể thẳm xảy cồn nung, cuộc thế xoay vần quá vụt*
*Người đời đến thế thì thôi ;*
*Trời Phật vì đâu nỡ phụ !*
*Nhớ Đức Giáo-Tông xưa :*
*Tranh cạnh đổi lòng nay ;*
*Từ-bi nơi dấu cũ.*
*Đối đạo-hữu* (2) *suy lòng thảo-lảo* (3), *vẫn giữ niềm ai cũng như ai ;*
*Cùng ngoại-nhân* (4) *ra dáng bô-lô* (5), *chẳng hề ý chú thây mặc chú.*
*Phô lời giữ mực kim-ngôn* (6) ;
*Sửa nét lánh phường đồng-xú* (7).

---

(1) *Vườn Kỳ* : vườn của Kỳ-Đà thái-tử. Kinh *Kim-cang* chép ; Trưởng-giả Tu-Đạt-Đa muốn dựng tinh-xá cho Phật ở, nhưng bấy giờ không đâu rộng-rãi mát-mẻ cho bằng tại khu vườn của thái-tử Kỳ-Đà. Tu-Đạt-Đa đem tỏ ý đó với thái-tử Thái-tử nói chơi : « Có vàng trải được tới đâu sẽ cho tới đó ». Tu-Đạt-Đa đem vàng lót khắp và cất tinh-xá cho Phật. Điển sông *Nhược*, vườn *Kỳ* dùng trên, nói cảnh tiên, cảnh Phật ; còn *sóng xao, tuyết phủ*, chỉ sự biến-cố; thảm-thương.

(2) *Đạo-hữu* : bạn đạo. Danh-từ thông-dụng trong đạo Cao-Đài, xưng hô bình-đẳng giữa các tín-đồ đồng-đạo.

(3) *Thảo-lảo* : ăn ở có lòng thảo, biết nhường nhịn, chia sớt lẫn cho nhau.

(4) *Bô-lô* : do tiếng *bô-lô ba la* : cũng như *bải-buôi* hay *đãi-bôi*, nói cách xử-thế vui-vẻ hời-hợt, bề ngoài.

(5) *Ngoại-nhân* : người ngoài, không có đạo.

(6) *Kim-ngôn* : lời vàng, lời nói ra có ích lợi, đáng coi quý như vàng.

(7) *Đồng-xú* : hơi đồng hôi tanh. Sách *Hậu-Hán* chép ; Thôi-Liệt nộp tiền 50 vạn để được làm chức Tư-đồ, sau ông hỏi con xem thiên-hạ có dị-nghị gì không, con ông đáp : « Người ta chê có hơi đồng ». Văn-nhân dùng hai tiếng *Đồng-xú* để nói việc lấy tiền mua danh hay cậy của để làm bậy.

*Nào thuở nổi chìm bể hoạn (1), đem thân làm*
*tai mắt cho Tân-Trào (2);*
*Đến khi lánh hé (3) đường trần, ghi dạ tạc đá*
*vàng cùng Đại-phụ (4).*
*Tài-năng thế, đạo-đức thế, lẽ thì mạng đắc trường-*
*sanh (5);*
*Tịch-diệt (6) vầy, vô-hóa vầy (7), rứa mới danh*
*thuỳ bất hủ (8).*
*Ôi thôi thôi!*
*Có sống thì có thác, não-nề xác thịt phàm-trần(9);*
*Chầu Phật lại chầu Tiên (10) thông-thả mảnh hồn*
*linh-tú (11).*

---

(1) *Bể-hoạn* : dịch chữ *Hoạn hải* : con đường làm quan thăng giáng không chừng, nổi chìm chưa chắc, không khác chiếc thuyền con lênh-đênh trên mặt bể.

(2) *Tân-trào* : trào-lưu mới. Đây nói Tây.

(3) *Lánh hé* : tránh đi, không cho trông thấy nữa.

(4) *Đại-phụ* : tức *Đại-từ-phụ* : bậc cha lành trên cả nhân-loại ; danh-từ thông dụng trong đạo *Cao-Đài*, chỉ Thượng-Đế.

(5) *Trường-sanh* ; sống lâu dài.

(6) *Tịch-diệt* : công hạnh viên-mãn, tiêu mất hết phần thể-chất mà vào cõi nát-bàn. Chữ dùng chỉ sự chết của các bậc tu-hành có đạo-đức cao trong đạo Phật.

(7) *Vô-hóa* : hóa thành lông cánh mà bay lên cõi tiên, Chữ dùng chỉ sự chết của các bậc đạo-sĩ tu theo đạo Tiên.

(8) *Danh thuỳ bất hủ* : tiếng tốt còn lại mãi không mục nát được.

(9) *Phàm-trần* ; trần-tục trong cõi đời, không phải thần tiên.

(10) *Chầu Phật lại chầu Tiên* : giáo-lý của đạo Cao-Đài hỗn-hợp nhiều tinh-túy của các đạo giáo xưa, trong đó có giáo-lý của Thích-Ca và Lão-Tử. Ở đây cũng như một vế trên, cụ Nguyễn muốn nói việc tu Phật và tu Tiên trong giáo điều của đạo ấy,

(11) *Linh-tú* : thiêng-liêng và tốt đẹp.

*Đàn Tam-Giáo (1) vắng lời diễn-thuyết, lấy ai tế-độ (8) kiếp quần-sinh (2) ;*
*Khách Lục-châu (3) rủn chí quy-y (4) xiết nỗi dở-dang bề đạo-hữu.*
*Thôi đã tục tiên chia nẻo, dẫu muốn theo, theo dễ được gần ;*
*Đành rằng u-hiển (5) khác miền, tuy có khóc, khóc sao cho thấu !*
*Sông biển trông ơn đại đức (7), nguyền siêu-thăng (8) tất cả tín-đồ (9) ;*
*Tóc-tơ đáp lễ tiểu-tường (10), kỉnh đạm-bạc vài tuần tiên tửu (11).*
*Ôi thôi kính thay !*
*Linh xin chứng chiếu.*

## 61.—CÂU ĐỐI ĐIẾU VỢ BẠN VÀ MẸ HỌC TRÒ *

Vợ Hương-quản Vàng đau nặng, Hương-quản Vàng là bạn họ của cụ Nguyễn, lại cho con là Sóc học chữ với cụ nữa, nên tin cậy, mời cụ tới coi mạch trị bịnh sau khi

---

(1) *Tam-giáo* : tức *Nho-giáo, Lão-giáo,* và *Phật-giáo* ; cũng gọi Phật, Thánh, Tiên. Trong cơ bút của Cao-Đài có câu :

Trong Tam-giáo có lời khuyến dạy.
Gốc bởi lòng làm phải làm lành.

(2) *Tế-độ* : giúp-đỡ, dẫn-dắt đi.

(3) *Quần-sinh* : cuộc sống của loài người và vạn-vật.

(4) *Lục-châu* : sáu châu : cũng như nói *Lục tỉnh,* tức sáu tỉnh ngày xưa ở miền Nam nước Việt.

(5) *Quy-y* : về theo, tin theo tôn-giáo.

(6) *U-hiển* ; tối-tăm và sáng rõ; âm-phủ và dương-gian.

(7) *Đại-đức* : đức hạnh to lớn.

(8) *Siêu-thăng* : vượt lên trên, hướng về những nơi cao-khiết.

(9) *Tín-đồ* : người tin theo tôn-giáo.

(10) *Tiểu-tường* : lễ kỷ-niệm chu-niện ngày chết ; cúng gọi *làm tuần giáp năm.*

(11) *Tiên tửu* : Rượu tiên.

đã chạy nhiều thuốc-thang và phù-thủy. Cụ Nguyễn đã hết lòng chẩn-trị mà bịnh vẫn không lui, sau vợ Hương-quản Vàng mất, cụ viết câu đối điếu :

*Thuốc không hiệu, bùa không linh, trăng rụng thình-lình mà cũng số ;*
*Thầy vì trò, bậu vì bạn, cỏ non một bó (4) gọi là tình.*

## 92.— CÂU ĐỐI TỰ-THUẬT *

Hương-bộ Rốt mắc bệnh thương-hàn, cụ Nguyễn trị không được, bịnh cứ mỗi ngày một trầm-kha, cụ làm câu đối để tự ví với việc hoạt-động cách-mạng của cụ.

*Rừng thuốc chạy trầy chơn, đã chẳng quế sâm (5) đem khởi tử (6) ;*
*Nhà Nho về vích đốc, thôi thì chi bất (7) cũng hồi sanh (8).*

## 93. — ĐIẾU HÒA-THƯỢNG TỪ-VÂN *

Lúc cụ Nguyễn lánh mặt tại chùa Linh-Sơn (Cao Lãnh) thì Hòa-thượng Từ-Vân đến cậy Hòa-thượng Hoàng-Đạo — trụ-trì chùa Linh-Sơn — làm giúp mấy câu đối điếu. Hòa-thượng Hoàng-Đạo nhân có mặt cụ Nguyễn, nên ngầm mượn lại cụ làm giùm. Cụ Nguyễn viết luôn một mạch ba đôi câu đối bằng chữ Hán.

---

(3) *Trăng rụng* : trăng thuộc âm, nói trăng rụng tức nói sự chết của người đàn bà,

(4) *Cỏ non một bó* : xem bài số 88, *Sui trai tế thân-mẫu sui gái*.

(5) *Quế sâm* : tên hai vị thuốc bắc quý.

(6) *Khởi tử* : làm cho chết hóa ra sống.

(7) *Chi bất* : xem bài số 35, *Thầy dở dở láng-diềng*.

(8) *Hồi-sanh* : sống lại.

I

何時南族開三昧
從此西天多一人

*Hà thời Nam-tộc khai tam muội ;*
*Tùng thử Tây-thiên đa nhất nhân.*

*(Bao giờ Nam-tộc (1) thông ba muội (2) ;*
*Từ ấy Tây-thiên (3) góp một người).*

II

和南越衆生願渡慈航超苦海
尚西天世界樂登覺岸滅塵粮

*Hòa Nam-Việt chúng-sanh, nguyện độ từ-hàng siêu khổ-hải ;*
*Thượng Tây-thiên thế-giới, lạc đăng giác-ngạn diệt trần căn.*
*(Hòa Nam-Việt con dân, nguyện lấy thuyền từ đưa biển khổ (4)*
*Thượng Tây-thiên cảnh cõi, vui lên bến giác (5) dứt căn trần (6).*

---

(1) *Nam-tộc* : dân-tộc nước Việt-Nam.

(2) *Ba muội* : ba điều mê tối : tham, sân, si, Khai *tam muội* là biết rõ và vượt qua được ba điều mê tối ấy để tránh khỏi tội lỗi.

(3) *Tây-thiên* : trời Tây ; nơi cõi Phật.

(4) *Thuyền từ đưa biển khổ* : đem điều từ-bi mà giảng-giải, mong giúp con dân thoát được cảnh khổ của cõi trần, ví như lấy thuyền mà đưa ra khỏi biển.

(5) *Bến-giác* : dịch chữ *Giác ngạn*. Theo Phật, đạt được đạo, lý tức đã qua được bờ giác, tức cõi Phật ; bằng không, phải còn lăn-lóc trong chỗ mê mờ, gọi là bến mê.

(6) *Căn trần* : đạo Phật có *Sáu căn* và *Sáu trần*. *Sáu căn* thường gây nghiệp duyên phiền não ; còn *Sáu trần* đưa tới những cảm-xúc cho *Sáu căn*, dễ làm nhiễm sâu chân-tính. *Sáu căn* : *mắt tai, mũi, lưỡi thân, ý. Sáu trần* : *sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp.*

III

苦海未填一切衆生誰濟渡
空門永訣三千世界自逍遙

*Khổ hải vị điền, nhất thiết chúng sanh thùy tế-độ;*
*Không môn vĩnh quyết, tam thiên thế-giới tự tiêu-dao.*

*(Biển khổ lấp chưa rồi, hết thảy chúng-sanh ai dắt dẫn;*
*Cửa không (1) đành giã biệt ; ba ngàn thế-giới (2) tự dong chơi ).*



(1) *Cửa không* ; cửa chùa hay cửa Phật. Theo Phật thì vạn vật trong vũ-trụ đều gốc ở cái không mà ra. *Bát nhã tâm kinh* chép : *Sắc không khác gì không, không không khác gì sắc ; sắc tức không mà không tức sắc.* Ý nói cái gì cũng gọi là có, nhưng chiếu rõ ra thì đều không có một cái gì.

(2) *Ba ngàn thế-giới* : thuyết Phật, thế-giới ta hiện ở là *Tam thiên thế giới*. Hiệp một ngàn nước là *Tiểu thiên thế-giới*. Hiệp một ngàn tiểu thiên thế-giới là *Trung thiên thế giới* ; lại hiệp một ngàn *Trung thiên thế giới* thì là *Đại thiên thế-giới*, tức gọi chung : *Tam thiên thế-giới* (*Từ-nguyên*).

IV

## 94.— MẤY BÀI THƠ HÁN

敘　　述

身當任重越重山
境遇如斯敢謂閒
託講金言開衆智
謀流鉄血濟時難
天經風雨無微厭
地熟荆蓁不少惶
試問同仇諸巨子
實虛誰爲照心肝

Diễn âm :

### TỰ-THUẬT

*Thân đương nhiệm trọng việt trùng sơn,*
*Cảnh-ngộ như tư cảm vị nhàn.*
*Thác giảng kim ngôn khai chúng trí,*
*Mưu lưu thiết huyết tế thời nan.*
*Thiên kinh phong-vũ vô vi yềm,*
*Địa thục kinh-trăn bất thiểu hoàng.*
*Thí vấn đồng cừu chư cự tử,*
*Thực hư thùy vị chiếu tâm can ?*

Tạm dịch :

### TỰ-THUẬT

*Thân đương gánh nặng mấy non sông,*
*Cảnh ngộ dường ni dám lạnh lòng !*
*Mượn giảng lời vàng (1) kêu trẻ dại,*
*Toan chan máu sắt cứu đời ngông.*

---

(1) *Kim-ngôn* : xem bài số 90, *Tế Đức Giáo-Tông Cao-Đài Giáo.*

*Trời hay mưa gió hăng vùng-vẫy,*
*Đất choán gai chông mựa phập-phòng.*
*Thử hỏi bao ông liền nạn nước,*
*Nên hư bao kẻ ruột gan nồng ?*

**95.— 哭先生詩**

泰山曾昔望崔嵬
誰料擎天崩頓頹
披卷澤存深自慨
可憐陶在松空企
捫心茅塞向誰開
忽使程門雪柱堆
公義私情均未也
沉思心事獨徘徊

Diễn âm :

**« KHÓC TIÊN-SANH THI »**

*Thái-Sơn tằng tích vọng thôi khôi,*
*Thùy liệu kình thiên đỉnh đốn tồi !*
*Phi quyện trạch tồn thâm tự khái,*
*Môn tâm mao tắc hướng thùy khai ?*
*Khả liên Đào kỉnh tòng không tại,*
*Nhẫn sử Trình môn tuyết uổng đôi !*
*Công nghĩa tư tình quân vị dã,*
*Trầm tư tâm-sự độc bồi-hồi !*

Tạm dịch :

**BÀI THƠ KHÓC THẦY ***

Năm 1927, cụ Nguyễn-Quang-Diêu về nước, nghe tin thầy học là cụ Tú Thường đã mất từ năm 1921, cụ rất đau lòng ; mặc dù thân cụ bấy giờ đang phải trốn lánh

khó-khăn, cụ cũng lên tìm tới thăm mộ thầy và khóc một bài thơ thấm-thía.

I

*Nhớ Thái-Sơn (1) ngước trông chớn-chở,*
*Đỉnh chọc trời bỗng lở thình-lình !*
*Ngậm-ngùi dấu sách còn in,*
*Sờ lòng tranh lấp (2) dạy mình giờ ai ?*
*Cửa Trình-Hạo (3) bụi dày tuyết phủ,*
*Sân Đào-Tiềm (4) lối cũ tòng hoang.*
*Tình thầy nợ nước chứa-chan,*
*Nỗi niềm thầm-nghĩ dạ càng xót xa.*

**(Nguyễn-Chính-Giáo)**

II

*Thái-Sơn hằng nhớ tít mù cao,*
*Đỉnh ngất trời xanh bỗng đổ nhào !*
*Lật sách nhớ ơn than phận bấy,*
*Xem văn tốt nghĩa hỏi ai đâu?*
*Thương ông Đào khuất, sân tòng phủ,*
*Nhớ cụ Trình xưa, cửa tuyết bao !*
*Nợ nước tình thầy chưa vẹn cả,*
*Đắn-đo thân-thế ruột gan xàu !*

---

(1) *Thái-Sơn* : tên một hòn núi to trong Ngũ-nhạc, thuộc tỉnh Sơn-Đông bên Tàu. Mượn ví thầy học, vì công thầy dạy-dỗ to như non Thái. Đức Khổng lúc sắp mất, có than : « *Thái-Sơn kỳ đồi hồ, lương mộc kỳ hoại hồ* !» (Núi to đổ mất sao, cây cao nát mất sao ?)

(2) *Sờ lòng tranh lấp* : rờ tay vào lòng thì có tranh che lấp mù-mịt (ý nói tối-tăm không hiểu gì), biết cậy nhờ ai giảng giải cho sáng ra để biết như trước nữa !

(3) *Trình-Hạo* : tự Bá-Thuần, người đời Tống, đỗ Tấn-sĩ, làm quan Giám-sát ngự-sử, nghiên-cứu tinh-thông chư-tử bách-gia và các đạo Thích, Lão, giảng-giải những điều bí-ẩn trong đạo thánh-hiền. Lúc Trình-Hạo mất, Văn-Ngạn-Bác đề trên mộ ông là *Minh-Đạo tiên-sinh*.

(4) *Đào-Tiềm* : tự Nguyên-Lượng, người đời Tấn, tính-tình thanh cao, học rộng, thi-tài lỗi-lạc, trước có làm quan sau bỏ chức về ẩn-dật.

## 96.— 心 事

一 別 頂 河 萬 里 輕
人 非 木 石 豈 無 情
高 山 流 水 琴 催 酒
北 跡 南 踪 浪 打 洋
仰 夢 肝 腸 何 日 是
不 平 心 事 向 誰 鳴
客 中 青 眼 人 何 在
忍 使 風 塵 老 此 生

Diễn âm :

« TÂM SỰ »

*Nhất biệt quan-hà vạn-lý khinh,*
*Nhơn phi mộc thạch khỉ vô-tình.*
*Cao sơn lưu thủy cầm thôi tửu,*
*Bắc tích Nam tông lãng đả bình.*
*Ức-uất can-tràng hà nhật thị,*
*Bất-bình tâm-sự hướng thùy minh ?*
*Khách trung thanh nhãn nhân hà tại ?*
*Nhẫn sử phong-trần lão thử sinh !*

Tạm dịch :

## CHUYỆN LÒNG *

Không phải cụ Nguyn xướng-tác mà cụ họa vận lại một bài của Thầy Tiếp làm ra. Bài của Thầy Tiếp nay tìm không thấy, chỉ thấy xuất-xứ trong một bản nôm nói qua như vậy thôi.

I

*Nhẹ bước quan-hà muôn dặm theo,*
*Há rằng cây lá chẳng lòng xiêu ?*
*Non cao nước chảy đờn nung rượu,*
*Gió Bắc mưa Nam sóng vỗ bèo !*
*Cuộc cả bất-bình bao thuở rảnh,*
*Sự lòng uất-ức ngỏ ai reo ?*
*Mắt xanh (1) khách hỡi người đâu nhỉ ?*
*Nỡ khiến thân già bụi cát đeo !*

**(Nguyễn-Chính-Giáo)**

II

*Quan-hà muôn dặm xông pha,*
*Người không tình cảm ấy là cỏ cây !*
*Nước non đờn tụ rượu vầy,*
*Bắc Nam gởi dấu bèo mây sá gì !*
*Ruột gan uất-hận đòi khi,*
*Bất bình một khối nặng trì ngỏ ai ?*
*Mắt xanh đâu đấy có hay,*
*Nỡ cho gió bụi cuồng-quay xác già !*

**97.—** 遇 故 知

自 別 金 朋 己 廿 年
重 逢 數 遇 不 期 然
怪 君 相 像 寧 逢 虎
慨 我 徘 徊 獨 上 鞭
萍 水 奇 緣 徒 有 幸
暴 蓬 心 事 寂 無 硯
臨 趨 友 愧 無 爲 增
訂 祝 年 年 福 祿 圓

(1) *Mắt xanh* : xem bài số 8, *Ngỏ cùng Phật Táo.*

Diễn âm :

## NGỘ CỐ TRI

*Tự biệt kim-bằng dĩ trấp niên,*
*Trùng-phùng sổ ngộ bất kỳ nhiên.*
*Quái quân tưởng-tượng ninh phùng hổ,*
*Khái ngã bồi-hồi độc thượng liên.*
*Bình-thủy kỳ-duyên đồ hữu hạnh,*
*Tang-bồng tâm-sự tịch vô nghiên.*
*Lâm xu hữu quí vô vi tặng,*
*Đính chúc niên niên phúc-lộc viên.*

Tạm dịch :

## GẶP BẠN CŨ *

Năm 1930, cụ Nguyễn có dịp đi công-cán ngang cù-lao Long-Khánh (quận Hồng-Ngự), cụ nhân ghé thăm cụ Cả Dõng — một bạn học cũ — nhưng hôm ấy có lẽ vì ngại sự liên-lụy nên cụ Cả Dõng lánh mặt, không tiếp cụ Nguyễn. Khoảng cuối năm, cụ Nguyễn lại có việc cần, phải trở lại cù-lao nầy một lần nữa, tình cờ cụ gặp cụ Cả Dõng. Nhân cụ Cả Dõng mừng rỡ, cụ mừng lại cụ Cả một bài thơ, trong đó có dụng ý nhắc khéo cụ Cả Dõng về chuyện cụ đã lánh mặt lần trước : « *Quái quân tưởng-tượng ninh phùng hổ* » lấy ý trong câu « *Ninh phùng hổ bất ninh ngộ cố nhân* » (thà gặp cọp, chớ chẳng muốn gặp bạn cũ).

*Hăm mấy năm nay cách bạn vàng* (1),
*Tình cờ không hẹn lúc trùng hoan* (2).
*Ngâm câu « phùng hổ » (3) tình ngao-ngán,*
*Trối khúc « ly câu » (4) mộng dở-dang.*

---

(1) *Bạn vàng* : dịch chữ *Kim bằng* : người bạn quý.
(2) *Trùng hoan* : vui-vẻ gặp lại lần nữa.
(3) *Phùng hổ* : gặp cọp. Xem phần xuất-xứ bài nầy.
(4) *Ly-câu* : Xem bài số 17, *Thay bạn họa thơ*.
(5) *Cung dâu* : xem bài số 13. *Giã vợ đi làm cách-mạng*.

*Bèo nước duyên xưa dù thiết-thiết,*
*Cung dâu (5) chí cả mực chan-chan.*
*Hồ mình đến viếng không chi tặng,*
*Đính chúc hằng năm phúc-lộc toàn.*

(Nguyễn-Chính-Giáo)

**98.—** 寄與許仁壽

傾 蓋 徒 中 認 得 真
醫 書 萬 卷 莫 療 貧
縱 經 萍 水 縱 如 意
愈 酌 醇 醪 愈 壯 神
語 客 徘 徊 嗟 白 眼
談 心 慷 慨 說 青 雲
相 逢 相 識 滿 天 下
聲 氣 相 投 竟 屬 君

Diễn âm :

## KỶ DỮ HỨA NHƠN THỌ

*Khuynh cái đồ trung nhận đắc chân,*
*Y thơ vạn quyển mạc liêu bần.*
*Tài kinh bình-thủy tài như ý,*
*Dũ chước thuần giao dũ tráng thần.*
*Ngữ khách bồi-hồi ta bạch nhãn,*
*Đàm tâm khảng-khái thuyết thanh-vân.*
*Tương phùng tương thức mãn thiên-hạ,*
*Thanh khí tương đầu cánh thuộc quân !*

Tạm dịch :

## GỞI CHO HỨA-NHƠN-THỌ.*

Hứa-Nhơn-Thọ, một nhà cao học, người Minh-hương có khí-tiết, về già đôi mắt mù lòa vẫn dạy học và làm thuốc mưu-sinh. Lúc cụ Nguyễn ở ngoại quốc mới

về, có đến thăm cụ Hứa. Cụ Hứa ân-cần hỏi-han cụ Nguyễn về cuộc đời thăng trầm trong mấy chục năm qua, cụ Nguyễn thuật lại và đọc cho cụ Hứa nghe những bài thơ vịnh xuân, tả cảnh mà cụ đã làm trong lúc phiêu-lưu, cụ Hứa bất-giác không cầm xúc-động, có làm một đôi câu đối tặng cụ Nguyễn :

*Tết Tây, tết ta, tết quê nhà, tết hải-ngoại, tết trong vòng tù-tội, tết ngoài lề pháp-luật bốn nguy điện ;*

*Thơ Nôm, thơ Hán, thơ vịnh cảnh, thơ tả tình, thơ thấm vị não-nồng, thơ lộ nét tinh-thần xung chánh-khí.*

Bài thơ Hán nầy là một trong bốn bài mà cụ Nguyễn đã họa y nguyên vận một bài xướng của cụ Hứa. Chữ *Bạch-nhãn* đối với chữ *Thanh-vân*, cụ Nguyễn có ý nói cụ Hứa tuy mù mắt nhưng vẫn có chí « mây xanh ». Càng già, hai cụ càng thích nhau lắm.

*Giữa lộ dù nghiêng (1) nhận thấu tình,*
*Ngàn pho sách thuốc vẫn nghèo tênh !*
*Bèo trôi theo nước xui lòng đẹp,*
*Rượu rót chồng men giục chí hăng.*
*Khách lạ não-nề than mắt trắng (1)*
*Chuyện lòng cứng cỏi vạch mây xanh (2).*
*Gặp nhau quen biết đầy thiên-hạ,*
*Thanh khí giờ ra ngẫm có anh !*

Q

HẾT

(1) *Giữa lộ dù nghiêng* : Khổng-Tử sang nước Trịnh, đọc đường gặp Trình-Sanh, nghiêng dù mà nói chuyện suốt ngày, rất đỗi thân mật (*Khổng-Tử đạo ngộ Trình-Sanh, khuynh cái nhi ngữ*). Tình bè-bạn tương-thân, hiểu rõ lòng nhau.

(1) *Mắt trắng* : xem bài số 8, *Ngỏ cùng Phật Tổ* (điền mắt xanh).

(2) *Mây xanh* : do chữ *Thanh-vân chí* : ý chí lớn của bậc cao-sĩ.

# MỤC - LỤC


**Tựa** 9

Lời đầu sách 19

**Phần thứ nhứt : Tiểu sử Nguyễn-Quang-Diêu**

I.— Ngày xanh 27

II.— Gặp cụ Tú Thường 29

III.— Cụ Nguyễn với bước đầu của Phong-trào Đông-du miền Nam 32

IV.— Cụ Nguyễn với các tổ-chức cách-mạng 35

V.— Xuất-dương 38

VI.— Bị bắt tại Hồng-Kông và bị giải về Hà-Nội 43

VII.— Trong ngục Hà-Nội 47

VIII.— Bị đày sang Nam-Mỹ 51

IX.— Vượt ngục sang Trinidad 56

X.— Sang Tàu 60

XI.— Về nước 64

XII.— Dò qua lối cũ 68

XIII.— Sáng-tác tuyên-truyền-phẩm và bị lùng bắt ngặt-nghèo 73

XIV.— Lẩn tránh tại biên-thùy 79

XV — Lẻn về hoạt-động 83

XVI.— Dạy học tại Vĩnh-Hòa 86

XVII,— Hồn gởi vào thơ 89

XVIII.— Ngày tàn 95

**Phần thứ hai : Thi ca Nguyễn-Quang-Diêu**

*I.— Thất ngôn bát cú*

1.— Ngày Tết, thấy cờ cảm-tác 103

2.— Tết Tây trong đề-lao 103

3.— Xuân cảm 104

4.— Tết ta 105

5.— Tự-thuật ngày xuân 105

6.— Xuân tác 105

7 — Đưa ông Táo 106

8.— Ngỏ cùng Phật Táo 107

9 – Bị giam ở Mạc-xây cảm-tác 108
10.— Cảm-tác khi đi đày đến Cai-danh 109
11.— Trung-Thu trên đất Tàu 109
12.— Thu cảm 110
13.— Giã vợ đi làm cách-mạng 111
14.— Từ Cai-danh gởi cho vợ 112
15 – Em gởi chị 113
16.— Gặp bạn 114
17.— Thay bạn họa thơ 114
18.— Tặng biệt 115
19.— Từ-giã bạn 116
20.— Gặp bạn đồng tông đồng sư 116
21.— Tiếp được tin bạn 117
22.— Gởi Lê-Đức 118
23.— Gởi thăm bạn 118
24.— Gởi Vân-Phi 119
25.— Khóc cụ Nguyễn-Thần-Hiến 120
26.— Viếng Hoàng-Hoa-Cương 120
27.— Viếng mộ cụ Tây Hồ 121
28.— Tặng nữ-sĩ Trần-Kim-Phụng 122
29.— Điếu nữ-sĩ Nguyễn-Minh-Nghĩa 123
30.— Tặng Báo Sài-Thành 128
31.— Tặng báo Rạng Đông 129
32.— Tự-thuật nam-nhi 130
33.— Phạm-Lãi du Ngũ-Hồ 130
34.— Làm rẫy thất mùa 131
35.— Thầy dở đỡ láng diềng 131
36.— Thằng câm ăn ớt 132
37.— Lui về dạy học tự-thuật 133
38.— Nghèo mà vui đạo 133
39.— Sầu non nước 134
40.— Không nhà không nước 138
41.— Phận bèo 139
42.— Thương...Trách 139
43.— Không nhà 140

44.— Nương mình cửa Phật 141
45.— Cảm-kích về cuộc Hoa-Nhật chiến-tranh 141
46.— Kiên tâm chờ đợi 144
47 — Quên già 144
48.— Nắng trông mưa 145
49.— Cua gãy càng 145
50.— Mèo trèo cây vông 146
51.— Con muỗi 146
52.— Chó chết hết chuyện 147
53.— Cá nóc cắn 147
54.— Bắt chuột 148
55.— Từ rượu 148
56.— Rượu trả lời 149
57.— Trách rượu 150
58.— Dùng văn nhóm bạn 150
59.— Khuyên thanh-niên 151
60.— Đám cưới gặp đám ma 151
61.— Già sợ ma 152
62.— Khuyên con 152
63.— Con vâng lời 153
64.— Thầy giáo nấu bếp 153
65.— Học Tàu và học Tây 154
66.— Ngày rằm cúng Thánh 154
67.— Tạ trường 155
68.— Tết Thầy 156
69.— Nuôi Thầy 156
70.— Cồn Găng 157
71.— Mừng bạn sanh trai 158

**II.— Song thất lục bát**

72.— Hà-Thành lâm nạn 160
73.— Dự tiễn cụ Phan-bội-Châu 164
74.— Chiêu-hồn dân ruộng 166
75.— Vợ nhà nông khuyên chồng 172
76.— Chồng nhà nông khuyên vợ 174
77.— Khổng-Tử sử-lược 176

78.— Mạnh-tử sử-lược 178
79.— Buộc dây liên-ái 180
80.— Ngỏ cùng chư-sanh 181
81.— Đường-lang diễn ca 183
82.— Tự-do diễn ca 184
83.— Ngỏ cùng nữ-giới 185
84.— Ngỏ cùng báo Sài-Thành 188
85.— Gởi báo Thần-Chung 191
86.— Ngày xuân cảm tác 192

**III.— Văn tế và câu đối**

87.— Con tế cha 195
88.— Sui trai tế thân-mẫu sui gái 197
89.— Văn tế Tiên-sư 199
90.— Tế Đức Giáo-Tông Cao-Đài-Giáo 201
91.— Câu đối điếu vợ bạn 204
92.— Câu đối tự thuật 205
93.— Điếu Hòa-thượng Từ-Vân 205

**IV.— Mấy bài thơ Hán**

94.— Tự-thuật 208
95.— Khóc Tiên-sinh thi 209
96.— Tâm-sự 211
97.— Ngộ cố-tri 213
78.— Ký dữ Hứa-Nhơn-Thọ 214

**CHÍ-SĨ NGUYỄN-QUANG-DIÊU**
của NGUYỄN - VĂN - HẦU do nhà
XÂY DỰNG XUẤT BẢN và PHÁT HÀNH

IN XONG LẦN THỨ NHẤT
NGÀY 25 - 5 - 1964
NGOÀI NHỮNG BẢN THƯỜNG,
CÓ IN THÊM 50 QUYỂN GIẤY
TRẮNG TỐT ĐÁNH SỐ TỪ
XD - 1 ĐẾN XD - 50 VÀ 10
QUYỂN TRÊN GIẤY ĐẶC BIỆT
ĐÁNH DẤU TỪ AS/1-XD ĐẾN
AS/10-XD DÀNH RIÊNG CHO
TÁC GIẢ VÀ NHÀ XUẤT BẢN

*BẢN SỐ*

THƯ ẤM ẤN THƯ QUÁN 231, Phạm-Ngũ-Lão -- T:Đ. 25.861
Giấy phép kiểm duyệt số 255/H.Đ.K.D.T.U./P.I./XB

o «... Những cái dở, những cái lố-lăng và lố-bịch, đều được tác-giả nói đến, mổ xẻ và nếu cần, đề nghị cách sửa chữa. Những dụ hay hoặc dở, minh họa cho ý-kiến người viết được rõ-ràng hơn và giúp người đọc thích thú.

Đặc biệt, tác-giả nhấn mạnh hai điểm mà học-sinh — và cả một số nhà văn — khinh thường, đó là **cách chấm câu** và **chính tả**. Lòng tha -thiết của tác-giả đối với quốc-văn biểu lộ rõ rệt...»

Bùi-Thu-Trinh - **Bách-Khoa**
Số 100 ngày 1-3-61

o ...Sách viết công-phu, gọn ghẽ và đầy đủ, chẳng những có ích cho học-sinh mà cũng cần cho các bạn muốn bước vào nghề văn nghiệp báo...»

Hoàng-Viễn-Ngư
**Mai** số 14
Ngày 25-1-64

o «...Gần đây ông Nguyễn-Văn-Hou cho xuất bản cuốn « **Những lỗi thông thường trong thuật viết văn** » để nhắc học-sinh và những người tự học những qui-tắc căn-bản về cách diễn ý, đặt câu, dùng chữ, tránh những tật rườm, sáo, điệp... Sách ra rất hợp thời, nhận xét nhiều chỗ đúng, lời gọn và sáng, đáng được dùng trong các trường học, vì có thể sửa chữa được một phần nào cái tật viết cẩu-thả trong giới thanh-niên...»

Nguyễn-Hiến-Lê
**Bách-Khoa** số 113-114
Ngày 15-9-61 và 1-10-61

Giá 70$